

324.259 707 1

ĐC

CH 561 TR

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỊNH QUÁN LẦN THỨ X
(NHIỆM KỲ 2005 - 2010)

CỦA

CÁC BAN ĐẢNG - UBND - UBMTTQ VN
VÀ CÁC ĐOÀN THỂ HUYỆN

**ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI
HUYỆN ỦY ĐỊNH QUÁN**

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỊNH QUÁN LẦN THỨ X
(NHIỆM KỲ 2005 - 2010)**

CỦA

**CÁC BAN ĐẢNG - UBND - UBMTTQ VN
VÀ CÁC ĐOÀN THỂ HUYỆN**

**THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI**

2015/ĐC/VV

001049

Số 01- CTt/TGHU

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu
Đảng bộ huyện lần thứ X

I TÌNH HÌNH CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO NHIỆM KỲ
2000 -2005

1- Trong nhiệm kỳ 2000-2005, công tác giáo dục chính trị tư tưởng luôn được các cấp ủy xác định là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, và quan tâm chỉ đạo việc tổ chức học tập quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến cán bộ, đảng viên, và nhân dân. Số lượng cán bộ, đảng viên tham gia dự học đạt 95% trở lên. Việc học tập nghị quyết gắn với xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết cấp trên.

Việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng bộ; cán bộ, đảng viên và nhân dân được nghiên cứu 10 chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh theo tài liệu của Ban Tư tưởng-Văn hóa Trung ương.

Đã triển khai Thông báo 94 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa; giáo dục cán bộ, đảng

viên giữ nghiêm kỷ luật phát ngôn, bảo vệ bí mật của Đảng và tăng cường trách nhiệm của tổ chức Đảng trong việc giáo dục, quản lý cán bộ, đảng viên; ngăn chặn, phòng ngừa mọi biểu hiện vi phạm nguyên tắc tổ chức kỷ luật.

Đề án “Đảng bộ xã, thị trấn lãnh đạo công tác khoa giáo trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở tỉnh Đồng Nai” được triển khai thực hiện tại 14 xã, thị trấn. Đến nay, các cấp ủy xã, thị trấn có tờ tin phát hành đều hằng tháng đến tổ nhân dân. Các cơ quan đài truyền thanh, văn hóa thông tin huyện, xã, thị trấn được định hướng tuyên truyền, phổ biến chủ trương, nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, nâng cao chất lượng tin bài phản ánh thành tựu của địa phương trên các mặt; cổ vũ “người tốt, việc tốt”, đồng thời có tin bài tham gia đấu tranh thực hiện “bốn giảm” trong lĩnh vực phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội.

Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện được đầu tư về cơ sở vật chất; củng cố đội ngũ cán bộ giảng dạy, tổ chức các lớp bồi dưỡng cán bộ cơ sở theo kế hoạch, bảo đảm quy chế quản lý lớp học.

Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên giáo cấp huyện và cơ sở được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo, củng cố. Đến nay, các ban tuyên giáo cơ sở được bố trí đủ cơ cấu, bí thư đảng ủy xã, thị trấn làm trưởng ban, có phó ban chuyên trách và cấu tạo các thành viên là cán bộ chủ chốt ban ngành, đoàn thể. .

2- Tuy có chuyển biến, nhưng so với yêu cầu xây dựng Đảng của nhiệm kỳ 2000-2005, công tác tư tưởng của cấp ủy trong Đảng bộ huyện còn những hạn chế là:

Chất lượng triển khai và học tập nghị quyết của cán bộ, đảng viên còn hạn chế; sau học tập, chuyển biến tư tưởng, hành động chưa mạnh. Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa tích cực tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống, một số cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý kinh tế-xã hội, ảnh hưởng xấu đến uy tín lãnh đạo của Đảng bộ và sự điều hành của Nhà nước. Chương trình hành động của một số cấp ủy cơ sở chưa sát với tình hình địa phương, hiệu quả thực hiện chưa cao.

Việc tổ chức học tập nghị quyết của Đảng đến nhân dân chưa sâu rộng; nhiều cơ sở phổ biến chỉ đến cán bộ đoàn thể, cán bộ ấp, chưa truyền đạt tới hội viên, đoàn viên các đoàn thể.

Việc nắm tình hình tư tưởng, dư luận của cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa được quan tâm đúng mức. Sinh hoạt chi bộ chưa thực hiện nội dung đánh giá tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân tại địa phương, đơn vị. Ban Tuyên giáo từ huyện đến xã, thị trấn chưa có nội dung, phương pháp để nắm tình hình tư tưởng, dư luận của cán bộ, đảng viên và nhân dân một cách thường xuyên, kịp thời.

Những hạn chế, yếu kém nói trên về nguyên nhân chủ quan là do công tác tư tưởng chưa bám sát tình hình, nhiệm vụ chính trị của địa phương, bám sát đối tượng tuyên truyền; tính chiến đấu, tính thuyết phục chưa cao.

Đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên giáo tuy có nhiệt tình nhưng năng lực hạn chế. Chế độ chính sách đối với cán bộ tuyên giáo cơ sở chưa được quy định rõ ràng.

Một số đồng chí trong cấp ủy cơ sở chưa thường xuyên chỉ đạo chặt chẽ công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO TRONG NHIỆM KỲ 2005 - 2010

Quán triệt phương hướng, nhiệm vụ đề ra trong nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc và Đại hội VIII Đảng bộ tỉnh, Đại hội X Đảng bộ huyện, chương trình hành động của Ban Tuyên giáo Huyện ủy trong nhiệm kỳ 2005-2010 tập trung thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ như sau:

Phương hướng, mục tiêu trong 5 năm tới là:

1- Ban Tuyên giáo các cấp phải nắm chắc chức năng tham mưu cho cấp ủy, nắm tình hình tư tưởng, nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong địa phương, đơn vị để dự báo, đề xuất, tham mưu cho cấp ủy những chủ trương, nhiệm vụ trên lĩnh vực tư tưởng-văn hóa.

2- Nâng cao chất lượng công tác truyền đạt, học tập Nghị quyết của Đảng. Ban Tuyên giáo của cấp ủy các cấp phải bám sát phương hướng mục tiêu của Nghị quyết Đại hội, tổ chức quán triệt, tăng cường sự đoàn kết thống nhất tư tưởng và hành động trong tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên và sự đồng thuận trong nhân dân. Công tác học tập, quán triệt nghị quyết cần đạt yêu cầu về chiều rộng, nhưng phải coi trọng hiệu quả, phải thông qua tác động tư tưởng, nhận thức để làm chuyển biến hành động phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững sự ổn định chính trị-trật tự an toàn xã

hội, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân.

3- Phải quan tâm giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng, thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước; chấp hành những điều đảng viên không được làm; các quy định về thực hành tiết kiệm, phòng chống lãng phí, phòng chống tham nhũng; đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa.

4- Ban Tuyên giáo tham mưu cho cấp ủy xây dựng và chỉ đạo thực hiện các nội dung và hình thức hoạt động thiết thực nhằm giáo dục truyền thống cách mạng nhân những ngày lễ lớn, ngày kỷ niệm của đất nước, địa phương, đơn vị.

5- Đẩy mạnh việc tuyên truyền thực hiện công tác khoa giáo theo Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng, coi việc phát triển kinh tế-xã hội là nền tảng vật chất của đời sống xã hội; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; chăm lo phát triển nguồn lực con người là động lực và mục tiêu của sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Những nhiệm vụ cụ thể của công tác tuyên giáo:

1- Tiếp tục đổi mới theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tổ chức quán triệt Nghị quyết của Đảng, trước hết là quán triệt sâu rộng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, huyện, các nghị quyết của Trung ương (khóa X), nghị quyết của Tỉnh ủy và Huyện ủy đến cán bộ, đảng viên và nhân dân theo chỉ đạo

của cấp ủy. Kết quả học tập nghị quyết phải nâng cao nhận thức và kiên định tư tưởng theo đường lối của Đảng trong cán bộ, đảng viên, công chức và nhân dân.

Nghiên cứu học tập nghị quyết phải gắn với xây dựng và thực hiện chương trình hành động cụ thể của cấp ủy địa phương, đơn vị, đề ra được những nhiệm vụ thiết thực, giải pháp sát với tình hình của cơ sở; quá trình tổ chức thực hiện phải kiểm tra sâu sát, tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm kịp thời.

Cấp ủy cơ sở phải quản lý và động viên cán bộ, đảng viên học tập, nâng cao trình độ lý luận chính trị, hiểu biết đường lối của Đảng, pháp luật Nhà nước; chấp hành nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng; nói và làm theo nghị quyết của Đảng.

Ban Tuyên giáo Huyện ủy phối hợp với Ban Tổ chức Huyện ủy có chương trình kiểm tra, hướng dẫn các tổ chức cơ sở đảng bảo đảm nội dung, chất lượng sinh hoạt chi bộ định kỳ vào ngày 3 hằng tháng, quản lý và giáo dục cán bộ, đảng viên học tập lý luận chính trị, rèn luyện đạo đức, lối sống, nâng cao chất lượng đảng viên đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ hiện nay.

2- Tổ chức thực hiện Chỉ thị 06-CT/TW ngày 07/11/2006 của Bộ Chính trị (khóa X) về cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” sâu rộng, thiết thực, hiệu quả trong cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Gắn cuộc vận động với việc động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ra sức thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội đề ra, đẩy mạnh việc thực hiện tiết

kiệm, chống lãng phí, tham nhũng, xây dựng đoàn kết thống nhất tư tưởng và hành động trong tổ chức cơ sở đảng.

Cấp ủy cơ sở phải kiểm tra, quản lý, giám sát cán bộ, đảng viên về sinh hoạt, công tác và quá trình tự học tập, rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất, đạo đức cách mạng.

3- Ban Tuyên giáo phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, các cơ quan chức năng tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn, lật đổ và các âm mưu chống phá cách mạng, gây mất ổn định chính trị-xã hội; xuyên tạc, bôi nhọ Đảng, Nhà nước. Công tác tư tưởng phải kịp thời, chủ động và sắc bén hơn trong lĩnh vực tư tưởng-văn hóa, đấu tranh có hiệu quả chống lại các hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch. Phối hợp các ngành chức năng nâng cao hiệu quả công tác quản lý phim ảnh, sách báo, các điểm internet công cộng; ngăn chặn các thế lực thù địch tán phát vào trong nước và địa phương những bài viết có nội dung chống Đảng, chống Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức, đoàn viên, hội viên ngăn chặn, thu hồi và giao nộp cơ quan có thẩm quyền các tài liệu có nội dung xấu; góp phần củng cố niềm tin vào Đảng, Nhà nước và sự nghiệp đổi mới của đất nước theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.

4- Ban Tuyên giáo Huyện ủy tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện ủy về công tác xây dựng mạng lưới cộng tác viên cơ sở nhằm kịp thời thu thập tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên và dư luận xã hội, làm cơ sở để đề ra những chủ trương,

biện pháp ổn định chính trị-tư tưởng, giải quyết các vấn đề bức xúc trong nhân dân, tăng cường sự thống nhất trong Đảng và hệ thống chính trị, sự đồng thuận trong nhân dân.

Ban Tuyên giáo phối hợp với Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện tổ chức định kỳ các hội nghị báo cáo viên cơ sở, vừa cung cấp kịp thời những thông tin, tài liệu tuyên truyền chính trị, tư tưởng, tình hình thời sự trong nước và quốc tế; đồng thời tăng cường công tác nắm tình hình tư tưởng, tâm tư nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân tại cơ sở.

Ban Tuyên giáo Huyện ủy định kỳ tổ chức giao ban, nắm tình hình công tác tư tưởng, văn hóa-thông tin, truyền thanh và định hướng nội dung thông tin-tuyên truyền và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động truyền thanh, văn hóa-văn nghệ.

5- Ban Tuyên giáo Huyện ủy tham mưu giúp Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo sơ kết công tác “Đảng bộ xã, thị trấn lãnh đạo công tác khoa giáo trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở tỉnh Đồng Nai” nhằm rút kinh nghiệm, tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả mô hình Đảng bộ xã, thị trấn lãnh đạo công tác khoa giáo.

Tiếp tục chỉ đạo củng cố công tác biên tập tờ tin của cấp ủy xã, thị trấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, bổ sung quy chế quản lý, nâng cao chất lượng tin bài và hình thức in ấn, tổ chức tốt việc phát hành và sinh hoạt tờ tin tại tổ nhân dân.

6- Tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện ủy kiểm tra và tiếp tục đẩy mạnh công tác tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), Kết luận của Hội nghị Trung ương

10 (khóa IX) về “xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”. Phối hợp với các ban ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở địa bàn xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn huyện theo mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đề ra đến năm 2010. Phối hợp các ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể tiếp tục thực hiện những biện pháp xây dựng con người mới theo 5 chuẩn mực đề ra trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII); đẩy mạnh các hoạt động biểu dương “người tốt, việc tốt” trong các lĩnh vực hoạt động xã hội và các địa phương, đơn vị.

7- Ban Tuyên giáo Huyện ủy phối hợp Phòng Giáo dục-đào tạo bồi dưỡng lý luận chính trị cho giáo viên; tăng cường phổ biến kiến thức pháp luật và rèn luyện đạo đức, lối sống trong học sinh các cấp. Tăng cường công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng và tổ chức đoàn thể trong trường học, tuyên truyền, quán triệt và thực hiện những biện pháp nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường; khắc phục tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục. Tăng cường công tác xây dựng Đảng, đoàn thể trong trường học, bồi dưỡng chính trị, đạo đức, lối sống và những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, nâng cao lòng yêu nước, lòng tin vào chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới của đất nước.

8- Ban Tuyên giáo phối hợp với ngành y tế huyện tổ chức quán triệt và thực hiện những chủ trương của Đảng, Nhà nước về lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Phối hợp tuyên truyền chủ trương thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân vào năm 2010; xây dựng đạo đức trong sáng và tinh thần trách nhiệm

của cán bộ ngành y tế đối với người bệnh; chăm lo công tác xây dựng tổ chức Đảng, đoàn thể trong các cơ quan, đơn vị y tế.

Phối hợp tuyên truyền, tuyên truyền sâu rộng Pháp lệnh dân số-kế hoạch hóa gia đình và vận động toàn dân thực hiện biện pháp giảm tỷ lệ tăng dân số theo mục tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra vào năm 2010. Ban Tuyên giáo phối hợp với cơ quan y tế và các đoàn thể nhằm triển khai thực hiện Chỉ thị 54-CT/TW của Ban Bí thư về công tác phòng chống HIV/AIDS.

9- Ban Tuyên giáo phối hợp với cơ quan chức năng của UBND huyện và các đoàn thể nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về công tác bảo vệ tài nguyên-môi trường. Phối hợp các lực lượng làm công tác thông tin tuyên truyền, sử dụng các hình thức truyền thanh, tờ tin, phát hành tài liệu thông tin khoa học-công nghệ nhằm đẩy mạnh việc phổ biến những chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước về bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên-môi trường, nhất là quản lý, sử dụng đất đai, bảo vệ và phát triển rừng, khai thác nước ngầm, sông, suối, khai thác đá, cát...phải theo đúng quy định của luật pháp. Lồng ghép công tác tuyên truyền, vận động ý thức gìn giữ vệ sinh môi trường, xử lý rác thải trong nhân dân qua các sinh hoạt tổ dân cư, sinh hoạt đoàn thể.

10- Đổi mới hình thức, cách thức tổ chức học tập, quán triệt các nghị quyết của Đảng. Từng bước trang bị, đưa công nghệ thông tin vào công tác học tập nghị quyết, hội nghị sơ, tổng

kết các nghị quyết và khai thác tốt các phương tiện, thiết bị phục vụ sinh hoạt trực tuyến giữa tỉnh và huyện. Tiếp tục bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng. Tăng cường hình thức trao đổi, đối thoại, lắng nghe ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân ở cơ sở, góp phần thực hiện quy chế dân chủ tại địa bàn cơ sở.

Tiếp tục quy hoạch và đào tạo cán bộ làm công tác tuyên giáo và tuyên huấn của cấp ủy cơ sở; bổ sung thêm đồng chí trẻ tuổi để đào tạo nâng cao; ít nhất phải qua lớp trung cấp lý luận chính trị Mác-Lênin.

Phối hợp Ban Dân vận Huyện ủy có kế hoạch bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể cơ sở nhằm đưa nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước đến đoàn viên, hội viên.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Căn cứ chương trình hành động này, và Nghị quyết hằng năm của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, Ban Tuyên giáo Huyện ủy xây dựng chương trình công tác hằng năm và tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

2- Ban Tuyên giáo Huyện ủy định kỳ tổ chức họp báo cáo viên của huyện để quán triệt mục tiêu nhiệm vụ, kế hoạch công tác chính trị tư tưởng của Huyện ủy, kiểm điểm đánh giá rút kinh nghiệm, nâng cao chất lượng, hiệu quả của đội ngũ báo cáo viên.

3- Căn cứ Hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, tham mưu với Ban Thường vụ Huyện ủy về kế hoạch đầu tư nhằm

đưa công nghệ thông tin vào công tác chính trị tư tưởng, truyền đạt Nghị quyết của Đảng tới đảng viên và các hội nghị sơ kết, tổng kết nghị quyết của Đảng.

4- Ban Tuyên giáo Huyện ủy phối hợp với Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện thực hiện kế hoạch bồi dưỡng cán bộ cơ sở hằng năm và thực hiện biện pháp nâng cao chất lượng học tập của các lớp bồi dưỡng.

5- Ban Tuyên giáo Huyện ủy hướng dẫn Ban Tuyên giáo xã, thị trấn và cán bộ phụ trách tuyên huấn cấp ủy cơ sở, xây dựng chương trình công tác hằng năm của cơ sở để phối hợp thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

TRƯỞNG BAN
(Đã ký)
Nguyễn Nghiêm

Số 02 - CTr/TCHU

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
thực hiện Nghị quyết ĐHĐB Đảng bộ huyện
lần thứ X (nhiệm kỳ 2005 - 2010)
về công tác tổ chức xây dựng Đảng

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X (nhiệm kỳ 2005 - 2010) và chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2006 - 2010) của BTC-TU, BTC-HU xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X (nhiệm kỳ 2005 - 2010) về công tác tổ chức xây dựng Đảng ở đảng bộ huyện như sau:

PHẦN THỨ NHẤT:

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC TCXDĐ
Ở ĐẢNG BỘ HUYỆN TỪ 2000 - 2005:

I/- Những thành tựu và hạn chế trong tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHĐB Đảng bộ huyện lần thứ IX (NK 2000 - 2005) về công tác TCXDĐ:

1/- Những kết quả đạt được:

- Trên cơ sở tổng kết công tác tổ chức cán bộ theo NQTW3 (khóa VII), NQTW3, NQTW7 (khóa VIII), các cấp ủy từ huyện đến cơ sở đã tập trung triển khai xây dựng chương trình hành động thực hiện các nghị quyết, kết luận của Hội nghị lần thứ 4, 5, 6 BCH-TW (khóa IX) và các nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo NQTW6 (lần 2) khóa VIII. Kết quả công tác kiện toàn tổ chức, bộ máy cấp huyện, cấp cơ sở đã được tăng cường, số TCCSĐ đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh tăng, công tác phát triển đảng hoàn thành chỉ tiêu đại hội đề ra. Trong nhiệm kỳ 2000 - 2005 không có TCCSĐ yếu kém.

- Công tác đánh giá quy hoạch, đào tạo, bố trí, sử dụng cán bộ đã được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo và xác định là một nội dung quan trọng trong công tác cán bộ. Việc kiểm điểm tự phê bình, phê bình, ĐGCL đảng viên, quy hoạch cán bộ được thực hiện đúng quy định hướng dẫn của BTC cấp ủy cấp trên. Phần lớn đội ngũ cán bộ của huyện đều được phân công phù hợp trình độ, năng lực, được bố trí, đề bạt, bổ nhiệm theo quy hoạch. Số cán bộ nằm trong diện luân chuyển đã có nhiều phấn đấu nỗ lực để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được chú trọng, kiên quyết đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, lệch lạc về chính trị, tư tưởng đi ngược sự lãnh đạo theo nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng. Qua thực hiện những nội dung cụ thể về giải quyết đơn thư liên quan rà soát chất lượng chính trị phục vụ công tác phát triển đảng, cơ cấu cấp ủy, đánh giá chất lượng cán bộ, đảng viên và Quy định số 75-QĐ/TW đã góp phần nâng cao trách nhiệm chính trị, tinh thần cảnh giác cách

mạng, bảo vệ cán bộ, bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng theo nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ.

- Hầu hết cấp ủy, tổ chức đảng đều xây dựng được quy chế hoạt động ổn định, phù hợp thực tiễn nhiệm kỳ. Nội dung phương thức lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng từng bước được đổi mới, xác định được trách nhiệm, quyền hạn lãnh đạo và ranh giới phân công phối hợp giữa các tổ chức thành viên. Sau khi thực hiện NQTW5 (khóa IX), nhiều cấp ủy đã khắc phục có hiệu quả hiện tượng bao biện, làm thay; có kế hoạch phân công trách nhiệm tập thể, trách nhiệm cá nhân theo chương trình công tác; thực hiện tốt nền nếp giao ban, chế độ kiểm tra, báo cáo, thông tin giữa cấp trên và cấp dưới, giữa cấp ủy và cán bộ, đảng viên theo quy định, quy chế.

2/- Những hạn chế tồn tại:

- Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí ở một số cơ quan, đơn vị còn chưa đạt yêu cầu đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH trên địa bàn, có cơ sở chưa quy định rõ chế độ trách nhiệm giữa tập thể và cá nhân để giải quyết tốt những bức xúc phát sinh qua thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Một bộ phận cán bộ, đảng viên còn thiếu tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, vi phạm pháp luật làm ảnh hưởng uy tín của Đảng và sự điều hành của Nhà nước.

THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

- Công tác tổ chức cán bộ vẫn còn một số bất cập giữa quy hoạch và đào tạo, giữa số lượng, chất lượng cán bộ và chức năng nhiệm vụ của tổ chức bộ máy. Đào tạo cán bộ nói chung

còn nặng việc chuẩn hóa chức danh, có nơi chưa gắn với quy hoạch, giáo dục, rèn luyện và bố trí sử dụng cán bộ; có đơn vị còn tình trạng vừa thừa vừa thiếu cán bộ; tuổi bình quân cán bộ thuộc diện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở còn cao; tỷ lệ cán bộ dự bị là nữ, dân tộc ít người, cán bộ xuất thân từ công nhân, gia đình có công cách mạng chưa nhiều; công tác phát triển đảng ở địa bàn dân cư trong cộng đồng dân tộc thiểu số, người Hoa, người có đạo còn thấp so với yêu cầu nhiệm vụ chính trị của đảng bộ huyện.

- Công tác kiểm tra kết quả thực hiện nghị quyết, thực hiện quy chế quản lý cán bộ gắn công tác tổ chức cán bộ và BVCTNB ở một số cấp ủy, tổ chức đảng và phòng, ban, ngành cấp huyện có mặt còn chưa chặt, chưa sâu, chưa tạo được chuyển biến mới về lề lối làm việc, nâng cao chất lượng, nội dung sinh hoạt cấp ủy, chi bộ; chưa dành nhiều thời gian để thảo luận các vấn đề trọng tâm công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo... để tiếp tục tổ chức thực hiện đầy đủ chế độ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong tham gia xây dựng và thực hiện nghị quyết của cấp ủy, tổ chức đảng.

II/- Những bài học kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHĐB Đảng bộ huyện lần thứ IX (NK 2000 - 2005) về công tác TCXDĐ:

1- Quán triệt sâu rộng các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chăm lo xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, phổ biến gương người tốt việc tốt đến tận cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân, chú trọng đề cao trách nhiệm tập thể lãnh đạo và

trách nhiệm cán bộ đứng đầu trong cụ thể hóa việc thực hiện nghị quyết, nhất là chỉ thị, nghị quyết về công tác tổ chức xây dựng Đảng; tạo điều kiện để đoàn thể và quần chúng tham gia xây dựng nghị quyết, có cơ chế để tổ chức và quần chúng tham gia quản lý và giám sát cán bộ, góp phần phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, tạo sự chuyển biến về nhận thức, thống nhất ý chí và hành động trong tham gia xây dựng, tổ chức thực hiện nghị quyết.

2- Làm tốt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo NQTW6 (lần 2) khóa VIII và Kết luận Hội nghị TW4 (khóa IX) để không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu trong từng cấp ủy, tổ chức đảng, xây dựng khối đoàn kết thực sự trong Đảng và hệ thống chính trị, nâng cao nhận thức cán bộ, đảng viên về quan điểm lập trường giai cấp công nhân, chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền CNXH. Chú trọng phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên. Mở rộng sự tham gia của các đoàn thể trong xây dựng Đảng và giải quyết các bức xúc về kinh tế - xã hội, trong thực hiện sự nghiệp CNH, HĐH trên địa bàn huyện.

3- Cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên là cán bộ chủ chốt phải nắm vững các quy định của Đảng, Nhà nước để lãnh đạo toàn diện công tác cán bộ thực hiện đúng quy trình đánh giá cán bộ để làm cơ sở cho công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí, sử dụng cán bộ. Thực hiện có nền nếp các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình, phê bình trong lãnh đạo xây dựng, thực hiện và xử lý tốt các mối quan hệ trong công tác tổ chức cán bộ. Định

kỳ có kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện công tác tổ chức xây dựng Đảng, kịp thời chỉ đạo những vấn đề trọng tâm về quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển cán bộ; tạo môi trường và điều kiện để cán bộ trẻ, có triển vọng sớm được thử thách và trưởng thành qua thực tiễn.

4- Công tác kiểm tra, kết nạp đảng phải gắn chặt yêu cầu củng cố kiện toàn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị, có sự quan tâm lãnh đạo thường xuyên của cấp ủy, sự hướng dẫn nghiệp vụ của chức năng tham mưu và đặt ra trong trách nhiệm không chỉ có sự phát hiện những đoàn viên, hội viên nòng cốt, tiêu biểu mà phải có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao nhận thức giác ngộ chính trị cụ thể của từng cá nhân phù hợp với cơ cấu phát triển theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị và đặc điểm tình hình của từng địa phương, đơn vị.

PHẦN THỨ HAI:

MỤC TIÊU, YÊU CẦU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CÔNG TÁC TCXĐĐ NHIỆM KỲ 2005 - 2010

I/- Mục tiêu, yêu cầu:

1/- Mục tiêu:

1.1/- Mục tiêu chung:

Tiếp tục nâng cao năng lực cụ thể hóa nghị quyết, thực hiện phương châm nói, viết và làm theo nghị quyết của Đảng, phấn đấu thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu nhiệm vụ công tác TCXĐĐ theo Nghị quyết ĐHĐB Đảng bộ huyện.

1.2/- Mục tiêu cụ thể:

- Nắm vững yêu cầu nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ tổ chức trong thực hiện các quy định, quy chế của Đảng và Nhà nước về củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng hệ thống chính trị cấp huyện, cấp cơ sở vững mạnh, góp phần xây dựng Định Quán thành huyện văn minh, giàu đẹp.

- Tập trung đổi mới nội dung, phương thức hoạt động trong công tác tổ chức xây dựng Đảng, nâng cao chất lượng tham mưu công tác tổ chức cán bộ góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các TCCSĐ trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của BCH Đảng bộ huyện.

- Đẩy mạnh công tác quy hoạch, đào tạo và đào tạo lại cán bộ để có nguồn cán bộ đủ tiêu chuẩn bổ sung cho các chức danh cán bộ hệ thống chính trị từ 20 - 25% cán bộ Đảng, Nhà nước, đoàn thể sau mỗi nhiệm kỳ.

2/- Các chỉ tiêu:

- Phấn đấu hàng năm có trên 95% TCCSĐ và trên 97% đảng viên hoàn thành và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Phấn đấu hàng năm tỷ lệ đảng viên được kết nạp đạt từ 7 - 8% so tổng số đảng viên có mặt đầu năm.

- Phấn đấu đến năm 2010, 100% các ấp đều có chi bộ đảng, 100% trường học, trạm y tế có chi bộ nhỏ, tổ đảng hoặc đảng viên là người tại chỗ.

- 100% cấp ủy viên, đảng viên được phân công công tác phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện, sức khỏe (trừ đảng viên

miễn công tác, miễn sinh hoạt) và hàng năm đều được cấp ủy, chi bộ kiểm tra bằng nhiều hình thức.

- 100% cán bộ chủ chốt đương nhiệm, 80% cán bộ dự nguồn quy hoạch đều được kê khai tài sản và được rà soát về hồ sơ cán bộ.

- 100% TCCSĐ, làm tốt công tác quy hoạch cán bộ theo hướng dẫn và xây dựng được kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch.

3/- Yêu cầu:

- Xây dựng tổ chức Đảng phải gắn kết chặt chẽ yêu cầu củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị; đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng ở tất cả các loại hình cơ sở theo hướng đồng bộ, hiệu quả, phục vụ tốt nhất cho yêu cầu phát triển kinh tế và không ngừng phát triển văn hóa, giữ vững bản sắc truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.

- Thực hiện đúng nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ. Tổ chức tốt công tác đánh giá cán bộ để xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý 2 cấp huyện, xã thực sự vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, trong sạch về lối sống, có tri thức và năng lực hoạt động thực tiễn, được nhân dân tín nhiệm. Chú ý quy hoạch phát triển nguồn cán bộ trẻ, có triển vọng, cán bộ nữ, cán bộ các dân tộc thiểu số và đẩy mạnh đào tạo cán bộ đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa chức danh, đào tạo gắn với quy hoạch và sử dụng cán bộ.

- Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng. Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện theo quy định về chức năng, nhiệm vụ loại hình TCCSD, thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí một cách có hiệu quả.

- Tăng cường kiểm tra kết quả thực hiện các quy định, quy chế về quản lý, giáo dục, rèn luyện, phân công công tác cho đảng viên; tạo điều kiện để đảng viên phát huy vai trò tiên phong gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ đảng viên, thực hiện nhiệm vụ cấp ủy giao và làm tốt công tác bồi dưỡng, phát triển trung kiên, phát triển đảng viên mới. Chú ý kết nạp đảng viên trẻ, có trình độ, kiến thức, đảng viên là người tại chỗ ở các vùng sâu, vùng xa, công nhân lao động trong doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Thường xuyên kiểm tra, thực hiện quy định đảng viên đang công tác giữ mối liên hệ với cấp ủy và thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú; thực hiện nghiêm chủ trương tiết kiệm chống lãng phí và quy định về những điều đảng viên không được làm.

II/- Những nhiệm vụ:

1/- Công tác tổ chức:

- Trực tiếp tham mưu:

+ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành và phân công Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa X (nhiệm kỳ 2005 - 2010).

+ Quy định trách nhiệm Ủy viên BCH Đảng bộ huyện khóa X trong xây dựng, tổ chức thực hiện nghị quyết, thực hiện tự

phê bình, phê bình và sơ kết năm 2007, tổng kết năm 2009 theo Quyết định số 225-QĐ/HU của BTV-HU:

- + Kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan khối Đảng, khối Vận, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện.

- + Kiện toàn Ban quản lý đề án xây dựng cơ sở dữ liệu về đảng viên (11/2005) và Tiểu ban quy hoạch cán bộ cấp huyện (2006).

- + Tổng kết công tác TCXDĐ hàng năm từ 2005 - 2010.

- + Kiện toàn và kết thúc hoạt động Ban chỉ đạo TW62 (tháng 10/2006).

- Phối hợp Phòng Nội vụ - LĐTB&XH huyện tham mưu: .

- + Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cấp huyện, cấp cơ sở theo NQTW7 (khóa VIII), Nghị định 121, 114/CP và chỉ đạo của Bộ Nội vụ.

- + Thành lập các tổ chức chỉ đạo bầu cử Quốc hội khóa X năm 2007 và bầu cử HĐND 3 cấp nhiệm kỳ 2009 - 2014.

- Phối hợp các ban Đảng:

- + Tham mưu bổ sung quy chế làm việc BCH khóa X; quy định trách nhiệm của HUV khóa X trong nắm tình hình, tiếp xúc, trả lời chất vấn của cán bộ, đảng viên tại cơ sở; quy định chế độ công tác của các đ/c Ủy viên TVHU khóa X được phân công phụ trách xã, thị trấn và sơ kết năm 2007, tổng kết năm 2009 các Quyết định số 223, 224-QĐ/HU của BTV-HU.

- + Tham mưu BTV-HU và Thường trực Huyện ủy chỉ đạo kiện toàn BCH các đoàn thể qua đại hội hết nhiệm kỳ: Phụ nữ

(2006), Đoàn TNCS.HCM, Cựu chiến binh, Nông dân (2007), Liên đoàn lao động (2008), Chữ thập đỏ (2010).

+ Tham mưu kiểm tra kết quả xây dựng, thực hiện quy chế làm việc và ngày sinh hoạt đảng định kỳ của các cấp ủy, TCCSĐ trực thuộc huyện và phối hợp kiểm tra chỉ đạo nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ theo hướng dẫn của BTC-TW và BTC-TU.

+ Tham mưu BCH, BTV-HU chỉ đạo Đại hội Đảng cấp cơ sở, cấp huyện nhiệm kỳ 2010 - 2015.

+ Sơ kết theo định kỳ việc thực hiện các quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ loại hình các TCCSĐ theo hướng dẫn của BTC-TU.

+ Sơ kết, tổng kết đánh giá chất lượng TCCSĐ, đảng viên hàng năm từ 2005 - 2009 và 5 năm vào năm 2009.

+ Sơ kết thực hiện Điều lệ Đảng khóa X năm 2008

2/- Công tác cán bộ:

- Triển khai thực hiện kê khai tài sản cán bộ công chức theo Thông tri số 08-TT/TU của BTV-TU và Hướng dẫn số 08-HD/TCTU của BTC-TU (tháng 4/2006).

- Hướng dẫn công tác quy hoạch cán bộ cấp cơ sở và tham mưu xây dựng nguồn quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt theo kế hoạch của BTV-TU và hướng dẫn của BTC-TU (2006).

- Phối hợp Phòng Nội vụ tham mưu xây dựng, thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ theo tiêu chuẩn chức danh cán bộ và theo quy hoạch cán bộ gắn việc giải quyết

chính sách cán bộ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (2006 - 2010).

- Triển khai thực hiện quy trình đánh giá cán bộ theo hướng dẫn của BTC-TU và phối hợp các ban Đảng tổ chức rà soát đánh giá chất lượng TCCSĐ, đánh giá chất lượng cán bộ, đảng viên hàng năm và hết nhiệm kỳ theo chỉ đạo của BTV-TU, BTC-TU và quy định của BTV-HU, trong đó có đánh giá cán bộ nằm trong danh sách luân chuyển cán bộ và bổ sung kế hoạch luân chuyển cán bộ theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị của BCH Đảng bộ huyện.

- Phối hợp các ban Đảng, Phòng Nội vụ - LĐTB&XH huyện tham mưu nhân sự bầu cử HĐND - UBND cấp huyện, cấp cơ sở nhiệm kỳ 2009 - 2014 vào năm 2009 và nhân sự Đại hội Đảng cấp cơ sở, cấp huyện nhiệm kỳ 2010- 2015 vào năm 2010.

- Tham mưu bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ huyện, xã sau bầu cử HĐND.- UBND vào năm 2009 và các chức danh sau Đại hội Đảng gắn phân công công tác các đ/c UV.BCH Đảng bộ huyện khóa XI (NK 2010 - 2015) vào năm 2010.

- Tham mưu chọn cử cán bộ có đủ tiêu chuẩn hệ Đảng, đoàn thể tham gia thi tuyển cán sự, chuyên viên và thi nâng ngạch chuyên viên chính theo kế hoạch chỉ đạo của BTC-TU.

- Bổ sung kế hoạch luân chuyển cán bộ (2007); Sơ kết công tác quy hoạch cán bộ giai đoạn 2005 - 2010 vào năm 2008 và sơ kết công tác luân chuyển cán bộ theo Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị giai đoạn 2005 - 2008 vào năm 2008.

- Tiếp tục triển khai thực hiện bổ sung lý lịch đảng viên hàng năm, xử lý tốt mối quan hệ về quản lý cơ sở dữ liệu đảng viên theo Quy định số 02-QĐ/TCTW của BTC-TW và Hướng dẫn số 10-HD/TCTU của BTC-TU (từ 2006 - 2010), tổng kết năm 2010.

3/- Chính sách cán bộ:

- Tiếp tục rà soát, kịp thời tham mưu giải quyết tốt các khiếu nại về quyền lợi tuổi Đảng và đảng tịch của đảng viên.

- Xem xét, đề nghị giải quyết kịp thời các trường hợp có đủ tiêu chuẩn được tặng Huy hiệu Đảng cho đảng viên.

- Tham mưu BTV-HU và Thường trực Huyện ủy thực hiện chính sách thăm hỏi, tổ chức nghỉ dưỡng và khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ thuộc diện BTV-TU và BTV-HU quản lý.

- Chủ động kiểm tra, nắm bắt tình hình, kịp thời tham mưu điều chỉnh ngạch lương, giải quyết chế độ nâng lương và các chế độ nghỉ hưu, mất sức, nghỉ việc cho cán bộ hệ đảng, đoàn thể cấp huyện, cấp cơ sở.

- Phối hợp Phòng Nội vụ - LĐTB&XH huyện tham mưu danh sách các đoàn tham quan học tập kinh nghiệm hàng năm theo chỉ đạo của BTV-HU.

- Triển khai thực hiện quy định của BTV-TU về chính sách đào tạo, thu hút cán bộ hướng về cơ sở.

4/- Công tác cơ sở:

- Hướng dẫn chia tách, thành lập mới, giới thiệu chuyển sinh hoạt đảng theo quy định cụ thể thi hành Điều lệ Đảng của

Bộ Chính trị khóa X ở các TCCSĐ và các chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở khi có đủ điều kiện.

- Triển khai, thực hiện hướng dẫn cụ thể nội dung, hình thức sinh hoạt đảng của BTC-TU cho từng loại hình TCCSĐ theo Hướng dẫn số 57-HD/ TCTW của BTC-TW về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.

- Triển khai và theo dõi việc thực hiện các quy định, hướng dẫn của Bộ Chính trị và BTC-TW về cụ thể thi hành Điều lệ Đảng khóa X ở lĩnh vực xây dựng Đảng về tổ chức đến từng TCCSĐ trực thuộc đảng bộ huyện.

- Tiếp tục triển khai, thực hiện và định kỳ sơ kết đánh giá chất lượng TCCSĐ và đảng viên hàng năm theo hướng dẫn của BTC-TW và BTC-TU.

- Tiếp tục triển khai, thực hiện và định kỳ sơ kết việc thực hiện Chỉ thị 07-CT/TW của Bộ Chính trị về công tác xây dựng Đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Tiếp tục triển khai thực hiện và định kỳ sơ kết thực hiện Quy định số 76-QĐ/TW của Bộ Chính trị về đảng viên đang công tác về giữ mối liên hệ và thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú.

- Phối hợp Phòng Nội vụ tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện các nội dung đã được xác định trong CTHĐ thực hiện NQTW5 (khóa IX) của BCH Đảng bộ huyện về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, thị trấn, đồng thời định kỳ tổ chức sơ kết theo hướng dẫn của BTC-TU.

- Phối hợp các ban đảng, Trung tâm BDCT huyện mở lớp bồi dưỡng cấp ủy viên cơ sở .

- Triển khai thực hiện các đề tài của BTC-TU về *"Nâng cao năng lực lãnh đạo của TCCSĐ vùng có đông đồng bào có đạo"* và tiếp tục *"đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy cơ sở xã, phường, thị trấn"*.

- Tham mưu BTV-HU chỉ đạo cấp ủy, TCCSĐ trực thuộc lãnh đạo công tác bầu cử Quốc hội khóa XII vào năm 2007 và lãnh đạo hướng dẫn công tác bầu cử HĐND 3 cấp (nhiệm kỳ 2009 - 2014) vào năm 2009.

- Phối hợp các ban đảng hướng dẫn ĐHĐ cấp cơ sở và tham gia xây dựng nội dung, nhân sự ĐHĐ cấp huyện nhiệm kỳ 2010 - 2015 vào năm 2010.

- Phối hợp các ban đảng hướng dẫn việc xây dựng và bổ sung quy chế làm việc của cấp ủy, TCCSĐ sau đại hội hết nhiệm kỳ năm 2010.

5/- Công tác đảng viên:

- Tham mưu tổng kết công tác đổi thẻ đảng viên theo Chỉ thị số 29-CT/TW của Ban Bí thư (năm 2005) và triển khai thực hiện kiểm tra kỹ thuật thẻ đảng viên lần thứ nhất (năm 2006).

- Tham mưu tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 44-CT/TW của Ban Bí thư về kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh nhân kỷ niệm 115 năm ngày sinh của Người (năm 2006).

- Tham mưu sơ kết việc thực hiện Quy định số 123-QĐ/TW của Bộ Chính trị, Quy định số 127-QĐ/TW và Thông tri số 06-TT/TW của Ban Bí thư (năm 2006).

- Tham mưu tổng kết 20 năm thực hiện Thông tri số 41-TT/TW của Ban Bí thư về việc tặng Huy hiệu Đảng cho đảng viên (năm 2006).

- Tham mưu phân bổ chỉ tiêu tạo nguồn phát triển đảng viên người dân tộc, người có đạo và phân bổ chỉ tiêu phát triển đảng hàng năm theo nghị quyết của BCH Đảng bộ huyện (đạt 7 - 8% so đảng số đầu năm), sơ kết năm 2008, tổng kết năm 2010.

- Định kỳ kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ quản lý hồ sơ đảng viên, thẻ đảng viên, GTSHĐ, huy hiệu đảng và giải quyết các vấn đề về đảng tịch của đảng viên theo quy định Điều lệ Đảng ở các TCCSĐ trực thuộc huyện.

6/- Công tác bảo vệ chính trị nội bộ:

- Tiếp tục rà soát hồ sơ cán bộ theo Kế hoạch số 50-KH/TU của BTV-TU, Kế hoạch số 01-KH/HU của BTV-HU và rà soát chất lượng chính trị cán bộ theo quy định, quy chế công tác cán bộ của BTC-TU và BTV-HU.

- Tiếp tục triển khai hướng dẫn thực hiện quy định của Bộ Chính trị về kỷ luật phát ngôn; bảo vệ bí mật tài liệu của Đảng, Nhà nước; nhiệm vụ của đảng viên khi ra nước ngoài và tiếp xúc làm việc với người nước ngoài.

- Kịp thời phối hợp cơ quan chức năng có liên quan tham mưu BTV-HU đánh giá tình hình kích động phá hoại của các thế lực thù địch (nếu có); đồng thời tham mưu BTV-HU xem xét đơn thư có liên quan lịch sử chính trị của đảng viên và những trường hợp có quan hệ lịch sử chính trị ở các TCCSĐ trực thuộc đề nghị kết nạp đảng.

- Tăng cường kiểm tra kết quả thực hiện quy định của BCT về tình hình đảng viên có đạo tham gia sinh hoạt tôn giáo và quy định của BBT về tình hình đảng viên và con đảng viên có quan hệ hôn nhân với người nước ngoài.

- Tổng kết thực hiện Quy định 75-QĐ/TW của Bộ Chính trị.

7/- Công tác củng cố kiện toàn tổ chức bộ máy BTC-HU:

- Tiếp tục rà soát kết quả xây dựng thực hiện quy chế làm việc của BTC-HU và tham mưu BTV-HU bổ sung một số nội dung trong quy chế làm việc của BTC-HU phù hợp quy định cụ thể thi hành Điều lệ Đảng khóa X và quy chế làm việc của BCH Đảng bộ huyện.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức biên chế cán bộ BTC-HU theo quy định, quy chế và tiêu chuẩn chức danh cán bộ để đáp ứng tốt yêu cầu tham mưu cho cấp ủy về công tác tổ chức xây dựng Đảng.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ báo cáo, thống kê theo quy định của BTC-TU và BTV-HU.

- Tổ chức giao ban định kỳ 6 tháng và tổng kết năm nhằm tạo điều kiện để Thường trực cấp ủy cơ sở và cán bộ làm công tác tổ chức cơ sở trao đổi nghiệp vụ, kinh nghiệm công tác trong tham mưu thực hiện công tác TCXDĐ.

- Tập thể và cá nhân cán bộ BTC-HU có đăng ký thi đua hàng năm (từ 2006 đến 2010) về công tác TCXDĐ theo kế hoạch chỉ đạo của BTC-TU.

III/- Những giải pháp thực hiện:

1/- Về công tác tổ chức cán bộ và BVCTNB:

- Thường xuyên phối hợp chặt chẽ các ban Đảng, các cấp ủy cơ sở và đồng chí HUV, UV.TVHU phụ trách địa bàn kiểm tra kết quả triển khai thực hiện công tác TCXDĐ theo nghị quyết hàng năm của BCH Đảng bộ huyện.

- Phối hợp các ban Đảng tăng cường kiểm tra kết quả xây dựng thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ thuộc diện BTV-HU quản lý.

- Chủ động phối hợp Phòng Nội vụ, bộ phận BVCTNB Công an huyện và cơ quan chức năng có liên quan tập trung rà soát đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, trong đó có chất lượng cán bộ dự nguồn quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý chủ chốt cấp cơ sở để:

+ Thống nhất quan điểm về củng cố kiện toàn tổ chức bộ máy cán bộ phòng ban cấp huyện theo NQTW⁷ (khóa VIII) trước khi thông qua BTV-HU.

+ Thống nhất nội dung thể chế hóa các quy định của Huyện ủy, BTV-HU về công tác tổ chức cán bộ ở lĩnh vực chính quyền, nhất là công tác củng cố kiện toàn hệ thống chính trị cấp cơ sở theo NQTW⁵ (khóa IX).

+ Phục vụ công tác bố trí, sử dụng, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động và thực hiện chính sách đối với cán bộ.

- Phối hợp phòng ban chức năng có liên quan tham mưu việc thực hiện chính sách đào tạo, thu hút cán bộ và giải quyết chính sách đối với cán bộ theo tiêu chuẩn, quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

- Phối hợp BTG-HU và TTBDCT huyện để nắm tình hình công tác tuyên truyền đội ngũ cán bộ, đảng viên và thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo kế hoạch đã được BTV-HU phê duyệt.

- Thường xuyên giữ mối liên hệ chặt chẽ với BTC-TU và Phòng BVCTNB để nắm vững chủ trương, nhiệm vụ, học tập kinh nghiệm, nâng cao năng lực thực hiện công tác tổ chức cán bộ và BVCTNB theo quy chế làm việc của BTC-HU.

- Có kế hoạch phối hợp thực hiện có hiệu quả Luật phòng chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo chương trình hành động của BCH Đảng bộ huyện.

2/- Về công tác xây dựng TCCSĐ trong sạch vững mạnh:

- Phối hợp chặt chẽ UBKT-HU trong công tác kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, trong thực hiện Quy định 76-QĐ/TW kết hợp xem xét tổ chức đảng và đảng viên vi phạm quy định hướng dẫn cụ thể thi hành Điều lệ Đảng ảnh hưởng đến phẩm chất, tư cách đảng viên.

- Phối hợp chặt chẽ các ban Đảng, các cấp ủy cơ sở, đ/c Ủy viên TVHU phụ trách địa bàn tăng cường kiểm tra chất lượng xây dựng trung kiên, bảo đảm tiêu chuẩn, phương châm, phương hướng công tác đảng theo chỉ tiêu phân bổ của BTV-HU.

- Phối hợp BDV-HU và lãnh đạo mặt trận, đoàn thể huyện để củng cố kiện toàn tổ chức cán bộ BCH các đoàn thể cơ sở đáp ứng yêu cầu thực hiện công tác vận động quần chúng, công tác tôn giáo, dân tộc và người Hoa.

- Phối hợp BTG-HU và UBKT-HU trong kiểm tra thực hiện các quy định của Trung ương và BTV-TU về lãnh đạo công tác tư tưởng; xây dựng phẩm chất đạo đức, lối sống và kỷ luật phát ngôn trong Đảng...; coi trọng việc củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các chi bộ đảng ở ấp, nhất là các ấp vùng sâu và địa bàn trọng yếu để phát huy vai trò hạt nhân chính trị, đảm bảo tính lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu trong sinh hoạt cấp ủy và chi bộ theo quy định, quy chế. Tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa tổ chức đảng với nhân dân trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị của TCCSĐ.

- Phối hợp các ban Đảng, tăng cường khảo sát việc chia tách, sát nhập, thành lập mới các TCCSĐ; theo dõi đánh giá kết quả lãnh đạo, xây dựng, thực hiện các quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ loại hình TCCSĐ để tham mưu BTV-HU chọn 1 TCCSĐ nông thôn làm điểm chỉ đạo, mỗi đảng bộ cơ sở chọn 1 chi bộ trực thuộc làm điểm để tập trung chỉ đạo đúc rút kinh nghiệm đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và xây dựng cấp ủy, tổ chức đảng trong sạch vững mạnh.

- Tăng cường phối hợp cấp ủy, TCCSĐ trong công tác kiểm tra giám sát của cấp ủy chi bộ đối với đảng viên tại nơi ở, nơi công tác, nhất là đảng viên thuộc diện BTV-HU quản lý.

- Kịp thời sơ, tổng kết việc thực hiện một số chỉ thị, quy định của TW về công tác đảng viên đã được ban hành và theo sự phân công của BTV-HU.

3/- Về kiện toàn tổ chức bộ máy cán bộ làm công tác tổ chức cấp huyện và phát huy vai trò cán bộ được phân công làm công tác tổ chức cán bộ cấp cơ sở:

- BTC-HU có chương trình toàn khóa và một năm để gắn với yêu cầu phân công phân nhiệm, phát huy tinh thần trách nhiệm của tập thể, tính chủ động sáng tạo của cá nhân trong tham gia xây dựng và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của cơ quan theo đúng đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ở lĩnh vực xây dựng Đảng về tổ chức cán bộ và đảng viên.

- Mỗi cán bộ Ban đều có kế hoạch học tập, rèn luyện, nghiên cứu cải tiến lề lối, phương pháp làm việc, nâng cao hiệu quả công tác theo tiêu chuẩn chức danh cán bộ đã được phân công; định kỳ 6 tháng có báo cáo kết quả học tập rèn luyện theo tiêu chí đăng ký thi đua, cuối năm có kiểm điểm tự phê bình, phê bình kết quả thực hiện chương trình công tác của Ban và được chi ủy, chi bộ tổng hợp đánh giá chất lượng cán bộ, đảng viên theo hướng dẫn của BTC-TU.

- Tiếp tục đề xuất điều động, kiện toàn, bổ sung cán bộ đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đề xuất tham mưu trên các lĩnh vực công tác tổng hợp, công tác nghiệp vụ, công tác xây dựng Đảng cơ sở, công tác tổ chức cán bộ và BVCTNB. Đồng thời bổ sung 1 Phó trưởng BTC-HU kiêm chức Trưởng Phòng Nội vụ - LĐTB&XH (theo mô hình BTC-TU) để đảm bảo chặt chẽ công tác tham mưu tổ chức cán bộ ở lĩnh vực chính quyền.

- Chú trọng thực hiện phương châm hướng về cơ sở trong chỉ đạo thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và chọn cử cán bộ làm công tác tổ chức xây dựng Đảng cấp huyện, cấp cơ sở đưa đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy hoạch và kế hoạch chiêu sinh của BTC-TU.

- Chú trọng đổi mới phương thức hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra công tác nghiệp vụ giữa huyện và cơ sở, thực hiện nghiêm chế độ thỉnh thị, báo cáo, thông tin, công tác thống kê đảm bảo chính xác, kịp thời về các số liệu phục vụ cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy ở lĩnh vực xây dựng Đảng về tổ chức.

- Tiếp tục triển khai Hướng dẫn số 10-HD/TCTU ngày 07/8/2006 của BTC-TU đến từng TCCSĐ trực thuộc huyện để đẩy mạnh chế độ nhập, cập nhật, đồng bộ và khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu đảng viên theo Quy định số 02-QĐ/TW của BTC-TW.

Trên đây là chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện khóa X về công tác tổ chức xây dựng Đảng của BTC-HU. Các cán bộ làm công tác tổ chức xây dựng Đảng cấp huyện và cơ sở cần căn cứ những nhiệm vụ và giải pháp trên để cụ thể hóa kế hoạch phối hợp tổ chức thực hiện theo từng mục tiêu, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện.

**K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN
(Đã ký)
Lê Thị Bích Liên**

Số 03-CTr/KTHU

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ
huyện Định Quán lần thứ X (nhiệm kỳ 2005 - 2010)
về công tác kiểm tra của Đảng**

Căn cứ Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2006 - 2010) của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Đồng Nai.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Định Quán lần thứ X nhiệm kỳ 2005 - 2010 và chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện ủy, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Định Quán xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X nhiệm kỳ 2005 - 2010 về công tác kiểm tra của Đảng như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC KIỂM TRA Ở ĐẢNG BỘ HUYỆN TỪ NĂM 2000 - 2005

1/- Kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của cấp ủy và tổ chức Đảng theo điều 30 - Điều lệ Đảng:

Nhiệm kỳ qua, Ban chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy, các cấp ủy cơ sở đã thường xuyên quan tâm đến chất lượng hoạt động công tác kiểm tra gắn với nâng cao chất lượng đảng viên và TCCSD trong lãnh đạo xây dựng và thực hiện các Nghị quyết của Đảng về phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng và an ninh, xây dựng đảng, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể bảo đảm thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Đảng đề ra. Đồng thời coi trọng đúng mức nội dung kiểm tra, định kỳ tổ chức họp tập thể cấp ủy, cá nhân cấp ủy viên và đảng viên tự phê bình, tự đánh giá kết hợp với đánh giá của tổ chức Đảng, phê bình góp ý kiến của quần chúng và kiểm tra của cấp trên. Trên cơ sở đó có giải pháp chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo điều 30 - Điều lệ Đảng như sau:

- 100% TCCSD trực thuộc được kiểm tra về chấp hành cương lĩnh, Điều lệ Đảng, Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy chế làm việc của cấp ủy, chấp hành các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng bảo đảm nghị quyết của cấp ủy cấp trên được triển khai thực hiện nghiêm túc theo CTHĐ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện (khóa IX) đã đề ra.

- Chỉ đạo cấp ủy cơ sở phát huy vai trò tác dụng công tác kiểm tra, qua đó đã kịp thời tham mưu Ban Thường vụ Huyện ủy lãnh đạo, chỉ đạo các Ban Đảng Huyện ủy tập trung xây dựng các chủ trương, biện pháp, kiện toàn TCCSD có vấn đề tồn tại, yếu kém gắn với bồi dưỡng và phát huy những đồng chí giữ được tư cách đảng viên, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, trình độ năng lực đảng viên; động viên đảng viên khắc phục hoàn cảnh khó khăn trong lao động học tập và công tác để phấn đấu vươn lên hoàn thành nhiệm vụ.

Thực hiện các kế hoạch chỉ đạo kiểm tra của Trung ương và của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đã xây dựng và thực hiện kế hoạch tổ chức kiểm tra các TCCSD về việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quy định của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm, về giải quyết khiếu nại- tố cáo của công dân và việc lãnh đạo chỉ đạo trong đầu tư xây dựng cơ bản và quản lý sử dụng đất đai. Đồng thời ban hành Quyết định 333-QĐ/HU về quy chế thực hiện Quy định số 03-QĐ/TU ngày 18/8/2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy *"về trách nhiệm của người có chức vụ, quyền hạn ở các cơ quan, tổ chức trong việc phòng, chống tham nhũng, quan liêu lãng phí"*.

2/- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại điều 32- Điều lệ Đảng:

+ Về kiểm tra đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm:

Thực hiện vai trò, chức năng chủ động phòng ngừa vi phạm của cán bộ, đảng viên, trong nhiệm kỳ qua UBKT Huyện ủy đã tiến hành kiểm tra 45 trường hợp gồm 02 HUV, 01 UVTV Đảng ủy, 07 chi ủy viên cơ sở và 35 đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Bao gồm các nội dung: chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ 01, chấp hành chỉ thị nghị quyết 12, tinh thần trách nhiệm 12, đoàn kết nội bộ 02, nhà đất 01, phẩm chất lối sống 07, vi phạm nguyên tắc ngành 01, nguyên tắc tài chính 07, vi phạm khác 02.

Qua kiểm tra đã kết luận có vi phạm 44 trường hợp, trong đó kiểm điểm rút kinh nghiệm 25, xử lý thi hành kỷ luật 19 và giải tỏa 01.

+ Về giải quyết tố cáo:

Tổng số đơn tố cáo đã giải quyết trong nhiệm kỳ qua là 33 đơn, đạt tỷ lệ 100% số đơn. Trong đó đối tượng bị tố cáo có 1 HUV, 09 chi ủy viên cơ sở, 04 đảng ủy viên cơ sở, 01 bí thư chi bộ trực thuộc, 03 UV Thường vụ Đảng ủy và 119 đảng viên.

Nội dung tố cáo liên quan tinh thần trách nhiệm có 04, bao che trù dập 03, tham ô hối lộ 01, cố ý làm trái 01, phẩm chất lối sống 22, lợi dụng chức quyền 06.

Kết quả giải quyết đã làm rõ, kết luận: 33 đơn. Trong đó, tố đúng và đúng một phần 26 đơn, tố cáo sai 07 đơn. Đã kiểm điểm rút kinh nghiệm 19 trường hợp, xử lý có hình thức kỷ luật 11 trường hợp, giải tỏa 07 trường hợp.

+ Về xử lý kỷ luật Đảng:

Trong nhiệm kỳ qua tổng số đảng viên vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật là 149 đ/c. Đối tượng vi phạm gồm: Huyện ủy viên 04 đ/c, UV.UBKT Huyện ủy 01 đ/c, Đảng ủy viên cơ sở 04 đ/c, chi ủy viên cơ sở 15 đ/c, Bí thư chi bộ cơ sở 02 đ/c, Phó bí thư chi bộ cơ sở 02 đ/c, đảng viên 121 đ/c.

Kết quả xử lý có: 69 khiển trách, 65 cảnh cáo, 03 cách chức, 12 khai trừ. Trong đó nội dung vi phạm về chấp hành CT, NQ không nghiêm có 19, thiếu tinh thần trách nhiệm có 19, tham ô hối lộ có 02, cố ý làm trái 04, phẩm chất đạo đức lối sống có 29, chấp hành nguyên tắc quản lý của nhà nước có 03, vi phạm pháp luật 01, vi phạm chính sách dân số KHHGD 19, sử dụng bằng cấp không hợp pháp 25, các vi phạm khác có 28.

+ Về giải quyết khiếu nại kỷ luật:

Trong nhiệm kỳ qua, không có phát sinh khiếu nại kỷ luật thuộc thẩm quyền giải quyết của các tổ chức đảng trong huyện.

+ Về kiểm tra tài chính:

UBKT Huyện ủy tiến hành kiểm tra tài chính cùng cấp theo quy định Điều lệ Đảng và phối hợp kiểm tra đảng phí ở cơ sở đạt theo kế hoạch đề ra từng năm.

Qua kiểm tra đã có các kiến nghị phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính, tài sản trong nội bộ khối Đảng huyện; đồng thời chấn chỉnh công tác thu nộp, quản lý đảng phí ở cơ sở theo các quy định hiện hành và hướng dẫn của cấp trên.

3/- Nhận xét, đánh giá chung:

a/- Ưu điểm:

Nhìn chung trong nhiệm kỳ qua, các tổ chức đảng và đảng viên trong huyện đã thường xuyên tự kiểm tra, kịp thời điều chỉnh khắc phục hạn chế, tránh vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật, thể hiện việc chấp hành kỷ luật đảng với tinh thần tự giác. Vai trò kiểm tra của cấp ủy, UBKT và cán bộ làm công tác kiểm tra luôn được phát huy, những trường hợp vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật đều được tiến hành nghiêm túc, có tình có lý, theo phương hướng, phương châm và tính chất kỷ luật của Đảng.

- Trên cơ sở Nghị quyết BCH đảng bộ huyện về công tác kiểm tra, các cấp ủy cơ sở đã quán triệt và tổ chức thực hiện ngày càng tốt hơn ý nghĩa, tác dụng của công tác kiểm tra,

góp phần nâng cao nhận thức của đảng viên và tổ chức đảng về công tác kiểm tra để chủ động kiểm tra và tự kiểm tra với tính chất mức độ ngày càng sâu sắc, toàn diện hơn.

- Ban Thường vụ Huyện ủy thường xuyên phân công lãnh đạo các Ban Đảng và đ/c UV.TVHU và UV.BCH phụ trách địa bàn phối hợp cùng các đ/c cán bộ kiểm tra từ huyện đến cơ sở để tập trung thực hiện nhiệm vụ, từ việc đề ra chương trình, kế hoạch công tác nhằm giải quyết tình hình phát sinh trong thực tiễn đến việc chủ động tiến hành kiểm tra và tham mưu giúp cấp ủy thực hiện kiểm tra, góp phần giữ gìn sự trong sạch vững mạnh của tổ chức Đảng, cảnh giác và tỉnh táo giáo dục, sàng lọc đảng viên, chống âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch và mặt trái của cơ chế thị trường làm tha hóa cán bộ.

b/- Khuyết điểm:

- Công tác kiểm tra trong đảng bộ còn có mặt chưa theo kịp yêu cầu, nhất là việc tổ chức kiểm tra đảng viên, tổ chức đảng khi có dấu hiệu vi phạm còn hạn chế, việc kiện toàn UBKT Huyện ủy thực hiện còn chậm.

- Công tác bồi dưỡng hướng dẫn nghiệp vụ công tác kiểm tra của UBKT cơ sở còn chậm, chưa có được sự chuyển biến tích cực vững chắc trong hiệu quả công tác kiểm tra ở cơ sở.

- Việc giáo dục, xử lý và định thời hạn phấn đấu cho đảng viên vi phạm tư cách đảng viên tuy có làm nhưng chưa được thường xuyên, chưa bám sát yêu cầu chủ động, hiệu quả để đề ra nội dung, kế hoạch kiểm tra sát với thực tiễn hoặc tổ chức kiểm tra nhưng kết luận chưa chặt chẽ.

Đối với cấp cơ sở trong thẩm quyền quy định, cấp ủy và UBKT có tiến hành công tác kiểm tra song về quy trình, hồ sơ, tài liệu của một số vụ kiểm tra còn thiếu chặt chẽ, trình tự. Mức độ tập trung cho công việc chuyên môn của đ/c cán bộ kiểm tra ở cơ sở nhìn chung là chưa cao. Một số đ/c chưa chủ động, nhay bén trong công tác tham mưu giúp cấp ủy cơ sở thực hiện kiểm tra, còn trông chờ ý kiến chỉ đạo của cấp ủy cơ sở. Trong nhiệm vụ chuyên môn xử lý công việc chưa tốt, nhất là khâu thiết lập và lưu giữ, bảo quản các hồ sơ liên quan; nề nếp báo cáo về huyện chưa nghiêm túc.

c/- Nguyên nhân của khuyết điểm:

- Một số cán bộ, đảng viên còn thiếu rèn luyện, tu dưỡng song cấp ủy, UBKT cấp huyện và cấp cơ sở chậm kiểm tra phát hiện để có biện pháp lãnh đạo, quản lý, tạo điều kiện giúp cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc vị trí vai trò tiên phong gương mẫu để ra sức phấn đấu, nâng cao phẩm chất cần kiệm, liêm chính, ý thức cảnh giác trước sự cám dỗ vật chất, quyết tâm đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực trong nội bộ và ngoài xã hội.

- Thực trạng biên chế của cơ quan UBKT-HU chưa đủ; năng lực, trình độ và kinh nghiệm của các đ/c đương nhiệm còn hạn chế. Các đ/c cán bộ kiểm tra ở cơ sở, nhất là các đảng ủy xã còn kiêm nhiệm nên dẫn đến thiếu sự tập trung nghiên cứu các nội dung hướng dẫn và tích lũy kinh nghiệm phục vụ cho công tác kiểm tra.

d/- Một số kinh nghiệm:

- Công tác kiểm tra của Đảng phải được sự quan tâm lãnh đạo thường xuyên của cấp ủy từ huyện đến cơ sở; có sự hỗ trợ, hướng dẫn nghiệp vụ của UBKT-HU và kịp thời kiện toàn, bổ sung đội ngũ cán bộ làm kiểm tra chuyên trách ở huyện và các xã, thị trấn.

- Công tác kiểm tra, giám sát phải đặt trong bối cảnh tình hình chung ở địa phương, đơn vị để có kế hoạch, chương trình công tác phù hợp nhằm góp phần giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan nội bộ tổ chức đảng và đảng viên.

- Phải bảo đảm quy trình kiểm tra và kết luận bằng văn bản đối với những vấn đề cơ bản nhằm giúp cho cá nhân, tổ chức là đối tượng kiểm tra có cơ sở chặt chẽ tiếp tục phát huy mặt mạnh, khắc phục các mặt hạn chế.

- Các cấp ủy, TCCSĐ coi trọng đúng mức vai trò lãnh đạo gắn với kiểm tra. Công tác kiểm tra phải nhạy bén kịp thời, thực sự trở thành một trong những biện pháp giúp cấp ủy Đảng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản trên các mặt xây dựng đảng, chính quyền, MTTQ, các đoàn thể và phát triển kinh tế, góp phần củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở.

PHẦN THỨ HAI

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ HUYỆN LẦN THỨ X NHIỆM KỲ 2005-2010 VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA

I/- MỤC TIÊU TỔNG QUÁT:

Để hoàn thành nhiệm vụ công tác kiểm tra của Đảng, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cấp ủy Đảng các cấp trong 5 năm tới, mục tiêu tổng quát của công tác kiểm tra của Đảng là: *"... Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trong đảng và trong cả hệ thống chính trị. Kiểm tra nhận thức, năng lực lãnh đạo, xây dựng và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; kiểm tra phẩm chất chính trị và đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Xây dựng các quy chế và biện pháp thực hiện sự giám sát của nhân dân đối với hoạt động của Đảng, Nhà nước và cán bộ đảng viên..."* (Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng).

II/- MỤC TIÊU CỤ THỂ:

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Định Quán lần thứ X đã xác định phương hướng nhiệm vụ của Ủy ban kiểm tra các cấp trong Đảng bộ huyện nhiệm kỳ (2005 - 2010) là; *"Tăng cường công tác kiểm tra của cấp ủy và Ủy ban kiểm tra các cấp đối với tổ chức đảng trực thuộc theo điều 30 và điều 32 Điều lệ Đảng và Chỉ thị số 29-CT/TW của Bộ Chính trị về "Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng", bảo đảm các nghị*

quyết của Đảng được thực hiện có hiệu quả. Phấn đấu trong nhiệm kỳ, 100% tổ chức Đảng trực thuộc được kiểm tra về chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Pháp luật Nhà nước, quy chế làm việc của cấp ủy, chấp hành nguyên tắc sinh hoạt đảng.

Ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện tốt nhiệm vụ theo điều lệ Đảng quy định, tập trung kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp, tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên. Tham mưu giúp cấp ủy tăng cường kiểm tra cán bộ, đảng viên về chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước, chấp hành quy định số 19 của Bộ chính trị về những điều đảng viên không được làm, về đạo đức, lối sống..."

III/- NHIỆM VỤ:

1/- THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THEO ĐIỀU LỆ ĐẢNG QUY ĐỊNH:

1- Đối với công tác kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên; kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, các nguyên tắc tổ chức của Đảng.

Đây là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, có ý nghĩa quan trọng trong công tác kiểm tra của Đảng. Ủy ban kiểm tra từ huyện đến cơ sở cần chủ động nắm các nguồn thông tin, phát hiện dấu hiệu vi phạm, xây dựng kế hoạch, tiến hành kiểm tra

kết luận. Cần tập trung vào đối tượng là cấp ủy viên cùng cấp, đảng viên là cán bộ diện cấp ủy cấp mình quản lý. Chú ý đối với các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, nhằm chủ động phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn những sai phạm có thể xảy ra; không để khuyết điểm nhỏ trở thành khuyết điểm lớn, sai phạm ít nghiêm trọng trở thành sai phạm nghiêm trọng, sai phạm của một người trở thành sai phạm của nhiều người, sai phạm của cả tổ chức.

Hàng năm mỗi đơn vị đều phải kiểm tra được đảng viên; nhất là cấp ủy viên cùng cấp và tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp khi có dấu hiệu vi phạm, quá trình kiểm tra phải đảm bảo chất lượng, hiệu quả, phải có kết luận minh bạch, có vi phạm hay không có vi phạm...

Nếu có sai phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì kiên quyết xử lý nghiêm minh. Nếu có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì chuyển qua cơ quan điều tra xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

2- Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy và cơ sở tích cực, chủ động thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ giám sát cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ diện cấp ủy cùng cấp quản lý và tổ chức đảng cấp dưới về thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nghị quyết của cấp ủy và đạo đức, lối sống theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Qua hoạt động giám sát nếu phát hiện cán bộ, đảng viên hoặc tổ chức đảng cấp dưới (chủ yếu là cấp dưới trực tiếp) có những việc làm hoặc chủ trương sai trái, đã, đang hoặc sẽ gây hậu quả xấu cho uy tín và lãnh đạo của Đảng thì Ủy ban kiểm

tra xem xét quyết định yêu cầu tạm đình chỉ ngay những hành vi sai trái đó đồng thời báo cáo kịp thời với cấp ủy để chỉ đạo, hoặc phát hiện có dấu hiệu vi phạm thì xây dựng kế hoạch kiểm tra, kết luận rõ. Nếu có vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì Ủy ban Kiểm tra xử lý hoặc đề nghị cấp ủy xử lý theo thẩm quyền.

3- Tích cực giải quyết kịp thời, triệt để những tố cáo liên quan cán bộ đảng viên và tổ chức đảng; khiếu nại về kỷ luật Đảng theo đúng quy định, quy trình, nguyên tắc của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đảm bảo khách quan, công bằng, tránh oan sai, không để tồn đọng kéo dài, phục vụ có hiệu quả công tác cán bộ và công tác xây dựng Đảng. Xử lý nghiêm những trường hợp dìm, bỏ đơn thư đáng lẽ phải xem xét mà không xem xét, giải quyết theo thẩm quyền, thiếu trách nhiệm hoặc cố ý làm sai lệch hồ sơ, làm trái quy định của Đảng và pháp luật Nhà nước trong giải quyết tố cáo, khiếu nại. Phấn đấu giải quyết theo thẩm quyền, đúng quy định các đơn, thư tố cáo, khiếu nại đạt 95% trở lên. Chú trọng khâu trực tiếp đối thoại với người tố cáo để nắm bắt cụ thể tâm tư nguyện vọng của họ, đồng thời qua đó cũng giáo dục họ có thái độ và trách nhiệm đúng hơn khi tố cáo.

Những nội dung tố cáo không thuộc chức năng giải quyết của Ủy ban kiểm tra thì chuyển các ngành chức năng giải quyết, đồng thời đôn đốc, theo dõi việc giải quyết, yêu cầu các ngành thông báo kết quả để Ủy ban kiểm tra xem xét xử lý kỷ luật hoặc đề nghị cấp ủy xử lý kỷ luật đối với đảng viên vi phạm theo thẩm quyền (nếu có).

4- Kiên quyết xử lý và tham mưu cấp ủy xử lý kỷ luật đối với đảng viên và tổ chức đảng vi phạm, đảm bảo đúng phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thủ tục trong thi hành kỷ luật của Đảng. Phấn đấu có 70% cấp ủy cơ sở và Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy cơ sở trực thuộc phải được kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng. Qua kiểm tra phải chấn chỉnh những yếu kém, xác định nguyên nhân, đề ra biện pháp khắc phục, sửa chữa, nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật của Đảng.

5- Hàng năm, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy phải xây dựng kế hoạch và tiến hành kiểm tra tài chính đối với cơ quan tài chính của Huyện ủy hoặc Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị Huyện. Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy và cơ sở có kế hoạch và tiến hành kiểm tra tài chính đối với tổ chức đảng cấp dưới khi cần thiết và kiểm tra việc thu, trích, nộp, quản lý, sử dụng đảng phí đối với các chi, đảng bộ cơ sở trực thuộc. Sau kiểm tra có kết luận, chỉ đạo xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị kịp thời để cấp ủy xem xét, chỉ đạo, xử lý và khắc phục vi phạm khuyết điểm.

Qua kiểm tra nếu phát hiện có tham ô, thiếu trách nhiệm, cố ý làm trái gây thất thoát tài chính, tài sản của Đảng thì kiên quyết thu hồi, tiền bạc, tài sản nộp vào ngân sách, quy rõ trách nhiệm cá nhân, tổ chức sai phạm, xử lý nghiêm minh theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

2/- NHIỆM VỤ THAM MƯU CHO CẤP ỦY VÀ XÂY DỰNG NGÀNH:

1- Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy và cơ sở chủ động tham mưu cho cấp ủy cấp mình xây dựng kế hoạch và chỉ đạo các tổ chức đảng và cấp ủy cấp dưới xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tổ chức Đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và Quy định số 19-QĐ/TW ngày 03/01/2002 của Bộ Chính trị về những điều đảng viên không được làm theo điều 30 Điều lệ Đảng quy định và Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 14/02/1998 của Bộ chính trị (khóa VIII). Định kỳ hàng năm phải có kế hoạch kiểm tra cụ thể, đảm bảo trong nhiệm kỳ bằng nhiều hình thức phải kiểm tra và giám sát hầu hết các tổ chức Đảng trực thuộc trong việc chấp hành chỉ thị, nghị quyết, quy định của cấp trên; việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị, ngành; việc thực hiện quy chế làm việc...

Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy và cơ sở tham mưu cấp ủy xây dựng kế hoạch kiểm tra thực hiện chủ trương thực hành tiết kiệm chống lãng phí; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng lãng phí.

2- Các chi, đảng bộ cơ sở hàng năm phải xây dựng kế hoạch và tiến hành kiểm tra, trong nhiệm kỳ phải kiểm tra được 100% đảng viên, cấp ủy viên trong việc chấp hành Điều lệ Đảng, việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, nhiệm vụ được tổ chức phân công và việc giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng, giữ gìn tư cách của người đảng viên, cấp ủy viên, việc chấp hành những quy định của Đảng, nhất là quy định về những điều đảng viên không được làm... Đối với đảng viên được miễn sinh hoạt, cần được kiểm tra việc giữ gìn tư cách,

đạo đức và thực hiện nhiệm vụ đảng viên (tùy đặc điểm của từng địa phương, đối tượng mà chọn nội dung kiểm tra cho phù hợp, thiết thực).

Việc kiểm tra đảng viên, cấp ủy viên phải đảm bảo hiệu quả, chất lượng đáp ứng được yêu cầu trong công tác xây dựng Đảng, nhiệm vụ chính trị ở từng địa phương, đơn vị. Định kỳ hàng năm cấp ủy phải tổ chức để quản lý tham gia giám sát, góp ý và sự lãnh đạo của tổ chức Đảng và vai trò tiên phong quần chúng của cán bộ, đảng viên.

3- Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy và cơ sở phải chủ động tham mưu, đề xuất với cấp ủy tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với hoạt động của Ủy ban kiểm tra từ huyện đến cơ sở, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra của Đảng, xây dựng củng cố tổ chức, bộ máy của Ủy ban kiểm tra đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, ổn định để đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trong tình hình mới.

Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy tham mưu cho Huyện ủy tổ chức nghiên cứu, quán triệt sâu chương VII, chương VIII của Điều lệ Đảng (khóa X), hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra TW và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy... cho cán bộ chủ chốt, cán bộ kiểm tra thuộc đảng bộ. Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy sẽ phối hợp với Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện mở lớp tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, giám sát cho cán bộ làm công tác kiểm tra trực thuộc huyện.

4- Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy phải tăng cường kiểm tra hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, qua đó phát huy những ưu điểm, chấn chỉnh khắc phục những tồn tại, yếu kém

trong thực thi nhiệm vụ của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy, xem xét giải quyết những khó khăn, vướng mắc, từng bước nâng cao chất lượng hoạt động của Ủy ban kiểm tra ở cơ sở. Phần đầu kiểm tra được 100% Ủy ban kiểm tra Đảng ủy cơ sở. Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy tham mưu cấp ủy cơ sở có kế hoạch kiểm tra các tổ chức đảng trong thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đồng thời Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy chủ động phối hợp với Thanh tra, UBND huyện để nắm tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân nhằm thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 03/12/2002 của Tỉnh ủy.

5- Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy và cơ sở phải có kế hoạch tổ chức sơ kết từng chuyên đề về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng và hàng năm tổ chức tổng kết năm để đánh giá đúng những ưu điểm, khuyết điểm tồn tại, xác định nguyên nhân và đề ra biện pháp khắc phục những mặt yếu kém trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của Đảng ở từng cấp, kịp thời biểu dương khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đồng thời nghiêm khắc phê bình những tổ chức, cá nhân có khuyết điểm trong thực thi nhiệm vụ được phân công, nếu vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì kiên quyết xử lý nghiêm minh.

IV/- BIỆN PHÁP THỰC HIỆN:

1/- Cấp ủy, TCCSD và Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy căn cứ quy chế làm việc có trách nhiệm phân công các thành viên ủy ban, chuyên viên thường xuyên theo dõi nắm chắc tình hình hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên, để phục vụ cho yêu cầu công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy và Ủy ban kiểm tra

cấp mình. Trong thụ lý, giải quyết những vụ việc được phân công phải đảm bảo đúng nguyên tắc, quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Từng thành viên UBKT và cán bộ được phân công công tác kiểm tra phải cụ thể hóa được chương trình công tác tháng, quý năm phù hợp với chương trình, kế hoạch kiểm tra của cấp ủy và UBKT và báo cáo theo Quy chế.

2/- Thường xuyên rà soát lại việc thực hiện các quy định, quy chế trong đó có quy chế phối hợp giữa Ủy ban kiểm tra cùng cấp với các Ban Đảng của cấp ủy và các ngành liên quan đến công tác kiểm tra của Đảng, định kỳ tổ chức họp để rút kinh nghiệm khắc phục, chấn chỉnh những mặt tồn tại, thiếu sót trong công tác phối hợp; đồng thời sửa đổi những nội dung không còn phù hợp hoặc bổ sung những nội dung mới theo yêu cầu trong thực tiễn phát sinh.

3/- UBKT- HU phối hợp chặt chẽ với Ban Tổ chức- HU kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, trong việc thực hiện Quy định số 76-QĐ/TW ngày 15/6/2000 của Bộ Chính trị; kết hợp xem xét tổ chức đảng và đảng viên vi phạm quy định hướng dẫn cụ thể thi hành Điều lệ Đảng ảnh hưởng đến phẩm chất, tư cách đảng viên. Phối hợp với Ban Tuyên giáo- HU trong kiểm tra thực hiện các quy định của Trung ương và Ban Thường vụ- TU về lãnh đạo công tác tư tưởng, xây dựng lối phẩm chất đạo đức, lối sống và kỷ luật phát ngôn trong Đảng, đảm bảo tính lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu trong sinh hoạt cấp ủy và chi bộ theo quy định. Phối hợp Ban Dân vận- HU kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở

đối với chi, đảng bộ cơ sở trong việc thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị và Thông báo số 159- TB/TW ngày 15/11/2004 của Ban Bí thư.

4/- Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy và cơ sở phải thực hiện nghiêm chế độ báo cáo, thỉnh thị theo quy định nhằm giúp cho cấp trên nắm chắc tình hình và chỉ đạo sâu sát việc thực hiện nhiệm vụ của cấp dưới, cần phải duy trì chế độ giao ban định kỳ quý, 6 tháng, cải tiến nội dung, phương pháp giao ban, mời các ngành liên quan cùng dự để trao đổi tình hình, phối hợp công tác.

5/- Ngành kiểm tra trong huyện hàng năm đều phải phát động thi đua và hưởng ứng, đăng ký danh hiệu thi đua do Ủy ban kiểm tra cấp trên phát động, phấn đấu đạt và vượt các tiêu chí đăng ký thi đua. Qua kết quả thực hiện nhiệm vụ biểu dương, khen thưởng kịp thời những tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc, đồng thời kiên quyết phê bình nghiêm khắc đối với những cá nhân, đơn vị yếu kém, có khuyết điểm trong thực thi nhiệm vụ, khi cần thiết Ủy ban kiểm tra cấp trên sẽ thông báo cho cấp ủy cấp dưới biết để tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với Ủy ban Kiểm tra của cấp mình, nhằm thúc đẩy việc hoàn thành có hiệu quả nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Đảng bộ.

Bí thư thủ trưởng đơn vị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức Đảng khi để xảy ra quan liêu, tham nhũng lãng phí và các tiêu cực khác ở đơn vị. Khi khác ý thủ trưởng thì quyết định theo quyền hạn và chọn trách nhiệm về quyết định đó, đồng thời cấp ủy, thủ trưởng cùng báo cáo cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trên đây là chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Định Quán lần thứ X nhiệm kỳ 2005-2010 về công tác kiểm tra của Đảng, các cán bộ làm công tác kiểm tra từ huyện đến cơ sở căn cứ những nhiệm vụ và giải pháp trên để xác định chương trình, mục tiêu cụ thể, nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát do Điều lệ Đảng quy định, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X đã đề ra.

**T/M ỦY BAN KIỂM TRA
PHÓ CHỦ NHIỆM
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Trang Hoàng

Số 03-CT/DVHU

CHƯƠNG TRÌNH

**Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ
huyện Định Quán lần thứ X nhiệm kỳ (2005-2010)
về công tác Dân Vận**

Căn cứ vào hướng dẫn của Ban Dân vận Tỉnh ủy về xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp.

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Đại biểu huyện Đảng bộ lần thứ X, Thực hiện sự chỉ đạo của BTV huyện ủy. Ban Dân vận huyện ủy xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ lần thứ X về công tác Dân vận như sau:

PHẦN THỨ I

**ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA
ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỊNH QUÁN NHIỆM KỲ 2000-2005**

I/- NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC:

Đại hội đại biểu huyện Định Quán lần thứ X đã đánh giá:
“Mặt Trận và các đoàn thể nhân dân phát huy vai trò tham gia

giám sát các hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân theo pháp luật... Vận động nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền bầu cử quốc hội khoá XI và Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2004-2009. Phương thức hoạt động của MTTQ và các đoàn thể từng bước đổi mới có nhiều nỗ lực trong việc tập hợp quần chúng vào đoàn thể”.

1. Kết quả cụ thể:

Năm năm qua các chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ lần thứ IX đề ra về công tác Dân vận cơ bản đã hoàn thành. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, MTTQ, các đoàn thể và các tầng lớp nhân dân ngày càng nhận thức sâu sắc hơn quan điểm của Đảng về công tác Dân vận. Một số Nghị quyết đã được tổng kết và triển khai thực hiện, đặc biệt là Nghị quyết trung ương 7 (phần 2) khoá IX về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, “vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh”.

Cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở đã tăng cường công tác chỉ đạo công tác vận động quần chúng theo yêu cầu, nhiệm vụ của công cuộc đổi mới đất nước góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, vận động các tầng lớp nhân dân trong huyện tham gia các phong trào thi đua yêu nước do địa phương phát động, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ Nghị quyết đã đề ra.

Công tác tuyên truyền vận động đồng bào theo tôn giáo và đồng bào dân tộc thiểu số chấp hành pháp luật của nhà nước, phát triển sản xuất, xoá đói giảm nghèo, cải thiện đời sống,

xây dựng khối đại đoàn kết lương - giáo, đoàn kết giữa các giai cấp - các tầng lớp nhân dân, giữ gìn an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội, góp phần xây dựng đời sống văn hoá ở địa bàn dân cư.

Vai trò tham mưu của hệ thống Dân vận, MTTQ và các đoàn thể ngày càng có hiệu quả, việc tham gia xây dựng Đảng, chính quyền có nhiều tiến bộ, đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân, thể hiện được vai trò cầu nối giữa nhân dân với cấp ủy Đảng và chính quyền.

Hoạt động của MTTQ và các đoàn thể từng bước đi vào chiều sâu, nhiều phong trào thiết thực đã thu hút được đông đảo quần chúng tham gia hưởng ứng đạt hiệu quả. Trong 5 năm đã kết nạp 46.519 đoàn viên, hội viên. Tỷ lệ tổ chức cơ sở vững mạnh là 78,94%, tỷ lệ CNVC và người lao động vào công đoàn 88,6%, Hội Nông Dân 54,6% (85% so với số hộ), Hội Phụ Nữ 56,5%, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 41,7%, Hội viên Hội LHTN 36,7%, Hội CCB 96,5%.

Hệ thống Dân vận từ huyện đến cơ sở ngày càng được quan tâm củng cố, đội ngũ công tác Dân vận ngày càng trưởng thành, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

2. Hạn chế tồn tại:

Công tác tuyên truyền thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước chưa thường xuyên, sâu rộng, đặc biệt ở vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số và cũng chỉ tập trung ở đoàn viên, hội viên nông cốt.

Việc nắm bắt tình hình tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân còn chưa sâu sát, kịp thời. Sự phối hợp liên tịch

giữa các cấp, các ngành từng lúc chưa đồng bộ. Phong trào quần chúng tham gia phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội chưa thật mạnh mẽ.

Công tác tập hợp quần chúng vào tổ chức một số đoàn thể cơ bản đã đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra, nhưng tỷ lệ đoàn viên hội viên tham gia sinh hoạt Đoàn, Hội còn thấp, chất lượng nội dung sinh hoạt chưa có chiều sâu, chưa giao nhiệm vụ cụ thể cho lực lượng đoàn viên, hội viên nòng cốt, chất lượng của lực lượng nòng cốt còn hạn chế.

Tổ chức bộ máy của đội ngũ cán bộ làm công tác Dân vận nhất là ở ấp, khu dân cư còn thiếu, trình độ năng lực còn hạn chế, chưa tương xứng và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Chưa quan tâm để giới thiệu cán bộ, đoàn viên, hội viên ưu tú để cho Đảng xem xét kết nạp nhất là đối với địa bàn dân cư, dân tộc thiểu số ...

3/ Bài học kinh nghiệm:

Qua 5 năm kết quả thực hiện công tác vận động quần chúng có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Cần phải thường xuyên tổ chức tuyên truyền sâu rộng các chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân, tạo sự chuyển biến trong nhận thức tư tưởng để thống nhất hành động.

Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất tinh thần của đoàn viên, hội viên, chăm lo phát triển kinh tế - xã hội ổn

định và cải thiện đời sống nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Thường xuyên củng cố tổ chức Đoàn, Hội, phát triển đoàn viên, hội viên, nâng cao chất lượng hoạt động, coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đoàn viên, hội viên, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của MTTQ và các đoàn thể. Xây dựng lực lượng nòng cốt và giao trách nhiệm cụ thể cho lực lượng nòng cốt, cá nhân tiêu biểu, kịp thời biểu dương khen thưởng, chọn nhân tố tiêu biểu để giới thiệu cho Đảng xem xét.

Tăng cường củng cố hệ thống chính trị cơ sở theo Nghị quyết trung ương 5 (khoá IX) gắn với công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ làm công tác Dân vận, MTTQ và các đoàn thể. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, tập hợp rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân vào phong trào hành động cách mạng nhằm thực hiện đồng bộ chủ trương chính sách của Đảng, nhà nước.

Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn các cấp các ngành trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác Dân vận. Các cấp ủy Đảng, chính quyền phải thực sự coi công tác Dân vận, Mặt trận đoàn thể ở địa phương, đơn vị mình là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng Đảng.

PHẦN THỨ II

CHƯƠNG TRÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỊNH QUÁN LẦN THỨ X (2005 - 2010) VỀ CÔNG TÁC DÂN VẬN

I/- MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU VÀ YÊU CẦU CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG QUẦN CHÚNG THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI HUYỆN ĐẢNG BỘ LẦN THỨ X (2005-2010):

1/ Mục tiêu:

Tổ chức MTTQ và đoàn thể tập hợp quần chúng vào tổ chức đoàn thể đạt 80% trở lên, số cơ sở đạt vững mạnh hàng năm đạt 80% trở lên.

2/ Các chỉ tiêu: Tập hợp trên 80% quần chúng vào tổ chức đoàn thể. Trong đó:

+ Hội Nông Dân và Phụ Nữ đạt 80% trở lên.

+ Hội LHTN đạt 70%.

+ Đoàn thanh niên đạt 60%

+ Hội Cựu Chiến Binh đạt trên 98%.

+ LĐLĐ tập trung sức xây dựng tổ chức Công đoàn trong khu vực kinh tế ngoài quốc doanh. 100% CNVC-LĐ khối hành chính sự nghiệp và 85% CNVC-LĐ khối doanh nghiệp vào tổ chức Công Đoàn. Hàng năm giới thiệu 150 đoàn viên ưu tú để Đảng xem xét kết nạp.

- Tiếp tục phát triển hội viên Chữ Thập Đỏ, Hội Người Cao Tuổi tại địa bàn cơ sở.

- Tỷ lệ đoàn viên, hội viên tham gia sinh hoạt và công tác thường xuyên đạt 75 - 90%.

- Tỷ lệ đoàn thể cơ sở vững mạnh hàng năm đạt trên 80%.

- Lực lượng nòng cốt trong đoàn viên, hội viên đạt 35% so với tổng số đoàn viên, hội viên.

3/ Những yêu cầu:

- Thường xuyên coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

- Tập trung phát triển đoàn viên, hội viên ở các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng hoạt động của đoàn viên, hội viên, của tổ chức cơ sở Đoàn, cơ sở Hội.

- Tăng cường xây dựng và phát huy vai trò của đoàn viên, hội viên nòng cốt. Làm tốt công tác bồi dưỡng những nhân tố điển hình để giới thiệu cho Đảng xem xét kết nạp, nhất là cán bộ tham gia công tác đoàn thể ở địa bàn dân cư, người có đạo, dân tộc thiểu số, người Hoa.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Dân Vận, Mặt trận tổ quốc, đoàn thể ở cơ sở.

II/- NHỮNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1/ Những nhiệm vụ:

1.1- Thực hiện tốt các chính sách đối với các cấp, các tầng lớp nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân vì

mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”

- Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện tốt các Nghị quyết của hội nghị lần thứ VII BCH Trung ương Đảng (khoá IX) về thực hiện chính sách đối với các giai cấp, các tầng lớp nhân dân, giai cấp công nhân, nông dân, đội ngũ trí thức, thanh niên ... Nghị quyết số 36-NQ/TW bộ chính trị (khoá IX) về công tác đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tuyên truyền pháp lệnh về tín ngưỡng, tôn giáo của ủy ban thường vụ Quốc hội

- Kịp thời tổ chức sơ, tổng kết các Nghị quyết của Đảng, chính sách Nhà nước đáp ứng yêu cầu, thiết thực có hiệu quả, nâng cao trách nhiệm từng tổ chức đối với công tác vận động quần chúng.

- Tham mưu cho Huyện Ủy kiểm tra và tổng kết 5 năm thực hiện các nghị quyết BCH Trung ương Đảng lần thứ VII (khoá IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, về công tác dân tộc, công tác tôn giáo.

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 về phát triển nông nghiệp xây dựng nông thôn Việt Nam, Chỉ thị 20CT/TW về những vấn đề cấp bách ở nông thôn hiện nay. Chỉ thị 59 CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Hội Nông Dân.

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 về công tác phụ nữ, Chỉ thị 37-CT/TW về công tác cán bộ nữ và các chương trình của Chính phủ về chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ phụ nữ, bình đẳng giới.

- Tham mưu cho Huyện ủy tổ chức sơ kết và tiếp tục thực hiện Nghị quyết 09 của ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Hội cựu chiến binh Việt Nam trong thời kỳ CNH - HĐH đất nước.

1.2- Đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng hoạt động Mặt trận, các đoàn thể

- Tham mưu cho Huyện ủy chỉ đạo Đại hội phụ nữ các cấp tiến tới Đại hội phụ nữ huyện Định Quán lần thứ IX, đại hội cựu chiến binh cơ sở, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

- Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể quán triệt cho các đoàn viên, hội viên tuyên truyền đến quần chúng nhân dân và xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Đại hội X của Đảng, Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII, Nghị quyết đại hội huyện Đảng bộ lần thứ X (2005 - 2010).

- Nâng cao hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng, củng cố tổ chức Đoàn, Hội vững mạnh, không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, phát huy vai trò của tổ chức mình trong việc tham gia xây dựng Đảng, chính quyền.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra khảo sát toàn diện để đánh giá thực trạng số lượng và chất lượng đoàn viên, hội viên, chất lượng hoạt động các đoàn thể cơ sở.

- Tổ chức thành công Đại hội Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đại hội Hội cựu chiến binh cấp huyện nhiệm kỳ (2006 - 2011) vào năm 2007.

- Tham mưu cho Huyện ủy chỉ đạo và tổ chức Đại hội Mặt Trận Tổ Quốc và Hội Nông Dân, Liên đoàn Lao Động, Hội Chữ Thập Đỏ từ huyện đến cơ sở hết nhiệm kỳ.

- Đánh giá kết quả phối hợp giữa Mặt trận đoàn thể với chính quyền thực hiện đối với từng đoàn thể.

- Phối hợp với Trung tâm chính trị huyện và các ngành liên quan để xây dựng chương trình đào tạo bồi dưỡng đoàn viên, hội viên nông cốt năm 2006 - 2010.

- Tổ chức sơ, tổng kết các Nghị quyết chuyên đề số 62 và 63 của Tỉnh ủy.

- Kiểm điểm kết quả thực hiện các chỉ tiêu về công tác vận động quần chúng và các mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ lần thứ X nhiệm kỳ 2005-2010.

1.3- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng tạo sự đồng thuận trong xã hội, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước.

- Quán triệt đến đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân về Nghị quyết X của Đảng, Nghị quyết VIII Đại hội Tỉnh Đảng bộ, Nghị quyết X huyện Đảng bộ, nhiệm kỳ 2005-2010 và Nghị quyết hàng năm của BCH Đảng bộ huyện đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân.

- Tăng cường giáo dục và tuyên truyền pháp luật, giáo dục lòng yêu nước. Lý tưởng, truyền thống cách mạng, ý thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân đến đoàn viên, hội viên vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Nâng cao ý thức cách mạng, chống mọi âm mưu diễn biến hoà bình, cảnh giác, phê phán những quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch.

- Hằng năm tổ chức phát động thi đua, kịp thời khen thưởng, biểu dương người tốt việc tốt.

1.4- Đẩy mạnh việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch vững mạnh.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở theo thông báo 159-TB/BBT và kế hoạch 141-KH/TU của Tỉnh ủy.

- Kiện toàn ban chỉ đạo quy chế dân chủ các cấp, phát huy vai trò của ban chỉ đạo, người đứng đầu lãnh đạo cơ quan đơn vị về thực hiện quy chế dân chủ. Nâng cao chất lượng thực hiện quy chế dân chủ theo các nghị định của chính phủ gắn với việc cải cách thủ tục hành chính.

1.5- Tăng cường công tác Dân vận của các cấp chính quyền và các cơ quan nhà nước, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước.

- Tăng cường công tác Dân vận của chính quyền, các cơ quan nhà nước theo chỉ thị 18/2000/CT-CP.

- Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục để nhân dân ý thức quyền lợi và nghĩa vụ công dân qua việc thực hiện tốt quy chế dân chủ, tạo điều kiện để dân thực hiện đúng phương châm. “dân biết, dân bàn, dân làm dân kiểm tra”.

- Thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa chính quyền với MTTQ, các đoàn thể các cấp.

1.6- Đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao hơn nữa vai trò công tác Dân vận của Đảng trong thời kỳ CNH-HĐH.

- củng cố đội ngũ làm công tác Dân vận từ huyện đến cơ sở từng bước đảm bảo yêu cầu, nhiệm vụ đề ra. Phân công cấp

ủy viên phụ trách công tác Dân vận, lấy việc vận động chăm lo bảo vệ lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân là mục tiêu chủ yếu của mọi hoạt động.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với MTTQ và các đoàn thể định hướng nội dung hoạt động. Duy trì định kỳ làm việc với MTTQ và các đoàn thể, lắng nghe ý kiến phản ánh của MTTQ và các đoàn thể, tăng cường chất lượng cán bộ làm công tác Mặt Trận và các đoàn thể, đặc biệt quan tâm xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh nhất là chỉ đạo xây dựng Đoàn ở địa bàn dân cư.

- Đổi mới hoạt động của Mặt Trận, các đoàn thể khắc phục tình trạng hành chính hoá, phô trương, hình thức, nâng cao chất lượng hoạt động; làm tốt công tác Dân vận theo phong cách: “trọng dân, gần dân, hiểu dân và có trách nhiệm với dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin”. Dựa vào dân để đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, tổ chức cho nhân dân đóng góp phê bình cán bộ, đảng viên. Tiếp tục thực hiện tốt thông tri 06 của UBMTTQ Việt Nam. Quan tâm giới thiệu những cán bộ Đoàn viên, hội viên ưu tú để cho Đảng xem xét kết nạp.

2. Biện pháp.

- Thường xuyên bồi dưỡng trình độ lý luận chính trị để nâng cao nhận thức trong công tác tuyên truyền của đội ngũ mạng lưới cộng tác viên, tuyên truyền viên, đảm bảo về số lượng và chất lượng,

- Tăng cường công tác tuyên truyền đến đoàn viên, hội viên, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và đài

truyền thanh cơ sở, mạng lưới tuyên truyền viên, cộng tác viên. Kết hợp sinh hoạt lồng ghép thông qua sinh hoạt đoàn thể, tổ nhân dân.

- Hàng năm Ban chỉ đạo quy chế dân chủ từ huyện đến cơ sở, tổ chức kiểm tra thực hiện quy chế dân chủ tất cả các loại hình, lĩnh vực để rút kinh nghiệm và kịp thời chỉ đạo hướng dẫn bổ sung thực hiện có hiệu quả các quy định. Đồng thời đảm bảo chế độ thông tin báo cáo, tổ chức sơ tổng kết theo định kỳ.

- Mặt Trận và các đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền đến các hội viên, đoàn viên nhằm phát huy dân chủ của người dân tham gia bàn và kiểm tra giám sát ở cơ sở.

- Hàng năm tổ chức sơ tổng kết để kiểm điểm đánh giá việc thực hiện công tác phối hợp giữa chính quyền với Mặt Trận, các đoàn thể, đánh giá những kết quả thực hiện công tác Dân vận chính quyền.

- Tham mưu cho huyện ủy chỉ đạo UBND các cấp tổ chức tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 18/2000/CT-CP theo đúng hướng dẫn của sở nội vụ và chỉ đạo của UBND tỉnh.

- Tăng cường công tác hướng về cơ sở, xây dựng lực lượng nòng cốt có chất lượng, phát triển đoàn viên, hội viên hàng năm đảm bảo chỉ tiêu đề ra.

- Tổ chức vận động nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, làm kinh tế giỏi. Tôn trọng và phát huy vai trò gương mẫu của những người tiêu biểu, có uy tín trong cộng đồng dân cư, các dân tộc, tôn giáo.

- Các cấp ủy có kế hoạch, đào tạo, bồi dưỡng sử dụng cán bộ làm công tác dân vận nói chung và cán bộ công tác tôn giáo, dân tộc.

- Tổng kết 5 năm thực hiện hướng dẫn 01 của Ban Tổ chức, Ban Dân vận trung ương và các hướng dẫn của Ban Dân vận, của Ban Tổ chức trung ương về tổ chức bộ máy cán bộ dân vận các cấp.

III/- TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện, Ban Dân vận Huyện ủy, MTTQ và các đoàn thể hàng năm xây dựng kế hoạch thực hiện công tác Dân vận phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị.

Ban Dân vận, Khối Dân vận phối hợp với MTTQ, các đoàn thể tham mưu cho cấp ủy về công tác Dân vận, công tác dân tộc, tôn giáo, người Hoa theo từng công việc cụ thể hàng năm, hàng quý ...

Ban Dân vận Huyện ủy hàng năm có kế hoạch phối hợp với TT chính trị huyện mở các lớp đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận, tổ chức tham gia trao đổi kinh nghiệm, tọa đàm, tổ chức hội thi xây dựng mô hình Dân vận khéo nhằm nhân ra diện rộng, đề xuất với cấp ủy Đảng và chính quyền tạo điều kiện và có chế độ khuyến khích cán bộ làm công tác Dân vận.

Trên đây là chương trình thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Huyện Đảng bộ lần thứ X nhiệm kỳ (2005-2010) về công tác Dân vận. Mặt Trận Tổ Quốc, các đoàn thể huyện,

khối Dân vận cơ sở căn cứ những nhiệm vụ và giải pháp trên vận dụng vào tình hình thực tế của địa phương, đơn vị để xác định chương trình, mục tiêu thực hiện cho từng thời gian, nhằm góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đại biểu huyện Đảng bộ đề ra.

**K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN
(Đã ký)
Nguyễn Thị Thuần**

Số: 01/CT-UBND

Định Quán, ngày 15 tháng 10 năm 2006

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ
HUYỆN LẦN THỨ X VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ,
GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM VÀ XÓA ĐÓI
GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2006 - 2010**

PHẦN THỨ NHẤT

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ
VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM:**

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH DẠY NGHỀ VÀ GIẢI
QUYẾT VIỆC LÀM GIAI ĐOẠN 2001 - 2005:**

Dân số của huyện đầu năm 2001 là 207.769 người (87.111 lao động có hoạt động kinh tế). Có 3.919 người thất nghiệp (chiếm tỷ lệ 4,5% trong tổng số lao động có hoạt động kinh tế); 5.053 người chưa có việc làm ổn định (chiếm tỷ lệ 5,8% trong tổng số lao động có hoạt động kinh tế).

Trong 05 năm (2001 - 2005) huyện giới thiệu việc làm cho 9.337 người, giải quyết việc làm tại chỗ cho: 15.571 lao động, nâng tỷ lệ sử dụng thời gian của lao động ở nông thôn lên 83%, đã đào tạo được 12.328 học viên, tỷ lệ lao động qua đào

tạo nghề năm 2005 là 12% trong tổng số lao động đang làm việc. Ngoài ra, có hàng chục ngàn hộ nông dân được tập huấn kiến thức về khuyến nông, khuyến lâm và khuyến ngư nhằm nâng cao kiến thức cũng như có điều kiện tiếp cận và ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào sản xuất, chăn nuôi. Qua đó, đã góp phần quan trọng trong thực hiện chương trình XDGN và từng bước chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế trên địa bàn huyện từ nông nghiệp sang các ngành công nghiệp, thương mại và dịch vụ. Nhận thức về tầm quan trọng của học nghề và việc làm trong nhân dân đã có sự chuyển biến theo hướng tích cực. Trung tâm dạy nghề của huyện sau khi thành lập và củng cố bước đầu đã phát huy hiệu quả, số lượng học viên học nghề ngày càng tăng, đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho học viên sau đào tạo được chú trọng.

Tuy nhiên, cơ cấu lao động còn mất cân đối, thiếu lao động kỹ thuật và lao động có tay nghề. Dạy nghề cho lao động nông thôn tuy có số lượng nhưng hiệu quả chưa cao, chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành, các cấp liên quan trong tư vấn, đào tạo và giải quyết việc làm, hỗ trợ vốn đầu tư sản xuất cho học viên sau học nghề còn ít. Bên cạnh đó, trình độ học vấn của nhiều lao động ở nông thôn còn thấp đã phần nào hạn chế kết quả, nhận thức và học tập của học viên. Cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giảng dạy cũng còn nhiều mặt hạn chế.

II. CHƯƠNG TRÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2006 - 2010:

1. Mục tiêu:

Phương hướng, mục tiêu của Đảng bộ huyện trong giai đoạn 2006 - 2010 đã nêu rõ:

- Xây dựng cơ cấu kinh tế nông, CN và dịch vụ với tỷ lệ: 40 - 41% nông lâm thủy sản; 23 - 24% công nghiệp xây dựng; 35 - 36% thương mại - dịch vụ.

- Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 22% trở lên vào năm 2010, phấn đấu mỗi năm có 5.000 lượt người được đào tạo nghề.

- Hàng năm có 3.000 - 3.500 lượt lao động được giải quyết việc làm.

2. Nội dung cụ thể:

2.1. Công tác đào tạo nghề:

Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề trên địa bàn huyện đã được nâng lên đến 12% năm 2005 (12.578 lao động được đào tạo nghề/104.520 lao động có liên quan đến hoạt động kinh tế). Dự kiến số lao động biến động qua các năm và kế hoạch đào tạo nghề như sau:

Năm	Lao động có liên quan đến hoạt động kinh tế (người)	Tổng số lao động qua đào tạo nghề (người)	% Lao động qua đào tạo nghề	Tổng số lao động dự kiến đào tạo nghề trong năm (người)	Trong đó	
					Đào tạo dài hạn	Đào tạo ngắn hạn
2006	107.000	17.619	16	5.041	700	4.341
2007	109.300	22.719	21	5.100	765	4.335
2008	111.700	28.219	25	5.500	880	4.620
2009	114.400	34.219	30	6.000	960	5.040
2010	117.200	40.719	35	6.500	1.040	5.460
Tổng cộng				28.141	4.345	23.796

Vậy tổng số lao động cần đào tạo nghề trong giai đoạn 2006 - 2010 là: 28.141 người, trong đó: đào tạo dài hạn là 4.345 người, đào tạo ngắn hạn là 23.796 người.

*** Phân chia theo hệ thống trường:**

Đơn vị tính: Người.

Năm	Tại các trường, trung tâm dạy nghề công lập	Tại các trung tâm, cơ sở dạy nghề ngoài công lập, các công ty, xí nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh	Cộng
2006	3.439	1.602	5.041
2007	3.315	1.785	5.100
2008	3.575	1.925	5.500
2009	3.900	2.100	6.000
2010	4.225	2.275	6.500
Tổng cộng	18.454	9.687	28.141

*** Phân theo luồng đào tạo:**

Đơn vị tính: Người.

Năm	Tại các cơ sở dạy nghề trên địa bàn huyện	Tại các cơ sở dạy nghề ngoài huyện	Cộng
2006	3.301	1.740	5.041
2007	3.325	1.775	5.100
2008	3.548	1.952	5.500
2009	4.000	2.000	6.000
2010	4.300	2.200	6.500
Tổng cộng	18.474	9.667	28.141

*** Phân chia theo nhóm ngành nghề đào tạo:**

- Nhóm 1: Gồm các nghề phục vụ sản xuất nông nghiệp như: Chăn nuôi, trồng trọt, sửa chữa máy nông nghiệp, bảo vệ thực vật.

- Nhóm 2: Gồm các nghề phục vụ cho công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp như: Điện công nghiệp, điện dân dụng, may

công nghiệp, mộc, xây dựng, đan lát, dệt thổ cẩm, mộc mỹ nghệ, sửa chữa xe gắn máy...

- Nhóm 3: Gồm các nghề văn phòng và dịch vụ như: Anh văn, thư ký văn phòng, tin học, nữ công gia chánh...

2.2. Công tác giải quyết việc làm:

Trong giai đoạn 2006 - 2010 phấn đấu mỗi năm giải quyết việc làm cho 3.000 - 3.500 lao động. Tập trung cung ứng lao động cho các công ty xí nghiệp trên địa bàn trong và ngoài huyện, giới thiệu, tạo nguồn xuất khẩu lao động đồng thời quan tâm triển khai tốt các chương trình dự án như: Chương trình XĐGN, dự án 120, chương trình kinh tế xã hội khác để giải quyết và ổn định việc làm tại chỗ cho lao động. Phân kỳ cụ thể như sau:

Đvt: Người.

Năm	Tạo việc làm mới				Tổng
	DN có vốn đầu tư nước ngoài	DN tư nhân và các cơ sở SXKD	Các DN, cơ quan, đơn vị nhà nước	Xuất khẩu lao động	
2006	1.500	1.270	180	50	3.000
2007	1.544	1.376	180	100	3.200
2008	1.600	1.410	190	100	3.300
2009	1.660	1.440	200	100	3.400
2010	1.700	1.500	200	100	3.500
Tổng cộng	8.004	6.980	950	450	16.400

PHẦN THỨ HAI

CHƯƠNG TRÌNH GIẢI NGHÈO

GIAI ĐOẠN III (2006 - 2010)

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÓA ĐÓI GIẢI NGHÈO GIAI ĐOẠN II (2001 - 2005):

Chấm dứt tình trạng tái đói, giảm 8.465/9.483 hộ nghèo, làm giảm tỷ lệ hộ nghèo của huyện từ 20,1% (năm 2001) xuống còn 2,4% (năm 2005).

Trong 05 năm qua, huyện đã cho vay mới 3.924 hộ, với kinh phí: 7,3 tỷ đồng, có 2.525 lượt người được trợ cấp thường xuyên, hơn 14.302 lượt người được trợ cấp đột xuất, 9.500 lượt học sinh nghèo được miễn giảm học phí, 88.697 người được cấp thẻ BHYT, 951 hộ được miễn giảm công trình điện, 1.530 con em hộ nghèo được đào tạo nghề ngắn hạn, 650 lao động nghèo có việc làm mới, 2.500 lao động khác được ổn định việc làm, cấp dầu thắp sáng được 2.560 lượt hộ với kinh phí 691,2 tỷ đồng, cấp muối cho 10.452 khẩu với kinh phí 352,755 triệu đồng. Xây dựng 944 căn nhà tình thương với tổng kinh phí 5,36 tỷ đồng, từng bước nhựa hóa đường giao thông đến trung tâm xã, 85% hộ dân được sử dụng điện, 75% hộ dân được sử dụng nước sạch, 02 xã đặc biệt khó khăn đã cơ bản hoàn thành mục tiêu của chương trình 135 và đang hòa nhập vào tiến trình đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện, 01 ấp hoàn toàn không có hộ nghèo (ấp 4- xã La Ngà), 06 xã chỉ còn dưới 1% hộ nghèo theo chuẩn nghèo của giai

đoạn II, cơ sở hạ tầng ở vùng nghèo được cải thiện rõ rệt, thu nhập bình quân của người nghèo tăng hơn 02 lần. Tuy nhiên nhìn tổng thể thì chương trình vẫn còn một số mặt hạn chế như:

- Chất lượng giảm nghèo thiếu tính bền vững, khả năng tái nghèo còn cao, sức vươn của người nghèo chưa rõ rệt, một bộ phận nhân dân nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thực sự còn nhiều khó khăn, cơ sở hạ tầng có mặt cũng còn nhiều thiếu thốn, làm hạn chế đến quá trình hội nhập và phát triển chung.

- Trong tổ chức thực hiện vẫn còn thiếu những giải pháp mũi nhọn đột phá, công tác tuyên truyền giáo dục hướng dẫn đối với người nghèo thiếu thường xuyên. Huy động nội lực trong nhân dân còn hạn chế, vẫn còn tâm lý ỷ lại, tự ti trong một bộ phận hộ nghèo.

- Việc phối hợp, lồng ghép chương trình chưa đồng bộ, công tác kiểm tra, đôn đốc thiếu thường xuyên, tình trạng ỷ lại cấp trên vẫn còn tồn tại ở một số xã.

II. CHƯƠNG TRÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN III (2006 - 2010):

1. Mục tiêu:

Nghị quyết Đại hội X của Đảng bộ huyện đã xác định đến năm 2010 hộ nghèo trên địa bàn huyện còn dưới 4% theo chuẩn mực của giai đoạn 2006 - 2010. Tập trung xóa hết hộ nghèo diện chính sách trong thời gian ngắn nhất. Cơ bản các xã vùng sâu, vùng xa có đủ các cơ sở hạ tầng thiết yếu, ít nhất

có 75% hộ nghèo được trực tiếp hưởng các chính sách xã hội ưu đãi (do quy định của chính sách nên không phải hộ nào cũng được hưởng đồng đều như nhau và điều kiện của từng hộ là khác nhau).

2. Nội dung cụ thể:

Một số tiêu chí cơ bản cần thực hiện trong công tác xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010 (*có bảng phụ lục kèm theo*).

PHẦN THỨ III:

GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. GIẢI PHÁP CỦA CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ:

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về đào tạo nghề: Các phòng ban liên quan tăng cường hướng dẫn, kiểm tra các hoạt động đào tạo nghề, đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí.

- Tăng cường nguồn lực tài chính cho đào tạo nghề: Tiếp tục tranh thủ các nguồn vốn của Trung ương, địa phương và nguồn tài trợ để đầu tư nâng cấp về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề đáp ứng yêu cầu nâng cao tay nghề cho người lao động. Các cơ sở dạy nghề cần tranh thủ sử dụng các loại nguyên vật liệu, vật tư cho thực hành, thực tập tại chỗ nhằm hỗ trợ tối đa cho học viên.

- Tập trung đào tạo nghề ở khu vực nông nghiệp, nông thôn nhằm nâng cao kiến thức, tay nghề cho người lao động thuộc diện hộ nghèo góp phần tích cực thực hiện có hiệu quả chương trình XĐGN - VL.

- Cơ sở dạy nghề chủ động kết hợp với Trạm khuyến nông, thú y và các trạm trại để tập huấn nghề và hỗ trợ nông dân sau học nghề phát triển sản xuất.

- Cơ sở dạy nghề phối hợp với UBND các xã, thị trấn, các trường THCS, THPT tiến hành khảo sát, phân luồng học sinh và có kế hoạch đào tạo những ngành nghề nhằm đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng lao động của các công ty, xí nghiệp trong và ngoài huyện.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân có khả năng mở ra cơ sở dạy nghề theo tinh thần Nghị quyết số: 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2006 của Chính phủ.

- Kết hợp với Đài truyền thanh đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông tin về thị trường lao động và việc làm, để mọi người tự xác định ngành nghề học phù hợp.

- Triển khai kịp thời các chính sách ưu đãi, khuyến khích đối với học sinh học nghề.

- Cơ sở dạy nghề hàng năm xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy đảm bảo bố trí giáo viên phù hợp, có năng lực và trình độ để thực hiện công tác dạy nghề.

- Phòng Nội Vụ - LĐTB&XH chủ trì phối hợp với các cơ sở dạy nghề tăng cường nắm bắt thông tin kịp thời về nhu cầu lao động của các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh trong và ngoài huyện để tham mưu UBND huyện xây dựng các phương án liên doanh, liên kết trong đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho học viên sau đào tạo.

II. GIẢI PHÁP CỦA CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM:

- Có chính sách thu hút các dự án đầu tư vào địa phương để giải quyết việc làm cho lao động.

- Tăng cường công tác tuyên truyền để thu hút lao động các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, con em các hộ nghèo về làm việc ở các khu công nghiệp.

- Tập trung cho vay các đối tượng lớn tuổi, văn hóa thấp ở nông thôn, các đối tượng chính sách, các hộ nghèo, các hộ mất đất do chuyển đổi đất nông nghiệp, tăng mức cho vay bình quân mỗi hộ từ 10 - 15 triệu đồng.

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền về mục tiêu, đối tượng, các chính sách, các hoạt động của chương trình giải quyết việc làm.

- Phòng Nội Vụ - LĐTB&XH có trách nhiệm tham mưu cho UBND huyện trong việc xây dựng kế hoạch giải quyết việc làm hàng năm và của từng giai đoạn cụ thể đảm bảo yêu cầu giảm tỷ lệ thất nghiệp, tăng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn.

- Tăng cường công tác phối hợp của các cơ quan, các ngành liên quan như: Tài chính Kế hoạch, Kinh tế, UB.MTTQ, Liên đoàn lao động, Hội liên hiệp phụ nữ, Hội nông dân, Đoàn thanh niên, Ngân hàng chính sách xã hội. Thực hiện tốt các chương trình giải quyết việc làm cho lao động.

III. GIẢI PHÁP CỦA CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO:

- Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, thống nhất của cấp ủy, chính quyền, sự tham gia tích cực của MTTQ, các thành viên và nhân dân.

- Các cấp, các ngành phải có chương trình giảm nghèo trong chương trình công tác hàng năm để lồng ghép các chương trình kinh tế - xã hội.

- Về nguồn lực tài chính ngoài sự hỗ trợ của Trung ương, tỉnh, huyện, xã cần chủ động cân đối phục vụ cho chương trình XĐGN.

- Trách nhiệm các cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức thực hiện như sau:

1. Phòng Nội Vụ - LĐTB&XH:

- Chịu trách nhiệm thường trực của Ban chỉ đạo XĐGN- VL huyện có nhiệm vụ tổng hợp, đề xuất giúp Ban chỉ đạo và UBND huyện quản lý, điều hành chương trình trên địa bàn huyện.

- Chủ trì và phối hợp với Trung tâm dạy nghề trong việc đào tạo nghề, ổn định và giải quyết việc làm kể cả đi hợp tác lao động nước ngoài. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác XĐGN, ứng dụng mô hình XĐGN bền vững. Quản lý cán bộ chuyên trách XĐGN, quản lý danh sách hộ nghèo. Dự toán và cấp kinh phí phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành chương trình, kiến nghị, đề xuất những giải pháp.

- Thực hiện tốt các chính sách ưu đãi cho người nghèo, đồng bào dân tộc nghèo.

2. Phòng Kinh tế; Phòng Tôn giáo dân tộc:

Xây dựng, thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng ở vùng nghèo, vùng dân tộc thiểu số, khuyến nông, lâm, ngư cho người nghèo, thực hiện các chính sách cho dân tộc thiểu

số nghèo theo Quyết định 134/QĐ-TTg, dự án định canh định cư.

3. Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội:

Chủ trì phối hợp với các đoàn thể xét cho vay hộ nghèo, kể cả lao động đi xuất khẩu, chủ động xây dựng kế hoạch vốn. kế hoạch cho vay, việc quản lý, thu hồi nợ, đề xuất xử lý nợ quá hạn, nợ rủi ro và đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội việc sử dụng đồng vốn của người nghèo.

4. Phòng Giáo dục:

Chủ trì có giải pháp điều kiện về trường học, tiếp tục nâng cao tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi ra lớp, có biện pháp nâng chất lượng hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng nhằm không ngừng nâng cao dân trí trong cộng đồng dân cư. Hướng dẫn các trường thực hiện các chính sách miễn giảm học phí và xã hội hóa giáo dục cho học sinh nằm trong diện XĐGN.

5. Phòng Y tế; Bảo hiểm xã hội:

- Có biện pháp nâng chất lượng hoạt động của các cơ sở y tế để thực hiện tốt việc khám, điều trị bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân (trong đó chú ý chính sách đối với người nghèo).

- Triển khai rộng rãi Thông tư liên tịch số: 22/2005 của liên Bộ Y tế - Tài chính về hướng dẫn thực hiện BHYT tự nguyện cho nhân dân đến năm 2010.

6. củng cố tổ chức cán bộ làm công tác XĐGN:

Củng cố kiện toàn Ban chỉ đạo XĐGN - VL cấp huyện, cấp xã, thị trấn. Bảo đảm sự ổn định của đội ngũ cán bộ chuyên trách để bảo đảm công tác được xuyên suốt.

7. UBND các xã, thị trấn:

Chủ tịch UBND các xã, thị trấn quan tâm chỉ đạo cán bộ chuyên trách XĐGN thường xuyên kiểm tra nắm tình hình hoạt động của các hộ vay vốn, bảo đảm vốn vay được sử dụng đúng mục đích và đạt hiệu quả.

** Nhóm giải pháp tổng hợp:*

- Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, thống nhất của cấp ủy, chính quyền, sự tham gia tích cực của MTTQ, các thành viên và nhân dân.

- Các xã, thị trấn và các ngành phải đưa chương trình XĐGN trong chương trình công tác hàng năm để lồng ghép các chương trình kinh tế - xã hội.

- Về nguồn lực tài chính: Ngoài sự hỗ trợ của Trung ương, tỉnh, huyện, xã, thị trấn cần chủ động cân đối phục vụ cho chương trình XĐGN.

- Phòng Nội Vụ - LĐTB&XH tiếp tục phối hợp với UB.MTTQVN huyện và các ban ngành đoàn thể vận động, xây dựng quỹ “Vì người nghèo”, thực hiện chương trình xây dựng nhà tình thương, phát động phong trào toàn dân hưởng ứng cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Trên đây là những nội dung chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Định Quán lần thứ X

nhiệm kỳ 2005 - 2010 của UBND huyện. Trong quá trình thực hiện có vướng mắc, cần điều chỉnh, bổ sung đề nghị các xã, thị trấn, các ngành báo cáo về Thường trực UBND huyện (qua phòng Nội Vụ - LĐTB&XH huyện) biết để có hướng giải quyết.

CHỦ TỊCH
(Đã.ký)
Phạm Quý Ngọc

Số: 02 /CT-UBND

Định Quán, ngày 15 tháng 10 năm 2006

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ
HUYỆN LẦN THỨ X VỀ ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC
VẬN ĐỘNG QUẦN CHÚNG BẢO VỆ ANTQ
Ở VÙNG GIÁO, VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ
GIAI ĐOẠN (2006 - 2010)

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT
ĐỘNG QUẦN CHÚNG BẢO VỆ ANTQ GIAI ĐOẠN 2001
- 2005:

Trong những năm qua chúng ta có những thuận lợi cơ bản là: Nước ta, sau 20 năm thực hiện đường lối đổi mới đã “đạt được những thành tựu to lớn, toàn diện, có ý nghĩa lịch sử, làm thay đổi bộ mặt của đất nước, cải thiện đáng kể đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”. Tình hình chính trị được ổn định, an ninh quốc phòng được giữ vững. Vị thế nước ta trên trường quốc tế tiếp tục được nâng cao, tạo thế và lực mới cho ta vững bước tiến vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đưa nước ta sớm trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Việc triển khai, thực hiện các chính sách tôn giáo, dân tộc của Đảng đã làm cho kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân vùng giáo, vùng dân tộc thiểu số ngày càng tin tưởng phấn khởi trước sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, tiếp tục nêu cao truyền thống cách mạng, đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Thực hiện Chương trình “phát động quần chúng bảo vệ ANTQ ở vùng giáo, vùng dân tộc” ban hành kèm theo Chỉ thị số 23/CT-UBH ngày 25/11/2002 của Chủ tịch UBND huyện Định Quán; Trong thời gian qua lực lượng Công an từ huyện đến cơ sở đã phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể trong toàn huyện tích cực phát động phong trào quần chúng bảo vệ ANTQ, phục vụ có hiệu quả việc thực hiện các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, góp phần giữ vững ổn định an ninh trật tự, phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, tình hình quốc tế luôn có những biến động và tiềm ẩn những vấn đề phức tạp, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng. Mặt khác các thế lực thù địch và bọn phản động luôn triệt để lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền để thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình” nhằm gây sức ép với Đảng và Nhà nước ta. Lợi dụng những sơ hở thiếu sót trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, tìm cách xuyên tạc tình hình ở Việt Nam, gây mất trật tự an ninh, chính trị xã hội.

Trên địa bàn huyện Định Quán, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vẫn còn diễn biến phức tạp. Đáng chú ý là tình trạng cướp, trộm cắp tài sản, tụ tập băng nhóm đánh nhau gây thương tích, gây rối trật tự công cộng theo kiểu “xã hội đen” trong lứa tuổi thanh, thiếu niên... đang là vấn đề đáng quan tâm, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân.

Thời gian qua, nhìn chung phong trào quần chúng bảo vệ ANTQ vẫn chưa mạnh, chưa duy trì thường xuyên, nên tác dụng, hiệu quả còn hạn chế; nhất là phong trào ở các vùng giáo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nguyên nhân có phần là do thiếu sự phối hợp đồng bộ, thường xuyên giữa các cấp, các ngành; chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác vận động quần chúng và trách nhiệm của mỗi ban, ngành, đoàn thể trong phong trào quần chúng bảo vệ ANTQ. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực ANTT, nhất là quá trình chỉ đạo triển khai, thực hiện Nghị quyết 09/CP và Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm trên địa bàn huyện nói chung và vùng giáo, vùng dân tộc thiểu số nói riêng trong thời gian qua còn có những tồn tại, thiếu sót.

Trước âm mưu “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, trước những chuyển biến nhanh chóng, phức tạp của tình hình thế giới, để góp phần đảm bảo sự ổn định về chính trị, tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước, công tác xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ ANTQ vùng giáo, vùng dân tộc thiểu số trong thời gian tới là một trong những nhiệm vụ quan trọng có tính chiến lược, trước mắt và lâu dài đối với Cấp ủy, Chính quyền các cấp từ Huyện đến cơ sở.

Từ tình hình trên, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Định Quán lần thứ X về nhiệm vụ Quốc phòng - An ninh. UBND huyện đề ra một số nội dung và biện pháp đẩy mạnh công tác vận động quần chúng bảo vệ ANTQ vùng giáo, vùng dân tộc thiểu số từ năm 2006 - 2010 như sau:

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

2.1. Mục tiêu, yêu cầu:

Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị bằng những cơ chế phối hợp giữa các Ban, Ngành, Đoàn thể quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng trong việc đẩy mạnh công tác vận động quần chúng thực hiện phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc vùng giáo, vùng dân tộc thiểu số. Gắn các phong trào phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương với phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền, vận động và tổ chức xây dựng phong trào quần chúng. Làm cho mọi người dân, nhất là đồng bào vùng sâu, vùng giáo, vùng dân tộc thiểu số hiểu rõ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trên lĩnh vực an ninh trật tự, từ đó tích cực tham gia phong trào quần chúng bảo vệ ANTQ.

2.2. Xác định địa bàn dân tộc, tôn giáo:

2.2.1. Địa bàn vùng dân tộc :

- Cộng đồng người Hoa gồm 5.364 hộ - 33.231 nhân khẩu sống chủ yếu ở các xã Phú Vinh, Phú Lợi và Phú Tân.

- Dân tộc Chơ ro gồm 663 hộ - 3.782 nhân khẩu sống chủ yếu tại các ấp Đồng Xoài, Đức Thắng 1, Đức Thắng 2 (xã Túc Trưng) và ấp 5 xã Thanh Sơn.

- Dân tộc Mạ gồm 270 hộ - 1267 nhân khẩu chủ yếu sống ở ấp Hiệp Nghĩa, TT Định Quán.

- Dân tộc Mường gồm 519 hộ - 2.610 nhân khẩu chủ yếu sống ở địa bàn xã Túc Trưng, Phú Túc.

- Dân tộc Khơ Me gồm 195 hộ - 923 nhân khẩu sống ở khu vực xã Phú Cường.

- Dân tộc Dao 323 hộ 2.365 nhân khẩu, Tày 522 hộ - 2.886 nhân khẩu và các dân tộc Nùng, Sán Dìu, Sán Chỉ, Mán, Thái, Chăm... khoảng gần 1000 khẩu sinh sống ở các xã Phú Vinh, Phú Lợi, Phú Tân và Thanh Sơn.

2.2.2. Địa bàn vùng giáo:

Phần lớn đồng bào có đạo sống tập trung ở các xã Phú Cường, Suối Nho, Phú Túc, Túc Trưng, La Ngà, Phú Ngọc và TT Định Quán.

- Đạo công giáo gồm: 8 giáo xứ, 10 giáo họ, 1 tu viện và 14 cơ sở dòng tu với 28 linh mục, 56 tu sỹ và 18 Ban hành giáo, 11.564 hộ - 59.274 khẩu.

- Phật giáo gồm: 13 chùa, 3 tịnh thất, 5 tịnh xá, 1 tu viện và 6 am cốc với 109 vị tăng ni, 6.773 hộ - 33.737 khẩu.

- Tin lành gồm: 4 Hội thánh, 2 điểm nhóm với 3 mục sư, 703 hộ - 3.461 khẩu (ngoài ra còn có 10 điểm nhóm gồm 7 hộ phái chưa được công nhận tư cách pháp nhân)

- Cao đài gồm: 2 thánh thất, 354 hộ - 1.892 khẩu
- Hoà hảo gồm: 100 hộ - 294 khẩu
- Hồi giáo gồm: 1 hộ - 10 nhân khẩu

2.3. Nhiệm vụ chung:

Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục trong nhân dân các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước như: Chính sách tôn giáo, chính sách dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân... để nhân dân nhận thức đúng về âm mưu “diễn biến hoà bình”, về lợi dụng “tự do tôn giáo”, về “dân chủ, nhân quyền” của các thế lực thù địch; cảnh giác trước âm mưu kích động, chia rẽ đoàn kết của chúng.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11/CT-BNV (V11) ngày 09/6/1994 của Bộ nội vụ (nay là Bộ Công an) về việc “đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ ANTQ vùng đồng bào theo đạo Thiên chúa trong tình hình mới”, Nghị quyết 08/TW của Bộ chính trị (Khoá VIII) về “chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia”, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 của BCH Trung ương (Khoá IX) về “chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”. Quán triệt Nghị quyết 09/CP của Chính phủ và Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm; Chương trình quốc gia phòng chống ma túy, Nghị quyết 13 của Chính phủ về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông. Thực hiện chương trình 4 giảm “tội phạm, ma túy, mại dâm, tai nạn giao thông” theo chỉ đạo của Tỉnh.

Phối hợp đồng bộ hoạt động của CAND các cấp với các Ban, Ngành, Đoàn thể dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy

sức mạnh của phong trào quần chúng trong việc bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn vùng giáo, vùng dân tộc.

2.4. Nhiệm vụ cụ thể:

2.4.1. Lãnh đạo Công an huyện, Công an các xã và thị trấn Định Quán, tiếp tục quán triệt nâng cao nhận thức cho CBCS về vai trò của quần chúng trong sự nghiệp bảo vệ ANTQ, luôn luôn thấm nhuần quan điểm quần chúng của Đảng trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Làm tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy, UBND các cấp, phối hợp với MTTQVN và các Ban, Ngành, Đoàn thể xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ ANTQ ở vùng giáo, vùng dân tộc thiểu số vững mạnh, đạt yêu cầu đề ra.

2.4.2. Tập trung khảo sát, đánh giá chất lượng phong trào quần chúng bảo vệ ANTQ ở vùng giáo, vùng dân tộc thiểu số trong toàn huyện hiện nay, xác định chỗ mạnh, chỗ yếu, vấn đề nào còn tồn tại, địa bàn nào còn yếu kém... trên cơ sở đó tham mưu cho cấp ủy, chính quyền mở đợt vận động tập trung, có sự chỉ đạo chặt chẽ với yêu cầu nội dung cụ thể. Trước mắt làm thí điểm ở một số địa bàn trọng điểm sau đó rút kinh nghiệm, nhân rộng ra các địa bàn khác .

2.4.3. Tiếp tục thực hiện Thông tri 07/TTr-TU ngày 31/3/2006 của Tỉnh ủy v/v “phát động quần chúng tham gia tấn công, trấn áp tội phạm bảo vệ an ninh trật tự”. Vận động nhân dân tích cực tố giác tội phạm, quản lý, giáo dục, giúp đỡ người lầm lỗi tại địa bàn dân cư, tự nguyện giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và các loại hung khí nguy hiểm như

dao, lê, mã tấu. Xem đây là phong trào thi đua đặc biệt, mạnh mẽ trong các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân, nhằm động viên mọi lực lượng tham gia bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Sau đợt thi đua này tiếp tục duy trì, củng cố phong trào ở những nơi phức tạp về ANTT, vùng giáo, vùng dân tộc thiểu số.

Thông qua phong trào xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ ANTT ở cơ sở, nắm tình hình, phát hiện và kiến nghị cấp ủy, chính quyền có biện pháp giải quyết kịp thời các mâu thuẫn phức tạp xảy ra trong nội bộ nhân dân, không để xảy ra “điểm nóng” về an ninh trật tự.

2.4.4. Ngành Công an chủ trì phối hợp với UBMTTQVN, các ban, ngành, đoàn thể, UBND các xã, thị trấn tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 09/CP của Chính phủ và Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm, phòng chống ma túy, các Nghị quyết liên tịch, Chương trình phối hợp giữa các ngành trong việc vận động quần chúng nhân dân tham gia phong trào bảo vệ ANTT. Gắn phong trào bảo vệ ANTT với các chương trình phát triển kinh tế, xã hội - an ninh quốc phòng, phong trào “xoá đói giảm nghèo”, “xây dựng gia đình văn hoá, làng xã an toàn”, “xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư”, phong trào “đền ơn đáp nghĩa”, “ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo”.v.v. để lồng ghép vận động có hiệu quả. Đồng thời tăng cường kiểm tra, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm để tiếp tục chỉ đạo phong trào.

2.4.5. Quan tâm tranh thủ những người có chức sắc trong các tôn giáo, già làng, trưởng bản trong đồng bào dân tộc

thiểu số để họ giúp đỡ, phối hợp với chính quyền trong việc vận động giáo dân, con em các dân tộc chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước trong hoạt động tôn giáo và dân tộc, cảnh giác trước những luận điệu tuyên truyền sai trái của bọn phản động lợi dụng tôn giáo, dân tộc; tích cực tham gia phong trào bảo vệ ANTQ.

2.4.6. Chăm lo xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, nhất là lực lượng quần chúng làm công tác bảo vệ ANTT ở các ấp, tổ, khu dân cư. Quan tâm bồi dưỡng phát triển đảng viên là người có đạo, người dân tộc thiểu số; thu hút đông đảo nhân dân vùng giáo, vùng dân tộc thiểu số vào các tổ chức quần chúng. Đây là đội ngũ cốt cán có vai trò, vị trí rất quan trọng, là cầu nối để chúng ta tuyên truyền vận động nhân dân, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, xây dựng đời sống văn hoá ở cộng đồng dân cư, từ đó làm nòng cốt cho việc xây dựng, thúc đẩy phong trào quần chúng bảo vệ ANTQ.

2.4.7. Xây dựng thêm các chốt dân phòng tại những địa bàn phức tạp, đồng thời củng cố, duy trì hoạt động thường xuyên Đội dân phòng chuyên trách của các xã, thị trấn. Vận động con em giáo dân, đồng bào dân tộc thiểu số tham gia lực lượng giữ gìn ANTT trên địa bàn. Quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của lực lượng này ở các địa bàn khó khăn, phức tạp.

III. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN:

- Công an huyện chủ động tham mưu cho Huyện ủy-UBND huyện, phối hợp với UBMTTQVN, các Ban, Ngành,

Đoàn thể trong huyện xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn huyện. Chỉ đạo Đội công an phụ trách xã về ANTT, Đội an ninh nhân dân, cùng Công an các xã, thị trấn Định Quán xây dựng chương trình hành động cụ thể để củng cố lực lượng cơ sở trong vùng giáo, vùng dân tộc làm nòng cốt cho phong trào.

Trong chương trình công tác hàng tháng, quý, 6 tháng, năm của Công an huyện phải lồng ghép chương trình về đẩy mạnh công tác phát động phong trào quần chúng bảo vệ ANTT ở vùng giáo, vùng dân tộc thiểu số để chỉ đạo các Đội nghiệp vụ, Công an các xã, thị trấn Định Quán thực hiện.

- Phòng Tôn giáo - Dân tộc chủ trì phối hợp với Phòng VH TT, Đài truyền thanh và Ban dân vận Huyện ủy tiếp tục thông tin tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo như Nghị quyết 24/NQ-TW của Hội nghị TƯ 7(khoá IX) về công tác dân tộc, Nghị quyết 25/NQ-TW ngày 12/3/2003 của BCH Trung ương Đảng khoá IX về vấn đề tôn giáo, Pháp lệnh tín ngưỡng tôn giáo ngày 18/6/2004 của UBTV Quốc hội, Chỉ thị 01/CT-TTg ngày 04/2/2004 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định 22/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính Phủ về công tác tôn giáo, dân tộc.v.v.

- UBND các xã, thị trấn nơi tập trung nhiều đồng bào theo đạo, và đồng bào dân tộc thiểu số có kế hoạch chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể đẩy mạnh chương trình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, củng cố lực lượng làm công tác bảo

vệ an ninh trật tự ở vùng giáo, vùng dân tộc thiểu số. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho bà con dân tộc nghèo, gia đình chính sách. Vận động giáo dân, đồng bào dân tộc thiểu số tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo, xây dựng gia đình, xóm ấp văn hoá... từ đó đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ ANTQ.

CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Phạm Quý Ngọc

Số: 03/CT-UBND

Định Quán, ngày 15 tháng 10 năm 2006

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ
HUYỆN LẦN THỨ X VỀ XÂY DỰNG THIẾT CHẾ
VĂN HÓA CƠ SỞ GIAI ĐOẠN 2006 - 2010**

PHẦN THỨ I:

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ XÂY DỰNG THIẾT CHẾ
VĂN HÓA CƠ SỞ GIAI ĐOẠN 2001 - 2005**

I. NHỮNG THUẬN LỢI KHÓ KHĂN:

1. Thuận lợi:

Được sự quan tâm của Đảng bộ huyện và các cơ quan ban ngành, đoàn thể đã đưa việc phát triển các thiết chế văn hoá vào chỉ tiêu nghị quyết để thực hiện. Đặc biệt là sự đồng tình hưởng ứng của nhân dân địa phương thông qua việc tham gia các phong trào hoạt động VH-TT-TDTT, xem xây dựng thiết chế VH-TT cơ sở là của mọi người để đến đây vui chơi giải trí, học tập, giao lưu, hưởng thụ và sáng tạo VH-TT-TDTT.

2. Khó khăn:

Là huyện miền núi, địa bàn rộng, dân cư sống rải rác không tập trung, phong tục tập quán không đồng nhất, kinh tế

phát triển không đều, dân tộc ít người chiếm tỷ lệ cao. Vì vậy, phát triển các thiết chế văn hóa thông tin cơ sở có phần hạn chế, các hạng mục xây dựng chưa thật phù hợp với hoạt động VH-TT-TDTT ở địa phương.

Quy chế hoạt động chưa phù hợp, kinh phí chưa đảm bảo.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG:

Giai đoạn 2001 - 2005, hoạt động VH-TT-TDTT có bước phát triển đáng kể với nhiều hoạt động VH-TT-TDTT diễn ra sôi nổi có chất lượng và hiệu quả. Công tác bảo tồn văn hoá các dân tộc ít người, lễ hội truyền thống dân gian được các cấp Ủy Đảng quan tâm, chú trọng. Trong đó các thiết chế VH-TT-TDTT từ huyện đến cơ sở được đầu tư xây dựng cụ thể:

Trung tâm VH-TT-TDTT Huyện, Thư viện huyện, Đài Truyền thanh huyện, có 9/14 xã, thị trấn có Trung tâm VH-TT-TT, 10/14 xã, thị trấn có bưu điện văn hoá, có 35/45 thư viện trường học, 01 nhà văn hoá cộng đồng Châu Ro Túc Trưng, hoàn thành các hạng mục và tôn tạo di tích Tượng Đài chiến thắng La Ngà, phát huy tiềm năng du lịch của di tích danh lam thắng cảnh Đá Ba Chồng, khu du lịch Thác Mai, Thác Ba Zọt.

Về Thể dục thể thao có 01 sân vận động huyện, 03 sân quần vợt, có 03 sân vận động xã và rất nhiều sân cầu lông, bóng chuyền được nhân dân tự xây dựng để vui chơi giải trí.

Trung tâm VH-TT-TDTT Huyện tổ chức được nhiều loại hình câu lạc bộ, thể hình, Aerobic, bóng bàn, quần vợt, đờn ca

tài tử...Toàn huyện có 01 đội thông tin lưu động, 14 đội văn nghệ quần chúng cấp xã, thị trấn, 03 đội văn nghệ dân tộc ít người: Châu Ro, Châu Mạ, Mường. Ngoài ra, công tác phát triển xã hội hoá VHVN, TDTT được nhân dân quan tâm và xây dựng cụ thể: 03 câu lạc bộ nghệ thuật (hát cho nhau nghe), có 03 cơ sở hồ bơi và nhiều hoạt động văn hóa - thông tin khác có bước phát triển đáng kể.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được vẫn đang còn những mặt tồn tại cần quan tâm như: Trung tâm VHTT-TT xã hoạt động còn nhiều lúng túng bất cập như quy chế hoạt động chưa phù hợp, kinh phí còn hạn chế, cán bộ quản lý còn thiếu về chuyên môn nghiệp vụ, chất lượng công trình và các hạng mục xây dựng còn nhiều điểm chưa phù hợp nên việc sử dụng gặp không ít khó khăn. Đời sống kinh tế nhân dân còn thấp nên công tác hoạt động xã hội hoá VHTT-TDTT chưa được chú trọng và phát huy có hiệu quả.

Bên cạnh đó còn một số cơ sở chưa thực sự quan tâm về phát triển các thiết chế văn hoá cơ sở, chưa xem đây là môi trường văn hoá lành mạnh cho mọi tầng lớp nhân dân địa phương tham gia vui chơi giải trí, hưởng thụ và sáng tạo, bảo tồn các tinh hoa văn hoá dân tộc.

Tuy nhiên, nhìn chung công tác xây dựng các thiết chế văn hoá thể dục thể thao trên địa bàn huyện trong thời gian qua đã được các cấp, các ngành quan tâm và đã đáp ứng được một phần không nhỏ nhu cầu về sinh hoạt cũng như hưởng thụ VHTT-TDTT của nhân dân trong huyện.

PHẦN THỨ II

MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

I. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu chung:

- Xây dựng và phát triển đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa thông tin cơ sở, khắc phục tình trạng chênh lệch về mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân giữa các vùng trong huyện.

- Tạo sự phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa thông tin qua việc tổ chức hoạt động, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa ở cơ sở, đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa các hoạt động văn hóa, huy động các nguồn lực nhằm tăng cường cơ sở vật chất, tạo điều kiện để nhân dân tham gia vào thực hiện mục tiêu “xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc”.

- Phát huy hiệu quả sự nghiệp văn hóa thông tin cơ sở trong việc xây dựng con người mới có tư tưởng, đạo đức, lối sống lành mạnh, có ý thức đấu tranh chống tư tưởng và hành động phản văn hóa dân tộc.

- Xây dựng thiết chế văn hoá ở cơ sở là nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng đời sống văn hoá của nhân dân, thu hút các tầng lớp nhân dân tham gia vào các hoạt động tiến bộ, lành mạnh, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong hưởng thụ và sáng tạo những giá trị văn hoá.

- Từng bước hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá cơ sở như thư viện, bưu điện văn hoá xã, thư viện trường học, nhà

truyền thống, Trung tâm VH-TT các xã, thị trấn, Đài truyền thanh.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Phấn đấu xây dựng 14/14 xã, thị trấn có trung tâm VH-TT, đạt 100%.

- 100% Trung tâm VH-TT có quy chế hoạt động phù hợp với địa phương.

- Duy trì và phát huy có hiệu quả 10/14 bưu điện văn hóa hiện có ở các xã, thị trấn.

- 100% công sở có tủ sách kể cả hệ thống thư viện các công ty, xí nghiệp trên địa bàn huyện.

- 45/45 trường học ở bậc tiểu học và THCS có thư viện trường học và phòng truyền thống.

- Tiếp tục xây dựng phần 2 khu di tích Tượng đài chiến thắng La Ngà, bảo tồn và phát huy tiềm năng du lịch của di tích danh lam thắng cảnh Đá Ba chồng, thắng cảnh Thác Mai, Thác Ba Zọt.

- Xây dựng hoàn thành và đưa vào hoạt động nhà văn hoá dân tộc Châu Mạ thị trấn Định Quán, phát huy hiệu quả nhà văn hoá cộng đồng dân tộc Châu Ro xã Túc Trưng, quy hoạch quỹ đất để xây dựng nhà văn hóa dân tộc Dao ở xã Thanh Sơn, dân tộc Mường xã Túc Trưng.

- Duy trì các đội Văn nghệ dân tộc ít người hiện có và phát triển các câu lạc bộ sở thích thể dục thể thao của dân tộc trên địa bàn huyện.

- Phấn đấu 100% xã, thị trấn có sân bóng chuyền, cầu lông và 40% xã có sân bóng đá.

- Phấn đấu xây dựng nhà thi đấu đa năng của huyện.

- Nâng số người tập thể dục 27.000 người/ngày đạt tỷ lệ 12,3%. Số gia đình tập thể thao trên 2.500 gia đình/ ngày. Đạt 6,4%.

- Phấn đấu 80% cán bộ văn hóa TT cấp huyện đạt trình độ Đại học, cao đẳng trở lên về chuyên môn; 100% Cán bộ văn hoá thông tin xã, thị trấn đạt trình độ trung cấp và 15% đạt trình độ đại học.

- Kiện toàn bộ máy hoạt động VH TT-TDTT từ huyện đến cơ sở, đầu tư cho công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ văn hoá thông tin cơ sở, xây dựng nâng cấp, tu sửa các công trình VH TT-TDTT trên địa bàn huyện.

- Nâng cao chất lượng các công trình văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao để đảm bảo mức hưởng thụ và nhu cầu VH TT-TDTT của người dân nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, vùng kháng chiến cũ.

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

- Từng bước hoàn thiện, nâng cấp hệ thống thiết chế văn hóa thông tin cơ sở từ huyện đến xã, thị trấn gồm: cơ sở vật chất, bộ máy tổ chức, cơ chế hoạt động, chính sách đào tạo cán bộ.

- Đầu tư phát triển hệ thống thiết chế văn hóa thông tin cơ sở của huyện như xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh phí hoạt động

phong trào VHVN-TDĐT, hoạt động nghiệp vụ, đào tạo cán bộ, mua sắm trang thiết bị chuyên dùng.

- Quy hoạch quỹ đất để xây dựng các thiết chế VH-TT của những xã còn lại.

- Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ VH-TT cơ sở, có cơ chế, chính sách hợp lý nhằm động viên những CB hiện đang công tác trong ngành.

- Tuyên truyền vận động và đẩy mạnh công tác xã hội hoá VH-TT, huy động mọi nguồn lực xã hội để xây dựng, phát triển các thiết chế VH cơ sở.

- Đẩy mạnh công tác hướng dẫn, hỗ trợ nhằm phát huy có hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa thông tin cơ sở.

- củng cố và phát huy các thiết chế văn hoá đã có, đồng thời mở rộng và phát triển những thiết chế khác đảm bảo hoạt động có chất lượng, có phạm vi rộng trên địa bàn huyện.

- Phát triển, khai thác giá trị văn hoá của các dân tộc từ đó làm hạt nhân cho phong trào văn hoá cơ sở, làm cho các hình thức sinh hoạt VHVN- TDĐT trở thành công cụ giáo dục các giá trị chân - thiện - mỹ, phải đem đến cho công chúng những khát vọng sống có lý tưởng, có đạo đức cách mạng và phải đáp ứng nhu cầu tinh thần cho quần chúng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

- Đề nghị UBND Tỉnh có kế hoạch phân bổ kinh phí để cùng với Huyện đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các thiết chế văn hóa trên địa bàn huyện.

- Phòng Văn hóa TT - TT chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các xã, thị trấn Định Quán lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình; đồng thời lồng ghép với các dự án, đề án về văn hóa xã hội, kinh tế, chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa đến năm 2010 - 2020.

- Các cơ quan liên quan và UBND các xã, thị trấn Định Quán trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp với Phòng Văn hóa TT - TT tổ chức thực hiện chương trình này, cụ thể:

+ Phòng Tài chính KH, UBND các xã, thị trấn Định Quán cân đối bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương và nhân dân đóng góp để đầu tư xây dựng, trang bị cơ sở vật chất.

+ Phòng Nội vụ Lao động TB&XH có kế hoạch để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, củng cố tổ chức bộ máy hoạt động có hiệu quả.

+ Phòng Tài nguyên MT, UBND các xã, TT Định Quán có kế hoạch quy hoạch quỹ đất phù hợp với địa phương để xây dựng các thiết chế văn hóa ở cơ sở.

+ Ban Quản lý DA, Phòng Hạ tầng KT cùng phối hợp thực hiện các hồ sơ, thủ tục về xây dựng cơ sở vật chất cho các thiết chế văn hóa.

+ Đài Truyền thanh, UBND các xã, thị trấn Định Quán có kế hoạch tuyên truyền vận động và đẩy mạnh công tác XHHVH trong việc huy động mọi nguồn lực để xây dựng và phát triển các thiết chế văn hóa.

- Để đảm bảo cho Chương trình hành động tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả, Phòng Văn hóa TT - TT có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và thường xuyên kiểm tra các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn Định Quán trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời tổng hợp, báo cáo kết quả cho UBND huyện theo định kỳ hàng năm và đột xuất.

- Đề nghị Ủy Ban MTTQ và các đoàn thể huyện cùng phối hợp với UBND Huyện tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình này đảm bảo phát huy và có hiệu quả trong giai đoạn 2006 - 2010.

BẢNG KÊ THỜI GIAN XÂY DỰNG

STT	TÊN LOẠI HÌNH	ĐỊA CHỈ	NĂM XÂY DỰNG				
			2006	2007	2008	2009	2010
01	Trung tâm VH-TT xã	La Ngà		X			
02	Trung tâm VH-TT xã	Phú Túc			X		
03	Trung tâm VH-TT xã	Phú Vinh				X	
04	Trung tâm VH-TT xã	Phú Lợi				X	
05	Trung tâm VH-TT	Thị trấn Định Quán					X
06	Nhà văn hoá dân tộc Châu mạ	Thị trấn Định Quán		X			
07	Nhà thi đấu đa năng	Huyện		X			

CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Phạm Quý Ngọc

Số: 04 /CT-UBND

Định Quán, ngày 15 tháng 10 năm 2006

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ
HUYỆN ĐỊNH QUÁN LẦN THỨ X VỀ PHÁT TRIỂN
CÁC NGÀNH DỊCH VỤ GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CÁC NGÀNH DỊCH VỤ
GIAI ĐOẠN 2001 -2005:

1. Thương mại - du lịch:

1.1. Thương mại:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa thị trường ở huyện năm 2001 là 355 tỷ đồng, năm 2005 là 569 tỷ đồng. Tốc độ tăng bình quân năm 11,4%. Trong đó mức bán lẻ thương nghiệp ngoài quốc doanh năm 2001 là 351 tỷ đồng, thương nghiệp quốc doanh 4 tỷ. Năm 2005 mức bán lẻ thương nghiệp ngoài quốc doanh là 569 tỷ chiếm 100% tổng mức bán lẻ toàn huyện, tốc độ tăng bình quân của thương mại ngoài quốc doanh là 11,8%/năm.

Thương nghiệp ngoài quốc doanh phát triển khá về tiềm lực và chi phối chủ yếu trong lĩnh vực bán lẻ thị trường trong huyện.

Năm 2001, trên địa bàn huyện có một Công ty thương mại, từ năm 2002 ngưng hoạt động và đã giải thể. Doanh nghiệp tư

nhân hoạt động thương mại năm 2001 có 29; năm 2005 có 36 tăng 5,9%. Hộ kinh doanh cá thể năm 2001 có 5535, năm 2005 có 5850, tăng 3,6%, năm 2005 có 7 HTX hoạt động kinh doanh thương mại.

1.2. Du lịch:

Huyện đã định hướng được các điểm tuyến du lịch để đưa vào qui hoạch tổng thể của Tỉnh đó là: Khu du lịch Thác Mai; khu danh lam thắng cảnh đá Ba Chồng; thác Ba Zọt, các cù lao trên sông Đồng Nai và lòng hồ Trị An.

Đến năm 2005, khu du lịch Thác Mai, hồ nước nóng tại Lâm Trường Tân Phú đã được tỉnh phê duyệt qui hoạch. Đã xây dựng xong 8 km đường bê tông nhựa, hiện nay huyện đang phối hợp với Lâm trường Tân Phú kêu gọi đầu tư vào khu du lịch Thác Mai.

Hàng năm không có thống kê lượng khách du lịch đến huyện nhưng thực tế đã có từ 30.000-35.000 lượt khách đến Thác Mai, thác Ba Zọt tham quan và nghỉ mát.

2. Ngân hàng tín dụng:

Hiện nay trên địa bàn huyện có 2 chi nhánh ngân hàng thương mại: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng phát triển nhà ở Đồng bằng sông cửu long; một Ngân hàng chính sách xã hội; 2 quỹ tín dụng nhân dân một ở xã Phú Túc, một ở xã Phú Lợi. Trong đó chi nhánh ngân hàng phát triển nông nghiệp nông thôn là đơn vị chủ lực trong việc huy động vốn, cho vay phát triển sản xuất và tiêu dùng trong nhân dân ở huyện. Sau đây là kết quả hoạt động huy động và

sử dụng vốn của Ngân hàng phát triển nông nghiệp nông thôn:

a. Huy động vốn tại chỗ từ năm 2001 - 2005:

Nguồn huy động vốn tại chỗ bình quân 1 năm tăng 20,7% tỷ (Huy động năm sau tăng hơn so với năm trước), tỷ lệ tăng 23%/năm. Thực hiện huy động vốn cuối năm 2005 đạt 129,6 tỷ đồng. (năm 2001: 44,3 tỷ đồng) . Huy động vốn trong dân cư chiếm 54% so với tổng số huy động vốn.

b. Sử dụng vốn:

Doanh số cho vay năm sau cao hơn năm trước. Năm 2001 tổng doanh số cho vay 72 tỷ với 9791 lượt hộ vay, năm 2003 tổng doanh số cho vay 184 tỷ với 12774 lượt hộ vay, bình quân một năm tăng 23 tỷ đồng. Tỷ lệ tăng năm sau so với năm trước bình quân 19%; bình quân 1 năm cho vay 122 tỷ đồng. Với kết quả cho vay qua 5 năm cho thấy mức độ đầu tư của Ngân hàng ngày càng được mở rộng cả về qui mô cũng như số hộ được vay và số tiền đầu tư.

Ngân hàng cho vay để phát triển sản xuất nông nghiệp (Trồng trọt, chăn nuôi) chiếm 68% tổng dư nợ (Số tiền 101/148 tỷ); cho vay tiêu dùng: 15% (22 tỷ) và các lĩnh vực khác (Thương mại, CN.TTCN v.v..) 17%.

Trong 5 năm (2001-2005) Ngân hàng phát triển nông nghiệp nông thôn đã cho vay một số lượng vốn đầu tư SXKD, tạo việc làm cho người lao động và khách hàng sử dụng vốn có hiệu quả, trả nợ gốc, lãi đúng hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Chất lượng tín dụng ngày càng được nâng

cao, nợ xấu giảm dần, tỷ lệ nợ quá hạn chỉ còn 0,09% trên tổng dư nợ.

Việc cho vay hộ nghèo, hộ chính sách được phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Định Quán thực hiện. Mặc dù mới được thành lập từ năm 2003, nhưng phòng giao dịch NHCSXH huyện Định Quán đã có nhiều cố gắng trong việc giải ngân cho vay vốn phục vụ người nghèo và đối tượng chính sách. Kết quả như sau: Doanh số cho vay người nghèo năm 2003: 617 hộ số tiền vay 1,4 tỷ; năm 2004: 703 hộ số tiền cho vay 2,2 tỷ; năm 2005: 1155 hộ số tiền vay 5, 1 tỷ. Doanh số cho vay tạo việc làm: năm 2003: 215 hộ, số tiền vay: 996 triệu; năm 2004: 314 hộ, số tiền vay 1, 5 tỷ đồng; năm 2005: 224 hộ, số tiền vay 1,25 tỷ.

Trong hoạt động phòng giao dịch NHCSXH huyện Định Quán đã chủ động phối hợp với các ban ngành từ huyện đến xã triển khai các chủ trương, biện pháp hoạt động để mở rộng và tăng cường chất lượng tín dụng. Giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng hộ nghèo đến xã, thị trấn kịp thời.

3. Bưu chính viễn thông.

Trước yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước nói chung và huyện Định Quán nói riêng và quá trình chuẩn bị hội nhập nền kinh tế và khu vực. Lĩnh vực bưu chính viễn thông trên cả nước nói chung và ở Định Quán nói riêng đã có sự phát triển vượt bậc. Xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện đại, phát triển các loại dịch vụ đáp ứng nhu cầu trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội.

a. Bưu chính:

Đến năm 2005 toàn huyện đã có 4 bưu cục, 10 điểm bưu điện văn hóa xã; 28 đại lý điện thoại công cộng; 21 đại lý bưu điện; 19 đại lý Internet. Tổng số điểm phục vụ về bưu chính trong huyện có đến năm 2005 là 82. bán kính phục vụ 1,94km (năm 2001: có 43 điểm phục vụ; bán kính phục vụ 2,64 km)

b. Viễn thông:

- Điện thoại.

Về dung lượng mạng: năm 2001 toàn huyện có 6629 số đến năm 2005 tăng lên: 15184 số.

Số thuê bao cố định: năm 2001 có 5412 máy, năm 2005 có 12978 máy.

Số thuê bao di động: năm 2001 có 308 máy, năm 2005 có 2400 máy.

Năm 2001 có 3 máy điện thoại /100dân; năm 2005 đạt 7 máy/100 dân.

- Internet (ADSL).

Về dung lượng mạng: năm 2001 chưa có; đến năm 2005 có 24 số.

Năm 2001 chưa có máy thuê bao; đến năm 2005 có 13 máy thuê bao.

- Trạm viễn thông.

Năm 2001 có 4 trạm, năm 2005 có 6 trạm.

Đài viễn thông đã đầu tư được mạng ngoại vi (mạng cáp) giá trị 7 tỷ đồng năm 2005 (năm 2001 đầu tư 1 tỷ đồng).

Nhìn chung thông tin liên lạc ở Định Quán đã từng bước phát triển kịp yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn. Sự phát triển công nghệ bưu chính viễn thông 5 năm 2001 - 2005 đã mang lại nhiều dịch vụ mới tiện ích cho xã hội và người tiêu dùng, tiết kiệm được chi phí thời gian, nhân lực vật lực, làm cho đời sống xã hội ngày càng văn minh hiện đại, kể cả một số xã vùng sâu, xa.

4. Điện lực:

Đến năm 2005, toàn huyện có 245 km đường trung thế (năm 2001: 191 km) 235 km hạ thế (năm 2001: 132 km), 238 trạm biến áp (năm 2001: 166 trạm). Dung lượng điện năm 2005 là 20.000 KVA (năm 2001: 14940 KVA).

Về tổng sản lượng điện cung cấp: năm 2005: 58 triệu KW (năm 2001: 33 triệu KW).

Đã cung cấp điện cho các ngành trong năm 2005 như sau: Nông nghiệp 1,8 triệu KW (năm 2001: 619.797 KW) công nghiệp xây dựng: 20,5 triệu KW (năm 2001: 11,1 triệu KW) thương mại khách sạn: 320.700 KW (năm 2001: 196.600 triệu KW) quản lý, tiêu dùng dân cư: 33,4 triệu KW (năm 2001: 20,1 triệu KW), hoạt động khác: 1,9 triệu KW (năm 2001: 996.000 KW).

Số hộ có điện năm 2005: 33875 hộ (năm 2001: 26.477 hộ).

Ngành điện đã có cố gắng đầu tư kết cấu kỹ thuật để tải và cung cấp điện cho các ngành sản xuất và sinh hoạt tiêu dùng dân cư. Hiện nay 14/14 xã, thị trấn đã có điện đến trung tâm. Các khu dân cư trọng điểm ở các xã vùng sâu xa như Thanh Sơn, Phú Tân, Phú Hòa cũng đã có điện thắp sáng. Đường

dây tải điện được sửa chữa nâng cấp tốt hơn, hoàn chỉnh hơn nên việc cung cấp điện có chất lượng hơn rất nhiều so với các năm trước.

5. Đánh giá chung về phát triển các ngành dịch vụ giai đoạn 2001-2005.

5.1. Thương mại du lịch.

a. Những kết quả và sự chuyển biến tiến bộ chung của thương mại du lịch:

- Thương mại huyện Định Quán trong giai đoạn 2001 - 2005 có sự chuyển biến theo chiều hướng tích nghi dần với cơ chế thị trường, không còn tình trạng chia cắt thị trường, đã huy động được tiềm năng về vốn và nhân lực, vật lực vào lưu thông hàng hóa, giá cả tương đối ổn định.

- Thương mại ở huyện đã từng bước hội nhập với thương mại của tỉnh và của cả nước. Các dịch vụ thương mại được hình thành và từng bước phát triển. Các điểm không gian du lịch bước đầu đã được hình thành.

- Vai trò quản lý nhà nước đối với các hoạt động thương mại - du lịch được tăng cường từ huyện đến xã, hiện nay 8 xã có cán bộ thương mại, 6 xã có cộng tác viên thương mại.

b. Hợp tác xã hoạt động thương mại:

Đến năm 2005, huyện có 7 HTX hoạt động thương mại, trong đó có 6 HTX dịch vụ nông nghiệp có hoạt động thương mại và kinh doanh vật tư nông nghiệp, mua bán nông sản phẩm, kinh doanh hàng tiêu dùng và 1 HTX thương mại dịch vụ kinh doanh thiết bị máy văn phòng, tin học và dịch vụ môi

trường. Hoạt động thương mại của các HTX bước đầu còn nhỏ, kết quả chưa cao.

c. Thương mại ngoài quốc doanh:

Thương mại ngoài quốc doanh ở huyện phát triển với tốc độ khá, và đang chiếm toàn bộ tổng mức bán lẻ trên thị trường. Các ngành kinh doanh xăng dầu, dịch vụ nông nghiệp được qui hoạch và hoạt động tốt đáp ứng đủ nhu cầu thiết yếu về vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp, vận tải, và các ngành nghề khác. Các ngành kinh doanh điện máy, hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng được mở rộng qui mô, vốn chủng loại, đáp ứng đủ nhu cầu cho nhân dân. Hệ thống thu mua nông sản như Điều, Xoài, Quýt v.v...được mở rộng tạo thuận lợi cho việc nông dân bán sản phẩm.

d. Những hạn chế, tồn tại của thương mại du lịch:

- Bên cạnh sự phát triển của thị trường, các thành phần kinh tế, nhất là thành phần kinh tế ngoài quốc doanh hình thành và phát triển nhanh về số lượng nhưng chủ yếu theo hướng tự phát, qui mô còn nhỏ.

- Thương mại ở huyện chưa hình thành được đầu mối quan trọng, đủ sức tiêu thụ nông sản. Vì vậy thị trường tiêu thụ nông sản còn bấp bênh.

- Thương nghiệp HTX hoạt động còn yếu, đa số các HTX kinh doanh tổng hợp, trong khi đó thiếu vốn, trình độ quản lý kinh doanh còn yếu vì vậy hoạt động thương mại ở các HTX chưa phát triển ngang tầm so với yêu cầu của thị trường, người sản xuất và người tiêu dùng.

- Việc thu hút đầu tư cho thương mại - du lịch trên địa bàn huyện còn rất hạn chế - cơ sở kết cấu hạ tầng phục vụ thương mại - du lịch còn hạn chế.

- Vai trò quản lý nhà nước trên lĩnh vực thương mại - du lịch chưa được quan tâm. Sự kết hợp quản lý giữa các cơ quan chức năng ở huyện và xã chưa chặt chẽ, chưa có biện pháp hữu hiệu nhằm ngăn chặn những biểu hiện tiêu cực trong hoạt động kinh doanh.

e. Các nguyên nhân tồn tại của thương mại du lịch:

** Nguyên nhân khách quan.*

- Sản xuất và lưu thông hàng hóa trên địa bàn huyện về cơ bản còn nhỏ về qui mô và vốn, đời sống nhân dân chưa cao. Một số mặt hàng nông sản chủ yếu là bán sản phẩm thô nên giá trị sản phẩm chưa cao.

- Hành lang pháp lý cho kinh doanh còn một số điểm chưa thông thoáng. Một số lĩnh vực còn thiếu nhiều văn bản qui định, định hướng để thương mại - du lịch phát triển nhanh và bền vững.

** Nguyên nhân chủ quan.*

- Nhận thức về vai trò, vị trí của thương mại - du lịch còn xem nhẹ, do đó thiếu quan tâm chỉ đạo và chưa chú trọng về các mặt, chưa có chính sách, biện pháp cụ thể để thu hút đầu tư thu mua nông sản, đầu tư phát triển du lịch.

- Các HTX có hoạt động thương mại chưa định hướng tốt được hình thức tổ chức và phương thức hoạt động, chưa huy

động đủ vốn và chưa tiếp cận được thị trường để kinh doanh phát triển.

- Công tác quản lý nhà nước đối với thương nghiệp ngoài quốc doanh chưa được coi trọng, chưa có định hướng qui hoạch cho thương nghiệp ngoài quốc doanh phát triển cân đối từng ngành và từng khu vực trên địa bàn huyện, chưa có biện pháp cụ thể trong việc khuyến khích thành phần kinh tế này phát triển theo đúng định hướng phát triển kinh tế kinh tế xã hội chung.

- Chưa có qui hoạch chi tiết cụm, khu, tuyến du lịch để từng bước đầu tư và kêu gọi đầu tư vào du lịch sinh thái.

5.2. Ngân hàng.

Mặc dù Ngân hàng đã có nhiều tích cực trong huy động vốn và cho vay vốn phục vụ phát triển sản xuất và tiêu dùng. Nhưng nguồn vốn huy động và cho vay chủ yếu là ngắn hạn, huy động vốn và cho vay trung dài hạn còn ít. Hoạt động dịch vụ ngân hàng chưa đa dạng.

5.3. Điện lực:

Tuy ngành điện lực đã có cố gắng đầu tư về hạ tầng kỹ thuật để cung cấp điện cho sản xuất và sinh hoạt, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu, nhất là điện dùng cho sản xuất nông nghiệp còn thấp. Hạ thế còn ít so với trung thế, hạn chế này do khách quan về dân cư ở không tập trung, các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp chưa có đầu tư máy móc nhiều.

II. CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH DỊCH VỤ HUYỆN ĐỊNH QUÁN GIAI ĐOẠN 2006 - 2010:

1. Quan điểm phát triển các ngành dịch vụ.

- Phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực để đưa ngành dịch vụ trở thành ngành quan trọng, tương xứng với vị trí, vai trò của nó trong quá trình phát triển kinh tế. Đẩy mạnh tốc độ phát triển dịch vụ, tạo sự tương xứng giữa phát triển dịch vụ với sự phát triển các ngành nông nghiệp, công nghiệp trên địa bàn đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững.

- Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ, có tiềm năng, hướng vào phát triển các nhóm ngành dịch vụ có giá trị tăng cao, sử dụng công nghệ tiên tiến nhằm góp phần hình thành cơ cấu kinh tế phù hợp.

2. Mục tiêu phát triển ngành dịch vụ.

- Giá trị tăng thêm của các ngành dịch vụ tăng từ 13 - 14%/năm.

- Trong cơ cấu kinh tế đến năm 2010, dịch vụ chiếm 35 - 36%.

- Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ tăng bình quân hàng năm là 18 - 20%.

- Thu hút 120.000 - 150.000 ngàn lượt khách du lịch vào năm 2010.

- Tỷ lệ hộ dùng điện đạt 95% trở lên, tỷ lệ hộ dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 95%.

- Số máy điện thoại đến năm 2010 đạt 15 máy/100dân.

3. Định hướng và giải pháp chung về phát triển các ngành dịch vụ:

Những năm tới trong cơ cấu kinh tế của Đồng Nai cũng như Định Quán, dịch vụ ngày càng có tỷ trọng tăng lên, do vậy trong thời gian tới lĩnh vực dịch vụ của Định Quán là khâu cần đổi mới mạnh mẽ hơn, cần một sự đột phá hơn nữa.

Để tạo sự chuyển biến của ngành dịch vụ ở Định Quán trong những năm tới, đồng thời tạo sự tương xứng trong cơ cấu các ngành kinh tế trên địa bàn huyện. Định hướng chung phát triển dịch vụ của Định Quán trong thời gian tới là:

Phát triển có trọng tâm, trọng điểm ở một số ngành có thế mạnh, đem lại hiệu quả thiết thực, vươn lên đảm đương các dịch vụ trọng yếu trong huyện đó là: Thương mại - du lịch; ngân hàng - tín dụng ; bưu chính - viễn thông; điện lực; dịch vụ vận tải; các dịch vụ phục vụ khu công nghiệp; dịch vụ nguồn nhân lực (Đào tạo nghề và giới thiệu việc làm).

Để thực hiện được định hướng trên, một số giải pháp cần tập trung như sau:

- Tập trung xây dựng chiến lược, qui hoạch phát triển dịch vụ từ nay đến 2010 và tầm nhìn đến 2015. Các ngành chủ động xây dựng qui hoạch và chương trình hành động phát triển dịch vụ của ngành mình đến 2010.

- Tiếp tục huy động các nguồn vốn đầu tư từ mọi thành phần kinh tế trong và ngoài huyện để nâng cấp, xây dựng kết cấu hạ tầng, trang bị phương tiện kỹ thuật tiên tiến nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển dịch vụ.

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước ưu tiên bố trí cho việc đầu tư phát triển có trọng điểm các dự án kết cấu hạ tầng phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội. Hỗ trợ cho công tác đào tạo nghề ở nông thôn.

- Đẩy mạnh xã hội hóa để phát triển các dịch vụ du lịch, vận tải hành khách, dịch vụ việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước của các ngành, các cấp đối với các loại hình dịch vụ có nhiều thành phần kinh tế tham gia, nhằm tạo lập trật tự trong hoạt động kinh doanh, tạo môi trường hoạt động lành mạnh, tạo điều kiện thuận lợi cho các loại hình dịch vụ phát triển. Chú ý đào tạo nguồn nhân lực trong các lĩnh vực dịch vụ, đáp ứng kịp thời nhu cầu ngày càng tăng của quá trình phát triển dịch vụ.

4. Chương trình phát triển và các giải pháp thực hiện phát triển các loại hình dịch vụ cụ thể:

4.1. Thương mại - du lịch:

a. Nhiệm vụ:

Thứ nhất, bằng nhiều biện pháp để hỗ trợ nâng cao năng lực hoạt động của thương mại ngoài quốc doanh và HTX, nhằm bảo đảm đủ các mặt hàng quan trọng, thiết yếu phục vụ cho phát triển sản xuất và tiêu dùng trên địa bàn huyện và có tỷ trọng bán lẻ cao.

Thứ hai, tăng cường đầu tư, phát triển cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng thương mại nhằm tạo thuận lợi phục vụ mua bán, trao đổi hàng hóa. Phát triển hệ thống chợ nông thôn theo

hình thức gọi vốn đầu tư và tự quản lý kinh doanh. Khuyến khích tư nhân đầu tư vào lĩnh vực thương mại. Thực hiện chuyển giao các chợ cho HTX quản lý, kinh doanh, khai thác.

Thứ ba, tập trung vốn nhà nước và kêu gọi vốn đầu tư xây dựng khu Thương mại dịch vụ ở khu đô thị công nghiệp - dịch vụ La Ngà, xây dựng nâng cấp chợ thị trấn Định Quán thành chợ loại 1, xây dựng chợ đầu mối xã Túc Trưng.

Thứ tư, đầu tư và kêu gọi đầu tư vào các khu du lịch sinh thái: Thác Mai - hồ nước nóng Lâm trường Tân Phú; khu danh lam thắng cảnh đá Ba Chồng thị trấn Định Quán; khu du lịch thác Ba Zọt xã Phú Vinh; khu cù lao ấp 7 xã Phú Tân, các điểm du lịch trên lòng hồ Trị An, khu nghỉ dưỡng cho khách du lịch tại đồi 101 xã La Ngà.

Thứ năm, tăng cường và hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về thương mại - du lịch.

b. Giải pháp thực hiện phát triển thương mại - du lịch:

b.1. Thương mại.

* Đối với thương mại ngoài quốc doanh.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, các HTX, các cơ sở hoạt động thương mại hình thành và phát triển, nhằm tận dụng khả năng kinh doanh và vốn đầu tư, đẩy nhanh tốc độ phát triển thương mại, góp phần giải quyết việc làm cho lao động, mở rộng lưu thông hàng hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Hướng dẫn doanh nghiệp, các cơ sở hoạt động thương mại kinh doanh theo đúng pháp luật, đúng định hướng qui hoạch phát triển thương mại trên địa bàn. Thực

hiện tốt việc quản lý hoạt động của các doanh nghiệp và cơ sở bằng biện pháp kiểm tra theo định kỳ và có trọng tâm.

- Thực hiện đúng và kịp thời chính sách ưu tiên về thuế thuê mặt bằng tại các cụm công nghiệp đã qui hoạch, cho doanh nghiệp có đầu tư hoạt động và thu mua, chế biến nông sản và trung tâm bán hàng tiêu dùng; bán vật tư phục vụ sản xuất nông, công nghiệp, xây dựng.

- Tổ chức tọa đàm với các doanh nghiệp, HTX, cơ sở ngoài quốc doanh kinh doanh thương mại nhằm trao đổi thông tin, giúp các doanh nghiệp, cơ sở tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện chính sách và pháp luật trong kinh doanh.

- Năm 2008: Kêu gọi đầu tư xây dựng khu dịch vụ thương mại khu đô thị công nghiệp - dịch vụ xã La Ngà theo qui hoạch đã được tỉnh phê duyệt.

- Có chính sách ưu tiên hỗ trợ đầu tư bằng ngân sách huyện cho doanh nghiệp, HTX, cơ sở thu mua, chế biến nông sản áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới như thu mua bảo quản trái cây; công nghệ giết mổ gia súc, gia cầm v.v...

*** Qui hoạch sắp xếp và đầu tư xây dựng chợ trên địa bàn:**

- Thực hiện đúng qui hoạch chợ đã được phê duyệt. Kêu gọi đầu tư, chuyển giao chợ cho tư nhân, doanh nghiệp, HTX quản lý, khai thác kinh doanh. Phấn đấu đến năm 2010 xây dựng chợ trung tâm thị trấn Định Quán thành chợ loại 1, xây dựng chợ Túc Trưng là chợ đầu mối; chợ xã La Ngà, Phú

Ngọc, là chợ loại 2. Các xã còn lại đạt chợ loại 3 đúng qui định về số sạp, xây dựng đúng chuẩn về phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, dãy phố v.v...

- Năm 2007 - 2009: Bằng nhiều biện pháp cụ thể để kêu gọi đầu tư xây dựng chợ Túc Trưng, chợ La Ngà, chợ Phú Ngọc, chuyển giao chợ Suối Nho, chợ Phú Cường, chợ Phú Lợi cho HTX quản lý, khai thác, kinh doanh và nâng cấp chợ.

- Năm 2009 - 2010: Kêu gọi đầu tư các chợ còn lại ở các xã Phú Hòa, Ngọc Định, Phú Vinh.

- Ngân sách nhà nước đầu tư hoàn chỉnh chợ xã Thanh Sơn, chợ Trung tâm cụm xã Phú Tân là 2 xã thuộc diện đặc biệt khó khăn đưa vào hoạt động năm 2007. Đối với 2 chợ này huyện sẽ có chính sách cụ thể để thu hút các hộ vào kinh doanh như miễn giảm thuế, tiền thuê mặt bằng (Sạp), tiền thuê đất xây ki ốt; đưa dân đến ở theo qui hoạch đối với chợ trung tâm cụm xã Phú Tân.

- Giải tỏa dứt điểm chợ 104 Phú Ngọc, chợ chiều Túc Trưng và các chợ nhỏ lẻ trong khu dân cư vào năm 2008. Phấn đấu đến năm 2009 không còn chợ tự phát. Hoạt động buôn bán thương mại tự phát trong dân cư đều phải đưa vào các chợ đã được đầu tư theo quy hoạch.

* Qui hoạch mạng lưới kinh doanh ngành hàng.

- Đối với ngành hàng kinh doanh xăng dầu: Phối hợp với Sở Thương mại Du lịch Đồng Nai rà soát lại các điểm qui hoạch đã được phê duyệt, đề nghị không qui hoạch lại những điểm xăng dầu đã được phê duyệt đến năm 2007 vẫn chưa

đầu tư xây dựng. Đề nghị bổ sung qui hoạch thêm một số điểm ở vùng sâu nếu thấy cần thiết và hợp lý.

- Ngành vật liệu xây dựng: Thực hiện qui hoạch mỗi xã, thị trấn Định Quán có từ 5 - 10 cơ sở bán vật liệu, các cơ sở bán vật liệu phải đủ tiêu chuẩn theo qui định về diện tích kho chứa, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông v.v... cương quyết không cho kinh doanh đối với cơ sở chưa đủ tiêu chuẩn về các điều kiện qui định.

- Nhà trọ, nhà nghỉ: Chấn chỉnh lại hoạt động của các nhà trọ đã có mà trọng tâm là thị trấn Định Quán: Về diện tích phòng; khoảng không; chiếu sáng; lối đi; PCCC; cách ly với nhà ở gia đình. Thực hiện qui hoạch và kêu gọi vốn đầu tư xây dựng nhà ở theo kiểu dãy phố bán cho nhân dân và nhà ở cho công nhân thuê ở khu vực phụ cận khu công nghiệp La Ngà và các cụm công nghiệp

- Thực hiện đúng Quyết định số 3196/QĐ.CT.UBT ngày 03/9/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành qui định quản lý kinh doanh cho thuê nhà trọ trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 923/2005/QĐ.CT.UBT ngày 03/3/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt đề án phát triển và quản lý dịch vụ cho thuê nhà trọ giai đoạn 2004 - 2010; Quyết định số 17/2006/QĐ.BXD ngày 7/6/2006 của Bộ Xây dựng ban hành qui định tạm thời về điều kiện tối thiểu của nhà ở cho người lao động thuê để ở.

- Ngành nghề giết mổ gia súc, gia cầm: Qui hoạch lại các cơ sở giết mổ gia súc gia cầm tập trung, đến năm 2010 toàn huyện qui hoạch 3 cơ sở giết mổ heo, qui mô từ 200 - 300

con/ngày với công nghệ giết mổ treo (bán tự động) 2 cơ sở giết mổ trâu bò; 3 cơ sở giết mổ gia cầm qui mô công suất từ 800 - 1000 con/ngày.

- Thu mua nông sản: Qui hoạch, hỗ trợ hình thành các cơ sở thu mua nông sản lớn như thu mua Điều ở Túc Trưng, Phú Tân, Ngọc Định, Phú Vinh và thị trấn Định Quán; thu mua Xoài ở La Ngà, Phú Ngọc, thu mua Quýt ở Thanh Sơn. Các cơ sở này phải thực sự trở thành cầu nối giữa nông dân, nhà máy chế biến và xuất khẩu.

b.2. Du lịch:

- Bằng mọi biện pháp phối hợp với Lâm Trường Tân Phú đầu tư xây dựng khu du lịch Thác Mai - hồ nước nóng, đến năm 2010 định hình các khu vui chơi, giải trí để có thể đón được 100.000 lượt khách/năm. Để thực hiện được nhiệm vụ trên, năm 2007 xây dựng tiếp tuyến đường vào Thác Mai và hồ nước nóng để tạo thuận lợi đi lại quanh năm. Huy động vốn xây dựng các khu giải trí, vui chơi, tắm nước nóng bằng hình thức tiếp cận trực tiếp với các Doanh nghiệp đầu tư kinh doanh du lịch ở thành phố Biên Hòa và thành phố Hồ Chí Minh để kêu gọi đầu tư.

- Năm 2008 - 2010 bằng ngân sách huyện và kêu gọi vốn đầu tư xây dựng hoàn chỉnh khu danh lam đá Ba Chồng ở thị trấn Định Quán tạo cảnh quan đẹp cho du khách tham quan, xây dựng thương hiệu cảnh quan du lịch của huyện Định Quán là đá Ba Chồng.

- Năm 2007: thực hiện xong qui hoạch chi tiết các khu, tuyến, điểm du lịch: Lòng hồ Trị An; thác Ba Zọt từ xã Phú

Vinh dọc sông Đồng Nai đến cù lao ấp 7 xã Phú Tân. Năm 2007 huyện sẽ làm việc với Công ty Câu lạc bộ xanh Biên Hòa xây dựng điểm du lịch cù lao ấp 7 với diện tích 20 ha đến năm 2010 có thể mở rộng thêm.

- Năm 2007: Kêu gọi đầu tư khu du lịch thác Ba Zọt. Đồng thời xin nhận chuyển giao nhà nghỉ ở đồi 101 xã La Ngà từ Sở Y tế để xây dựng khu nghỉ dưỡng phục vụ khách du lịch.

- Mở rộng liên kết với Vườn Quốc gia Nam Cát Tiên tạo thành tour du lịch sinh thái.

- Để thực hiện được các giải pháp trên, ngay từ những tháng cuối năm 2006 huyện có kế hoạch cụ thể liên hệ, giao dịch với các đơn vị kinh doanh du lịch ở Đồng Nai, thành phố HCM để kêu gọi vốn đầu tư cho từng khu, điểm, tuyến du lịch song song với qui hoạch chi tiết du lịch.

4.2. Ngân hàng - Tín dụng.

a. Mục tiêu và định hướng kinh doanh:

- Tốc độ tăng trưởng vốn huy động phải cao hơn tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay. Tăng trưởng vốn bao gồm cả về tăng trưởng nội tệ và ngoại tệ bình quân từ 12%/năm trở lên, tăng trưởng dư nợ bình quân 10% trở lên.

- Tự cân đối huy động tại chỗ để đầu tư sản xuất là chủ yếu phát triển dịch vụ ngân hàng và từng bước áp dụng công nghệ, hiện đại hóa ngân hàng.

- Kết quả kinh doanh có lãi năm sau phải cao hơn năm trước, đảm bảo đủ quỹ thu nhập chi lương theo hệ số tối đa mà

ngành cho phép và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước.

b. Giải pháp thực hiện:

- Triển khai rộng rãi đa dạng, phong phú các hình thức huy động vốn về thời gian, có kỳ hạn và cách thức huy động, phương thức trả lãi với lãi suất hấp dẫn nhằm thu hút khách hàng, đặc biệt là khách hàng trong dân cư phải đạt số dư tiền gửi tối thiểu là 60% trên tổng số dư tiền gửi trên địa bàn và tỷ lệ huy động vốn tăng hàng năm là 12% so với đầu năm và dự kiến đến cuối năm 2010 số dư huy động là 207 tỷ đồng.

- Vốn đầu tư ưu tiên cho chương trình phát triển kinh tế, các dự án phát triển sản xuất kinh doanh có hiệu quả kinh tế cao, có khả năng trả nợ. Nhanh chóng tiếp cận các hộ kinh tế có qui mô sản xuất kinh doanh lớn, sản xuất trang trại để đầu tư vốn phát triển sản xuất. Tổng dư nợ tăng trưởng hàng năm là 10% so với đầu năm, dự kiến đến năm 2010 dư nợ là 222 tỷ đồng.

- Tiếp tục lấy kinh tế hộ, địa bàn nông nghiệp nông thôn làm khách hàng truyền thống, chủ yếu để đầu tư vốn sản xuất góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn trên địa bàn huyện, giải quyết việc làm cho người lao động. Đồng thời chuyển nhanh việc cho vay các món nhỏ, thông qua tổ vay vốn.

- Nâng cao chất lượng tín dụng, ngăn chặn nợ quá hạn phát sinh. Phấn đấu nợ tỷ lệ quá hạn dưới 0.05% trên tổng dư nợ, phát triển dịch vụ chuyển tiền, dịch vụ chi trả kiều hối và các dịch vụ khác.

4.3. Bưu chính - viễn thông:

a/ Mục tiêu:

Tập trung mọi nguồn lực cho phát triển bền vững, đạt tốc độ tăng trưởng trong doanh thu bình quân hàng năm 10 - 12%, tốc độ tăng trưởng máy điện thoại bình quân hàng năm 15%.

Phấn đấu đến năm 2010 đạt 28.900 máy thuê bao cố định; 5400 máy di động, đạt 15 máy điện thoại/100 dân. Tổng số điểm bưu điện phục vụ 130. bán kính phục vụ 1,54 km. Dung lượng mạng Internet đạt 288 số, số máy thuê bao 255, số trạm viễn thông là 8 trạm.

b. Giải pháp thực hiện:

b.1. Bưu chính:

- Xây dựng mạng bưu cục, đại lý bưu điện, điểm bưu điện văn hóa xã tiên tiến, có bán kính phục vụ ngày càng giảm. Phát triển các dịch vụ bưu chính hiện đại, đa dạng. Từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ hiện có, cung cấp các dịch vụ bưu chính cho nhiều tầng lớp, đối tượng với chất lượng và giá cả phù hợp.

- Đầu tư phát triển mở rộng mạng lưới bưu cục tại những khu vực trọng điểm: Trung tâm hành chính huyện tại thị trấn Định Quán, khu công nghiệp và thị tứ La Ngà; khu thị tứ Túc Trưng và các khu, địa bàn đông dân cư mới hình thành. Đồng thời từng bước mở rộng thị phần đến vùng sâu, vùng xa đặc biệt là mô hình điểm bưu điện văn hóa xã, đại lý bưu điện để mọi người dân được sử dụng các dịch vụ bưu chính.

b.2. Viễn thông:

- Xây dựng và phát triển mạng viễn thông hiện đại, đồng bộ, rộng. Cung cấp các dịch vụ đa dạng, chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn ngành, nước và quốc tế đến người dân. Phát triển mạnh các dịch vụ gia tăng giá trị, từng bước phát triển dịch vụ Internet, các dịch vụ băng rộng đa phương tiện vào khai thác.

- Cáp ngầm hóa mạng ngoại vi tại bưu điện trung tâm huyện, cáp quang hóa mạng truyền dẫn nội huyện, chuyển dần thiết bị vi ba xuống các xã.

- Phát triển nhanh các loại hình mới về bưu chính - viễn thông đặc biệt là các dịch vụ: Chuyển phát nhanh, chuyển tiền nhanh, tiết kiệm bưu điện, email, ADSL, hiển thị cuộc gọi, Internet công cộng, Internet ở nông thôn và các dịch vụ gia tăng khác. Phấn đấu đến 2010: 100% xã có Internet.

4.3. Điện lực:

a. Mục tiêu:

Phấn đấu đến năm 2010 đạt tổng sản lượng điện 105,7 triệu KW trong đó điện phục vụ cho nông nghiệp: 3 triệu KW, công nghiệp xây dựng: 36,4 triệu KW, thương nghiệp khách sạn: 463700 KW, quản lý - tiêu dùng dân cư: 61 triệu KW, hoạt động khác: 4,7 triệu KW.

b. Giải pháp thực hiện:

- Tăng cường việc kiểm tra và tiến hành sửa chữa lớn lưới điện trên địa bàn huyện. Phấn đấu từ 2006 - 2010 sửa chữa lớn được 134 km, tập trung chủ yếu vào đường dây hạ thế và trạm biếp áp.

- Chú trọng đầu tư phát triển lưới điện trung, hạ thế vào các ấp, khu dân cư xa ở các xã Phú Cường, Phú Túc, Túc Trưng, Suối Nho, La Ngà, Phú Ngọc, Ngọc Định, Thanh Sơn, Phú Lợi, Gia Canh, Phú Hòa, Phú Tân. Dự kiến đến năm 2010 xây dựng 128 km đường dây trung thế, trong đó 9 km đường dây 3 pha và 119 km đường dây 1 pha với dung lượng điện 5262 KVA. Xây dựng 135,7 km đường dây hạ thế, trong đó 18,4 km đường dây 3 pha và 117,3 km đường dây 1 pha.

- Thực hiện giải quyết nhanh, kịp thời việc đưa đồng hồ sử dụng điện vào nhà dân, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng điện bất hợp pháp nhằm tránh thất thoát điện năng. Chú trọng việc cung cấp điện sử dụng cho SXNN, công nghiệp, dịch vụ. Hạn chế mức thấp nhất về sự cố mất điện do thiên tai gây ra nhằm cung cấp điện tốt nhất cho sản xuất và sinh hoạt.

4.4. Vận tải:

a. Mục tiêu.

Phấn đấu vận tải hàng hóa tăng bình quân 5 - 6%/năm, vận tải hành khách tăng bình quân 5 - 7%/năm, từng bước hình thành dịch vụ bến bãi và kho hàng.

b. Giải pháp thực hiện:

- Đầu tư, nâng cấp và phát triển có trọng điểm cơ sở vật chất hạ tầng giao thông trên địa bàn huyện. Nâng cấp các tuyến đường giao thông hiện có vào các khu qui hoạch du lịch, các vùng sản xuất chuyên canh các loại cây, con trong nông nghiệp với kết cấu mặt đường nhựa thấm nhập hoặc bê tông nhựa. Có hướng khai thác và phát triển vận tải hàng hóa,

hành khách khi có tuyến đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Đà Lạt đi qua.

- Năm 2007, đầu tư xây dựng bãi đậu xe thị trấn Định Quán đã có qui hoạch nhằm thu hút các loại xe trong thị trấn Định Quán, các xã lân cận và xe ngoài huyện đến chở hàng, khách vào đậu tập trung tạo sự mỹ quan của đô thị .- Hỗ trợ HTX vận tải ô tô của huyện về một số mặt để HTX phát triển mạnh đáp ứng được nhu cầu phát triển vận tải hàng hóa và hành khách trên địa bàn huyện. Chú ý việc hỗ trợ HTX hình thành và đưa vào hoạt động tuyến xe buýt Phú Cường - Phú Tân với phương châm 1 - 2 năm đầu nhà nước có trợ giá.

- Không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ với giá cả hợp lý trong vận tải hàng hóa, hành khách. Xây dựng cơ chế chính sách, khuyến khích phát triển vận tải tư nhân, HTX để phục vụ vùng sâu, vùng xa, đảm bảo tốt nhu cầu vận tải những vùng khó khăn, đáp ứng nhu cầu đi lại của công nhân khi khu công nghiệp La Ngà đi vào hoạt động.

4.5. Dịch vụ phục vụ khu công nghiệp.

a. Dịch vụ nhà ở cho công nhân khu công nghiệp:

Kết hợp các nguồn lực của nhà nước, nhân dân và các doanh nghiệp trong việc đầu tư phát triển nhà ở cho công nhân khu công nghiệp La Ngà và các cụm công nghiệp thị trấn Định Quán, Phú Vinh, Phú Cường, Phú Túc. Kêu gọi đầu tư xây dựng nhà phố bán cho nhân dân tại khu đô thị công nghiệp dịch vụ La Ngà.

- Đối với nhà nước: qui hoạch các khu xây dựng nhà ở cho công nhân, cho người lao động, có chủ trương xã hội hóa trong

việc tạo quỹ nhà ở, sử dụng các đòn bẩy kinh tế như: ưu đãi thuế, miễn giảm tiền thuê đất, hỗ trợ chi phí đền bù v.v.. để khuyến khích các nhà đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân và người lao động trả góp, thuê ở.

Đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà ở, đồng thời tạo điều kiện cho công nhân di cư từ địa phương khác đến được mua nhà và sở hữu nhà ở hợp pháp, được giải quyết việc cấp điện, học hành, không lấy vấn đề hộ khẩu làm điều kiện để giải quyết các vấn đề xã hội.

- Đối với doanh nghiệp: Công ty kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp khi xây dựng hạ tầng kinh doanh ở khu công nghiệp, cụm công nghiệp phải có trách nhiệm xây dựng phương án nên dành quỹ đất hoặc quỹ nhà ở để xây dựng hoặc bố trí nhà ở cho công nhân.

Khuyến khích các doanh nghiệp khi được vào đầu tư trên địa bàn huyện xây dựng nhà ở cho người lao động bằng nhiều hình thức như: ủng hộ tiền vào quỹ xây dựng nhà ở, hoặc có dự án xây dựng nhà ở cho công nhân theo qui hoạch.

- Đối với nhà ở do nhân dân xây dựng phục vụ cho công nhân, người lao động thuê phải xây dựng theo tiêu chuẩn và quy chuẩn theo qui định của UBND tỉnh Đồng Nai và Bộ Xây dựng.

b. Dịch vụ đưa rước công nhân khu công nghiệp:

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia hoạt động vận chuyển xe buýt công cộng và đưa rước công nhân trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Có chế độ chính sách hỗ

trợ đối với các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vận chuyển đưa rước công nhân, người lao động và học sinh.

- Nhà nước sẽ đầu tư hoặc có sự hỗ trợ cần thiết để HTX vận tải hình thành các tuyến xe buýt công cộng với sự thuận tiện về giờ giấc, điểm đi, đến, hoạt động thường xuyên trên các tuyến đường đáp ứng nhu cầu đi lại của công nhân, người lao động.

- Các doanh nghiệp trong khu công nghiệp cần hỗ trợ cho công nhân bằng nhiều hình thức để công nhân có điều kiện chi trả chi phí đi xe buýt, đồng thời động viên giáo dục công nhân nên đi làm bằng xe buýt.

c. Dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp:

Theo dự báo của Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp Định Quán, khi khu công nghiệp La Ngà đi vào hoạt động ổn định thường xuyên có 3000 lao động làm việc. Việc hình thành dịch vụ cung cấp suất ăn cho lao động công nghiệp ở khu công nghiệp La Ngà sẽ phát triển theo 2 hướng.

Thứ nhất: Các công ty hoạt động trong khu công nghiệp tự tổ chức cung cấp suất ăn cho người lao động bằng việc mua nguồn thực phẩm ở những nơi sản xuất sau đó về chế biến.

Thứ hai: Khuyến khích hình thành mạng lưới dịch vụ chế biến thức ăn để cung cấp cho lao động ở từng công ty thông qua việc ký kết hợp đồng.

Để tổ chức được phương thức thứ hai cần tổ chức các cơ sở sản xuất thực phẩm ở trong huyện như: cá, thịt gia súc, gia cầm thực hiện theo qui trình an toàn thực phẩm, và các cơ sở

dịch vụ ăn uống ở xã La Ngà, Phú Ngọc để chế biến cung cấp suất ăn cho công nhân.

- Giao cho Phòng Kinh tế, Phòng y tế, Trung tâm y tế là các cơ quan chịu trách nhiệm chính về việc tổ chức, hướng dẫn sản xuất và chế biến suất ăn đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm.

4.6. Phát triển nguồn nhân lực (Đào tạo nghề):

Trong điều kiện hội nhập kinh tế thế giới, sự phát triển kinh tế, xã hội của huyện phụ thuộc rất lớn vào yếu tố con người. Trong thời gian tới cần phải tập trung phát triển nguồn nhân lực phục vụ yêu cầu CNH-HĐH. Giai đoạn 2006 - 2010 nhu cầu lao động có kỹ thuật đáp ứng cho các doanh nghiệp trên địa bàn huyện mỗi năm cần từ 1000 - 1500 người. Do vậy cần phải tập trung:

- Phát triển nguồn nhân lực có kỹ thuật, đây là yếu tố quyết định đến sự phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và lao động thị trường. Tăng nhanh về số lượng để nâng cao tỷ lệ lao động được đào tạo, đặc biệt chú trọng đào tạo nghề. Hỗ trợ cho công tác đào tạo nghề ở nông thôn mà chú trọng là nghề trồng trọt, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp. Đồng thời nâng cao chất lượng nguồn lực với tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất và năng lực phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế trí thức. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 25% vào năm 2010.

- Khuyến khích phát triển lao động kỹ thuật: tập trung đầu tư về mọi mặt cho trung tâm dạy nghề huyện. Xây dựng và

thực hiện một số chương trình trọng điểm đào tạo lao động kỹ thuật, đào tạo giáo viên dạy nghề. Đẩy mạnh xã hội hóa trong đào tạo lao động kỹ thuật nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

- Gắn đào tạo nghề với sử dụng lao động: giao cho Trung tâm dạy nghề nắm bắt nhu cầu và thông tin về thị trường lao động, xây dựng mạng thông tin thị trường đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực kỹ thuật, đây là vấn đề quan trọng và còn rất mới với huyện. Vì vậy cần có kế hoạch và đầu tư phát triển.

Liên kết giữa người sử dụng lao động với trung tâm dạy nghề nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề, tạo ra đội ngũ lao động có tay nghề đáp ứng được nhu cầu lao động của các doanh nghiệp.

- Đối với trung tâm dạy nghề huyện: có kế hoạch hợp tác với các trung tâm dạy nghề, trường công nhân kỹ thuật, trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong và ngoài tỉnh để thực hiện đào tạo nghề có kỹ thuật và kỹ thuật cao.

- Đối với doanh nghiệp: khuyến khích dành thời gian đào tạo cho một công nhân 24 giờ/năm, khuyến khích dành một phần kinh phí liên kết với trung tâm dạy nghề để đào tạo cho người lao động tự tổ chức đào tạo hoặc đưa đi đào tạo ở nước ngoài.

III. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện những định hướng phát triển các ngành dịch vụ giai đoạn 2006 - 2010 và những năm tiếp theo, yêu cầu:

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn Định Quán, các tổ chức chính trị xã hội cần tổ chức quán triệt những định hướng và giải pháp về phát triển các loại hình dịch vụ từ nay đến 2010. Qua đó từng ngành, từng cấp xây dựng kế hoạch phát triển dịch vụ của ngành mình, địa phương mình phù hợp với đặc điểm cụ thể của ngành, địa phương. Trong đó xác định lĩnh vực dịch vụ nào cần tập trung phát triển, xác định bước đi thích hợp, nhằm từng bước nâng dần tỷ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu kinh tế.

2. Các phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn Định Quán cần tăng cường chức năng quản lý nhà nước đối với các hoạt động dịch vụ trên địa bàn, trong đó tập trung quản lý về hoạt động thương mại, dịch vụ Internet, các dịch vụ có điều kiện.

3. Phòng Tài chính kế hoạch phối hợp với các ngành, phòng, ban và UBND các xã, thị trấn Định Quán xây dựng kế hoạch phát triển dịch vụ trên địa bàn huyện cụ thể cho từng năm và đến 2010.

Xây dựng các chính sách khuyến khích, thu hút các nguồn vốn đầu tư từ mọi thành phần để đầu tư nâng cấp, xây dựng mới kết cấu hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật mới, tiên tiến nhằm tạo thuận lợi cho phát triển các dịch vụ chủ yếu: Thương mại, du lịch, vận tải hành khách, đào tạo nguồn nhân lực.

4. Phòng Kinh tế phối hợp với các phòng, ban ngành có liên quan, UBND các xã, thị trấn Định Quán lập các dự án gọi

vốn đầu tư xây dựng chợ, các khu du lịch từ các thành phần kinh tế, trong đó chú trọng kêu gọi vốn đầu tư của tư nhân, các tổ chức trong và ngoài tỉnh bằng nhiều hình thức. Tổ chức thực hiện chương trình dịch vụ phục vụ khu công nghiệp.

5. Phòng Tài chính kế hoạch phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan nghiên cứu đề xuất các chính sách hỗ trợ việc xây dựng nhà ở khu công nhân, chính sách hỗ trợ cước phí vận chuyển hành khách công cộng, chính sách hỗ trợ dạy nghề

6. Phòng Hạ tầng kinh tế phối hợp với các phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn Định Quán nghiên cứu tham mưu cho huyện trong việc đầu tư các công trình giao thông ở các vùng, xã. Duy tu bảo dưỡng các tuyến đường giao thông hiện có. Phối hợp HTX vận tải xây dựng và tổ chức thực hiện dự án xe buýt.

7. Phòng nội vụ lao động, Trung tâm dạy nghề đề xuất chương trình đào tạo nguồn nhân lực có kỹ thuật, chất lượng cao, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề kỹ thuật. Tham mưu đề xuất huyện danh mục nghề cần đào tạo, nhất là những nghề đảm bảo và phù hợp giữa yêu cầu đào tạo và nhu cầu lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn và xuất khẩu lao động.

8. Ngân hàng phát triển nông nghiệp và nông thôn, ngân hàng chính sách xã hội: Tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động, trong đó tập trung phát triển mạnh các dịch vụ ngân hàng chất lượng cao. Thẩm định các dự án sản xuất kinh

doanh của các doanh nghiệp, cơ sở lớn để cho vay vốn đầu tư sản xuất.

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VỚI TỈNH VÀ TRUNG ƯƠNG:

Để phát huy những kết quả đạt được và khắc phục những tồn tại trong thời gian qua nhằm tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển của các ngành dịch vụ, đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện. Huyện có một số kiến nghị đề xuất với tỉnh và Trung ương như sau:

1. Các bộ, ngành Trung ương, tỉnh cần xây dựng chiến lược phát triển các loại hình dịch vụ đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2015 và hướng dẫn các huyện trong việc xây dựng chiến lược phát triển các ngành dịch vụ, trên cơ sở có sự phân công cụ thể phát triển các loại hình dịch vụ tránh tình trạng phát triển trùng lặp cạnh tranh nhau giữa các địa phương trong tỉnh và vùng.

2. Trung ương, tỉnh cần nghiên cứu bổ sung, chính sách đầu tư cho khu vực dịch vụ theo hướng khuyến khích, mở rộng các thành phần kinh tế tham gia phát triển dịch vụ.

3. Trung ương, tỉnh cần nghiên cứu bổ sung, sửa đổi những cơ chế chính sách về thuế, giá đất, vay vốn, lãi suất, giá điện, giá nước. Theo hướng tạo sự bình đẳng giữa các ngành kinh tế, không phân biệt sản xuất hay phi sản xuất, tránh tình trạng quy định giá cao cho các ngành dịch vụ như những năm qua.

4. Cần có chương trình mục tiêu quốc gia hỗ trợ nhà ở cho đối tượng thu nhập thấp, cho công nhân khu công nghiệp. Có các cơ chế chính sách về nhà ở cho công nhân. Cần có chính

sách ưu đãi về thuế theo hướng tách đối tượng kinh doanh nhà cho công nhân thuê thành một loại riêng trong loại hình kinh doanh nhà trọ và áp dụng thuế suất tương đương với thuế suất ưu đãi đối với loại hình kinh doanh nhà cho thuê tại địa bàn có kinh tế-xã hội khó khăn.

CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Phạm Quý Ngọc

Số: 05/CT -UBND

Định Quán, ngày 15 tháng 10 năm 2006

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI HUYỆN
ĐẢNG BỘ LẦN THỨ X VỀ QUY HOẠCH DÂN CƯ
NÔNG THÔN GẮN VỚI PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG
GIAO THÔNG HUYỆN ĐỊNH QUÁN
GIAI ĐOẠN (2006 - 2010)**

PHẦN THỨ NHẤT: HIỆN TRẠNG

**I. HIỆN TRẠNG VỀ DÂN CƯ NÔNG THÔN VÀ PHÁT
TRIỂN GIAO THÔNG:**

1. Hiện trạng dân cư nông thôn:

Dân cư tập trung chủ yếu khu vực nông thôn: chiếm gần 90%, còn lại 10% là dân cư khu thị trấn, thị tứ với tổng số hộ là 44.430 hộ. Mạng lưới dân cư nông thôn hình thành tự phát, tập trung chủ yếu là ven các trục đường QL20, các trung tâm thương mại dịch vụ, các điểm đầu mối giao thông và các trục đường giao thông chính của huyện, xã.

Toàn huyện có 29 dân tộc, trong đó dân tộc Kinh chiếm 75,1%, dân tộc Hoa chiếm 17,5% tập trung ở các xã Phú Vinh, Phú Lợi và Phú Tân còn lại là một số dân tộc khác như: Châu Mạ, Mường, Dao, Châu Ro. v . v .

Trong những năm thập niên 80, tình trạng tăng dân số cơ học cao từ các tỉnh khác về sinh sống và sản xuất nhiều nhất là các nông lâm trường. Điều này gây khó khăn cho bố trí quy hoạch dân cư nông thôn. từ cuối những năm 90 cho đến hiện nay tỷ lệ tăng cơ học không còn cao như trước. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên cũng giảm dần, từ năm 90 tỷ lệ tăng dân số trên 2% đến hiện nay chỉ còn 1,37%.

Hiện trạng xây dựng nhà ở huyện với tổng diện tích thổ cư 1135ha, diện tích xây dựng toàn huyện là 350.000m², mật độ xây dựng nhà ở bình quân 3,62m²/ha chỉ số còn thấp, diện tích bình quân đạt ước khoảng 9 - 10m², sàn /người. Chất lượng nhà còn thấp, 90% nhà trệt, nhà ở tập trung tại các trục phố chính và khu phố cũ, đi sâu vào trong các xóm làng chất lượng công trình thấp, xuống cấp, nhiều dãy phố lấn chiếm lộ giới cần giải tỏa và chỉnh trang.

2. Hiện trạng về hệ thống giao thông huyện Định Quán:

a. Giao thông đối ngoại:

Quốc lộ 20 là tuyến giao thông huyết mạch nối QL1 với tỉnh Lâm Đồng và xuyên qua địa bàn huyện với chiều dài 37 km theo quy hoạch là đường cấp III nền đường 12m hành lang lộ giới là 20 m (mốc lộ giới đã chôn theo Nghị định 203/HĐBT). Hiện nay QL.20 chưa đạt tiêu chuẩn là đường cấp III mặt đường từ 7 - 9 m, kết cấu bằng bê tông nhựa đã bị hư hỏng xuống cấp rạn nứt chân chim tạo ra các điểm đen thường xảy ra tai nạn giao thông như dốc Phú Cường, Dốc 91, Dốc 97 và Cua chữ C.

Tỉnh lộ 763 dài 10,5 km là đường cấp IV mặt bê tông nhựa, nối huyện Định Quán và huyện Xuân Lộc.

Nhìn chung về giao thông đối ngoại có QL20 đi qua, giúp cho các mối giao lưu kinh tế - xã hội phát triển, tuy nhiên QL20 đi qua khu vực đông dân cư hiện tượng xây dựng vi phạm hành lang lộ giới thường xuyên xảy ra, các điểm đầu nối với QL20 chưa được quy hoạch mở rộng và thiết kế đảm bảo an toàn giao thông do vậy cũng thường xuyên xảy ra nhiều tai nạn giao thông. Trong tương lai theo quy hoạch thì đường cao tốc Dầu Giây - Đà Lạt sẽ triển khai xây dựng giảm lưu lượng trên tuyến này và tạo điều kiện cho sinh hoạt đô thị và phát triển không gian thuận lợi hơn.

Một hạn chế của giao thông đối ngoại nữa là địa hình huyện Định Quán giới hạn bởi 2 dòng sông lớn là sông Đồng Nai và sông La Ngà, sông Đồng Nai chia cắt địa hình 1/3 diện tích phía bắc huyện và hạn chế lưu thông qua huyện Vĩnh Cửu. Sông La Ngà chia cắt huyện Định Quán và huyện Đức Linh tỉnh Bình Thuận.

Trong hướng phát triển lâu dài nhất thiết phải phát triển 2 cầu bắc qua 2 sông này để tạo thành 1 mạng lưới giao thông liên hoàn khép kín.

b. Giao thông đối nội:

Giao thông đối nội của huyện Định Quán tập trung chủ yếu là mạng lưới đường xương cá nối QL20 vào trung tâm các xã, vùng dân cư tập trung và vùng sản xuất với tổng chiều dài 650,5 km. Trong đó đường huyện quản lý 261,3 km, đường xã. Thị trấn quản lý 368,1 km, đường đô thị 21,1 km. Tỷ lệ nhựa

hóa đường huyện đạt 40%, đường đô thị nhựa hoá 29%, đường nông thôn các xã, Thị trấn Định Quán nhựa hoá 3,5%, một số chỉ tiêu bình quân: đường trục chính 0,34 km/km², đường nông thôn 0,38 km/km².

Nhìn chung mật độ đường huyện không dày nhưng phân bố tương đối hợp lý, các tuyến nối Trung tâm các xã đều đã được nhựa hóa và 110 ấp đã có tuyến chính nối với trung tâm xã nên đã phục vụ ngày càng tốt hơn về nhu cầu vận chuyển hàng hoá và đi lại của nhân dân. Chương trình xã hội hóa giao thông nông thôn trong những năm 2000 - 2004 có nhiều kết quả tốt nhất là xã Phú Vinh, Phú Lợi, Phú Tân và tranh thủ được vốn tài trợ của WB để xây dựng cầu đường và cơ bản đã xoá được cầu tạm trên địa bàn.

II. DỰ BÁO TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DÂN CƯ GIAI ĐOẠN 2006 - 2010 VÀ CƠ SỞ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH:

Dự báo dân số toàn huyện đến năm 2010 là 233.000 người và đến năm 2020 là 256.000. Trong đó, dân số cơ học của huyện từ nay đến năm 2010 giảm bình quân là 0,19% năm và chỉ số tăng dân sống năm khoảng 1,29%/ năm. Về nhu cầu nhà ở đến năm 2010 là 8.155.000m². Dự báo đến năm 2010 trong toàn huyện có 47.520 hộ dân.

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ huyện Định Quán lần X nhiệm kỳ 2005 - 2010 về phương hướng đầu tư xây dựng cơ bản, phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật kinh tế: Dự báo tình hình phát triển kinh tế xã hội dẫn đến sự gia tăng dân số trên địa bàn 1 số xã, thị trấn, tốc độ đô thị hoá ngày càng nhanh. Vì vậy biện pháp cấp thiết là phải tiến hành điều chỉnh lại quy hoạch thị trấn Định Quán, khảo sát quy hoạch

Khu vực Nam Quốc lộ 20 của thị trấn Định Quán, quy hoạch, chỉnh trang bố trí lại mạng lưới dân cư nông thôn cho các xã nhằm kết nối các điểm dân cư với hệ thống các công trình kỹ thuật, xác lập mối quan hệ mật thiết giữa các vùng dân cư nông thôn với hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật như hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện, tổ chức không gian Khu dân cư nông thôn bảo đảm tính hợp lý và mỹ quan kiến trúc trong xây dựng nông thôn mới.

Dự báo về giai đoạn 2006 - 2010 nguồn vốn trung ương sẽ đầu tư xây dựng 2 công trình lớn:

- Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 20 theo tiêu chuẩn đường cấp III.

- Triển khai thi công đường cao tốc Dầu Giây - Đà Lạt đoạn đi qua huyện Định Quán dài 30km với quy mô: 4-6 làn xe.

Nguồn vốn tỉnh sẽ đầu tư nâng cấp Đường 767 đạt tiêu chuẩn đường cấp III, Nâng cấp Đường Cao Cang thành đường cấp III và đầu tư xây dựng mới cầu 107 qua Thanh Sơn.

PHẦN THỨ HAI:

CHƯƠNG TRÌNH QUY HOẠCH DÂN CƯ NÔNG THÔN GẮN VỚI PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG GIAO THÔNG HUYỆN ĐỊNH QUÁN GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

I. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU:

Từng bước xây dựng các khu dân cư tập trung trong đô thị theo quy hoạch chung của Thị trấn Định Quán, thị tứ Túc

Trưng, khu đô thị công nghiệp La Ngà, Trung tâm cụm xã Phú Tân và quy hoạch chỉnh trang lại khu dân cư nông thôn cho các xã khác, định hướng chung là tạo các khu dân cư nông thôn lam trung tâm kinh tế văn hoá, dịch vụ cho mỗi xã hoặc cụm xã nhằm đẩy mạnh quá trình đô thị hoá nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

Trên cơ sở quy hoạch dân cư nông thôn tiến hành phát triển mạng lưới giao thông nối trực chính đến tận ấp, khu dân cư tạo nên mạng lưới giao thông liên hoàn, khép kín phục vụ tốt cho dân sinh và phát triển kinh tế.

Định hướng phát triển các Khu dân cư nông thôn theo hướng tiết kiệm đất sản xuất nông nghiệp, đảm bảo yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo An ninh - Quốc phòng, quản lý sử dụng đất có hiệu quả trên cơ sở quy hoạch các Khu dân cư, định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật như: Hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện, hệ thống thông tin liên lạc, cải tạo môi trường . . . gắn kết giữa sản xuất và phục vụ nông thôn bền vững theo hướng Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, giảm bớt khoảng cách chênh lệch giữa thành thị với nông thôn.

Giao thông đối ngoại: Hệ thống giao thông đối ngoại có nhiệm vụ mở rộng quan hệ giao lưu phát triển kinh tế xã hội và tạo nên một không gian đô thị hợp lý.

- Quốc lộ 20 vẫn là tuyến huyết mạch giai đoạn 2006- 2010 mở rộng nâng cấp đảm bảo đúng tiêu chuẩn là đường cấp III, nền đường 12 m, riêng đoạn qua đô thị La Ngà được mở rộng

theo quy hoạch là 32m có giải phân cách ở giữa là 2m, hè đi bộ và hành lang của hệ thống kỹ thuật là mỗi bên lề 11.5m. Hạn chế các điểm đấu nối trực tiếp vào QL20. Các điểm đấu nối tổ chức giao thông bằng đèn tín hiệu giao thông tự điều khiển.

Giao thông đối nội: Mạng lưới giao thông đối nội được quy hoạch trên đường vuông góc với QL20 và mạng lưới đường song song tạo thành những khu dân cư có hình vuông, chữ nhật đa dạng, hệ thống đường phố chính, đường khu vực và đường nội bộ dẫn đến từng khu đất đảm bảo giao thông thông suốt cho toàn huyện.

II. MỤC TIÊU:

1. Quy hoạch dân cư nông thôn:

Với mục tiêu đảm bảo diện tích sử dụng từ 30 - 40m²/người. Khu dân cư nông thôn được quy hoạch trên cơ sở Khu dân cư hiện hữu. Tổ chức phân khu chức năng sử dụng đất, không gian cảnh quan kiến trúc cùng các hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ gắn kết cho khu vực. Đảm bảo phục vụ nhà ở, sinh hoạt của người dân trong vùng quy hoạch.

Tạo cơ sở pháp lý quản lý xây dựng theo quy hoạch và lập dự án đầu tư xây dựng các hạng mục hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình kiến trúc thuộc khu vực quy hoạch. Mục tiêu quy hoạch mới khu dân cư cho các xã như sau:

- Quy hoạch khu dân cư tập trung tại xã Ngọc Định tại ấp Hoà Đồng đoạn km 2 đường Cầu Trắng, diện tích: 18,84 ha (tờ bản đồ 22).

- Quy hoạch khu dân cư tập trung xã Phú Cường tại ấp Bến Nôm, diện tích 22,08 ha (tờ bản đồ số 7, 10).

- Quy hoạch khu dân cư tập trung xã Phú Vinh tại ấp 3 đoạn km 2 + 500, diện tích 12,44 ha (tờ bản đồ số 44, 48).

- Quy hoạch khu dân cư Suối Nho thuộc địa bàn ấp 4 phía Bắc tỉnh lộ 763, diện tích 25,58 ha.

- Quy hoạch khu dân cư xã Gia Canh thuộc địa bàn ấp 4, diện tích 34,45 ha (thuộc tờ bản đồ số 4, 10), khu dân cư thuộc địa bàn ấp 9 diện tích 30 ha.

- Quy hoạch khu dân cư tập trung xã Phú Ngọc thuộc địa bàn ấp 2 và ấp 3 đường 105, diện tích 11,33 ha (tờ bản đồ số 40).

- Quy hoạch khu dân cư tập trung xã Phú Hòa thuộc địa bàn ấp 2, diện tích 12,96 ha (tờ bản đồ số 11, 14).

- Quy hoạch khu dân cư tập trung xã Phú Túc tại km 2 + 500 tỉnh lộ 763, diện tích 12,96 ha (tờ bản đồ số 16, 27).

- Quy hoạch khu dân cư tập trung xã Phú Lợi thuộc địa bàn ấp 3, diện tích 12,91 ha.

- Quy hoạch khu dân cư tập trung xã Thanh Sơn (5 cụm dân cư) nằm rải rác trên các tuyến giao thông chính của xã với diện tích 110,73 ha. Trong đó gồm các Khu dân cư đã được UBND tỉnh phê duyệt như sau:

+ Khu dân cư Đồi Đà Lạt thuộc ấp 2 diện tích 15 ha.

+ Khu dân cư trung tâm xã thuộc ấp 2 diện tích 40,80 ha.

+ Khu dân cư ngã 3 Cây Sao ấp 1 diện tích 22,5 ha.

+ Khu dân cư ngã 3 đường mới ấp 3 diện tích 17,83 ha.

+ Khu dân cư Lò Gạch ấp 4 diện tích 14,6 ha.

- Quy hoạch khu dân cư trung tâm cụm xã Phú Tân tại ấp 5, diện tích 15,25 ha.

- Quy hoạch khu dân cư thị trấn Định Quán với tổng diện tích 61,30 ha.

- Quy hoạch khu dân cư xã La Ngà với diện tích 102,40 ha.

- Quy hoạch khu dân cư xã Túc Trưng với diện tích 52,36ha.

2. Mục tiêu phát triển hệ thống giao thông:

Về Giao thông nông thôn tiếp tục thực hiện tốt Chương trình Xã hội hoá Giao thông nông thôn theo Nghị định 24/CP ngày 16/4/1999 của chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng của các xã, thị trấn. Đồng thời tranh thủ các nguồn vốn đầu tư của cấp trên để thực hiện nâng cấp, nhựa hoá đường giao thông trên địa bàn huyện nhất là các dự án đã được phê duyệt, các dự án đường đô thị trong khu quy hoạch thị trấn Định Quán, thị tứ Túc Trưng và Khu Dịch vụ Công nghiệp La Ngà. Tiếp tục xây dựng dự án Cầu 107 để xin cấp trên đầu tư vốn để giải quyết nhu cầu đi lại của nhân dân xã Thanh Sơn và khai thác tốt nguồn đất đai trù phú phía Bắc huyện.

Phấn đấu đến năm 2010 đạt chỉ tiêu nhựa hoá đường huyện quản lý đạt 60%, Đường thị trấn, thị tứ nhựa hoá đạt 70%, Đường các xã quản lý nhựa hoá đạt 20%.

Giai đoạn 2006 đến 2010 nâng cấp sửa chữa làm mới tổng số là: 262,93 km đường và 130m cầu BTCT (theo phụ lục).

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH KHU DÂN CƯ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG GIAO THÔNG:

1. Giải pháp về quy hoạch dân cư nông thôn:

a. Giải pháp về quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch:

Trên cơ sở các dự án quy hoạch đã được phê duyệt như Quy hoạch thị trấn Định Quán, Quy hoạch Khu đô thị Công nghiệp La Ngà, Quy hoạch trung tâm cụm xã Phú Tân và Quy hoạch các Khu dân cư tập trung cho các xã còn lại. Tiến hành triển khai công bố quy hoạch, cắm mốc quy hoạch, chỉ giới xây dựng, mốc lộ giới các tuyến đường, cốt san nền....Mở hội nghị công bố quy hoạch lấy ý kiến đóng góp của nhân dân, để từ đó tạo điều kiện cho nhân dân tham gia và thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

Lập kế hoạch để triển khai việc đầu tư thi công phát triển hạ tầng kỹ thuật nhất là đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng công cộng .v.v. Thực tiễn đã cho thấy đường giao thông phát triển đến đâu thì nhà cửa phát triển đến đó. Phát triển hạ tầng giao thông là yếu tố quan trọng để thúc đẩy hình thành khu dân cư tập trung theo quy hoạch. Tập trung đẩy mạnh công tác lập, xét duyệt quy hoạch đối với điểm dân cư nông thôn, đặc biệt là quy hoạch chi tiết và quản lý quy hoạch đối với điểm dân cư nông thôn và đô thị để có cơ sở phát triển nhà ở theo quy hoạch.

b. Giải pháp huy động vốn:

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng nhà trong các khu dân cư tập trung để cho thuê nhằm đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho đối tượng có thu nhập thấp, công nhân làm việc ở các Khu công nghiệp chưa đủ khả năng mua nhà ở, qua một số giải pháp sau:

- Nhà nước thực hiện chính sách đầu tư vốn ngân sách thông qua việc khai thác quỹ đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất để tạo vốn phục vụ nhu cầu nhà ở tái định cư, nhà ở công nhân, nhà ở cho người có thu nhập thấp.

- Có cơ chế chính sách quản lý quỹ nhà ở xã hội. Thành lập quỹ phát triển nhà ở để đáp ứng nhu cầu phát triển nhà ở trong các khu dân cư tập trung được quy hoạch.

c. Giải pháp xây dựng:

Các phòng chức năng thuộc huyện và chính quyền cấp xã, thị trấn phải quản lý chặt chẽ việc xây dựng theo phân cấp, cải tạo, nâng cấp thay đổi kết cấu nhà ở riêng lẻ tại khu vực đô thị và khu quy hoạch dân cư tập trung theo đúng quy hoạch, kiến trúc, tiêu chuẩn, các quy định về tiêu chuẩn, cảnh quan môi trường và các quy định khác của pháp luật. Đối với khu vực nông thôn, phát triển nhà ở cần phù hợp với điều kiện từng vùng từng địa phương trên cơ sở giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, cần được phát triển phong phú về chuẩn loại đa dạng các loại nhà ở nhằm đáp ứng nhu cầu cho mọi đối tượng và phù hợp với thị trường. Chú trọng xây dựng một số mô hình nhà như: Mô hình nhà đô thị liên kết, mô hình nhà đô thị vườn.

mô hình nhà dọc Quốc lộ 20, mô hình nhà vườn trong các vùng sản xuất nông nghiệp, mô hình nhà cho khu dân cư có thu nhập thấp. Chú trọng xây dựng các khu dân cư tập trung để có điều kiện tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật như hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện . v.v. nâng cao điều kiện sống cho nhân dân nông thôn. Bên cạnh việc khuyến khích xây dựng mới theo quy hoạch cần có chính sách cải tạo chỉnh trang lại các khu nhà ở cũ hết niên hạn sử dụng hoặc xuống cấp. Hạn chế và tiến tới quản lý chặt chẽ việc xây dựng nhà ở tự phát, thiếu quy hoạch đồng bộ trong khu quy hoạch dân cư nông thôn.

d. Một số giải pháp khác:

Đẩy mạnh tiến độ cấp phát giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở theo quy hoạch sử dụng đất ở cho các hộ gia đình, cá nhân trong khu vực quy hoạch khu dân cư tập trung, tạo điều kiện hợp pháp để các hộ xin phép xây dựng theo quy định, nghiên cứu ban hành các quy định về tiêu chuẩn nhà, quy định về quản lý kiến trúc để quản lý xây dựng theo thiết kế và trật tự kiến trúc góp phần tạo lập và giữ gìn bản sắc riêng của từng địa phương.

Đẩy mạnh phong trào xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, góp phần giảm tỷ lệ nhà tạm, nhà đơn sơ. Thực hiện tốt Nghị định 134/QĐ.TTg của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ xây dựng nhà ở cho đồng bào dân tộc thiểu số, các hộ nghèo tại các địa bàn khó khăn, vùng sâu vùng xa, vùng bão lụt thiên tai.

2. Giải pháp về phát triển hệ thống giao thông:

a. Giải pháp về huy động vốn đầu tư:

Nguồn vốn để đầu tư xây dựng hệ thống giao thông nói riêng và hạ tầng kỹ thuật nói chung là vấn đề quyết định. Vì vậy, trong quá trình thực hiện phải áp dụng biện pháp huy động nguồn vốn tổng hợp. Bên cạnh vốn ngân sách nhà nước phải có biện pháp huy động vốn của các thành phần kinh tế như thu hút đầu tư bên ngoài, vốn doanh nghiệp, vốn trong nhân dân, vốn tài trợ của các tổ chức kinh tế. Thực hiện tốt phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm trong việc xây dựng đường giao thông nông thôn, giao thông khu phố. Đầu tư có trọng điểm không dàn trải và kéo dài, khắc phục tình trạng trông chờ ỷ lại ngân sách nhà nước, huy động vốn trong nhân dân hợp lý, thực hiện công khai, dân chủ có sự giám sát của nhân dân.

b. Giải pháp về quản lý chất lượng công trình:

Để tăng cường hiệu quả đầu tư các dự án thì công tác quản lý chất lượng công trình cần đặc biệt quan tâm, thực hiện đúng qui trình; quy phạm theo từng giai đoạn như chuẩn bị thực hiện dự án, giai đoạn thực hiện dự án và giai đoạn kết thúc dự án.

Cụ thể quản lý chất lượng công tác khảo sát xây dựng và thiết kế công trình xây dựng, nghiệm thu sản phẩm khảo sát thiết kế theo qui định. Quản lý chất lượng thi công xây lắp. Tổ chức giám sát cộng đồng, quản lý chuẩn loại vật tư công trình theo thiết kế và giám sát công tác tư vấn kiểm định, đăng kiểm chất lượng công trình cũng như chế độ bảo hành và bảo trì công trình.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Để thực hiện tốt Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ lần thứ X về quy hoạch dân cư nông thôn gắn với phát triển hệ thống giao thông huyện Định Quán giai đoạn 2006 đến 2010. UBND huyện giao nhiệm vụ cho các cơ quan chuyên môn và UBND các xã, thị trấn thực hiện một số nhiệm vụ như sau:

1. Phòng Hạ tầng Kinh tế:

- Phối hợp với Sở Xây dựng để điều tra tình hình phát triển kinh tế xã hội của huyện làm cơ sở để quy hoạch Khu dân cư nông thôn cho các xã, thị trấn.

- Tham mưu cho UBND huyện triển khai công tác thực hiện và quản lý quy hoạch các Khu dân cư nông thôn tại các xã, thị trấn.

- Xây dựng kế hoạch hàng năm về phát triển hệ thống giao thông nông thôn, nâng cấp, làm mới và duy tu sửa chữa các tuyến đường do huyện quản lý.

2. Ban quản lý dự án:

Triển khai thi công các dự án đã được phê duyệt từ nguồn vốn tỉnh hỗ trợ và vốn huyện, quản lý tốt công tác quản lý dự án từ khâu chuẩn bị đầu tư cho đến khâu lập kế hoạch đấu thầu theo quy định của Luật đấu thầu, triển khai thi công và quản lý khi kết thúc dự án trên tinh thần tiết kiệm tránh lãng phí từ khâu đầu tư cho đến khâu thi công đảm bảo chất lượng công trình và hiệu quả cao.

3. Phòng Tài nguyên - Môi trường:

Căn cứ quy hoạch Khu dân cư được tỉnh phê duyệt để xem xét điều chỉnh bổ sung kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy hoạch, thường xuyên rà soát để điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất theo nhu cầu phát triển khi điều chỉnh quy hoạch các Khu dân cư nông thôn.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch, Kho bạc nhà nước huyện:

Cân đối kinh phí để xây dựng kế hoạch chi cho công tác quy hoạch Khu dân cư nông thôn và phát triển hệ thống giao thông, duy tu sửa chữa các tuyến đường huyện quản lý theo kế hoạch hàng năm, tiến hành kiểm chi, thanh quyết toán khối lượng công trình dự án đã được duyệt theo đúng quy định của nhà nước.

5. UBND các xã và thị trấn Định Quán:

Tiến hành xây dựng kế hoạch phát triển giao thông nông thôn và triển khai Chương trình Xã hội hoá Giao thông nông thôn theo Nghị định 24/CP của Chính phủ, vận động nhân dân đóng góp kinh phí để phát triển mạng lưới đường, cùng với các phòng ban chức năng cấp huyện để xây dựng quy hoạch các điểm dân cư nông thôn trên địa giới hành chính của xã, thị trấn, quản lý quy hoạch các điểm quy hoạch dân cư nông thôn và cấp phép xây dựng theo phân cấp - được quy định tại Luật xây dựng.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Quý Ngọc

Số : 06 /CT - UBND

Định Quan, ngày 15 tháng 10 năm 2006

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ
HUYỆN LẦN THỨ X VỀ XÂY DỰNG XÃ
ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA VỀ Y TẾ 2006 - 2010**

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC GIAI ĐOẠN 2001 - 2005:

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân của huyện trong những năm qua đã đạt được những kết quả tốt như tình hình dịch bệnh được kiểm soát, nhiều năm liền không có dịch lớn xảy ra, tử vong do các bệnh dịch lưu hành giảm nhiều như Sốt rét, Sốt xuất huyết, Uốn ván, Tả, Thương hàn vv..., các chương trình Y tế quốc gia đều đạt kết quả cao, chất lượng khám chữa bệnh tại các cơ sở Y tế được cải thiện...

Tính đến nay toàn huyện đã có 8/14 xã được UBND tỉnh thẩm định công nhận đạt chuẩn quốc gia về Y tế. Có 8 Bác sỹ công tác tại cơ sở, trong đó công tác tại TYT là 6/14 (P. Ngọc, La Ngà, Suối Nho, P. Cường, P. Hoà), tại Phòng khám Khu Vực là 2 (Thanh Sơn & Phú Túc), 100% TYT có Nữ Hộ sinh hoặc Y sỹ Sản nhi, nhân sự bình quân cho 1 TYT là 6 người. Cơ sở vật chất đã được đầu tư bước đầu, 100% các TYT đều là

nhà kiên cố, các trang thiết bị từng bước được đầu tư nâng cấp...

II. NHỮNG TỒN TẠI YẾU KÉM:

Đội ngũ cán bộ Y tế còn thiếu cả về số lượng (Bình quân 1 CB y tế cơ sở phục vụ 3.000 dân) và yếu về chất lượng. Cơ cấu nhân sự còn chắp vá thiếu đồng bộ không phù hợp với yêu cầu chuyên môn. (Thiếu Bác sỹ, cán bộ dược, cán bộ Đông y).

Cơ sở vật chất trang thiết bị mặc dù đã được đầu tư nhưng thiếu đồng bộ. Đa số các TYT xã được xây dựng từ trước năm 2000, nay đã xuống cấp.

Kinh phí đầu tư còn hạn chế chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển.

Chế độ đãi ngộ trong ngành Y tế còn thấp và bất hợp lý do đó không khuyến khích và thu hút được nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực cho Y tế cơ sở và Y tế dự phòng.

Vẫn còn những hạn chế trong nhận thức và tư tưởng chỉ đạo trong 1 số cơ quan Đảng và chính quyền địa phương cơ sở trong việc thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân, có những địa phương cho rằng đó là công tác riêng của ngành Y tế.

III. MỤC TIÊU:

Đến năm 2010 có 14/14 xã- Thị trấn đạt “Chuẩn quốc gia về Y tế giai đoạn 2001 - 2010” theo 10 tiêu chuẩn quy định tại quyết định số 370/2002/QĐ -BYT ngày 07 tháng 2 năm 2002 của Bộ Y tế. (có phụ lục kèm theo).

IV/ Nhiệm vụ cụ thể: Toàn huyện phấn đấu thực hiện đạt các chỉ tiêu sau:

100% các xã, thị trấn có nghị quyết chuyên đề về Y tế và xây dựng chương trình hành động cụ thể để thực hiện xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế.

Mỗi xã thị trấn huy động tối thiểu 75% các cơ quan ban ngành & tổ chức chính trị xã hội trực tiếp tham gia vào công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- 50% dân số của 1 xã có kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe.

- 100% TYT có nhà kiên cố, có đủ các phòng chức năng và trang thiết bị phục vụ chuyên môn Y tế theo chuẩn của Bộ Y tế. Được duy tu sửa chữa thường xuyên.

- 100% TYT có diện tích tối thiểu 500m và xây dựng vườn thuốc nam đạt tối thiểu 60 loại cây/1 vườn. Có tổ chức KCB bằng Đông Y tại TYT.

- 100% TYT xã có đủ số lượng cán bộ Y tế (bình quân 8 Cán bộ/TYT) và đủ về cơ cấu công việc. (Y- BS, Điều dưỡng, Nữ hộ sinh, Dược và Đông y), 100% CB Y tế được trang bị các kiến thức về quản lý và truyền thông giáo dục sức khỏe.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Giải pháp về xây dựng kế hoạch:

- Tổ chức phối kết hợp liên ngành từ huyện đến xã- Thị trấn để triển khai thực hiện công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- UBND các xã, thị trấn là cơ quan chính chịu trách nhiệm tham mưu đưa công tác xây dựng xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế vào Nghị quyết của Đảng ủy và HĐND xã. Đồng thời thành lập Ban chỉ đạo CSSKBD của xã, Ban CSSKBD xã, thị trấn xây dựng chương trình hành động cụ thể để triển khai thực hiện.

- Tổ chức thực hiện tốt các chương trình Y tế quốc gia. Kiểm soát tình hình dịch bệnh thường xuyên, xử lý tốt khi có dịch xảy ra.

- Phối kết hợp tốt các đơn vị Y tế tuyến tỉnh và huyện trong công tác triển khai kế hoạch chuyên môn.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hoá trên lĩnh vực Y tế, tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia và đầu tư vào các hoạt động chăm sóc sức khỏe, đồng thời tổ chức quản lý tốt các hoạt động Y tế tư nhân.

2. Giải pháp về truyền thông giáo dục sức khỏe:

- Tiếp tục củng cố và đầu tư nâng cấp hệ thống thông tin tuyên truyền của huyện và xã, tăng cường cơ sở vật chất và nhân lực cho mạng lưới truyền thông trên địa bàn huyện.

- Tổ chức phối kết hợp tốt giữa các cơ quan ban ngành của huyện, xã, các đơn vị chức năng của tỉnh để đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, giáo dục sức khỏe. Công tác tuyên truyền giáo dục sức khỏe phải được thực hiện tích cực, bằng nhiều hình thức, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, nói chuyện chuyên đề, lồng ghép vào các sinh hoạt cộng đồng tại địa phương vv.... Công tác giáo dục sức khỏe là

1 trong những nhiệm vụ thường xuyên hàng năm của các ban ngành từ huyện đến xã.

3. Giải pháp về nhân sự:

- Rà soát lại đội ngũ cán bộ Y tế cơ sở để từng bước nâng cao số lượng và chất lượng. Cân đối, điều phối giữa các địa phương và các chức danh chuyên môn để đảm bảo đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng và đạt yêu cầu về cơ cấu chuyên môn. Phấn đấu đến năm 2010 đạt bình quân 8 cán bộ cho 1 Trạm Y tế. Về cơ cấu phải đảm bảo có đủ : Y- BS, Điều dưỡng phục vụ công tác khám chữa bệnh, thực hiện các chương trình y tế quốc gia, Nữ hộ sinh hoặc Y sỹ sản nhi thực hiện công tác hộ sinh- KHHGD, Dược sỹ hoặc Dược tá thực hiện công tác dược và Lương y hoặc Y Sỹ Đông Y thực hiện công tác Đông y. 100% ấp có Y tế thôn bản hoạt động thường xuyên, ổn định.

- Tăng cường các khoá đào tạo, huấn luyện để nâng cao kiến thức và kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe cho tất cả cán bộ Y tế cơ sở, các cán bộ của các cơ quan ban ngành liên quan.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, đào tạo lại, đào tạo chuyên khoa và đào tạo nâng cao để đáp ứng nguồn nhân lực theo yêu cầu chuyên môn. Có biện pháp hỗ trợ để thực hiện việc đào tạo theo địa chỉ Bác sỹ và cán bộ Đông y tuyến xã.

- UBND các xã, thị trấn phối hợp tốt với Phòng Y tế và tổ chức Đảng địa phương để tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức về mọi mặt cho đội ngũ cán bộ Y tế và chú trọng phát triển Đảng trong đội ngũ cán bộ Y tế.

4. Giải pháp về cơ sở vật chất và tài chính:

- Các phòng ban chức năng huyện phối hợp với UBND các xã thị trấn trong việc quy hoạch xây dựng mạng lưới, đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các đơn vị Y tế để đảm bảo các quy định theo chuẩn quốc gia do Bộ Y tế ban hành.

- Hoàn chỉnh các thủ tục để tiến hành sửa chữa nâng cấp 7 TYT đã được Sở Y tế và UBND tỉnh khảo sát (P. Vinh, P. Lợi. P. Cường, Gia Canh, TT Định Quán, Ngọc Định và Phân Trạm y tế P. Tân).

- Lập hồ sơ để từng bước đầu tư xây mới các TYT Phú Ngọc, Túc Trưng, Phú Túc. Tiếp tục chuẩn bị hồ sơ xây dựng mới các TYT Thanh sơn, La Ngà, Suối nho, Phú Hoà trong các năm 2009 - 2010.

- Phối hợp với Sở Y tế trong việc đầu tư nâng cấp trang thiết bị cho Y tế cơ sở, phần đầu cuối năm 2007 100% các TYT xã-Thị trấn có máy vi tính, có đủ nước phục vụ hoạt động chuyên môn.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Quý Ngọc

PHỤ LỤC
10 TIÊU CHUẨN CHO 1 XÃ ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA
VỀ Y TẾ THEO QUYẾT ĐỊNH 370/QĐ - BYT
CỦA BỘ Y TẾ

Chuẩn 1: XÃ HỘI HOÁ CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ SỨC KHỎE NHÂN DÂN VÀ CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC SỨC KHỎE.

- Xã hội hoá chăm sóc sức khỏe nhân dân. (có nghị quyết của Đảng ủy và HĐND xã, có chương trình hành động của UBND xã, có ban chỉ đạo CSSKBĐ hoạt động thường xuyên, huy được cộng đồng, các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương tích cực tham gia các chương trình y tế).

- Thực hiện công tác truyền thông giáo dục sức khỏe.

Chuẩn 2: VỆ SINH PHÒNG BỆNH:

- Phòng chống dịch bệnh

- Các chương trình mục tiêu y tế quốc gia.

- Y tế môi trường

- Y tế học đường.

Chuẩn III: KHÁM CHỮA BỆNH VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

- Tổ chức tốt công tác khám chữa bệnh tại trạm Y tế

- Quản lý và tổ chức phục hồi chức năng cho người tàn tật

- Quản lý và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

- 100% CBYT xã có kiến thức và kỹ năng cấp cứu thông thường, chăm sóc sức khỏe sinh sản và đỡ đẻ thường.

Chuẩn IV: Y HỌC CỔ TRUYỀN

- Xây dựng vườn thuốc nam
- Tổ chức khám chữa bệnh bằng Đông y tại Trạm y tế.

Chuẩn V: CHĂM SÓC SỨC KHỎE TRẺ EM

- Tỉ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng.
- Tỉ lệ trẻ 6 tháng đến 36 tháng được uống Vitamin A.
- Tỉ lệ trẻ dưới 2 tuổi được theo dõi tăng trưởng hàng tháng.
- Tỉ lệ trẻ từ 2 đến dưới 5 tuổi được theo dõi tăng trưởng 2 lần/ năm.
- Chẩn đoán và điều trị đúng phác đồ cho trẻ dưới 5 tuổi bị tiêu chảy và Nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính.
- Tổ chức tẩy giun cho trẻ em.

Chuẩn VI: CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN

- Tỉ lệ phụ nữ được quản lý và khám thai khi mang thai
- Tỉ lệ phụ nữ mang thai được tiêm phòng Uốn ván.
- Tỉ lệ phụ nữ sinh đẻ tại trạm Y tế
- Tỉ lệ phụ nữ đẻ được nhân viên Y tế đỡ.
- Tỉ lệ bà mẹ được Y tế chăm sóc sau sinh
- Tỉ lệ cặp vợ chồng áp dụng biện pháp tránh thai hiện đại
- Tỉ lệ phụ nữ 15 - 49 tuổi được khám phụ khoa.

Chuẩn VII: CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ TRANG THIẾT BỊ

* Cơ sở hạ tầng:

- Vị trí gần trục đường giao thông và ở trung tâm xã.

- Diện tích đất tối thiểu 500m

- Tổng thể công trình:

+ Khối nhà chính, công trình phụ trợ

+ Sân phơi, vườn mẫu trồng cây thuốc

+ Cây xanh bóng mát

+ Hàng rào bảo vệ, cổng và biển trạm Y tế

+ Hệ thống kỹ thuật hạ tầng (điện, nước sinh hoạt, điện thoại)

* Trang thiết bị đủ theo danh mục của Bộ Y tế quy định.

Chuẩn VIII: NHÂN LỰC VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

* Số lượng cán bộ, viên chức đủ theo quy định hiện hành.

* Cơ cấu cán bộ, viên chức:

- Bác sỹ hoặc y sỹ đa khoa.

- Nữ hộ sinh hoặc Y sỹ sản nhi

- Y tá hoặc điều dưỡng

- Dược sỹ hoặc Dược tá

- Cán bộ Y học cổ truyền

* Chuyên môn đoàn thể:

- Có đảng viên và thành lập tổ công đoàn.
- Có sổ sách chuyên môn.
- Không có sai phạm về chuyên môn hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác.

* Y tế thôn bản:

- Được đào tạo theo chương trình của Bộ Y tế
- Sinh hoạt chuyên môn hàng tháng và hoạt động thường xuyên.
- Được lồng ghép với cộng tác viên của các chương trình Y tế khác.

* Chế độ, chính sách: Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với y tế xã và nhân viên y tế thôn bản.

Chuẩn IX: KẾ HOẠCH VÀ TÀI CHÍNH CHO TRẠM Y TẾ

- Kế hoạch và quản lý thông tin Y tế .
- Tài chính Y tế

Chuẩn X: THUỐC THIẾT YẾU VÀ SỬ DỤNG THUỐC AN TOÀN HỢP LÝ

Số: 07/CT-UBND

Định Quán, ngày 15 tháng 10 năm 2006

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ
HUYỆN LẦN THỨ X VỀ VIỆC XÂY DỰNG
TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2006 - 2010**

**PHẦN I :
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA
GIAI ĐOẠN 2001-2005:**

I. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN:

1. Thuận lợi:

- Toàn huyện đã đạt chuẩn Quốc gia về XMC và phổ cập GDTH từ năm 1997, phổ cập giáo dục THCS năm 2004 và đang trong giai đoạn thực hiện phổ cập giáo dục bậc trung học.

- Mạng lưới trường - lớp từ Mầm non đến THCS đã được sắp xếp ổn định, đủ điều kiện cơ bản để tiếp nhận số trẻ em đi học với tỷ lệ cao. Chấm dứt được tình trạng học ca 3.

- Công tác XHHGD tiếp tục được đẩy mạnh, được các cấp, các ngành cùng đa số nhân dân đồng tình hưởng ứng.

2. Khó khăn:

- Kinh tế địa phương phát triển chậm, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn nên tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban hàng năm còn khá cao ; kinh phí đầu tư cho cơ sở vật chất chưa đáp ứng với nhu cầu phát triển nên có ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch.

- Cơ sở vật chất và trang thiết bị của đa số các trường học còn thiếu , chỉ mới đáp ứng được nhu cầu học tập và giảng dạy tối thiểu. Còn thiếu phòng học chức năng, phòng khác và đặc biệt ở ngành học mầm non còn một số trường còn thiếu văn phòng (Như MG Sơn Ca, MG Phú Ngọc, MN Hoa Mai)

- Tỷ lệ giáo viên Mầm non đạt chuẩn còn ở tỷ lệ rất thấp, Số giáo viên THCS tuy đã được khắc phục về số lượng, không còn thiếu nhiều như những năm trước đây nhưng chưa đảm bảo đủ số giáo viên theo định mức ở một số bộ môn nên việc dạy chéo môn còn khá phổ biến ở nhiều đơn vị trường, do đó chất lượng giảng dạy chưa đồng bộ ở một số trường thuộc các xã vùng sâu, vùng xa.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC:

Sau 4 năm triển khai và thực hiện, mặc dù chỉ mới có 02 trường đã được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia (TH Hùng Vương năm 2003, MG Phú Hiệp Năm 2005), nhưng hầu hết các đơn vị trường học đều đã có nhiều định hướng và phát triển theo các tiêu chí trường chuẩn đề ra , một số trường cũng đã đạt được những tiêu chuẩn quan trọng, tạo điều kiện tốt cho việc thực hiện trong những năm sắp tới. Cụ thể như sau:

1. Bậc học mầm non :

- + Số trường đạt chuẩn QG : 1/16 (6,3 %).
- + Số trường đạt 5 tiêu chuẩn : 1 /16 (6,3 %).
- + Số trường đạt 4 tiêu chuẩn : 3 /16 (18.8 %).
- + Số trường đạt 3 tiêu chuẩn : 4/16 (25.0 %).
- + Số trường đạt 2 tiêu chuẩn : 5/16 (31.3 %).
- + Số trường đạt 1 tiêu chuẩn : 2/16 (12.5 %).

2. Bậc học tiểu học :

- + Số trường đạt chuẩn QG : 01/29 (3,4%).
- + Số trường đạt 5 tiêu chuẩn: 02/29 (6,9%).
- + Số trường đạt 4 tiêu chuẩn: 04/29 (13,8%).
- + Số trường đạt 3 tiêu chuẩn: 12/29 (41,4%).
- + Số trường đạt 2 tiêu chuẩn: 05/29 (17,2%).
- + Số trường đạt 1 tiêu chuẩn: 04/29 (13,8%).
- + Số trường đạt 0 tiêu chuẩn: 01/29 (3,4%).

3. Giáo dục Trung học cơ sở :

- + Số trường đạt 5 tiêu chuẩn : 1/15 (6.6%)
- + Số trường đạt 4 tiêu chuẩn : 3/15 (20.0%).
- + Số trường đạt 3 tiêu chuẩn : 4/15 (26.7%).
- + Số trường đạt 2 tiêu chuẩn : 4/15 (26.7%).
- + Số trường đạt 0 tiêu chuẩn : 3/15 (20.0%).

(Kèm theo phụ lục 1)

4. Đánh giá chung:

Kết thúc giai đoạn 2002 - 2005, việc triển khai và thực hiện kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia còn chậm, hiệu quả chưa cao. Đến nay, toàn huyện chỉ có 02 đơn vị được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia. Nguyên nhân cơ bản, kinh tế của địa phương còn nhiều khó khăn nên chưa có điều kiện đầu tư cho giáo dục. Đội ngũ Giáo viên còn thiếu và chưa đồng bộ về chất lượng (chủ yếu ở bậc Mầm non và THCS). Do đó, có ảnh hưởng đến kế hoạch thực hiện đạt các chuẩn theo quy định; tiêu chuẩn khó đạt nhất là về cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học. Tuy nhiên, nhìn chung toàn ngành giáo dục đã có nhiều cố gắng và có những chuyển biến tích cực trong việc lập kế hoạch, tham mưu với chính quyền địa phương và tăng cường nhận thức trong nhân dân về việc xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia trong những năm sắp tới.

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2006-2010

I. MỤC TIÊU:

- Đến năm 2010, toàn huyện phấn đấu: 100 % các trường đạt 3 tiêu chuẩn: Tổ chức và quản lý nhà trường; đội ngũ giáo viên; Xã hội hoá giáo dục. 70 % số trường đạt 4 tiêu chuẩn: Tổ chức và quản lý nhà trường; đội ngũ giáo viên; Xã hội hoá giáo dục; Hoạt động và chất lượng giáo dục, 43% số trường đạt chuẩn quốc gia (28 trường).

- Duy trì và nâng dần chất lượng của các trường đã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia ở tất cả các bậc học.

II- KẾ HOẠCH PHÂN KỲ XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2006-2010 (Kèm theo phụ lục 2):

STT	Tên trường	Địa chỉ (Xã, Thị trấn)	Dự kiến năm đạt chuẩn				
			2006	2007	2008	2009	2010
	Mầm non						
1	MN La Ngà	La Ngà	X				
2	MG Thanh Sơn	Thanh Sơn		X			
3	MG Hoa Hồng	Thị trấn			X		
4	MN Sơn Ca	Gia Canh				X	
5	MG Phú Tân	Phú Tân					X
6	MG Măng Non	Phú Cường					X
7	MN Hoa Mai	Túc Trưng					X
8	MG Phú Ngọc	Phú Ngọc					X
	Tiểu học						
1	TH Chu Văn An	Thị trấn	X				
2	TH Liên Ngọc	Ngọc Đình		X			
3	TH Phú Ngọc B	Phú Ngọc			X		
4	TH Mạc Đình Chi	Túc Trưng			X		
5	TH Phù Đồng	Phú Cường			X		
6	TH Thanh Tùng	Gia Canh				X	
7	TH Lê Quý Đôn	La Ngà				X	
8	TH Suối Nho	Suối Nho				X	
9	TH Trấn Quốc Tuấn	Gia Canh				X	
10	TH Thanh Sơn	Thanh Sơn					X
11	TH Liên Sơn	Thanh Sơn					X
12	TH Quang Trung	Phú Ngọc					X
13	TH Trưng Vương	Thị trấn					X
14	TH Nguyễn B Khiêm	Phú Tân					X

15	TH Nguyễn B Ngọc	La Ngà					X
16	TH Nguyễn Đ Chiêu	Phù Hòa					X
	THCS						
1	THCS Ngô T Nhiệm	Thị Trấn	X				
2	THCS Túc Trưng	Túc Trưng		X			
3	THCS Phú Tân	Phú Tân			X		
4	THCS Phú Hòa	Phú Hòa			X		
5	THCS Trấn Hưng Đạo	La Ngà				X	
6	THCS La Ngà	Phù Ngọc					X
7	THCS Lê Hồng Phong	Túc Trưng					X
8	THCS Lê T Tông	Gia Canh					X
9	THCS Phú Lợi	Phù Lợi					X

Giai đoạn 2006 - 2010 xây dựng thêm 32 đơn vị trường đạt chuẩn quốc gia:

- Mầm non 8/16 đơn vị (50 %)
- Tiểu học đơn vị 16/ 29 (55.1%)
- THCS đơn vị 8/15 (53,3 %)

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM:

1. Tiếp tục củng cố, hoàn thiện công tác tổ chức và quản lý nhà trường theo điều lệ trường học và tiêu chuẩn của loại hình trường đạt chuẩn quốc gia.

2. Ưu tiên bố trí đội ngũ cán bộ quản lý - giáo viên - nhân viên cho các trường xây dựng đạt chuẩn đủ về số lượng, đạt yêu cầu về chất lượng. Tiếp tục tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định. Đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đội ngũ giáo viên -

Hội Cha.Mẹ học sinh tích cực tham gia góp phần xây dựng đơn vị sớm đạt chuẩn quốc gia.

3. Ngoài kế hoạch được đầu tư cơ sở vật chất đã có từ nay đến năm 2007, đề nghị với UBND Tỉnh và Sở GD-ĐT bổ sung thêm cơ sở vật chất và mua sắm thêm trang thiết bị cho các trường có kế hoạch xây dựng đạt chuẩn quốc gia

4. Về chất lượng giáo dục các trường dự kiến đạt chuẩn quốc gia:

- Đối với các trường Mầm non: huy động 0-2 tuổi từ 20% trở lên ra nhà trẻ, 80% số cháu 3-5 tuổi học mẫu giáo, trong đó cháu 5 tuổi đạt 95%. Tổ chức cho 50% trẻ nhà trẻ và mẫu giáo thực hiện bán trú. Thực hiện đạt yêu cầu về chất lượng chăm sóc và nuôi dạy trẻ.

- Đối với trường Tiểu học: hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1. Giảm tỷ lệ bỏ học dưới 1%. Nâng cao hơn nữa chất lượng dạy và học để tỷ lệ học sinh yếu - kém không quá 3% và phải có ít nhất 30% số học sinh được học 2 buổi/ngày.

- Đối với trường THCS: phấn đấu huy động được 100% số trẻ hoàn thành chương trình tiểu học thuộc địa bàn vào học lớp 6. Thực hiện phổ cập giáo dục THCS đúng độ tuổi; tổ chức cho học sinh được học nghề - hướng nghiệp, học tin học và 100% học sinh được thí nghiệm thực hành ... nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy. Có biện pháp hữu hiệu để duy trì sĩ số nhằm đạt được mục tiêu học sinh bỏ học không quá 1% và tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém không quá 5%.

5. Về công tác XHHGD:

Tập trung chỉ đạo và có nhiều hình thức, biện pháp phù hợp để huy động các lực lượng xã hội vào việc xây dựng môi trường giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đảm bảo mối quan hệ chặt chẽ về giáo dục giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng; tiếp tục huy động phụ huynh học sinh và các lực lượng xã hội tích cực tham gia xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Về cơ sở vật chất - trang thiết bị:

- Tập trung chỉ đạo việc thực hiện hoàn thành chương trình kiên cố hoá giai đoạn 2003-2005 trong năm 2006 và các công trình được tỉnh bổ sung kế hoạch giai đoạn 2005-2007 trong năm 2007 (gồm các công trình của Mầm non và tiểu học được tỉnh phân cấp cho huyện thực hiện). Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Sở GD&ĐT để thực hiện các công trình của THCS thuộc Sở GD&ĐT làm chủ đầu tư.

- Kinh phí thực hiện :Triệu đồng

Bậc học	2006	2007	2008	2009	Ghi chú
Mầm non	1.500	22.600	7.500	30.000	61.600
Tiểu học		12.200	16.900	33.400	62.500
THCS		600	8.200	36.400	45.200
Tổng cộng	1.500	34.400	31.600	99.800	179.300

(Bảng thuyết minh kinh phí chi tiết kèm theo)

2. Về thực hiện XHHGD:

Tăng thêm mức thu quỹ XHHGD hàng năm trong nhà trường và mở rộng việc vận động ngoài nhà trường để tăng thêm nguồn thu so với hiện nay. Trong đó, hàng năm đầu tư cho tăng cường cơ sở vật chất - trang thiết bị của các trường xây dựng đạt chuẩn khoảng 1.200 triệu đồng.

3. Về đội ngũ cán bộ quản lý - giáo viên - công nhân viên và chất lượng giáo dục :

- Bố trí đủ số lượng theo quy định cho các trường đạt chuẩn quốc gia.

- Lực lượng lao động của đơn vị trường xây dựng đạt chuẩn phải đạt chuẩn quy định về trình độ nghiệp vụ theo nhiệm vụ được giao.

- Phòng Giáo dục tập trung chỉ đạo các trường có biện pháp phù hợp trong việc tổ chức dạy phụ đạo số HS chưa đạt trình độ; làm tốt công tác tuyên truyền vận động HS đến trường và đạt tỷ lệ cao về chuyên cần, giảm hẳn tỷ lệ lưu ban và bỏ học.

4. Tiếp tục thực hiện tốt việc huy động trẻ trong độ tuổi đến trường. Tập trung làm tốt nhiệm vụ phổ cập giáo dục Tiểu học - THCS đúng độ tuổi, tạo nền tảng vững chắc cho việc phát triển hợp lý, đồng bộ về quy mô, mạng lưới trường lớp trên toàn huyện.

5. Chia tách thành lập các trường có quy mô lớp , học sinh quá đông. Quy hoạch mới, mở rộng diện tích đối với trường không đạt chuẩn .

6. Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn và các cơ quan liên quan có nhiệm vụ phối hợp với ngành giáo dục về việc xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia.

PHẦN III: KIẾN NGHỊ

1. Về đội ngũ giáo viên:

- UBND Tỉnh chỉ đạo việc triển khai thực hiện nghị quyết 40 của Ban bí thư, trong đó tập trung cho công tác sàng lọc và bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ, giải quyết tình trạng giáo viên đào tạo chưa chuẩn ở bậc Tiểu học như hiện nay.

- Có kế hoạch đào tạo bổ sung giáo viên các môn học còn thiếu ở bậc THCS như: Toán, Công nghệ, Nhạc, Tin học, Hóa để đáp ứng nhu cầu giảng dạy.

2. Về chế độ chính sách:

- Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục có chế độ thu hút để khuyến khích đội ngũ Giáo viên, CB, CNV ở các trường vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

3. Về đầu tư cơ sở vật chất - trang thiết bị trường học.

- Đề nghị tỉnh có đề án xây dựng đạt chuẩn quốc gia trong toàn tỉnh giai đoạn 2006-2010 đồng thời có các văn bản pháp lý chỉ đạo chính quyền các cấp tích cực thực hiện chủ trương và đề án của Tỉnh .

- Chỉ đạo để các ngành tích cực hoàn thành chương trình kiên cố hoá trường học cho giai đoạn tiếp theo.

- Có chương trình kinh phí đầu tư cho chương trình trường chuẩn quốc gia để ngành giáo dục có điều kiện thực hiện được nghị quyết của tỉnh Đảng bộ Đồng Nai.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Quý Ngọc

Phụ lục 3: Kế hoạch tăng cường xây dựng 'CSVC' và Mua sắm trang bị cho trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2006-2010.
MÃM NON :

STT	Tên trường	Nội dung đề nghị xây dựng bổ sung	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Kinh phí ước tính (triệu đồng)	Ghi chú
	Mãm Non							
1	MN La Ngà	- Sửa chữa . Trang thiết bị bên trong - Bổ sung thêm thiết bị bên trong lớp học, đồ chơi ngoài trời, thiết bị phòng âm nhạc, y tế, thư viện	1.500				1.500	
2	MG Thanh Sơn	- (Đề án kiên cố hoá) - Bổ sung thêm thiết bị bên trong lớp học, đồ chơi ngoài trời, thiết bị phòng âm nhạc, y tế, thư viện		15.100			15.100	
3	MG Hoa Hồng	Quy hoạch đất XD mới CSVC - Bổ sung thêm thiết bị bên trong lớp học, đồ chơi ngoài trời, thiết bị phòng âm nhạc, y tế, thư viện		7.500			7.500	
4	MN Sơn Ca	Quy hoạch đất xây dựng mới - Bổ sung thêm thiết bị bên trong lớp học, đồ chơi ngoài trời, thiết bị phòng âm nhạc, y tế, thư viện			7.500		7.500	
5	MG Phú Tân	Quy hoạch đất xây dựng mới - Bổ sung thêm thiết bị bên trong lớp học, đồ chơi ngoài trời, thiết bị phòng âm nhạc, y tế, thư viện				7.500	7.500	
	Tổng cộng		1.500	22.600	7.500	7.500	39.100	

TIÊU HOC :

STT	Tên đơn vị	Nội dung đề nghị xây dựng bổ sung	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Kinh phí ước tính (trệu đồng)	Ghi chú
1	TH Liên Ngọc			200			200	
2	TH Chu Văn An			200			200	
3	TH Phú Ngọc B	XD khối hành chính + nhà đa năng + tường rào + sân đường - diện nước (tiếp tục thực hiện chương trình KCH các hạng mục còn lại)		3.700			3.700	
4	TH Mạc Đình Chi	XD khối hành chính + nhà đa năng + tường rào + sân đường + diện nước.		3.700			3.700	
5	TH Phú Đồng	XD khối hành chính + nhà đa năng + tường rào + sân đường + diện nước (tiếp tục thực hiện chương trình KCH các hạng mục còn lại).		4.400			4.400	
6	TH Thanh Tùng	XD Khối hành chính, Phòng học chức năng, xây dựng công + tường rào, sân chơi - bãi tập.			3.700		3.700	
7	TH Lê Quý Dôn	XD thêm Khối hành chính, nâng cấp phòng học, sân ui mặt bằng, XD sân chơi + bãi tập + tường rào			4.400		4.400	
8	TH Suối Nho	XD Khối hành chính, Phòng học chức năng, xây dựng công + tường rào, sân chơi - bãi tập			4.400		4.400	

STT	Tên đơn vị	Nội dung đề nghị xây dựng bổ sung	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Kinh phí ước tính (triệu đồng)	Ghi chú
9	TH Trần Quốc Tuấn	XD Khối hành chính, Phòng học chức năng, xây dựng công + tường rào, sân chơi + bãi tập			4.400		4.400	
10	TH Thanh Sơn	Mở rộng diện tích đất				1.200	1.200	
11	TH Liên Sơn	XD 18 phòng học, XD sân chơi + bãi tập.				4.400	4.400	
12	TH Quang Trung	XD Khối hành chính, Phòng học chức năng, xây dựng công + tường rào, sân chơi + bãi tập				4.400	4.400	
13	TH Trung Vương	XD Khối hành chính, Phòng học chức năng, xây dựng công + tường rào, sân chơi + bãi tập				4.400	4.400	
14	TH Nguyễn B Khiêm	XD Khối hành chính, Phòng học chức năng, xây dựng công + tường rào, sân chơi + bãi tập				4.400	4.400	
15	TH Nguyễn B Ngọc	XD Khối hành chính, Phòng học chức năng, xây dựng công + tường rào, sân chơi + bãi tập				4.400	4.400	
16	TH Nguyễn Đ Chiêu	Xây dựng mới				10.200	10.200	
	Tổng cộng			12.200	16.900	33.400	62.500	

THCS :

STT	Tên đơn vị	Nội dung đề nghị xây dựng bổ sung	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Kinh phí ước tính (triệu đồng)	Ghi chú
1	THCS Ngô T Nhiệm							
2	THCS Túc Trưng	Trang thiết bị		200			200	
3	THCS Phú Hòa	Trang thiết bị		200			200	
4	THCS Phú Tân	Trang thiết bị		200			200	
5	THCS Tr H Đạo	NĐ Khối hành chính. Phòng học chức năng. xây dựng công + trường rào, sân chơi + bãi tập			8.200		8.200	
6	THCS La Ngà	NĐ Khối hành chính. Phòng học chức năng. xây dựng công + trường rào, sân chơi + bãi tập				8.200	8.200	
7	THCS Lê H Phong	Xây dựng cơ bản				13.200	13.200	
	Tổng cộng			600	8.200	21.400	30.200	

Số: 08/CTHĐ-UBND-PKT *Định Quán, ngày 07 tháng 03 năm 2007*

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
ĐẢNG BỘ HUYỆN LẦN THỨ X VỀ MỤC TIÊU
PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN 30 - 50
TRIỆU ĐỒNG/HA/NĂM VÀ PHÁT TRIỂN
CHĂN NUÔI TẬP TRUNG THỜI KỲ 2006 - 2010

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP GIAI
ĐOẠN 2001 - 2005:

1. Giới thiệu tổng quan ngành nông nghiệp huyện:

a. Trồng trọt:

Tính đến cuối năm 2005 huyện Định Quán có 38.152 ha đất canh tác nông nghiệp, trong đó đất đã trồng cây lâu năm 21.500 ha, đất đã trồng cây hàng năm 16.650 ha, đất trồng cỏ 2 ha. Hệ số sử dụng đất nông nghiệp: 1,52 lần (2001) 1,58 lần (2005) hệ số sử dụng đất cây lâu năm: 2,34 lần (2001) 2,19 lần (2005). Giá trị sản xuất 1 ha đất nông nghiệp đạt: 11 triệu (năm 2001), 13,7 triệu (năm 2005).

b. Chăn nuôi:

Đàn heo, đàn bò tăng đều qua các năm. Đàn gia cầm tăng vào năm 2002, 2003 sau đó giảm vì bị ảnh hưởng bởi dịch cúm

gia cầm. Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi đạt 90.406 triệu (năm 2001), 118.872 triệu (năm 2005). Tỷ trọng trong chăn nuôi so với giá trị sản xuất nông nghiệp chiếm 16,48% (năm 2001), 16,96% (năm 2005) năm cao nhất 2003: 17,7%.

c. Trong cơ cấu kinh tế:

Nông nghiệp chiếm 51,12% (năm 2001), 50,46% (năm 2005).

Nếu tính GDP trên địa bàn, theo giá cố định (1994) năm 2001 nông nghiệp đạt: 371.000 triệu đồng so với công nghiệp xây dựng: 84.916 triệu đồng; dịch vụ: 187.800 triệu đồng. Năm 2005: nông nghiệp đạt: 507.669 triệu đồng so với công nghiệp xây dựng: 142.242 triệu đồng, dịch vụ: 256.274 triệu đồng.

Tốc độ phát triển năm 2001 - 2005: nông nghiệp tăng 7,55% so với công nghiệp xây dựng tăng 11,88%, dịch vụ tăng 7,56%.

d. Lao động trong nông nghiệp:

Lao động nông nghiệp ở huyện năm 2001 có 80.847 người so với lao động công nghiệp xây dựng: 5300 người, lao động dịch vụ 10.935 người. Năm 2005 lao động nông nghiệp: 82.444 người so với lao động công nghiệp xây dựng: 6880 người, lao động dịch vụ: 15.500 người.

Tốc độ phát triển lao động năm 2001 - 2005: nông nghiệp tăng: 0,65%, so với công nghiệp xây dựng: 5,7%, lao động dịch vụ tăng: 9,8%.

2. Đánh giá tổng quát:

Với chính sách đổi mới của Đảng và nhà nước về lĩnh vực kinh tế đã tạo động lực cho ngành nông nghiệp phát triển về chiều sâu. Nông nghiệp ở huyện Định Quán và lao động trong nông nghiệp góp phần rất quan trọng trong cơ cấu kinh tế của huyện. Giai đoạn 2001 - 2005, nông nghiệp huyện tăng bình quân 7,55% và chiếm 50,46% (đến năm 2005) trong cơ cấu kinh tế của huyện.

Trong sản xuất trồng trọt đã có nhiều mô hình sản xuất đạt hiệu quả cao như mô hình đưa cây màu xuống trồng trên đất lúa ở vụ đông xuân, mô hình trồng quýt ở xã Thanh Sơn, mô hình trồng xoài ở xã La Ngà, trồng điều ở xã Phú Vinh.

Đối với chăn nuôi ở huyện đã có nhiều hộ đầu tư vào nuôi heo, gà, bò với qui mô vừa và áp dụng kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến kỹ thuật mới như nuôi heo ở TT. Định Quán, nuôi gà ở Phú Túc, Phú Ngọc, Gia Canh, nuôi bò ở Ngọc Định, Thanh Sơn.

Tuy nhiên sản xuất nông nghiệp ở huyện phát triển chưa bền vững, chưa mang tính chất sản xuất gắn theo yêu cầu của thị trường, việc liên kết giữa các doanh nghiệp chế biến với người nông dân sản xuất chưa chặt chẽ; việc đầu tư hạ tầng phục vụ cho phát triển nông nghiệp chưa cao. Mạng lưới thu mua nông sản hình thành chưa lớn.

Trong sản xuất nông nghiệp chưa tách được rõ ràng việc xóa đói giảm nghèo và sản xuất hàng hóa, trình độ dân trí, năng lực về vốn, qui mô diện tích chưa đáp ứng được việc đưa khoa học công nghệ mới vào sản xuất.

3. Nguyên nhân tồn tại.

a. Nguyên nhân khách quan:

- Huyện Định Quán có địa hình bị chia cắt phức tạp, nhiều đồi, nhiều đường hợp thủy, đất sản xuất có tầng đất canh tác nông, có nhiều đá lộ đầu nên khó cơ giới hóa, khó thủy lợi hóa.

- Theo đánh giá của cơ quan địa chất thủy văn, nguồn nước ngầm ở huyện Định Quán trữ lượng từ nghèo đến trung bình. Chỉ có cục bộ một số vùng có trữ lượng nước ngầm khá. Về nước mặt có sông Đồng Nai và sông La Ngà chảy quanh nhưng lại nằm ở cao trình thấp hơn đất canh tác nên việc đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi đòi hỏi vốn lớn.

b. Nguyên nhân chủ quan:

- Sự đầu tư, tác động của nhà nước vào sản xuất nông nghiệp chưa cao, sự chuyển dịch cơ cấu cây con còn mang tính tự phát chưa gắn với thị trường tiêu thụ.

- Trong điều hành chưa tập trung và phát huy được sức mạnh của mọi tầng lớp nhân dân. Chưa cụ thể hóa các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước cho phù hợp với thực tiễn sản xuất nông nghiệp, cho nên trong quá trình thực hiện phát triển nông nghiệp còn nhiều lúng túng.

- Một số xã, ngành nhận thức chưa đầy đủ vai trò, vị trí của nông nghiệp, chưa có kế hoạch, biện pháp khai thác nội lực để phát triển nông nghiệp. Hệ thống quản lý, chỉ đạo nông nghiệp chưa hoàn thiện, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp từ huyện đến xã có ít.

4. Bài học kinh nghiệm:

Kết quả thu được qua 5 năm (2001 - 2005) phát triển nông nghiệp và những tồn tại khuyết điểm, từ đó rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

Thứ nhất, huyện Định Quán là huyện nông nghiệp, vì vậy các cấp ủy Đảng, chính quyền từ xã đến huyện phải xác định rõ, nhận thức đúng vai trò quan trọng của nông nghiệp, phát triển nông nghiệp là hàng đầu từ đó huyện Đảng bộ đưa ra chủ trương về phát triển nông nghiệp, nhà nước đưa ra các giải pháp thực hiện sát thực và cụ thể cho từng năm thì nông nghiệp sẽ đạt kết quả cao.

Thứ hai, nhà nước quản lý, điều hành phải dựa trên qui hoạch và kế hoạch vì vậy việc lập qui hoạch nông nghiệp kết hợp với qui hoạch các ngành khác như công nghiệp, thương mại, du lịch sinh thái, qui hoạch dân cư nông thôn phải được gắn liền với nhau.

Thứ ba, là huyện có diện tích rộng, địa hình phức tạp, dân cư chưa ở thành vùng tập trung nhiều, việc đầu tư xây dựng kết cấu kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp như thủy lợi, giao thông đòi hỏi có sự đầu tư lớn. Do vậy huyện cần có kế hoạch cho từng năm, 3 năm, 5 năm và định hướng lâu dài cho việc đầu tư xây dựng thủy lợi, đường giao thông, điện phục vụ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững.

Thứ tư, nâng cao dân trí trong nông nghiệp, nông thôn để có đủ khả năng tiếp thu kiến thức khoa học kỹ thuật mới áp dụng vào sản xuất nông nghiệp.

Thứ năm, cố chủ trương, hình thức thu hút cán bộ kỹ thuật nông nghiệp về huyện xã công tác.

Thứ sáu, tăng cường sự phối hợp của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường vai trò của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên nhằm vận động nhân dân đóng góp sức người, sức của, trí tuệ, tiềm lực để phát triển nông nghiệp.

II. CHƯƠNG TRÌNH THỰC HIỆN ĐẠT MỤC TIÊU 30 - 50 TRIỆU, TRÊN 50 TRIỆU ĐỒNG/HA/NĂM VÀ PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI CÓ QUY HOẠCH TẬP TRUNG:

Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X đã xác định mục tiêu chủ yếu 5 năm 2006 - 2010 là: Xuất phát từ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội với tốc độ cao và bền vững, đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn trên địa bàn, trong 5 năm 2006 - 2010 phấn đấu thực hiện đạt và vượt những mục tiêu chủ yếu về phát triển nông nghiệp là:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân nông lâm nghiệp thủy sản: 7 - 8%/năm

- Trong cơ cấu kinh tế nông lâm nghiệp thủy sản chiếm: 40 - 41%/năm.

- Giá trị sản xuất nông lâm nghiệp thủy sản tăng: 8 - 8,5%/năm.

- Đến năm 2010, giá trị sản xuất bình quân 1 ha đất nông nghiệp đạt 30 triệu đồng/năm trở lên.

- Phát triển chăn nuôi trên cơ sở có qui hoạch phù hợp. Phấn đấu đạt tỷ trọng chăn nuôi vào năm 2010 từ 25% trở lên, đàn heo tăng 1,8 lần, đàn bò tăng 2 lần, đàn gia cầm tăng 2 lần so với năm 2005.

Trong báo cáo này, UBND huyện xây dựng chương trình để thực hiện chỉ tiêu đến năm 2010 giá trị sản xuất bình quân 1 ha đất nông nghiệp đạt 30 triệu đồng/năm trở lên và chăn nuôi có qui hoạch tập trung nhằm đạt chỉ tiêu tỷ trọng chăn nuôi vào năm 2010 từ 25% trở lên.

Để thực hiện đạt được doanh thu từ 30 - 50 triệu và trên 50 triệu đồng/ha/năm và thực hiện chăn nuôi tập trung, cần phải xác định và thực hiện được các yêu cầu sau đây:

Một là, cơ cấu sản phẩm trong trồng trọt, chăn nuôi, chế biến nông sản làm ra phải phù hợp với thị trường.

Hai là, chất lượng sản phẩm nông nghiệp sản xuất ra được nâng cao gắn với tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, tức là tỷ lệ các giống lúa, rau, màu, cây ăn trái chất lượng cao được đưa vào sản xuất tăng lên.

Ba là, hình thành thế hệ nông dân kiểu mới, đội ngũ nông dân sản xuất giỏi, doanh nhân nông nghiệp trang trại.

Bốn là, thực hiện mô hình nông nghiệp phát triển (đây là sự kết hợp 4 nhà).

Năm là, phải coi việc phát triển các loại cây trồng như điều, cây ăn trái, cây mía và phát triển chăn nuôi heo, bò và con gà là chủ lực.

1. Chương trình thực hiện đạt 30-50 triệu, trên 50 triệu đồng/ha/năm:

Huyện Định Quán có 38.152 ha đất nông nghiệp, chia ra: đất rẫy 33585 ha, đất trồng lúa 4.567 ha, trong đó diện tích đất trồng lúa tập trung từ 3 ha trở lên có 3.376 ha.

Ở chương trình này, đưa ra nhiệm vụ, giải pháp phát triển các loại cây trồng trên đất rẫy gồm: Quýt, xoài, mía, chôm chôm, điều, cà phê. Cây trồng trên đất lúa gồm: Lúa và hoa màu (bắp, đậu, các loại rau).

Để đạt được mục tiêu 30-50 triệu, trên 50 triệu đồng/ha/năm. Trong sản xuất trồng trọt phải đảm bảo đủ các điều kiện và yếu tố sau đây:

- Sử dụng các giống cây cho sản phẩm có chất lượng tốt, năng suất cao.
- Có nước chủ động và đủ tưới để tăng vụ, tăng năng suất.
- Thực hiện cơ cấu cây trồng hợp lý, có hiệu quả.
- Thâm canh hợp lý, đúng qui trình kỹ thuật mới, công nghệ cao.
- Có đủ vốn để đầu tư sản xuất.
- Có đủ cán bộ kỹ thuật nông học hoặc khuyến nông từ huyện tới xã để tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân.
- Nâng cao dân trí cho nông dân.
- Gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm.

1.1. Đối với đất trồng lúa:

Đất chuyên trồng lúa tập trung từ 3 ha trở lên của huyện có: 3376 ha, được phân bố ở 13 xã và 1 thị trấn Định Quán. Trong đó diện tích trồng 2 vụ lúa (hè thu và mùa). 3202 ha, diện tích trồng 1 vụ lúa mùa: 174 ha. Diện tích đất lúa trồng được 3 vụ có: 880 ha chiếm 26% so với diện tích trồng lúa tập trung (3376ha).

a. Diện tích đất lúa trồng được 3 vụ:

Dự kiến đến năm 2010 nâng diện tích đất trồng lúa 3 vụ lên 1.844 ha chiếm 54,6% diện tích trồng lúa tập trung.

Biện pháp để có được diện tích như trên đến năm 2010, xây dựng hoàn thành trạm bơm điện Ba Giọt lấy nước tưới cho cánh đồng Suối Sơn 1, Suối Sơn 2 xã Phú Vinh, trạm bơm Cao Cang xã Phú Hoà tưới cho cánh đồng Cao Cang; đập dâng ấp 5 Phú Tân tưới cho các cánh đồng của ấp 3, ấp 5 và ấp 7, vận động nông dân ở xã Suối Nho, Định Quán, Gia Canh khoan giếng cộng với hoạt động tốt của trạm bơm Ngọc Định, trạm bơm ấp 2, ấp 8 xã Thanh Sơn, thì diện tích đất lúa trồng được 3 vụ sẽ đạt: 1844 ha trong đó: xã Thanh Sơn: 565 ha (2006: 245 ha); Phú Vinh: 431 ha (2006: 214 ha); Ngọc Định: 242 ha (2006: 56 ha); Phú Tân: 172 ha (2006: 64 ha); Suối Nho: 150 ha (2006: 35 ha); Gia Canh: 125 ha (2006: 105 ha); Phú Hoà: 120 ha (2006: 20 ha).

Diện tích đất lúa trồng được 3 vụ phải phấn đấu đạt doanh thu bình quân ở: 45 triệu đến 50 triệu đồng/ha/năm.

Để đạt được doanh thu như trên, cần thực hiện một số biện pháp sau đây:

Cơ cấu cây trồng:

- Đối với khu vực đất ở các xã Suối Nho, Phú Tân, một số diện tích cánh đồng Cao Cang xã Phú Hoà, cánh đồng ấp Hoà Thành, Hoà Đồng xã Ngọc Định có địa hình cao nhưng chủ động được nước áp dụng cơ cấu cây trồng và mùa vụ như sau: trồng 2 vụ màu một vụ lúa mùa:

Trồng hai vụ màu: từ tháng 12 năm trước đến tháng 3 năm sau trồng vụ đông xuân chính vụ, cây trồng: bắp, rau lấy quả (dưa leo, khổ qua, mướp khía, bí xanh, bí đỏ, cà tím) từ tháng 4 đến tháng 7: đây là vụ đông xuân muộn, hè thu sớm: cây trồng chủ lực của vụ này là khoai môn và cây rau lấy quả.

Trồng một vụ lúa mùa: trồng các giống lúa thơm có giá bán cao như: VD20, OMCS21, MTL 250, ST3, ST5. JASMIN 85 ...

- Đối với khu vực đất ở các xã: Phú Vinh, Thanh Sơn, Gia Canh, một phần của Phú Hoà, Phú Túc có địa hình trũng hơn nên khi vào đầu vụ hè thu đã có nước; áp dụng cơ cấu cây trồng và mùa vụ như sau:

Trồng 2 vụ lúa:

Từ 15/04 đến 30/07. trồng lúa hè thu bằng những giống năng suất cao, chất lượng tương đối tốt như: IR 59606; IR 64; OM 2718; IR 66 ...

Từ 01/08 đến 15/11: trồng lúa mùa bằng các giống thơm có giá trị cao như: VD 20, OMCS 21, MTL 250, JASMIN 85 ...

Từ 15/11 năm trước đến tháng 3 năm sau: trồng vụ màu đông xuân bằng các loại cây bắp, rau lấy quả.

*** Nước tưới:**

- Tổ chức quản lý, điều hành, cung cấp nước tưới của các trạm bơm điện hợp lý, đáp ứng nước đủ sản xuất vụ đông xuân, đầu vụ hè thu, cuối vụ mùa và cho trồng màu vụ đông xuân muộn hè thu sớm: nông dân phải tưới nước đúng thời điểm, đúng phương pháp để tránh lãng phí nước.

*** Áp dụng đúng quy trình kỹ thuật về thâm canh, chăm sóc, đúng thời vụ.**

*** Đủ vốn để đầu tư cho sản xuất: mua giống mới, phân bón, trả tiền thủy lợi phí ...**

Để trồng 1 ha bắp vụ đông xuân đạt 9-10 tấn/ha cần có vốn 8 triệu đồng thì mới có doanh thu đạt từ 22,5 triệu đến 25 triệu; để trồng 1 ha khoai môn đạt 15 tấn/ha cần có 25 triệu đồng vốn thì mới có doanh thu đạt từ 45-50 triệu đồng. Hiện nay thị trường tiêu thụ khoai môn lớn vì dùng để sấy xuất khẩu và nguyên liệu làm bánh.

b. Đối với diện tích đất lúa chỉ trồng được 2 vụ:

Đến năm 2010, diện tích đất trồng lúa tập trung 2 vụ của huyện còn 1532 ha, chiếm 45,4%, trong đó: xã Gia Canh: 485 ha, xã Phú Túc: 236 ha, Thanh Sơn: 183 ha, thị trấn Định Quán: 162 ha, Phú Hòa: 115 ha, Ngọc Định: 100 ha, Phú Lợi: 80 ha, Phú Cường: 70 ha, Phú Vinh: 60 ha, Túc Trưng: 41 ha.

Diện tích đất lúa nêu trên chỉ trồng được 1 vụ lúa hè thu và 1 vụ lúa mùa, không trồng được vụ đông xuân vì không có nước tưới, điều kiện để khoan giếng khai thác nước ngầm thì đa số lại nằm ở khu vực nghèo nước, đưa nước sông về tưới không thực hiện được vì đầu tư quá cao không hiệu quả.

Vì vậy với diện tích này phần đầu đạt doanh thu đến 30 triệu đồng/ha/năm. Để đạt được doanh thu như vậy ngoài các yếu tố điều kiện như đã nêu trên, một điều kiện yêu cầu bắt buộc là giống lúa phải sử dụng giống năng suất cao ở vụ hè thu và giống lúa chất lượng cao ở vụ mùa. Sử dụng biện pháp 3 giảm 3 tăng (giảm lượng giống, giảm phân bón, giảm thuốc BVTV, tăng năng suất, tăng chất lượng, tăng hiệu quả kinh tế).

1.2. Các loại cây trồng trên đất rẫy:

Trong chương trình này, cũng sẽ đưa ra hai mức phần đầu đạt doanh thu từ 30-50 triệu đồng/ha/năm.

a.Nhóm cây trồng phần đầu đạt doanh thu trên 50 triệu đồng/ha/năm.

a.1. Cây quýt:

Theo quy hoạch đến năm 2010, diện tích trồng quýt trên địa bàn huyện 2200 ha, tập trung ở xã Thanh Sơn: 1600 ha, Phú Vinh: 100 ha, La Ngà: 70 ha, Gia Canh: 75 ha, Phú Ngọc: 70 ha và ở một số xã khác có diện tích từ 20-50 ha.

Doanh thu phần đầu đạt từ 100 triệu đến 150 triệu đồng/ha/năm.

Để đạt được doanh thu như trên, 1 ha quýt phải có năng suất từ 25 đến 36 tấn/ha. Muốn đạt được năng suất như vậy cần các yếu tố và điều kiện sau đây:

- Giống: sử dụng giống quýt đường, giống quýt nhập từ Úc, Thái Lan.

- Kỹ thuật chăm sóc tiên tiến, đầu tư thâm canh đúng mức như bón phân NPK, phân hữu cơ vi sinh, phân cá, phân dơi, phun xịt thuốc BVTV định kỳ 5-7 ngày/ lần.

- Nước tưới: đủ nước tưới từ tán cây xuống, hoặc tưới phun xuống gốc và xung quanh gốc.

- Đủ vốn để đầu tư vật tư, nước tưới: 1 ha quýt từ năm thứ 3 trở đi chi phí từ 45-60 triệu đồng.

- Tổ chức thu mua, bảo quản tốt, tiến tới lập thương hiệu quýt Định Quán.

a.2. Cây điều được trồng trên đất bazan:

Đã được trồng ở các xã Phú Tân: 541 ha, Phú Vinh: 1.760 ha, Phú Lợi 786 ha, Túc Trưng: 700 ha, Phú Túc: 300 ha, Phú Cường: 300 ha.

Đây là những vùng trồng điều trên đất bazan rất phù hợp cho cây Lùng (cây rau lấy củ) sinh trưởng, phát triển. Vì vậy ở những vùng trồng điều này áp dụng công thức luân canh trồng xen cây Lùng dưới tán điều.

Nếu như thực hiện được công thức xen canh này 1 năm 1 ha thu hoạch 1,5 tấn hạt điều và 20 tấn củ Lùng thì có thể đạt tổng doanh thu: 52 triệu (điều tính giá 7500 đ/kg, củ Lùng tính giá 2000 đ/kg).

Hiện nay mô hình này đã được làm ở xã Phú Tân với 50 ha, thị trường tiêu thụ củ Lùng chủ yếu là nội địa dùng để ăn sống, chế nguyên liệu làm bánh.

Để đạt được năng suất điều 1,5-2 tấn/ ha cần phải loại bỏ hết tất cả vườn điều đã già cỗi thay bằng giống điều ghép

PN1, MH5-4, MH4-5. Kỹ thuật chăm sóc đúng quy trình, có đủ vốn để đầu tư mua giống vật tư nông nghiệp, phân hữu cơ vi sinh. Nếu nơi nào có nước tưới thì năng suất đều có thể đạt 3-3,5 tấn/ha thì doanh thu càng cao hơn.

a.3. Các loại cây ăn trái: Xoài, măng cầu, bưởi, chôm chôm và một số cây ăn trái khác áp dụng công thức trồng xen canh cây nghệ vàng, nghệ đen, gừng.

Diện tích trồng các loại cây ăn trái theo quy hoạch đến năm 2010 là 7.800 ha trong đó xoài: 3.100 ha trồng tập trung ở Phú Ngọc, 700 ha, Thanh Sơn.

Nếu trồng xen gừng, nghệ đen dưới các loại cây ăn trái nêu trên, 1 năm 1 ha thu từ 15-20 tấn trái cây và 20-25 tấn nghệ đen, gừng, giá nghệ đen, gừng bình quân từ 1500 đ/kg- 2000 đ/kg thì chắc chắn doanh thu sẽ đạt trên 50 triệu đồng/ha/năm.

Để đạt được năng suất, doanh thu trên 50 triệu đồng/ha/năm điều kiện bắt buộc đối với cây xoài phải được cải tạo các vườn già cỗi bằng giống xoài có giá trị cao hơn: Xoài cát Hòa Lộc, xoài tứ quý, xoài xanh Thái Lan. Xoài 3 mùa mưa vẫn giữ một diện tích chiếm khoảng 50%.

Tổ chức mạng lưới thu mua, bảo quản tốt, nông dân phải có vốn đầu tư.

b. Nhóm cây phân dậu đạt 30 triệu đồng đến 50 triệu đồng/ha/năm.

b.1. Cây điều:

Đối với cây điều trồng trên đất vàng có sỏi như: La Ngà: 1251 ha, Túc Trưng: 1431 ha, Phú Túc: 684 ha, Phú Cường

366 ha, Phú Ngọc: 488 ha, Ngọc Định: 701 ha, Thanh Sơn: 698 ha:

Áp dụng công thức luân canh: trồng cỏ dưới tán điều vào mùa mưa để làm thức ăn cho bò, dê (nuôi nhốt) sản lượng cỏ thu được cho gia súc ăn tươi và chế biến bằng cách ủ chua và phơi khô dự trữ cho gia súc ăn vào mùa khô kết hợp với thức ăn tinh (cám gạo, bắp).

Điều kiện thực hiện: Cải tạo vườn điều già cỗi bằng điều ghép giống PN1, MH5-4; MH4-5; có vốn đầu tư nuôi gia súc, trồng cỏ, mua phân bón cho điều, nếu nơi nào có nước thì tưới vào mùa khô.

b.2. Cây mía:

Diện tích mía trên địa bàn huyện 4.000 ha (cả diện tích của Công ty CP mía đường La Ngà).

Để đạt doanh thu 30 triệu đồng/ha/năm trong điều kiện đất trồng mía không có nước tưới, trong chương trình này mạnh dạn đưa ra biện pháp như sau:

- Sử dụng giống mía có năng suất chữ đường cao do Công ty mía đường khảo nghiệm đưa ra sản xuất đại trà.

- Bón phân hữu cơ vi sinh là chủ yếu, phân vô cơ là thứ yếu. Mỗi ha mía phải bón được 1-2 tấn phân vi sinh hoặc 5 tấn phân hữu cơ.

- Sử dụng chất giữ ẩm bón cho mía, chất chống xói mòn đất trồng mía.

- Luân canh cây trồng: 4 năm trồng mía chuyển đổi trồng 1 năm cây họ đậu ngắn ngày để cải tạo đất.

Nếu thực hiện được quy trình như trên thì có thể đạt năng suất mía 70 tấn/ha trở lên.

b.3. Cây cà phê:

Diện tích cà phê ở huyện Định Quán chỉ nên ổn định ở diện tích 2.000-2.500 ha trồng trên các vùng đất bazan có đủ nước tưới như ở ấp 5,7,8 Phú Tân, một số ấp của các xã Phú Túc, Túc Trưng, Thanh Sơn, Suối Nho, Phú Lợi.

Để đạt 30 triệu đồng/ha/năm cần phải: Loại bỏ diện tích trồng cà phê già cỗi, kiến thiết lại vườn trồng, đưa giống cà phê có năng suất cao được các cơ quan nghiên cứu khoa học dùng biện pháp cấy mô. Bón phân hữu cơ vi sinh từ 30 tấn/ha trở lên, thực hiện phương pháp tưới nước tiết kiệm hoặc tưới phun. Nếu đảm bảo được các điều kiện, yếu tố như trên có thể đạt năng suất từ 3 tấn/ha trở lên.

b.4. Cây rau các loại:

Chọn xã Gia Canh, Suối Nho và thị trấn Định Quán là những nơi có diện tích chuyên trồng rau các loại quanh năm để xây dựng cánh đồng đạt 30-50 triệu đ/ha/năm và là những nơi trồng rau an toàn, với diện tích 90 ha trong đó xã Gia Canh 45 ha, Suối Nho 20 ha, thị trấn Định Quán 25 ha. Sẽ xây dựng cánh đồng rau sản xuất từ 4-5 vụ/năm, đạt năng suất cao, an toàn bằng các biện pháp: Sử dụng giống mới, sản xuất trong nhà lưới, tưới nước được thải ra từ các hầm Biogas theo công nghệ của Hà Lan mà các hộ chăn nuôi kết hợp với trồng rau đã làm. Xây dựng mô hình trồng rau-nuôi heo. Việc tưới nước thải ra từ hầm Biogas nuôi heo đã được một số hộ nông dân ở xã Suối Nho, Gia Canh, Ngọc Định sử dụng rất tốt, không cần

bón 1 loại phân nào khác mà năng suất rất cao, an toàn vệ sinh (nước tưới qua 2 bể lắng, nước tưới chứa nhiều chất dinh dưỡng hoà tan giúp cho cây hấp thụ nhanh).

2. Chương trình phát triển chăn nuôi tập trung:

Để thực hiện được nhiệm vụ của ngành chăn nuôi mà Nghị quyết đại hội đảng bộ huyện lần thứ X đề ra:

Phát triển chăn nuôi trên các cơ sở có quy hoạch phù hợp, bảo vệ môi trường, liên kết chặt chẽ giữa người chăn nuôi với đơn vị chế biến, tiêu thụ. Phấn đấu đạt tỷ trọng chăn nuôi vào năm 2010 từ 25% trở lên. Đàn heo tăng 1,8 lần so với năm 2005, đàn bò tăng 2 lần tăng gấp đôi đàn gia cầm trên cơ sở phòng chống dịch bệnh có hiệu quả.

Như vậy, đến năm 2010, đàn heo của huyện sẽ có 140.000 ngàn con; đàn bò 16.000 - 20.000 con; đàn gia cầm 800.000 ngàn con.

Với số lượng gia súc, gia cầm như vậy thì không thể để các hộ chăn nuôi riêng lẻ lẫn trong khu dân cư được. Cho nên bước đầu tiên là phải qui hoạch các cụm, điểm chăn nuôi tập trung mà trọng tâm là qui hoạch chăn nuôi heo, gà. Đối với bò sẽ qui hoạch gắn liền với vườn điều, với rừng.

Hiện nay huyện đang tiến hành qui hoạch phát triển chăn nuôi tập trung, qui hoạch các cơ sở giết mổ tập trung, sẽ có thuyết minh riêng.

Ở chương trình này, đề cập tới các vấn đề cơ bản về giải pháp thực hiện phát triển chăn nuôi tập trung.

a. Kỹ thuật:

- Giống: đưa vào chăn nuôi các loại giống tốt, có năng suất cao được cung cấp từ các công ty, xí nghiệp chuyên sản xuất giống heo, gia cầm. Quản lý, kiểm soát được các cơ sở chăn nuôi heo đực phối giống, phấn đấu 100% đàn heo nái trong huyện được thụ tinh bằng phương pháp nhân tạo.

- Thực hiện chăn nuôi theo qui hoạch tập trung điều kiện bắt buộc là phải nuôi theo công nghiệp từ xây dựng chuồng trại, thức ăn đến các khâu chăm sóc phải theo đúng qui trình tiên tiến.

- Các cơ quan chuyên ngành: Phòng Kinh tế, Trạm thú y, trạm khuyến nông tăng cường chuyển giao kỹ thuật tiến bộ mới, công nghệ mới cho người chăn nuôi bằng cách tập huấn, tham quan, mời chuyên gia chuyên ngành về chuyển giao kiến thức cho nông dân.

- Thực hiện nghiêm ngặt và tốt công tác phòng và trị bệnh cho gia súc, gia cầm.

- Phòng Tài nguyên Môi trường hướng dẫn và chuyển giao các qui trình xử lý chất thải trong chăn nuôi phù hợp với điều kiện chăn nuôi, đồng thời tạo sản phẩm phân bón cho sản xuất trồng trọt và tránh ô nhiễm môi trường.

b. Vốn:

- Ngân hàng nông nghiệp và PTNT; các quỹ tín dụng tạo điều kiện cho các hộ, cơ sở chăn nuôi tập trung vay vốn trên cơ sở thẩm định các dự án được lập của người chăn nuôi.

- Huyện làm thí điểm lập quỹ hỗ trợ tài chính cho việc chuyển dịch từ chăn nuôi nhỏ lẻ lên chăn nuôi tập trung theo vùng, điểm qui hoạch nhằm giảm rủi ro cho người chăn nuôi trong giai đoạn đầu.

c. Chính sách đất đai, xây dựng kết cấu hạ tầng các khu, cụm chăn nuôi tập trung:- Huyện sẽ ưu tiên xây dựng đường giao thông, điện, nước vào các khu được qui hoạch chăn nuôi tập trung để tạo điều kiện phát triển chăn nuôi.

- Chính sách thu hút đầu tư: Thực hiện theo luật đầu tư, UBND huyện giao cho Phòng Tài chính Kế hoạch chủ trì phối hợp với các Phòng Kinh tế, Tài nguyên Môi trường, Hạ tầng Kinh tế soạn thảo các chủ trương chính sách của huyện trên cơ sở luật đầu tư và các văn bản của tỉnh qui định về chính sách thu hút đầu tư mà cấp huyện có thể đưa ra phù hợp với điều kiện và khả năng của địa phương để thực hiện được phát triển chăn nuôi tập trung.

d. Thị trường tiêu thụ sản phẩm:

- UBND huyện chủ động tiếp xúc với các công ty thu mua, chế biến sản phẩm gia súc, gia cầm để thiết lập mối liên kết giữa đơn vị thu mua chế biến với người trực tiếp chăn nuôi. Sau đó giao cho Phòng Kinh tế chủ trì điều hành sự liên kết này.

- Khuyến khích sự liên kết giữa người sản xuất và người phân phối trung gian (thường gọi là thương lái) để việc tiêu thụ nhanh chóng, thuận lợi, có hiệu quả kinh tế cao với mỗi bên tham gia.

3. Tổ chức thực hiện:

Theo tính toán của các chuyên gia, mỗi quá trình sản xuất nông nghiệp đều cần 8 yếu tố đầu vào là: giống; thức ăn, phân bón và nước; lao động có kỹ thuật phù hợp; thuốc chữa bệnh đặc thù; thiết bị sản xuất; vốn; đất đai; lao động quản lý với trình độ phù hợp và phải triển khai 2 hoạt động đầu ra là tiếp thị sản phẩm và tổ chức hệ thống tiêu thụ phân phối.

Đối với sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi) ở huyện Định Quán cũng phải có hội tụ đủ 8 yếu tố đầu vào và 2 yếu tố đầu ra. Để từng bước giải quyết hợp lý, đủ các yếu tố trong quá trình sản xuất nông nghiệp, UBND huyện giao nhiệm vụ cho các phòng, ban chuyên môn như sau:

3.1. Phòng Kinh tế, Trạm Khuyến nông, Trạm Thú y, trạm Bảo vệ thực vật:

- Chịu trách nhiệm chuyển giao kỹ thuật, thực hiện các mô hình trình diễn giống mới, tiến bộ kỹ thuật trong trồng trọt và chăn nuôi cho các hộ nông dân áp dụng vào sản xuất.

- Phối hợp với UBND các xã, thị trấn Định Quán, các ngành chức năng tổ chức, hướng dẫn sản xuất theo qui hoạch.

- Tham mưu cho UBND huyện xem xét đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt phục vụ cho người và chăn nuôi.

- Hướng dẫn các hộ, cơ sở, tổ chức sản xuất nông nghiệp lập các dự án sản xuất kinh doanh để có cơ sở thẩm định cho vay vốn.

- Phối hợp, tham gia cùng Phòng Tài chính Kế hoạch dự thảo các chủ trương, chính sách về tài chính hỗ trợ cho phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Chủ trì chương trình tiếp thị, tiêu thụ nông sản cho cá nhân, tổ chức sản xuất nông nghiệp làm ra.

3.2. Phòng Tài nguyên Môi trường.

- Chủ trì, phối hợp tổ chức thực hiện qui trình xử lý môi trường đối với các cụm, vùng chăn nuôi tập trung, triển khai các mô hình điểm về xử lý môi trường để người chăn nuôi áp dụng.

- Tham mưu cho UBND huyện giải quyết chính sách đất đai theo qui định của luật với tinh thần nhanh, đúng, kịp thời về quyền sử dụng, mục đích sử dụng nhằm giúp cho chủ thể sử dụng đất yên tâm đầu tư vào sản xuất, đem lại hiệu quả cao.

3.3. Phòng Tài chính Kế hoạch, Chi Cục thuế:

Tham mưu cho UBND huyện thực hiện đúng chính sách cho thuê đất, đóng thuế theo chủ trương, chính sách của nhà nước mà có ưu tiên cho vùng núi để giúp người sản xuất nông nghiệp mạnh dạn, yên tâm đầu tư vào sản xuất.

3.4. Ngân hàng nông nghiệp và PTNT, các quỹ tín dụng:

Trên cơ sở các dự án của hộ, cơ sở, tổ chức sản xuất nông nghiệp lập, chủ trì cùng các phòng chuyên môn như: Kinh tế, Tài chính Kế hoạch, Tài nguyên Môi trường, UBND các xã, thị trấn Định Quán, tổ chức thẩm định các dự án để xem xét cho vay vốn.

3.5. Phòng Hạ tầng Kinh tế.

Tham mưu, đề xuất cho UBND huyện có kế hoạch từng năm về sửa chữa, nâng cấp và xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp như: đường giao thông, điện.

3.6. Phòng Nội vụ LĐTBXH, Trung tâm dạy nghề:

- Phòng Nội vụ LĐTBXH: giúp UBND huyện đưa ra chính sách thu hút cán bộ kỹ thuật nông nghiệp về huyện công tác hoặc đưa đi đào tạo.

- Trung tâm dạy nghề: thực hiện công tác dạy nghề về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi cho lao động trong huyện nhằm cung cấp lao động có kỹ thuật phù hợp để sản xuất.

3.7. Phòng y tế:

Phối hợp với UBND các xã, thị trấn Định Quán, Phòng Kinh tế, trạm khuyến nông, trạm bảo vệ thực vật, trạm thú y triển khai chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm bắt đầu từ khâu sản xuất. Đề xuất cụ thể các giải pháp về quản lý trong chế biến, trong bán hàng nhằm phát hiện sớm nhất các sản phẩm còn dư tồn quá mức cho phép về thuốc bảo vệ thực vật, thuốc kháng sinh và một số hóa chất gây độc hại để có biện pháp hướng dẫn cho người sản xuất quen dần với việc làm ra sản phẩm sạch.

3.8. UBND các xã, thị trấn Định Quán có kế hoạch chỉ đạo cụ thể thực hiện chương trình này. Giao đồng chí phó chủ tịch phụ trách kinh tế chịu trách nhiệm điều hành, chỉ đạo trực tiếp, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan ban ngành của huyện xây dựng kế hoạch chi tiết phát triển sản xuất cho từng cánh

đồng, từng khu vực, từng vùng của địa phương mình để đạt mục tiêu chương trình đề ra.

3.9. Đề nghị Mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên, tích cực vận động hội viên tham gia đẩy mạnh phong trào sản xuất bằng các biện pháp: áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ mới vào sản xuất, chế biến nông sản, huy động nội lực, hợp tác, liên kết để tạo đủ vốn, kỹ thuật, hình thành các mạng lưới tiêu thụ lớn nhằm đạt hiệu quả cao nhất cho người sản xuất.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Quý Ngọc

Số: 09 /CT-UBND

Định Quán, ngày 15 tháng 10 năm 2006

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỊNH QUÁN LẦN THỨ X
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

I. TÌNH HÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN
2001 - 2005:

Thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 25/6/1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Định Quán lần thứ IX, UBND huyện đã xây dựng 11 chương trình phát triển KTXH - QPAN giai đoạn (2001 - 2005), trong đó có chương trình vệ sinh môi trường với những mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể. Trong 05 năm 2001 - 2005, công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn Huyện bước đầu đã có những chuyển biến tích cực (đặc biệt là từ năm 2003 trở lại đây). Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường đã được quan tâm chú trọng, các tuần lễ về môi trường được tổ chức ngày một quy mô và hiệu quả hơn; mạng lưới cây xanh được chăm sóc, bảo vệ tốt hơn, nhiều diện tích rừng đã và đang được tái sinh, phục hồi; các dự án, công trình cấp nước sạch, thu gom -

vận chuyển - xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư xây dựng (thị trấn Định Quán, xã Phú Ngọc, xã Gia Canh đã được trang bị bãi chôn lấp rác tạm; công tác giữ gìn vệ sinh môi trường trong các khu dân cư tập trung, khu vực nội ô thị trấn Định Quán và tại các cơ sở sản xuất kinh doanh được quan tâm nhiều hơn,

Tuy nhiên, công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn Huyện vẫn còn một số tồn tại sau:

- Công tác bảo vệ môi trường chưa nhận được sự quan tâm sâu sắc của toàn xã hội do đó sự cộng tác, phối hợp giữa các ngành, địa phương, đoàn thể chưa đồng bộ. Công tác thu gom rác sinh hoạt chỉ được thực hiện theo phương thức xã hội hóa, chưa có sự đầu tư của Nhà nước.

- Vẫn còn tồn tại một số cơ sở sản xuất kinh doanh và các hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm nhỏ lẻ nằm phân tán, xen kẽ trong các khu dân cư với công nghệ lạc hậu chưa chấp hành tốt pháp luật bảo vệ môi trường và hầu như chưa có thiết bị thu gom, xử lý chất thải gây ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó, đại bộ phận dân cư chưa ý thức cao trong việc giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp, còn xả rác bừa bãi ở nơi công cộng, xuống các mương thoát nước (không có nắp đậy); các hộ sống ven sông xả trực tiếp chất thải sinh hoạt xuống sông gây ô nhiễm ven bờ các lưu vực sông.

- Nguồn tài chính phục vụ cho công tác bảo vệ môi trường còn rất hạn chế, đặc biệt chưa đầu tư nhiều cho cấp xã, thị trấn.

- Chưa kiểm soát được dư lượng thuốc bảo vệ thực vật còn tích tụ trong đất, gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người và sản xuất nông nghiệp.

- Chất thải rắn y tế và sinh hoạt chưa được xử lý triệt để và chưa có quy chế quản lý cụ thể.

- Tình trạng khai thác nước dưới đất tràn lan, không đúng quy định (do các đối tượng hành nghề khoan giếng trên địa bàn Huyện hầu như chưa được qua đào tạo và chưa có giấy phép hành nghề) chưa được các địa phương kiểm soát chặt chẽ làm cho mực nước dưới đất ngày càng hạ thấp gây ô nhiễm nguồn nước dưới đất.

- Các khu dân cư tự phát mọc lên ngày càng nhiều không theo quy hoạch chung, cơ sở hạ tầng không theo kịp tốc độ phát triển dân số đã làm cho các thành phần môi trường ngày càng suy giảm khả năng tiếp nhận và tự xử lý ô nhiễm mà môi trường nông thôn vốn có.

Nguyên nhân của những tồn tại nêu trên chủ yếu là do:

- Các cá nhân, các ngành, địa phương chưa nhận thức đầy đủ và đúng đắn về tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, còn lúng túng, lảng tránh, chưa thường xuyên kiểm tra các chủ trương, biện pháp thực hiện theo đúng trách nhiệm của mình.

- Ý thức tự giác của cộng đồng chưa cao; trang thiết bị kỹ thuật và cơ sở hạ tầng phục vụ công tác bảo vệ môi trường đầu tư chưa đáp ứng được yêu cầu. Trong đó có khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung có vị trí tại xã Túc Trưng đến nay chưa được đầu tư xây dựng gây khó khăn cho công tác quản lý và xử lý các hành vi vi phạm có liên quan.

- Nhà nước chưa quan tâm đầu tư nhiều cho công tác bảo vệ môi trường như xây dựng các bãi chôn lấp chất thải rắn, xây

dụng các quy chế và lực lượng thu gom chất thải rắn (sinh hoạt, công nghiệp, nguy hại) đáp ứng cho nhu cầu phát triển. Đặc biệt, chưa đầu tư và hỗ trợ nhiều cho các xã, thị trấn thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường ở địa phương.

- Nguồn nhân lực phục vụ cho công tác bảo vệ môi trường trong các cơ quan chuyên môn quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường cấp huyện và bộ phận chuyên môn cấp xã, thị trấn vẫn còn hạn chế cả về nhân lực và năng lực.

II. CHƯƠNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2006 - 2010:

1. Mục tiêu:

Thực hiện tốt Luật Bảo vệ môi trường (ngày 29/11/2005) và Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện lần X, các mục tiêu cụ thể được xác định:

- Tăng cường biện pháp phòng ngừa và khắc phục có hiệu quả những tác động xấu đối với môi trường, nhất là môi trường ở các khu dân cư tập trung, khu đô thị và khu công nghiệp Định Quán; chú trọng bảo vệ môi trường trong các dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Ngăn chặn có hiệu quả tình trạng gây ô nhiễm môi trường nước sông Đồng Nai, sông La Ngà và lòng hồ Trị An.

- Bằng các giải pháp cụ thể, phấn đấu đưa huyện Định Quán trở thành một huyện phát triển bền vững, đảm bảo sự

cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, trong đó chú ý đến các dạng tài nguyên tác động nhạy cảm đến môi trường như tài nguyên rừng và tài nguyên nước.

- Từng bước cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường, giải quyết nhanh chóng và dứt điểm tình trạng ngập úng tại các khu dân cư tập trung và khu đô thị; tôn tạo cảnh quan môi trường, phục hồi các hệ sinh thái rừng đã bị suy thoái.

- Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng, thực hiện các biện pháp xã hội hóa trong bảo vệ môi trường, đảm bảo cho môi trường luôn xanh - sạch - đẹp.

2. Nhiệm vụ:

2.1. Nhiệm vụ chung:

a. Phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đến môi trường:

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm môi trường, bảo đảm các yêu cầu về môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ thành lập mới, không cấp phép cho các dự án sản xuất, kinh doanh và dịch vụ khi chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Tập trung bảo vệ môi trường ở các khu vực trọng điểm: khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu công nghiệp tập trung, các làng nghề, các khu chăn nuôi gia súc - gia cầm; hạn chế và khắc phục xói lở các dòng sông.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp.

- Tăng cường kiểm soát ô nhiễm, ngăn chặn, xử lý các nguồn gây ô nhiễm môi trường. Thực hiện đúng Luật Bảo vệ môi trường đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và trong sinh hoạt.

- Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động quản lý chất thải, khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh, hộ gia đình phân loại rác thải tại nguồn.

- Tổ chức thu phí bảo vệ môi trường.

- Thường xuyên quan trắc, phân tích, đánh giá các thành phần môi trường theo định kỳ trên địa bàn Huyện, chú trọng quan trắc chất lượng nước sinh hoạt tại các khu dân cư và các đô thị trong Huyện.

b. Khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường:

- Ưu tiên phục hồi hệ sinh thái rừng ở các khu vực đã bị suy thoái.

- Giải quyết cơ bản tình trạng ô nhiễm nguồn nước và ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong các khu dân cư do chất thải trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm.

- Đến năm 2010, di dời và tiến tới đình chỉ trên 50% cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường trong thị trấn Định Quán

c. Bảo vệ, khai thác hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học:

- Bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao chất lượng và tỷ lệ che phủ mặt đất nhất là độ che phủ của cây rừng.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với các hộ cá thể, đơn vị khai thác tài nguyên khoáng sản trái phép, hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường.

- Xây dựng công sở, xí nghiệp, gia đình, khu dân cư, ban ấp sạch, đẹp đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường.

- Khuyến khích sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên nước dưới đất.

- Đa dạng hóa các dịch vụ cung cấp nước sinh hoạt tập trung để phục vụ cho nhu cầu của người dân.

2.2. Nhiệm vụ cụ thể:

a. Đối với vùng đô thị và vùng ven đô thị:

- Xây dựng, cải thiện và nâng cấp hệ thống thoát nước tại các khu dân cư tập trung ở thị trấn Định Quán, khu đô thị La Ngà và khu thị tứ Túc Trưng; quy hoạch hệ thống thoát nước cho các khu tái định cư. Đảm bảo và tăng tỷ lệ số hộ dân trên địa bàn thị trấn Định Quán, khu đô thị La Ngà, khu thị tứ Túc Trưng được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 95%.

- Kiên quyết xử lý các hành vi xả rác, chất thải và nước thải gây mất vệ sinh tại các sông, kênh, rạch, ao, hồ và nơi công cộng; tăng cường bảo vệ môi trường lưu vực sông Đồng Nai, sông La Ngà và hồ thủy điện Trị An, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

- Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp và y tế. Triển khai và nhân rộng công tác phân

loại chất thải rắn tại từng hộ gia đình, từng cơ sở sản xuất kinh doanh đối với từng ban ấp, từng xã.

- Xử lý triệt để các cơ sở sản xuất, chăn nuôi, giết mổ gây ô nhiễm môi trường; kiên quyết đình chỉ hoạt động hoặc buộc di dời đối với các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng nhưng không có giải pháp cải thiện ô nhiễm.

- Tăng lượng cây xanh dọc các công viên, hình thành thảm xanh trong khu nội ô thị trấn Định Quán, đô thị La Ngà, thị tứ Túc Trưng và khu trung tâm các xã.

- Trong quy hoạch khu dân cư tập trung, khu tái định cư, chú ý bố trí đủ, hợp lý diện tích đất cho các nhu cầu về cảnh quan môi trường và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ cho công tác bảo vệ môi trường.

b. Đối với vùng nông thôn:

- Tiếp tục gia tăng tỷ lệ số hộ dân được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh đến năm 2010 đạt 95%; tăng tỷ lệ số hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh, có chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh.

- Hạn chế sử dụng hóa chất, khuyến khích sử dụng các sản phẩm hữu cơ vi sinh trong canh tác nông nghiệp;

- Bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng hiện có; đẩy mạnh trồng rừng, tái tạo và khôi phục các diện tích rừng đã bị suy thoái, phá hủy.

- Bảo vệ chất lượng các nguồn nước, đặc biệt chú ý khắc phục tình trạng khai thác, sử dụng bừa bãi, gây cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước ngầm.

- Quy hoạch các cụm công nghiệp địa phương, tổ chức di dời các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp vào các cụm công nghiệp, bảo đảm cho sản xuất phát triển, giữ vững nghề truyền thống và bảo vệ môi trường.

- Chủ động và có kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và y tế phát sinh ngày càng nhiều trên địa bàn các xã.

- Hình thành nếp sống vệ sinh, văn minh trong cộng đồng; chú trọng các yêu cầu bảo vệ môi trường trong quy hoạch xây dựng các cụm, khu dân cư nông thôn.

- Lựa chọn và quy hoạch theo tiêu chuẩn quy định về đất đai, môi trường, vệ sinh phòng dịch các nghĩa trang, nghĩa địa mới đảm bảo yêu cầu về môi trường sinh thái, môi trường nhân văn và cảnh quan đô thị.

- Tăng cường kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, các làng nghề và các cơ sở chăn nuôi, giết mổ.

3. Các giải pháp thực hiện:

3.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo vệ môi trường:

- Tăng cường năng lực các bộ phận tuyên truyền bảo vệ môi trường trong các tổ chức, đoàn thể của Huyện thông qua các chương trình liên tịch về bảo vệ môi trường; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan thông tin đại chúng trong công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, từng bước xây dựng nếp sống và hành vi thân thiện với môi trường.

- Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền về bảo vệ môi trường đến cộng đồng, phát động phong trào toàn dân bảo vệ môi trường, đặc biệt là đội ngũ đoàn viên, thanh niên, học sinh. Lồng ghép các nội dung về bảo vệ môi trường vào các buổi sinh hoạt tập thể của học sinh.

- Nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh chung ở cộng đồng; xóa bỏ các phong tục, tập quán lạc hậu, các thói quen, nếp sống không văn minh, không hợp vệ sinh, đặc biệt là thói quen xả rác bừa bãi và các hủ tục trong mai táng.

- Công bố công khai các thành tích bảo vệ môi trường và hành vi gây ô nhiễm môi trường, tạo thành dư luận xã hội để khuyến khích các hành vi tích cực bảo vệ môi trường và lên án, xử lý nghiêm khắc đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.2. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường:

- Kết hợp quản lý đồng bộ từ huyện đến xã - thị trấn; xác định rõ trách nhiệm, phân công, phân cấp và phối hợp hợp lý giữa các ngành, các cấp trong đó tăng cường vai trò của UBND các xã, thị trấn, các trưởng ban ấp trong công tác bảo vệ môi trường.

- Hàng năm lập kế hoạch thanh, kiểm tra về bảo vệ môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường, xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm. Kiểm soát chặt chẽ và ngăn chặn việc thành lập mới và hoạt động của các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ có tác động hoặc tiềm ẩn nguy cơ cao đối với môi trường; di dời các cơ sở gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư.

- Đẩy mạnh công tác quan trắc môi trường ở các thành phần như nước, không khí,...; tăng cường đầu tư nhân lực và trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho công tác bảo vệ môi trường cho cơ quan chuyên môn và UBND các xã, thị trấn, trong đó đề cao tinh thần tự học hỏi, nâng cao năng lực của mỗi cán bộ.

- Hạn chế tối đa ô nhiễm không khí từ các phương tiện lưu thông trên các tuyến đường và từ các công trình xây dựng cơ bản.

- Nghiên cứu, quy hoạch theo tiêu chuẩn ngành và các quy định có liên quan các cụm công nghiệp, khu chăn nuôi, giết mổ tập trung, trong đó nhấn mạnh các yếu tố đảm bảo khoảng cách với khu dân cư, có hệ thống thu gom và xử lý nước thải;

3.3. Tăng cường nguồn lực tài chính, đẩy mạnh áp dụng các biện pháp kinh tế trong bảo vệ môi trường:

- Thực hiện nguyên tắc người gây thiệt hại đối với môi trường phải khắc phục, bồi thường thiệt hại theo khuôn khổ quy định của pháp luật. Trước mắt thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo Nghị định 67/2003/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tăng cường sự đầu tư của Nhà nước trong công tác quản lý và xử lý chất thải rắn (sinh hoạt, công nghiệp, nguy hại). Trên cơ sở bãi chôn lấp rác tập trung của toàn Huyện đã được phê duyệt, các xã, thị trấn phải chủ động lựa chọn, quy hoạch các điểm trung chuyển rác để tập kết, thu gom về bãi chôn lấp rác tập trung.

- Triển khai thí điểm phân loại rác tại từng hộ gia đình, từng cơ sở, đơn vị trên từng xã và nhân rộng dần ra toàn Huyện.

3.4. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường và khuyến khích phát triển các ngành nghề sản xuất thân thiện với môi trường:

- Tăng cường vai trò của các tổ chức xã hội, đoàn thể nhân dân trong công tác bảo vệ môi trường và giám sát việc bảo vệ. Đặc biệt đề cao trách nhiệm bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.

- Toàn dân phải tích cực tham gia bảo vệ môi trường; khuyến khích phát triển các dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác, cung cấp nước sạch. Quy định tiêu chí, chuẩn mực về môi trường trong việc xét gia đình văn hóa, khu phố văn hóa.

3.5. Tăng cường hợp tác về bảo vệ môi trường:

- Tăng cường hợp tác với các huyện lân cận về bảo vệ môi trường, nhất là huyện Tân Phú về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế.

3.6. Kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải và bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học:

- Tăng cường quản lý việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong nông nghiệp, xử lý chất thải tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các cơ sở chăn nuôi, giết mổ.

- Kiểm soát chặt chẽ và xử lý nghiêm khắc hoạt động khai thác nước ngầm bờ bãi, không theo quy định để ngăn ngừa

sự xâm nhập mới của các tác nhân gây ô nhiễm nghiêm trọng đối với nguồn nước ngầm.

- Tiếp tục khảo sát và triển khai các dự án trồng cây lâm nghiệp trên các đồi thuộc đất lâm nghiệp để phục hồi các diện tích rừng đã bị khai phá theo phương thức nông lâm kết hợp.

- Tăng cường vai trò của UBND các, xã thị trấn trong công tác kiểm soát, xử lý các hành vi gây mất vệ sinh môi trường ở nơi công cộng và các lưu vực sông Đồng Nai, La Ngà.

4. Thời gian thực hiện:

4.1. Công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo vệ môi trường:

- Triển khai Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật vào quý I/2007.

- Triển khai các tuần lễ về môi trường: hàng năm (từ 2006 - 2010).

- Công khai các hành vi vi phạm về môi trường các thành tích bảo vệ môi trường: bắt đầu từ năm 2007.

- Triển khai các chương trình liên tịch về phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong quý I/2007.

4.2 Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường:

- Triển khai thực hiện bản cam kết bảo vệ môi trường đối với các dự án sản xuất kinh doanh: bắt đầu từ quý IV/2006.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ về bảo vệ môi trường: từ quý I/2007.

- Trang bị thiết bị phân tích môi trường; tranh thủ đầu tư nhân lực cho các cơ quan chuyên môn và UBND các xã, thị trấn: từ năm 2006.

- Quản lý một cách chặt chẽ các tiêu chuẩn môi trường, quy định môi trường đối với các bè cá trên sông La Ngà và một số bè trên sông Đồng Nai (buộc kê khai ngành nghề, thực hiện các nghĩa vụ liên quan và yêu cầu cam kết bảo vệ môi trường trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản): bắt đầu từ quý I/2008.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát việc thu gom và xử lý hợp vệ sinh các bao bì, thùng chứa thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng: bắt đầu từ quý IV/2007.

4.3 Áp dụng các biện pháp về bảo vệ môi trường:

- Bắt buộc tất cả các cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động thực hiện tốt Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan: bắt đầu từ quý I/2007.

- Thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải: từ quý II/2006.

- Xây dựng quy chế quản lý chất thải rắn sinh hoạt vào quý II/2007.

- Xây dựng và triển khai phương án phân loại rác tại nguồn, thực hiện thí điểm ở các trường học, khu hành chính Nhà nước vào quý III/2007 và nhân rộng ra các xã, thị trấn từ quý I/2008.

- Đến năm 2010, cơ bản di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh, chăn nuôi gây ô nhiễm môi trường nhưng không có biện pháp xử lý chất thải ra khỏi khu dân cư và khu vực hoạt động hiện hữu.

- Huy động, động viên, khuyến khích các thành phần kinh tế tổ chức thu gom chất thải rắn sinh hoạt và y tế: từ quý IV/2006.

- Triển khai công tác thu gom, xử lý chất thải rắn y tế cụm Định Quán - Tân Phú bắt đầu từ quý II/2007.

- Triển khai trồng, tái tạo lại rừng trên các đồi núi cao, trước mắt tại đồi Đông Bắc bắt đầu vào quý II/2006.

- Bảo vệ nghiêm ngặt rừng hiện có trong suốt giai đoạn từ 2006 - 2010 và các năm tiếp theo.

4.4 Kiểm soát ô nhiễm và bảo tồn thiên nhiên:

- Thiết lập hệ thống thông tin (trên bản đồ giấy, file) theo dõi, kiểm soát hoạt động và tình trạng khai thác của các giếng khoan từ quý IV/2006.

- Khuyến khích các dự án cấp nước sạch, hợp vệ sinh mỗi năm; phấn đấu đến năm 2010 đạt tỷ lệ cấp nước sạch trên toàn Huyện là 95%.

- Phân tích chất lượng nước để kiểm soát ô nhiễm nước sinh hoạt: định kỳ mỗi năm một lần.

- Quy hoạch các hố chôn lấp rác tạm tại các xã để giải quyết cơ bản tình trạng vứt rác bừa bãi gây ô nhiễm môi trường trong khi chờ bãi chôn lấp rác tập trung tại xã Túc

Trưng được xây dựng, tiến đến đóng cửa các hố chôn lấp hiện hữu đang quá tải: từ quý IV/2006.

5. Phân công tổ chức thực hiện:

5.1 Thường trực UBND huyện:

- Chủ trì, đánh giá năng lực các bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường để đầu tư nhân lực, con người và trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn các xã, thị trấn và các cơ quan chuyên môn.

- Đôn đốc việc xây dựng các hạng mục công trình phục vụ cho công tác bảo vệ môi trường do UBND tỉnh và các cấp trên đầu tư xây dựng.

- Ban hành các văn bản quản lý và xử lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Chú trọng các hệ thống xử lý chất thải trong quy hoạch các hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị, đường sá.

5.2 Phòng Tài nguyên & Môi trường:

- Thực hiện công tác quản lý toàn diện về chuyên môn trong lĩnh vực môi trường.

- Phối hợp với các ban ngành, đoàn thể huyện tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức, trách nhiệm về bảo vệ môi trường đến cộng đồng.

- Xây dựng quy chế quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn (sinh hoạt, công nghiệp, y tế), đặc biệt là đối với chất thải rắn sinh hoạt trình Thường trực UBND huyện phê duyệt.

- Hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện cam kết bảo vệ môi trường khi thành lập mới.

- Kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Phối hợp Phòng Kinh tế lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch di dời các cơ sở chăn nuôi, giết mổ, các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường trong khu vực dân cư tập trung; xử lý nghiêm khắc các cơ sở sản xuất kinh doanh không đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

- Chủ trì, định kỳ lấy mẫu nước cấp cho sinh hoạt phân tích các chỉ tiêu vi lượng có trong nước.

- Phối hợp các xã, thị trấn khảo sát, thiết kế, xây dựng các hố chôn lấp chất thải rắn tạm thời để giải quyết lượng rác phát sinh trước mắt và các điểm trung chuyển rác lâu dài khi bãi chôn lấp hợp vệ sinh ở xã Túc Trưng được xây dựng.

- Tiếp tục thu phí BVMT đối với nước thải theo Nghị định 67/2003/NĐ-CP.

- Quản lý chặt chẽ và hỗ trợ về mặt pháp lý đối với các dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt; theo dõi, bám sát thường xuyên tình hình hoạt động của các dịch vụ này và các tổ chức xã hội khác có liên quan, đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường gây bức xúc cho người dân.

- Chủ động xây dựng kế hoạch và phối hợp với các cơ quan liên quan điều tra, rà soát các hộ chăn nuôi, các điểm giết mổ gia súc, gia cầm.

- Triển khai các chương trình liên tịch về phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường đối với các cơ quan thông tin, tuyên truyền.

5.3 Phòng Kinh tế:

- Tiếp tục triển khai các dự án phủ xanh đất trống, đồi trọc; phục hồi môi trường và hệ sinh thái tự nhiên đã bị suy thoái.

- Xây dựng và thực hiện quy hoạch cụm, khu chăn nuôi tập trung, cụm công nghiệp đảm bảo đúng các tiêu chuẩn Việt Nam về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Kiểm soát chặt chẽ việc thành lập mới các cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn Huyện. Kiên quyết không cho thành lập mới các cơ sở chăn nuôi không đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường.

- Chủ trì, điều tra, thống kê số lượng cơ sở chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm trên toàn huyện; quản lý theo quy hoạch các cơ sở chăn nuôi, giết mổ.

- Chủ trì, phối hợp Phòng Tài nguyên & Môi trường kiểm tra, xử lý các cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm và các cơ sở kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

- Tuyên truyền, vận động, khuyến khích cộng đồng sử dụng hố xí hợp vệ sinh.

- Hướng dẫn, khuyến khích cộng đồng phát triển sản xuất nông nghiệp áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật.

5.4 Phòng Hạ tầng Kinh tế:

- Quản lý chặt chẽ việc xây dựng mới các công trình xây dựng, không để gây ra các tác động xấu cho môi trường, bảo đảm các công trình phải có hệ thống xử lý nước thải cục bộ trước khi thải vào môi trường tiếp nhận chung.

- Thiết kế, thi công các công trình giao thông công cộng phải đảm bảo hệ thống thoát nước thải đạt yêu cầu.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường.

- Có biện pháp cải tạo các hệ thống thoát nước hiện hữu, hạn chế tình trạng ngập úng ở các khu dân cư, khu vực công cộng.

5.5 Phòng Y tế:

- Kiểm tra thường xuyên vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các cơ sở kinh doanh ăn uống và cấp nước sinh hoạt trên địa bàn.

- Phối hợp Phòng Tài nguyên & Môi trường kiểm tra định kỳ chất lượng nước cấp của các cơ sở cấp nước tập trung và sản xuất nước đá trên địa bàn.

- Phối hợp Phòng Tài nguyên & Môi trường xây dựng đề án thu gom, vận chuyển chất thải rắn y tế cụm Định Quán - Tân Phú.

5.6 Trạm Thú y:

- Kiểm soát chặt chẽ công tác vệ sinh thú y, phòng dịch đối với các cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm; phòng chống dịch cúm gia cầm.

- Kết hợp với Phòng Tài nguyên & Môi trường và Phòng Kinh tế rà soát, tổng hợp số hộ có hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm.

- Giải quyết nhanh chóng các đàn gia súc, gia cầm bị mắc dịch bệnh.

5.7 Phòng Tài chính - Kế hoạch:

- Dự toán Ngân sách theo quy định của pháp luật để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ môi trường ở địa phương.

- Nghiên cứu, thẩm định và tạo điều kiện bổ sung kinh phí trong thực hiện các kế hoạch, dự án bảo vệ môi trường khu vực.

- Nghiên cứu, trình Thường trực UBND huyện xét cấp nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm cho các đơn vị thực hiện công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường.

5.8 Hạt Kiểm lâm:

- Tăng cường các dự án bảo vệ và phát triển rừng, phối hợp theo quy chế với phòng Kinh tế, công ty Lâm nghiệp La Ngà và Lâm trường Tân Phú thực hiện các dự án bảo toàn diện tích rừng hiện hữu, khôi phục các diện tích rừng đã bị thoái hóa, hủy hoại.

- Bảo vệ đa dạng sinh học và các loài động vật quý hiếm. Xử lý nghiêm khắc các hành vi săn bắn, khai thác và buôn bán động, thực vật quý hiếm.

6.1 Mặt trận Tổ quốc, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh:

- Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường đến toàn thể cộng đồng.

- Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, các cuộc thi tìm hiểu về môi trường đến lực lượng công nhân viên chức, thanh niên, thiếu niên và học sinh.

- Phối hợp với Phòng Tài nguyên & Môi trường triển khai các chương trình liên tịch về bảo vệ môi trường và các tuần lễ về môi trường hàng năm.

6.2 Phòng Giáo dục:

- Tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường trong các trường học trên địa bàn Huyện; tổ chức các sân chơi, phổ biến kiến thức về bảo vệ môi trường cho tập thể giáo viên và học sinh trên địa bàn.

- Phối hợp Phòng Tài nguyên & Môi trường thực hiện thí điểm phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại trường học. Phấn đấu từ nay đến năm 2010, 100% trường học trên địa bàn Huyện tham gia xử lý chất thải rắn sinh hoạt; có trang bị dụng cụ tập kết chất thải rắn và xử lý chất thải rắn đúng quy định, không đốt hoặc tự xử lý chất thải rắn trong khuôn viên trường học gây ô nhiễm.

6.3 Đài Truyền thanh:

- Tổ chức tuyên truyền và đưa tin về môi trường các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, các nguồn tài nguyên quan trọng và có ý nghĩa thực tiễn.

- Phát huy vai trò của kênh thông tin đại chúng, tăng thời lượng phát sóng các thông tin về môi trường đến người dân, đặc biệt tuyên dương các gương người tốt việc tốt, các cá nhân, tập thể có thành tích trong công tác bảo vệ môi trường và công khai các hành vi gây mất vệ sinh và thiệt hại đến cảnh quan, môi trường.

6.4 Phòng Văn hóa - Thông tin:

- Tuyên truyền, quảng cáo các thông tin cổ động trên các phương tiện thông tin đại chúng, treo băng-rôn, khẩu hiệu thường xuyên và phục vụ cho các tuần lễ về môi trường hàng năm và trong các buổi hội thảo, tập huấn công tác nghiệp vụ về môi trường theo chỉ đạo của UBND huyện.

6.5 UBND các xã, thị trấn:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật, các quy định về bảo vệ môi trường và các quy định liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường đến toàn thể nhân dân trên địa bàn.

- Tiếp xúc, kiểm tra việc thực hiện các quy định, chủ trương và các biện pháp thực hiện theo đúng trách nhiệm của mình.

- Giải quyết nhanh chóng, dứt điểm theo thẩm quyền về những hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan trên địa bàn mình.

- Lập kế hoạch bảo vệ môi trường và dự toán nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm trên địa bàn mình.

- Phân công nhiệm vụ hợp lý, đảm bảo có đủ nhân lực phục vụ cho công tác bảo vệ môi trường.

- Kiểm tra, đánh giá hiện trạng của các cống thoát nước; xử lý nhanh chóng tình trạng ngập úng trên địa bàn mình.

- Chủ động lựa chọn các vị trí trung chuyển rác, tiêu hủy gia cầm, vật nuôi và sản phẩm gia cầm để phòng khi dịch gia cầm xảy ra.

- Phối hợp với các cơ quan, ngành chức năng thực hiện các nhiệm vụ quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường. Đồng thời phối hợp Phòng Tài nguyên & Môi trường triển khai thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Phạm Quý Ngọc

Số: 10 /CT-UBND

Định Quán, ngày 15 tháng 10 năm 2006

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ
HUYỆN LẦN THỨ X VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TỔNG
THỂ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2001-2005:

1. Về cải cách thể chế hành chính:

Cải cách thể chế là một trong những trọng tâm của cải cách hành chính Nhà nước. Trong 5 năm huyện đã rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm Pháp luật của HĐND và UBND huyện ban hành là 295 văn bản. Trong đó: văn bản hết hiệu lực 196, còn hiệu lực 99.

Qua rà soát, có 8/13 cơ quan chuyên môn trực thuộc huyện đã sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc cho phù hợp với các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn giúp UBND huyện quản lý Nhà Nước về ngành, lĩnh vực phụ trách.

Đã tổ chức triển khai Quyết định 181/2003/QĐ-TTg ngày 04/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế “một cửa” tại cơ quan hành chính Nhà

nước ở địa phương và Quyết định số 6344/QĐ-UBT ngày 14/12/2004 của UBND tỉnh về việc áp dụng cơ chế “một cửa” tại UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Đến nay, việc thực hiện cải cách hành chính theo cơ chế “một cửa” đã thực hiện ở huyện và 14/14 xã, thị trấn.

- Về bố trí phòng cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả:

+ **Đối với Cấp huyện:** Cơ sở vật chất trang thiết bị, phòng làm việc được trang bị đầy đủ.

+ **Đối với Cấp xã:** Do Trụ sở UBND các xã, thị trấn chật hẹp, không có Phòng đáp ứng đủ điều kiện phục vụ cho bộ phận TN&TKQ làm việc, cho nên hiện nay đa số các xã bố trí Phòng làm việc của bộ phận TN&TKQ tại Văn phòng tiếp dân, chỉ có xã La Ngà, Túc Trưng là bố trí Phòng Làm việc tốt hơn. Về trang thiết bị phục vụ như: Máy vi tính, máy photo copy, bàn, ghế, tủ hồ sơ, vật dụng văn phòng và ghế ngồi cho công dân, tổ chức đến liên hệ làm việc chưa được trang bị đầy đủ.

Tất cả các quy định về thủ tục, hồ sơ, biểu mẫu lệ phí thuộc lĩnh vực: địa chính, xây dựng, chứng thực, đăng ký kinh doanh, thời gian nhận và trả hồ sơ được niêm yết công khai đúng theo quy định.

- **Kết quả thực hiện cơ chế một cửa tính đến tháng 5/2006:**

+ **Cấp huyện:**

Tiếp nhận: 9.608 hồ sơ, đã giải quyết, giao và trả đúng hẹn 9.587; hồ sơ tồn đọng 21 do không đủ điều kiện giải quyết (chiếm tỷ lệ 2%).

+ Cấp xã:

Tổng số hồ sơ tiếp nhận, kiểm tra, giải quyết, phân loại chuyển các phòng chuyên môn huyện giải quyết: 14.443; hồ sơ đã giải quyết, giao và trả đúng hạn 14.200; hồ sơ giải quyết trễ hạn: 141 (chiếm tỷ lệ 0,98%); hồ sơ tồn đọng 102 (chiếm tỷ lệ 0,7%).

2. Về cải cách bộ máy hành chính:

2.1. Cấp huyện:

Đến nay, trong toàn huyện có 13 cơ quan hành chính đã đi vào hoạt động ổn định. Các cơ quan hành chính sau khi được sắp xếp, thành lập lại theo Quyết định số 6857/2004/QĐ.UBT đều được quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể, tránh được tình trạng chồng chéo giữa các cơ quan. Hầu hết các cơ quan đều hoạt động theo quy chế được UBND huyện và ngành dọc cấp trên ban hành. Hàng năm, các cơ quan đều xây dựng kế hoạch thực hiện, đánh giá phân loại cán bộ công chức và xét thi đua khen thưởng.

Đối với ngành giáo dục, do thay đổi về cấp quản lý, nên bước đầu cũng gặp không ít những khó khăn. Song, đến nay 57 trường học đã đi vào hoạt động ổn định.

Đối với các đơn vị sự nghiệp có thu, hoạt động tương đối hiệu quả, đảm bảo lương cho nhân viên và các nguồn chi khác của đơn vị cũng như chấp hành tốt quy định trích nộp đối với ngân sách Nhà nước.

Thực hiện Nghị quyết 16/2000/NQ-CP ngày 18/10/2000 của Chính phủ về việc tinh giản biên chế trong các cơ quan

hành chính và đơn vị sự nghiệp, UBND huyện đã xét giải quyết nghỉ hưu trước tuổi cho 14 trường hợp (năm 2002: 03 trường hợp, năm 2004: 01 trường hợp, năm 2005: 10 trường hợp (02 cán bộ công chức và 06 giáo viên)).

2.2. Cấp xã:

Thực hiện Quyết định số 6890/2004/QĐ-UBT ngày 30/12/2004 của UBND Tỉnh Đồng Nai về việc ban hành bản quy chế thực hiện Nghị định 114/2003/NĐ-CP và Nghị định 121/2003/NĐ-CP của Chính phủ. Đến nay, hầu hết các xã, thị trấn đã bố trí sắp xếp tương đối các chức danh theo quy định và đã đầy đủ nhân sự đi vào hoạt động từng bước đạt hiệu quả hơn.

3. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức:

Để tạo nguồn cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cho trước mắt và lâu dài, ngay từ khi xem xét tuyển dụng, huyện đã rất quan tâm đến trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, lai lịch chính trị, trong đó có sự ưu tiên đối với các đối tượng là con em gia đình chính sách đã qua đào tạo và những người có bằng chuyên môn khá, giỏi. Do đó, đa số cán bộ trẻ sau thời gian thử việc đều được tuyển dụng chính thức.

Kết quả từ năm 2001 đến nay huyện đã tuyển dụng được 692 cán bộ công chức, viên chức.

Đối với việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và luân chuyển cán bộ công chức được thực hiện theo phân cấp quản lý. Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 25/01/2002 của bộ chính trị về việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý và Quyết

định số 51-QĐ/TW ngày 03/5/1999 của bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm cán bộ được cụ thể hóa tại Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg của thủ tướng chính phủ. Kết quả từ năm 2001 đến nay, huyện đã bổ nhiệm và bổ nhiệm lại 171 cán bộ công chức lãnh đạo từ huyện đến xã.

Đi đôi với việc sắp xếp tổ chức, thực hiện tinh giản biên chế, huyện luôn quan tâm việc đào tạo để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cho trước mắt và lâu dài. Từ năm 2001 đến nay, huyện đã cử đi đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho 2421 cán bộ công chức, viên chức, gồm:

- Sau đại học: 01
- Đại học chuyên ngành: 793 (trong đó: khối giáo dục: 766, y tế: 07, hành chính sự nghiệp 20)
- Cao đẳng: 90 (khối giáo dục)
- Trung học: 202 (trong đó: khối giáo dục 138, y tế 13, hành chính sự nghiệp 51)
- Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, kiến thức quốc phòng và nghiệp vụ cho 1.335 lượt cán bộ, công chức.

Từ đó, đã góp phần chuẩn hóa trình độ và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức từ huyện đến cơ sở. Song, đến nay vẫn còn 4/25 trưởng phó các cơ quan chuyên môn và 3/12 cán bộ chủ chốt các đơn vị sự nghiệp trực thuộc huyện chưa có bằng đại học chuyên môn theo quy định; 101/156 cán bộ chuyên trách và 46/179 công chức xã chưa có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên.

4. Cải cách tài chính công:

Là đơn vị cấp ngân sách trong hệ thống của 4 cấp ngân sách Nhà nước, trên cơ sở Nghị định 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước, Thông tư hướng dẫn số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính, Huyện đã chủ động triển khai sâu rộng đến từng cơ quan, đơn vị và các xã, thị trấn. Chủ động phân quyền cho cấp xã, thị trấn là một cấp ngân sách thực hiện công tác lập và chấp hành quyết toán theo đúng Luật Ngân sách.

Sau 5 năm thực hiện, đạt được những kết quả sau:

- Đối với công tác lập kế hoạch kinh tế xã hội và dự toán thu chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn đều được thông qua HĐND cùng cấp.
- Việc phân bổ và điều hành ngân sách thực hiện đúng những định mức được Nhà nước quy định, trên cơ sở cân đối nguồn thu để đáp ứng chi và có sự ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở của địa phương. Mức đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở giai đoạn 2001-2005 đạt mức từ 12 đến 21% trong tổng chi ngân sách.
- Công tác lập và phân bổ dự toán được giao quyền cho đơn vị dự toán từ lập và phân bổ, tạo sự chủ động trong công tác điều hành ngân sách cho từng đơn vị, cơ quan.
- Công tác cấp phát ngân sách có sự thay đổi và cơ chế cấp phát, cải cách thủ tục cấp phát ngân sách cho đơn vị dự toán thực hiện, chuyển sang giai đoạn thực hiện cấp phát bằng dự

toán ngân sách kể cả xây dựng cơ bản, sự nghiệp kinh tế, các khoản chi thường xuyên của đơn vị hành chính sự nghiệp, đã tạo sự chủ động cho các đơn vị thực hiện không trông chờ vào công đoạn cấp phát của cơ quan tài chính.

Ngoài cơ chế quản lý tài chính công đã được cải cách một bước rõ rệt, kết quả chung cho thấy hoạt động quản lý Nhà nước của các cơ quan thí điểm khoán khoán biên chế theo Quyết định 192/2001/QĐ-TTg ngày 17/12/2000 của Thủ tướng Chính phủ đã được nâng lên một bước về chất lượng, đa số các cơ quan đều đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ trong điều kiện khối lượng công việc ngày càng tăng.

Qua những kết quả đã đạt được như nêu trên, trên địa bàn huyện vẫn còn những mặt hạn chế như sau:

- Đội ngũ cán bộ công chức ngày càng được trẻ hoá, có đủ trình độ chuyên môn, một số đã đáp ứng được yêu cầu công việc, song đa số vẫn còn thiếu kinh nghiệm trong quản lý hành chính.

- Công tác tinh giản biên chế mặc dù đã thực hiện nhưng chưa đạt chỉ tiêu đề ra (14/18 trường hợp) do trong quá trình đánh giá cán bộ công chức hàng năm ở một số cơ quan chưa sát đúng với thực chất về trình độ, năng lực và hiệu quả công tác của cán bộ, công chức. Từ đó, chưa có biện pháp cụ thể để giải quyết tình trạng này.

- Ở cấp xã, những năm gần đây đã tập trung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nhưng vẫn chưa đạt chỉ tiêu đề ra (133/179 công chức xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, đạt 74% so với chỉ tiêu).

- Công tác tạo nguồn kế cận của huyện tuy đã được chú trọng quan tâm, nhưng do thực trạng cũ và ràng buộc bởi định mức biên chế nên cũng chưa đáp ứng được yêu cầu cho nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của địa phương.

- Ý thức tổ chức kỷ luật của một số cán bộ công chức chưa nghiêm dẫn đến vi phạm kỷ luật đã phần nào hẫng hụt và ảnh hưởng chất lượng hoạt động của bộ máy và niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

- Việc thực hiện chế độ đối với cán bộ công chức theo Nghị định 121/2003/NĐ-CP của Chính phủ đã gặp không ít khó khăn trong việc sắp xếp, bố trí để củng cố, kiện toàn bộ máy ở các xã, thị trấn.

III. NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2006-2010:

1. Mục tiêu:

Tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ phận một cửa ở huyện và các xã, thị trấn. Đẩy mạnh việc triển khai công tác cải cách hành chính trên tất cả các lĩnh vực, xóa bỏ việc gây phiền hà cho tổ chức, công dân, đồng thời nâng cao năng lực và trách nhiệm của mỗi cán bộ công chức trong việc thực thi công vụ, tạo niềm tin của nhân dân đối với chính quyền địa phương.

Gắn việc thực hiện cơ chế “một cửa” với qui chế dân chủ cơ sở, đảm bảo thực hiện tốt chế độ thông tin, công khai đến dân các chủ trương, chính sách của Nhà nước, chính quyền địa phương và niêm yết các thủ tục hành chính để các tổ chức và nhân dân biết nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhân dân thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và tiếp tục sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy từ huyện đến cơ sở bảo đảm gọn, nhẹ, tránh mọi sự chồng chéo, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị để nâng chất lượng, hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ.

Tiếp tục xây dựng và thực hiện kế hoạch quy hoạch và đào tạo đội ngũ cán bộ, phấn đấu đến năm 2010 có:

- 100% CBCC là trưởng, phó các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc huyện có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên và trình độ chính trị là cao cấp (*hiện nay 81% có trình độ chuyên môn đại học và 32,5% có trình độ chính trị cao cấp*);

- Trên 40% cán bộ chuyên trách cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên (*hiện nay 35%*);

- 70% cán bộ chuyên trách cấp xã có trình độ chính trị từ trung cấp trở lên (*hiện nay 53%*).

- 100% công chức cấp huyện, xã đạt trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên (*hiện nay công chức cấp huyện là 93%, công chức cấp xã là 74%*).

- 100% giáo viên đạt chuẩn theo quy định.

Phấn đấu đến năm 2010, hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cho bộ phận một cửa cấp huyện và cơ sở.

Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý Nhà nước cấp huyện.

Đảm bảo 100% cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, các xã, thị trấn được xây dựng và bổ sung Quy chế hoạt động phù

hợp với yêu cầu nhiệm vụ được giao. Đồng thời, phải đảm bảo thời gian làm việc 40 giờ/ tuần.

2. Nhiệm vụ cụ thể và giải pháp thực hiện:

a. Cải cách thể chế:

Hàng năm, Phòng Tư pháp tham mưu cho UBND huyện có kế hoạch định kỳ kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời chấn chỉnh, sửa chữa, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

Phòng Hạ tầng kinh tế tham mưu cho UBND huyện cần xây dựng kế hoạch cụ thể, báo cáo xin chủ trương của UBND tỉnh phát triển mạng lưới thông tin giữa UBND huyện với các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp và UBND xã, thị trấn để thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý trên mạng máy tính.

Hạn chế hội họp để dành thời gian đầu tư cho công tác và tăng cường đi cơ sở để nắm, hiểu sâu hơn tình hình thực tiễn ở xã, ấp để có những chủ trương, giải pháp phù hợp phục vụ ngày càng tốt hơn yêu cầu của nhân dân, góp phần quan trọng trong sự nghiệp phát triển Kinh tế - Xã hội của địa phương.

Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn thường xuyên kiểm tra việc thực hiện tuần làm việc 40 giờ và việc chào cờ vào sáng thứ hai hàng tuần đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý và xem đây là một trong những nội dung để đánh giá về việc chấp hành ý thức tổ chức kỷ luật và bình xét thi đua cuối năm.

Cơ quan Thanh tra nhân dân huyện cần tăng cường các biện pháp tham mưu giải quyết các đơn thư tố cáo, khiếu nại,

hạn chế thấp nhất số đơn thư tồn đọng quá hạn luật định để tiếp tục xây dựng, củng cố niềm tin của nhân dân đối với chính quyền địa phương.

Tiếp tục nâng cao chất lượng cơ chế “một cửa” theo yêu cầu công khai, minh bạch, coi đó như một bước đột phá trong cải cách thủ tục hành chính đi vào chiều sâu để loại bỏ những thủ tục hành chính rườm rà, nhiều cửa, phức tạp, nảy sinh tiêu cực, tham nhũng, cản trở hoạt động kinh tế xã hội trên địa bàn huyện. Để thực hiện tốt vấn đề này, những nội dung cần tập trung các giải pháp cụ thể như sau:

- Đài Truyền thanh huyện tiếp tục thông tin tuyên truyền các chủ trương về cải cách hành chính theo cơ chế “một cửa” ở huyện và cơ sở để nhân dân nắm và thực hiện khi có nhu cầu.

- Phòng Tư pháp huyện có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các biểu mẫu theo quy định để bộ phận “một cửa” của các xã, thị trấn phục vụ kịp thời yêu cầu của công dân.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện và các xã, thị trấn phải niêm yết công khai các hồ sơ, thủ tục hành chính tại công sở nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân và các tổ chức nắm bắt thông tin khi liên hệ giải quyết công việc.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cơ sở cần có sự liên thông trong việc giải quyết được những công việc hành chính để nhân dân và các tổ chức đến liên hệ được giải quyết những công việc liên quan và nhận được kết quả đúng thời gian được hẹn. Thực hiện tốt được việc này sẽ tạo được niềm tin của nhân dân đối với cơ quan công quyền, đồng thời

là một trong những điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân phát triển kinh tế góp phần xây dựng phát triển Kinh tế - Xã hội của địa phương.

- Phòng Hạ Tầng - Kinh tế phối hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tiến hành khảo sát, dự trù kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở các xã, thị trấn theo tinh thần Công văn số 989/SNV-XDCQ ngày 21/7/2006 của Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai và Quyết định 181/2003/QĐ-TTg ngày 04/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ.

- Định kỳ hàng quý UBND huyện và UBND các xã, thị trấn có đánh giá chất lượng hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của đơn vị và đưa chương trình cải cách hành chính vào chương trình công tác hàng quý của UBND để có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của chính quyền từ huyện và cơ sở.

b. Về cải cách bộ máy hành chính:

- Đối với cấp huyện:

Tiếp tục xây dựng và bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND huyện phù hợp với yêu cầu quản lý Nhà nước ở địa phương, đề xuất điều chỉnh những khâu, những bộ phận không còn phù hợp, khắc phục tình trạng chồng chéo hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ.

Đồng thời, các cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp có nhiệm vụ liên quan, cần xây dựng quy chế phối hợp hoạt động tạo sự thống nhất trong thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo

yêu cầu cơ cấu biên chế hợp lý, tinh gọn theo chỉ tiêu biên chế đã được phân bổ cũng như để tránh được sự chồng chéo, đùn đẩy trách nhiệm làm hạn chế chất lượng công tác ở từng cơ quan, đơn vị.

Từng bước đưa công nghệ thông tin vào quản lý hành chính.

- Đối với cấp xã:

Tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy hành chính cấp xã theo quy định tại Nghị định 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và quyết định số 6890/2004/QĐ-UBT ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

- Từ nay đến năm 2010, phấn đấu thay thế và cử đi đào tạo những 07 chức danh công chức xã chưa đạt chuẩn.

- Phòng Nội vụ - Lao động thương binh và xã hội có kế hoạch kiểm tra định kỳ và kịp thời tham mưu cho Thường trực huyện ủy và thường trực UBND huyện củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy đối với những xã còn hạn chế, yếu kém.

Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn phải thực hiện nghiêm quy chế dân chủ cơ sở phát huy vai trò của Ban thanh tra nhân dân, qua đó sẽ tạo sự đoàn kết thống nhất trong thực hiện các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước.

c. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức:

Từng cơ quan đơn vị có văn bản phân định rõ chức trách, nhiệm vụ của từng cán bộ công chức trong bộ máy, thường

xuyên theo dõi, đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của từng cán bộ công chức. Kịp thời khen thưởng những cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ, đồng thời mạnh dạn đề nghị giải quyết chính sách đối với những cán bộ công chức yếu kém về năng lực, trình độ so với yêu cầu, trách nhiệm trong thực thi công vụ.

Tiếp tục thực hiện tuyển dụng cán bộ công chức thông qua thi tuyển, bảo đảm chuẩn hóa trình độ ngay từ đầu vào, chấm dứt tình trạng tuyển dụng vào lại cho đi học để hợp thức hóa bằng cấp, ngạch bậc.

Tiếp tục chọn cử cán bộ công chức có trình độ chuyên môn chưa đáp ứng tiêu chuẩn các chức danh theo quy định tham gia các lớp đào tạo chính quy, tại chức, ... và cử cán bộ dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ theo quy hoạch, kế hoạch đã đề ra. Phấn đấu đến năm 2010, cán bộ công chức từ huyện đến cơ sở có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ và Chương trình hành động về công tác tổ chức cán bộ của Ban chấp hành Đảng bộ huyện đã đề ra *(có phụ lục kèm theo)*.

Tiếp tục thực hiện công tác quy hoạch, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, điều động, bổ nhiệm, bố trí cán bộ để không ngừng củng cố kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức bộ máy cán bộ.

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm rà soát, xây dựng kế hoạch và yêu cầu cán bộ công chức chưa đạt chuẩn phải đăng ký và có cam kết thời gian hoàn thành chương trình học tập theo chuẩn quy định.

Để thực hiện tốt các mặt công tác nêu trên, Phòng Nội vụ-LĐTBXH có trách nhiệm phối hợp Ban Tổ chức huyện ủy đôn đốc nhắc nhở các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thực hiện công tác quy hoạch cán bộ, đồng thời rà soát trình độ chuyên môn của cán bộ công chức để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ công chức. Phấn đấu đến năm 2010 bảo đảm trình độ cán bộ từ huyện đến cơ sở đạt chuẩn theo quy định, đồng thời có đủ nguồn cán bộ thay thế theo chỉ tiêu Nghị quyết.

Cuối mỗi năm các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn phải tiến hành đánh giá chất lượng cán bộ công chức, cán bộ chuyên trách, không chuyên trách, nhân viên hợp đồng... trong đánh giá cán bộ cần phải thực hiện toàn diện cả về phẩm chất chính trị, trình độ năng lực và đạo đức lối sống, khắc phục việc đánh giá, bình bầu một cách chung chung, chạy theo thành tích làm giảm sự phấn đấu, nỗ lực trong mỗi cán bộ, công chức, ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của từng cơ quan, đơn vị.

d. Về cải cách tài chính công:

Tổ chức đánh giá kết quả đã làm được trong giai đoạn 1 (2001-2005) rút kinh nghiệm từ thực tiễn để định hướng xây dựng kế hoạch kinh tế xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước giai đoạn II (2006-2010) theo thông tư hướng dẫn số 44/2005/TT-BTC ngày 03/6/2005 của Bộ Tài chính.

Tiếp tục thực hiện công tác triển khai mở rộng thực hiện Nghị định số 10/2002/NĐ-CP, hoàn thành giai đoạn thí điểm khoán biên chế và kinh phí quản lý Nhà nước theo Quyết định

192/2001/QĐ.TTg và triển khai thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTC-BNV ngày 17/01/2006 của Liên bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước.

Hạn chế lưu thông tiền mặt, thay vào đó là sử dụng hệ thống giao dịch giữa Kho bạc và Ngân hàng để chuyển khoản.

Trên đây là chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng bộ huyện lần thứ X về cải cách hành chính, giai đoạn (2006-2010) của UBND huyện.

CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Phạm Quý Ngọc

Số: 98/CTr-MTH

Định Quán, ngày 09 tháng 5 năm 2006

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu

Đảng bộ huyện lần thứ X (2006 - 2010) của UBMTTQVN
Huyện Định Quán

- Năm năm qua, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức thành viên đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn phát huy thuận lợi, tổ chức thực hiện chương trình phối hợp thống nhất hành động do ủy ban MTTQVN Tỉnh đề ra. Công tác mặt trận có nhiều chuyển biến mới, khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên địa bàn huyện tiếp tục được tăng cường và mở rộng.

- MTTQ và các tổ chức thành viên đã động viên các tầng lớp nhân dân đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, đạt hiệu quả thiết thực, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội hàng năm và kế hoạch thực hiện 5 năm (2001 - 2005) của huyện. Vai trò mặt trận trong việc tham gia xây dựng Đảng, Chính quyền có tiến bộ, đáp ứng yêu cầu nguyện vọng của nhân dân, thể hiện được vai trò cầu nối giữa nhân dân với cấp ủy Đảng và chính quyền. Qua đó uy tín của Mặt trận được nâng lên.

- Tuy nhiên, vẫn còn có những mặt hạn chế: việc nắm tình hình tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân còn chưa sâu sát, kịp thời. Sự phối hợp giữa Ban Thường trực ủy ban MTTQVN huyện và cơ sở với các tổ chức thành viên từng lúc chưa đồng bộ, việc tham gia, phòng chống tham nhũng, lãng phí còn nhiều hạn chế. Chưa đi sâu, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, công tác giám sát cộng đồng ở cơ sở chưa được phát huy. Tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác Mặt trận nhiều ấp vẫn còn thiếu, trình độ, năng lực hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

- Yêu cầu của giai đoạn 2006 - 2010 đối với công tác Mặt trận là: Tiếp tục tăng cường, mở rộng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, nâng cao dân trí, vai trò của MTTQVN và các tổ chức thành viên. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc, động viên nhân dân tham gia các phong trào, các cuộc vận động, phát huy mọi nguồn lực ra sức thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ kinh tế - xã hội hàng năm và kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 theo nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X.

I/- Phương hướng mục tiêu của nhiệm kỳ 2005 - 2010 là:

- Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị các cấp; động viên mọi nguồn lực của toàn xã hội nhằm phát huy kinh tế - xã hội nhanh và bền vững; chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn theo định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; giải quyết tốt các vấn đề xã hội và môi trường; giữ vững ổn định chính trị xã hội, tăng cường quốc phòng an ninh.

- Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu chủ yếu giai đoạn 5 năm theo nghị quyết Đại hội X Đảng bộ đã đề ra.

- Tuyên truyền vận động nhân dân phòng chống và làm thất bại âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch. Đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng lãng phí, thực hành tiết kiệm. Tuyên truyền hướng dẫn và thực hiện tốt chính sách, pháp luật của Đảng nhà nước trên lĩnh vực tôn giáo và dân tộc.

II/- Một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động, đa dạng hóa các hình thức tập hợp, vận động các tầng lớp nhân dân nhằm tăng cường sự đồng thuận xã hội, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội:

- Ban Thường trực UBMTTQVN huyện có kế hoạch quán triệt và xây dựng chương trình hành động, tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X.

- Ban Thường trực UBMTTQVN huyện phối hợp chặt chẽ với các tổ chức thành viên và chính quyền thực hiện tốt chính

sách đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng, nhà nước đã ban hành. Thực hiện dân chủ và công bằng xã hội, mở rộng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên địa bàn huyện, chăm lo đời sống vật chất tinh thần, bảo vệ các lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân, quan tâm người nghèo, người tàn tật và nhân dân các vùng bị thiên tai, qua đó tập hợp tăng cường chặt chẽ hơn nữa khối đại đoàn kết.

- Phát huy vai trò các nhân sĩ - trí thức, người có uy tín trong đồng bào các dân tộc thiểu số, chức sắc - chức việc các tôn giáo, người Việt Nam ở nước ngoài không ngừng mở rộng, đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, tổ chức tốt *"Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc ở khu dân cư"* hàng năm vào dịp kỷ niệm ngày thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam 18/11.

- Tiếp tục triển khai Nghị quyết 36 của Bộ chính trị về công tác vận động Người Việt Nam ở nước ngoài, hướng các hoạt động của người Việt Nam ở nước ngoài về đóng góp xây dựng huyện nhà.

2/- Tăng cường sự phối hợp giữa ủy ban MTTQVN và các tổ chức thành viên thực hiện tốt các phong trào thi đua, các cuộc vận động góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần nghị quyết Đại hội đảng bộ huyện lần thứ X đề ra.

- Ban Thường trực ủy ban MTTQVN huyện có chương trình, mục tiêu cụ thể để vận động nhân dân đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, tập trung vào việc động viên nhân dân

thi đua sản xuất phát triển kinh tế xóa đói, giảm nghèo, vươn lên làm giàu hợp pháp, đẩy mạnh phong trào xây dựng xã hội học tập, xây dựng đời sống văn hóa gắn với thực hiện 4 giảm 7 có... góp phần đạt và vượt chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội huyện trong năm 2006 và những năm tiếp theo, tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng hiệu quả công cuộc *"toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"* và cuộc vận động ngày *"vì người nghèo"* tập trung các nguồn lực để xây dựng nhà tình thương cho người nghèo phấn đấu đến năm 2008 cơ bản hoàn thành mục tiêu xóa nhà tạm, nhà dột nát cho người nghèo trên địa bàn huyện.

3/- Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tổ chức động viên nhân dân tham gia xây dựng đảng, xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh.

- Ban Thường trực ủy ban MTTQVN chủ động nâng cao chất lượng trong việc tham gia góp ý kiến xây dựng chính sách pháp luật, phối hợp tuyên truyền phổ biến pháp luật, góp phần nâng cao hiểu biết pháp luật trong các tầng lớp nhân dân đặc biệt là thực hiện tốt hơn nữa công tác giám sát việc thực thi pháp luật.

- Triển khai thực hiện nghị quyết của ủy ban Trung ương MTTQVN về việc MTTQVN tham gia thực hiện luật phòng chống tham nhũng, luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Chú trọng kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân làm nòng cốt cho việc thực hiện

quy chế dân chủ cơ sở. Tiến hành sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm, tổ chức tốt việc lấy phiếu tín nhiệm hàng năm đối với các chức vụ chủ chốt do HĐND cấp xã bầu và trưởng ấp, phối hợp với chính quyền tổ chức bầu trưởng ấp, ủy viên TTND theo nhiệm kỳ. Triển khai thực hiện đồng bộ quy chế giám sát đầu tư tại cộng đồng.

4/- Tăng cường tổ chức, đổi mới phương thức hoạt động của ủy ban MTTQVN, hướng mạnh hoạt động về cơ sở và địa bàn dân cư:

- Phát huy vai trò của từng ủy viên UBMTTQVN huyện và cơ sở. Đổi mới phương thức làm việc, tăng cường trao đổi thông tin giữa các vị ủy viên ủy ban MTTQ với Ban Thường trực huyện và cơ sở. Tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động cộng tác viên của MTTQ.

- Tiếp tục đổi mới nội dung phương thức hoạt động của UBMTTQ huyện và cơ sở theo phương châm "Rõ chức năng, rõ nhiệm vụ và phù hợp với đặc điểm của cơ sở khu dân cư". Nhằm thực hiện tốt các phong trào, các cuộc vận động ở địa bàn dân cư, tăng cường công tác tổng kết thực tiễn, nhân rộng điển hình.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả phối hợp với các cơ quan Nhà nước, thực hiện tốt các quy chế phối hợp công tác, các nghị quyết chương trình công tác liên tịch đã ký kết nhằm thực hiện tốt vai trò chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã được pháp luật quy định.

- Tăng cường củng cố kiện toàn bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Mặt trận, gắn liền với công tác quy

hoạch, đào tạo tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nhằm nâng cao năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ Mặt trận, đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới từ huyện đến tổ MT địa bàn dân cư.

- Nâng cao chất lượng thông tin báo cáo và đổi mới công tác thi đua khen thưởng trong hệ thống Mặt trận.

III/- Tổ chức thực hiện:

1. Tổ chức triển khai quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội của MTTQVN huyện trong hệ thống MTTQ, các tổ chức thành viên từ huyện đến cơ sở.

2. Ban Thường trực UBMTTQVN huyện xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện, thường xuyên theo dõi tổng hợp báo cáo kết quả để Ban Thường trực kịp thời chỉ đạo.

3. Quá trình thực hiện cần có sự lựa chọn, ưu tiên cho những việc cần làm ngay để tập trung thực hiện dứt điểm góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội - quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố niềm tin và tạo sự đồng thuận xã hội của các tầng lớp nhân dân, từng cơ sở, từng cộng đồng dân cư trên địa bàn.

4. Từng thời điểm, Ban Thường trực ủy ban MTTQVN huyện sẽ hướng dẫn sơ kết rút kinh nghiệm, bổ sung điều chỉnh các biện pháp mới để sớm đưa nghị quyết đi vào đời sống.

Trên đây là nội dung chương trình hành động của Ban Thường trực ủy ban MTTQVN huyện thực hiện nghị quyết đại hội lần thứ X của đảng bộ huyện. Đề nghị Ban Thường trực ủy ban MTTQVN xã, thị trấn các tổ chức thành viên phối hợp triển khai thực hiện và tiếp tục cụ thể hóa cho phù hợp với đặc điểm tình hình của từng đơn vị, cơ sở mình.

**T/M BAN THƯỜNG TRỰC
CHỦ TỊCH
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Minh Huệ

*** * ***

Số: 16-CTr/HĐ

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
ĐẢNG BỘ HUYỆN LẦN THỨ X (NHIỆM KỲ
2005 - 2010) CỦA ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH
HUYỆN ĐỊNH QUÁN

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Định Quán lần thứ X đã đề ra những mục tiêu, phương hướng của Đảng Bộ huyện giai đoạn 5 năm 2005 - 2010. Nhằm cụ thể hóa các nội dung thực hiện Nghị quyết, Ban Thường vụ Huyện Đoàn xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Định Quán lần thứ X với những nội dung cụ thể như sau:

I. Tình hình công tác thanh niên:

1. Ưu điểm:

- Phần lớn tuổi trẻ Định Quán năng động, hăng hái lao động, học tập, có ý chí vượt qua đói nghèo, vươn lên làm giàu chính đáng cho bản thân gia đình và xã hội. Tính tích cực hoạt động xã hội, tinh thần tự nguyện, xung kích của thanh niên được khơi dậy và phát huy. Đã, đang hình thành một lớp thanh

niên ưu tú, có tri thức, giàu lòng yêu nước, tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng và mong muốn cống hiến sức trẻ cho quê hương, đất nước.

- Tổ chức Đoàn - Hội - Đội trong thời gian qua đã và đang từng bước có những đổi mới về nội dung và hình thức hoạt động nhằm thu hút thanh thiếu nhi vào tổ chức và đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu và lợi ích chính đáng của đoàn viên, hội viên, thanh thiếu nhi. Các hoạt động được xã hội đồng tình, ủng hộ.

- Đã xuất hiện điển hình thanh niên xuất sắc trong các lĩnh vực của đời sống chính trị - xã hội, đây chính là lực lượng nòng cốt thúc đẩy công tác đoàn kết, tập hợp và giáo dục thanh niên.

2. Hạn chế:

- Một bộ phận thanh thiếu nhi thiếu định hướng chính trị, chạy theo lối sống thực dụng, thiếu ý thức chấp hành pháp luật và trách nhiệm với xã hội. Tệ nạn xã hội và tội phạm trong thanh niên có xu hướng gia tăng. Điều đáng lưu ý là trình độ học vấn, trình độ chuyên môn của thanh niên còn thấp, nhất là khu vực nông thôn, ít rèn luyện thể lực, tác phong lao động công nghiệp kém.

- Tổ chức Đoàn và phong trào TTN ở địa bàn dân cư tuy đã có nhiều chuyển biến nhưng còn chưa chủ động, tích cực trong công tác thanh niên, chậm đổi mới; công tác quản lý đoàn viên còn chưa chặt chẽ, việc nắm tình hình tư tưởng thanh thiếu niên chưa chặt chẽ.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ Đoàn đối với các xã, thị trấn chưa hợp lý và chưa kịp thời để đáp ứng công tác lâu dài.

- Tình hình sinh hoạt chi Đoàn, chi hội còn nặng về hình thức, thiếu thực tế nên chưa thu hút thanh niên tham gia và tích cực hoạt động.

3. Nguyên nhân hạn chế:

- Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đoàn viên, hội viên, thanh thiếu nhi còn tồn tại những hạn chế nhất định, hình thức chậm đổi mới, đội ngũ tuyên truyền viên, báo cáo viên chưa được củng cố.

- Tình trạng tiêu cực của xã hội như tham nhũng, sự thiếu gương mẫu về đạo đức lối sống của một bộ phận cán bộ, sự phân hóa giàu nghèo...làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc giáo dục thanh thiếu nhi.

- Một số cơ sở Đoàn xã, thị trấn chưa chủ động trong công tác xây dựng kế hoạch và tham mưu kịp thời với cấp ủy để thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình.

- Lực lượng cán bộ Đoàn từ huyện đến cơ sở vừa thiếu, vừa yếu (nhất là địa bàn dân cư) nên chưa phát huy tốt vai trò và trách nhiệm của người làm công tác thanh niên.

II. Mục tiêu:

1. Dự báo tình hình:

- Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội ổn định, sự nghiệp đổi mới tiếp tục thu được những thành tựu quan trọng sẽ tạo điều

kiện và cơ hội để công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi của huyện tiếp tục phát triển mạnh mẽ.

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành và xã hội luôn dành sự quan tâm lớn đến thanh thiếu nhi và công tác thanh niên; tạo điều kiện giúp thanh niên có cơ hội để rèn luyện phát huy tiềm năng, cống hiến và trưởng thành.

- Tình hình thanh niên sẽ có những chuyển biến mạnh mẽ theo chiều hướng tích cực, thanh niên có trình độ học vấn, chuyên môn, nghề nghiệp ngày càng cao; mặt khác thanh niên ngày càng quan tâm đến tình hình chính trị, xã hội, sự phát triển của đất nước, dân tộc, niềm tin của thanh niên đối với sự lãnh đạo của Đảng, công cuộc đổi mới của đất nước không ngừng được củng cố. Tinh thần tình nguyện, nỗ lực vươn lên trong cuộc sống trở thành xu hướng chủ đạo trong lớp trẻ. Ý thức chính trị, đòi hỏi về công bằng, dân chủ của thanh niên cao. Số thanh niên có nguyện vọng phấn đấu vào Đoàn, vào Đảng có xu hướng tăng. Trong đó, bộ phận ưu tú, có chí tiến thủ, có ý thức tự lực, tự cường, năng động, sáng tạo trong các tầng lớp thanh niên sẽ vươn lên mạnh mẽ và nhanh chóng cống hiến cho đất nước, cho huyện nhiều tài năng trẻ trên mọi lĩnh vực.

- Cùng với sự chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp-dịch vụ-nông nghiệp, sự chuyển dịch lao động trẻ, cơ cấu xã hội, nghề nghiệp của thanh niên sẽ tiếp tục có thay đổi lớn. Số thanh niên nông thôn ra thành phố, các khu công nghiệp ngày càng tăng dẫn đến số thanh niên lao động tự do, thanh niên thiếu việc làm, nơi ở không ổn định

ngày càng nhiều; thanh niên thuộc các lĩnh vực, đối tượng tiếp tục có sự phân hoá, chênh lệch ngày càng lớn về mức sống, về trình độ học vấn, về địa vị kinh tế, về nhu cầu và điều kiện hưởng thụ văn hoá, vui chơi, giải trí....

- Những vấn đề tiêu cực do ảnh hưởng mặt trái của nền kinh tế thị trường diễn biến phức tạp là nguy cơ tiềm ẩn có ảnh hưởng đến tình hình thanh niên, công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi trong những năm tới, nhất là lối sống thực dụng, sa đọa, mất phương hướng trong cuộc sống... là những thách thức của tuổi trẻ trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

2. Mục tiêu chung:

- Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục của Đoàn, chất lượng chính trị của tổ chức cơ sở Đoàn và chất lượng chính trị của người đoàn viên.

- củng cố xây dựng và nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Đoàn Hội, mở rộng mặt trận đoàn kết tập hợp thanh niên; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chăm sóc, giáo dục thiếu niên nhi đồng.

- Nâng cao chất lượng phong trào “Thi đua tình nguyện xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

- Tiếp tục đổi mới công tác chỉ đạo của Đoàn.

III. Chỉ tiêu cơ bản và giải pháp chủ yếu:

1 - Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục của Đoàn, chất lượng chính trị của tổ chức cơ sở Đoàn và chất lượng chính trị của người đoàn viên.

*** Chỉ tiêu:**

Phấn đấu từ nay đến năm 2010: 100% cán bộ Đoàn, 80% đoàn viên được học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp; học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh; phấn đấu hàng năm có 80% thanh niên được phổ biến, tuyên truyền về tình hình nhiệm vụ của tỉnh và đất nước, 90% thanh niên học sinh trong nhà trường thực hiện tốt chương trình học tập chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh, 60% thanh niên ngoài nhà trường được tuyên truyền học tập 6 bài học lý luận chính trị của Đoàn; phấn đấu hàng năm có 60-70% thanh niên vùng sâu vùng xa được tuyên truyền phổ biến pháp luật, 100% các cơ sở Đoàn tổ chức thực hiện có hiệu quả cuộc vận động *"Tuổi trẻ Việt Nam sống, chiến đấu, lao động, học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại"*; 100% chi Đoàn có tài liệu sinh hoạt định kỳ hàng tháng/quý; 100% cơ sở Đoàn có báo Đoàn - Hội (trong đó 50% Chi đoàn ấp có báo Đoàn - Hội); 100% xã, thị trấn có đội ngũ tuyên truyền viên về pháp luật, hôn nhân gia đình; 100% xã, thị trấn có câu lạc bộ tiền hôn nhân, gia đình trẻ.

*** Giải pháp:**

- Tập trung tổ chức tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng và các hoạt động nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn, kỷ niệm của Đảng, dân tộc, của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội LHTN Việt Nam, Đội TNTP Hồ Chí Minh; tổ chức học tập, quán triệt trong đoàn viên thanh niên về Luật Thanh niên; tiếp tục

triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng, của Nhà nước về công tác thanh niên như: Chiến lược phát triển thanh niên đến năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phát huy vai trò của thanh niên tham gia phát triển kinh tế-xã hội trong giai đoạn mới.

- Đặc biệt, tập trung tổ chức tối các hoạt động chào mừng Đại hội Đoàn các cấp tiến tới Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ IX, tiếp tục tổ chức học tập có hiệu quả 6 bài lý luận chính trị, Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh, triển khai trong toàn Đoàn cuộc vận động: *"Sống, chiến đấu, lao động, học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại"*.

- Tổ chức học tập, quán triệt và xây dựng chương trình hành động của các cơ sở Đoàn thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng huyện Định Quán lần X, tỉnh Đồng Nai lần thứ VIII, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục pháp luật, đạo đức, lối sống trong thanh thiếu niên; tăng cường công tác nắm bắt tình hình tư tưởng và dư luận xã hội trong các đối tượng thanh niên, lĩnh vực, địa bàn trọng điểm. Bằng các hình thức thực hiện nghiêm chế độ báo cáo, phản ánh thông tin 2 chiều, điều tra dư luận xã hội.

2 - Củng cố xây dựng và nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Đoàn Hội, mở rộng mặt trận đoàn kết tập hợp thanh niên, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân:

*** Chỉ tiêu:**

Thực hiện nghị quyết số 18-NQ/HU và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X đến năm 2010 phấn đấu kết nạp 15.000 đoàn viên mới, nâng tỷ lệ tập hợp thanh niên vào tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đạt 60% trên tổng số thanh niên, phát triển Hội LHTN 17.000 Hội viên mới đạt 70% trên tổng số thanh niên; tỷ lệ cơ sở Đoàn vững mạnh đạt trên 80%; Tỷ lệ đoàn viên, hội viên tham gia sinh hoạt và công tác thường xuyên đạt từ 80% trở lên; xây dựng lực lượng nòng cốt trong các đoàn thể chính trị, xã hội đạt 40% trên tổng số đoàn viên, hội viên.

- Hàng năm giới thiệu từ 80 đoàn viên ưu tú trở lên cho Đảng xem xét kết nạp.

- 100% các cơ sở Đoàn xã, thị trấn xây dựng được kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, lựa chọn cán bộ gắn với công tác cán bộ của cấp ủy Đảng; phấn đấu trên 50% cán bộ Đoàn chủ chốt ở cơ sở qua chương trình trung cấp lý luận chính trị; 100% cán bộ Đoàn chủ chốt cấp huyện có trình độ trung cấp lý luận chính trị, 50% đã và đang theo học cử nhân chính trị; 70% Ủy viên Ban Chấp hành Huyện đoàn chuyên trách có trình độ trung cấp lý luận chính trị và 50% Ủy viên Thường vụ có trình độ cử nhân chính trị.

*** Giải pháp:**

Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện NQ 07/BCH TW Đoàn về *"Củng cố nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Đoàn, trọng tâm là củng cố xây dựng Đoàn trên địa bàn dân cư"*. Tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Đoàn, Hội; phát huy vai trò nòng cốt chính trị của Đoàn trong việc xây dựng tổ

chức Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam; tăng cường công tác kiểm tra của Đoàn; nâng cao chất lượng giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng xem xét kết nạp; tiếp tục tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân góp phần xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới.

3- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chăm sóc, giáo dục thiếu niên nhi đồng.

*** Chỉ tiêu:**

- 100% chi Đoàn hàng tháng ít nhất có một việc làm thiết thực dành cho trẻ em; phấn đấu đến hết nhiệm kỳ huyện có Nhà văn hóa thiếu nhi; phấn đấu 95% thiếu niên học sinh đủ điều kiện kết nạp là đội viên, hàng năm có trên 60% đội viên lớn tuổi được kết nạp vào Đoàn, 80% trên tổng số đội viên được công nhận Cháu ngoan Bác Hồ, 100% xã, thị trấn củng cố được tổ chức Hội đồng Đội và hoạt động có hiệu quả.

*** Giải pháp:**

- Tiếp tục phát huy vai trò của tổ chức Đoàn - Hội trong công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng, xây dựng Đội TNTP vững mạnh; đẩy mạnh cuộc vận động "*Vì đàn em thân yêu*", nâng cao trách nhiệm phụ trách Đội và chăm lo xây dựng Đội vững mạnh, góp phần xây dựng lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường.

- Huy động các nguồn lực vật chất khác phục vụ cho công tác chăm sóc, giáo dục thiếu nhi và phong trào thiếu nhi tỉnh nhà. Vận động và phối hợp chặt chẽ với gia đình, nhà trường và xã hội bảo vệ, chăm sóc, giáo dục thiếu niên, nhi đồng.

- củng cố và đẩy mạnh hoạt động Đội trên địa bàn dân cư để hạn chế thấp nhất tỉ lệ trẻ em thất học vào đời sớm; tăng cường kiểm tra công tác chỉ đạo của Hội đồng Đội xã, thị trấn.

4- Nâng cao chất lượng phong trào “Thi đua tình nguyện xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

*** Chỉ tiêu:**

- 100% cơ sở Đoàn tổ chức có hiệu quả tháng Thanh niên và các hoạt động thi đua tình nguyện; phần đấu mỗi năm các cơ sở đoàn toàn huyện trao 300 suất học bổng; phối hợp với ngành giáo dục và các cơ quan đơn vị phổ cập; phổ cập THPT cho thanh niên đạt 100%; phần đấu 100% cơ sở Đoàn có hình thức hỗ trợ đoàn viên thanh niên học tập; vận động 100% đoàn viên thanh niên tình nguyện bảo vệ Tổ quốc, tích cực tham gia giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; Cơ sở Đoàn Huyện đội và Công an đạt tiêu chuẩn vững mạnh; tiếp tục phần đấu có 100% Đoàn cơ sở tổ chức các đội hình thanh niên xung kích tuyên truyền ATGT, kiểm soát ma túy và ngăn chặn tệ nạn xã hội.

*** Giải pháp:**

Tiếp tục thực hiện phương châm hướng về cơ sở, đầu tư cho cơ sở cụ thể là chi đoàn ấp; kịp thời tổng kết, rút kinh nghiệm, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trên các đối tượng, lĩnh vực công tác.

5 - Tiếp tục đổi mới công tác chỉ đạo của Đoàn.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức, bộ máy của Huyện Đoàn và cơ sở theo đúng hướng dẫn số 63 của Ban bí thư TW Đoàn và

Ban tổ chức TW Đảng...để đủ sức mạnh và uy tín lãnh đạo trong công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi. Xây dựng kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ Đoàn kế cận. Xây dựng Ban Chấp hành các cấp của Đoàn vững mạnh, có bản lĩnh chính trị vững vàng, nắm vững nghiệp vụ chuyên môn để lãnh đạo phong trào thanh thiếu nhi.

- Tham mưu cấp ủy Đảng các cấp trong công tác quy hoạch cán bộ Đoàn các cấp.

- Khảo sát thực lực đoàn viên, hội viên, thanh niên trên địa bàn toàn huyện.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giữ nghiêm kỷ luật, bảo đảm giữ vững nguyên tắc, điều lệ Đoàn.

IV. Tổ chức thực hiện:

1. Trong năm 2006:

a. Cấp huyện:

- Xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Định Quán lần X và kế hoạch quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp.

Phối hợp với các ngành để xây dựng các chương trình liên tịch làm cơ sở cho việc thực hiện các nội dung chương trình hành động.

- Tổ chức khảo sát toàn diện để đánh giá đúng thực trạng tình hình chất lượng hoạt động của tổ chức Đoàn - Hội và chất lượng đoàn viên, hội viên, đội viên.

- Xây dựng phương án và tiến hành kiện toàn bộ máy Ban Chấp hành Đoàn các cơ sở và chuẩn bị tốt cho Đại hội Đoàn TNCS Hồ Chí Minh huyện lần thứ XI.

- Kiểm tra chuyên đề học tập Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X.

- Có kế hoạch củng cố 20/49 chi đoàn ấp hoạt động cầm chừng qua kết quả khảo sát năm 2006.

b. Các cơ sở Đoàn trực thuộc:

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng cơ sở và tình hình, điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị để xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần X và kế hoạch quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp phù hợp với từng địa phương, đơn vị mình.

- Tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo kết quả về Ban Thường vụ huyện Đoàn trong báo cáo 6 tháng và báo cáo năm.

- Xây dựng phương án và tiến hành kiện toàn bộ máy Ban Chấp hành, các xã thị trấn tập trung củng cố 50% tổng số các chi đoàn ấp hoạt động cầm chừng hiện nay, tổ chức đại hội Đoàn cơ sở theo kế hoạch đã triển khai.

2. Trong năm 2007:

- Tổ chức thành công Đại hội Đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh huyện Định Quán lần thứ XI.

- Tiếp tục chấn chỉnh hồ sơ Đoàn vụ để quản lý thực lực đoàn viên - hội viên - đội viên. Đồng thời thiết lập hệ thống theo dõi, nắm bắt tình hình tư tưởng của đoàn viên - hội viên - đội viên. Duy trì chế độ sinh hoạt định kỳ của cơ sở Đoàn - Hội ở mức 70 % đoàn viên, hội viên và đóng đoàn phí đầy đủ.

- Xây dựng phương án xây dựng, bồi dưỡng và sử dụng lực lượng đoàn viên, hội viên nòng cốt cơ sở.

- củng cố hoạt động chi đoàn ấp đảm bảo 80% Chi đoàn ấp có hoạt động thường xuyên.

3. Trong năm 2008:

- Nâng tỷ lệ đoàn viên, hội viên sinh hoạt định kỳ lên 75%.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Đoàn - Hội - Đội và đoàn viên, hội viên, đội viên.

- Triển khai kế hoạch học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đoàn huyện lần thứ XI, Nghị quyết Đại hội Đoàn tỉnh lần thứ VII.

4. Trong năm 2009:

- Duy trì và nâng tỷ lệ đoàn viên, hội viên sinh hoạt định kỳ lên 80%.

- Tiếp tục chủ động xây dựng và tổ chức các chương trình phối hợp, kế hoạch liên tịch phối hợp với các ngành nhằm tạo điều kiện cho thanh niên tham gia các chương trình phát triển kinh tế - xã hội địa phương và thực hiện tốt chính sách đối với thanh niên.

- Tiến hành tổng kết 07 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/HU của huyện ủy của các cơ sở Đoàn trực thuộc.

5. Trong năm 2010:

- Duy trì và nâng tỷ lệ đoàn viên, hội viên sinh hoạt định kỳ lên trên 80%.

- Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện các chương trình liên tịch với các ban, ngành đoàn thể về công tác thanh niên; tiến hành tổng kết 07 năm thực hiện Nghị quyết 18-NQ/HU cấp huyện.

*** Phụ lục số liệu phát triển Đoàn viên, Hội viên, giới thiệu Đoàn viên cho Đảng.**

STT	Năm	Phát triển Đoàn viên	Phát triển Đoàn viên	Giới thiệu ĐV ưu tú cho Đảng
1	2006	2.500	2.800	80
2	2007	2.800	3.200	90
3	2008	3.100	3.500	90
4	2009	3.200	3.700	100
5	2010	3.400	3.800	100
	Tổng cộng	15.000	17.000	460

Trên đây là chương trình hành động của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh huyện Định Quán thực hiện NQ Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X (nhiệm kỳ 2005 - 2010).

TM. BAN THƯỜNG VỤ
Phó Bí thư thường trực
(Đã ký)
Đỗ Thành Trung

* * *

Số: 05 /CTr-PN

Định Quán, ngày 12 tháng 5 năm 2006

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI
ĐẢNG BỘ HUYỆN LẦN THỨ X (2005-2010)
CỦA HỘI LHPN HUYỆN**

Để góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ 5 năm (2005-2010) mà Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ lần thứ X đã đề ra. BTV Hội phụ nữ huyện xây dựng chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ lần thứ X với những nội dung cụ thể như sau:

I. Mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ giai đoạn 2006-2010:

1. Mục tiêu:

Xây dựng, phát triển tổ chức Hội vững mạnh, đoàn kết vận động các tầng lớp phụ nữ thực hiện phong trào thi đua "*Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc*", chủ động tham gia phát triển kinh tế- xã hội, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ; xây dựng người phụ nữ yêu nước, sáng tạo, trung hậu, đảm đang, thực hiện bình đẳng giới. Tập hợp rộng rãi các tầng lớp phụ nữ, vận động cán

bộ, hội viên, quần chúng phụ nữ quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ do Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ lần thứ X đề ra.

2. Một số chỉ tiêu cơ bản nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ lần X:

- 80% hội viên phụ nữ được tham gia các hoạt động tuyên truyền, giáo dục của các cấp hội.

- Hàng năm có 100% cán bộ Hội các cấp, 80% hội viên phụ nữ đăng ký thi đua đạt 3 tiêu chuẩn phong trào "Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc".

- 65-70% các bà mẹ được hướng dẫn kiến thức, kỹ năng xây dựng gia đình, nuôi dạy con tốt, góp phần giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống còn 17%, giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ở mức 1,2-1,25%.

- 80% hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ được giúp đỡ xóa đói giảm nghèo, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 4% (theo chuẩn mực mới).

- Nâng cao chất lượng hoạt động cơ sở Hội, phấn đấu tăng tỷ lệ cơ sở Hội khá, xuất sắc. Tỷ lệ tập hợp hội viên tham gia sinh hoạt thường xuyên, 100% cơ sở hội xây dựng và phát huy được vai trò tích cực của lực lượng nòng cốt, xây dựng hội viên nòng cốt đạt 42% so với tổng số hội viên.

3. Nhiệm vụ cụ thể:

- Học tập các chủ trương, Nghị quyết Đại hội huyện đảng bộ lần thứ X, Nghị quyết Đại hội Đảng của tỉnh lần VIII, Nghị

quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần X và Nghị quyết Đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ X, Nghị quyết Đại hội phụ nữ tỉnh Đồng Nai lần VII, Nghị quyết Đại hội phụ nữ huyện lần IX, học tập luật pháp, chính sách của nhà nước.

- Tiếp tục quán triệt các quan điểm của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, công tác dân tộc; công tác tôn giáo theo Nghị quyết hội nghị TW7 (khóa IX). Tiếp tục đưa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đi vào cuộc sống của các tầng lớp phụ nữ.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động giáo dục truyền thống yêu nước, phẩm chất tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam, truyền thống phụ nữ Đồng Nai và của huyện nhà, tuyên truyền đạo đức, lối sống, tinh thần tương thân tương ái, ý thức cộng đồng; nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, có lối sống trong sạch, lành mạnh, cần kiệm để xây dựng đất nước, sống làm việc theo pháp luật, có tinh thần cảnh giác cách mạng, góp phần đấu tranh làm thất bại âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch nhằm thực hiện tốt tinh thần "Toàn dân xây dựng đất nước và bảo vệ tổ quốc".

- 100% cơ sở Hội có kế hoạch và chương trình hành động tuyên truyền Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ lần X, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần X.

- Đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, thực hiện phương châm "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*"; phát huy quyền làm chủ của quần chúng phụ nữ, chú trọng chăm lo đến quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ.

- Phát huy vai trò của tổ chức Hội, tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, tham gia giám sát, xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh.

- Triển khai thực hiện luật phòng chống tham nhũng, luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Hội phụ nữ các cấp tổ chức các hình thức giúp phụ nữ xóa đói giảm nghèo, đặc biệt là phụ nữ nghèo làm chủ hộ được vay vốn, đồng thời tập huấn các kiến thức về khoa học kỹ thuật để ứng dụng vào sản xuất, chăn nuôi, trồng trọt, từng bước ổn định cuộc sống và làm giàu chính đáng.

- Tiếp tục thực hiện phong trào thi đua *“Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”* gắn với hưởng ứng cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”*.

- Xây dựng nếp sống văn hóa, thực hiện tốt chủ trương 4 giảm, đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ chăm sóc sức khỏe gia đình, thực hiện chính sách về Dân số-Kế hoạch hóa gia đình và bảo vệ môi trường, tích cực phòng chống tệ nạn xã hội, bạo lực gia đình, buôn bán phụ nữ- trẻ em, HIV/AIDS.

- Thực hiện vai trò đại diện của Hội trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ. Nâng cao chất lượng, hiệu quả tham gia xây dựng luật pháp, chính sách, chương trình kế hoạch phát triển để chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho phụ nữ.

- Nâng cao hiệu quả trong công tác tham gia giám sát việc thực thi luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ.

- Phát hiện và chủ động tham gia giải quyết các vụ vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ.

- Vận động các cấp Hội thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tích cực tham gia quản lý Nhà nước theo tinh thần Nghị định 19/2003/NĐ.CP của Chính phủ về phát huy vai trò của Hội LHPN các cấp tham gia quản lý Nhà nước.

- Tăng cường giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh, vận động hội viên, phụ nữ tích cực tham gia chống âm mưu và thủ đoạn diễn biến hòa bình.

- Nâng cao ý thức cảnh giác, tăng cường quản lý hội viên và vận động phụ nữ không tham gia các hoạt động gây rối, khiếu kiện đông người, làm mất trật tự, an ninh xã hội.

- Vận động hội viên phụ nữ thực hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa và vận động con em tình nguyện thi hành nghĩa vụ quân sự, bảo vệ Tổ quốc.

- Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Hội phụ nữ các cấp, đa dạng hóa các mô hình tập hợp phụ nữ, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động do hội phát động. Thực hiện phương châm "Nơi nào có phụ nữ, nơi đó có tổ chức hội", hoạt động hướng về cơ sở, mỗi hộ gia đình đều có hội viên phụ nữ.

- Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ, chính trị cho đội ngũ cán bộ Hội ở cơ sở. Đồng thời nâng cao chất lượng và phát huy vai trò lực lượng hội viên nòng cốt, nhất là trong hội viên có đạo và các xã có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số.

II. Giải pháp:

1. Tổ chức tuyên truyền phổ biến sâu rộng trong cán bộ, hội viên, quần chúng phụ nữ những nội dung cơ bản của Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ lần thứ X nhằm nâng cao hiểu biết, thống nhất hành động hưởng ứng các hoạt động nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ, nghị quyết đại hội đề ra.

2. Đa dạng hóa các mô hình tập hợp quần chúng phụ nữ, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Hội, xây dựng lực lượng hội viên nòng cốt, thực hiện phong trào thi đua "Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc" gắn với hưởng ứng cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", ra sức thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu nhiệm vụ về phát triển kinh tế- xã hội- an ninh quốc phòng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ đã đề ra.

3. Tăng cường đổi mới nội dung và phương thức tập hợp quần chúng phụ nữ, phát huy vai trò của các UV.BCH cơ cấu ở các ngành, xây dựng đội ngũ công tác viên của Hội để tham gia xây dựng luật pháp, chính sách, giám sát việc thực thi pháp luật nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho phụ nữ. Góp phần thực hiện Nghị quyết của hội phụ nữ các cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển của phong trào phụ nữ và hoạt động của hội phụ nữ trong giai đoạn 2006-2010.

4. Quan tâm giới thiệu cán bộ, hội viên ưu tú cho đảng xem xét kết nạp Đảng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Hội các cấp nhằm nâng cao năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

III. Tổ chức thực hiện:

1. Năm 2006:

- Tổ chức thành công Đại hội phụ nữ cấp cơ sở và cấp huyện, củng cố kiện toàn các chi, tổ Hội, nâng cao chất lượng hội viên.

- Tổ chức tổng kết 5 năm thực hiện phong trào thi đua *"Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc"*.

- Tổ chức triển khai quán triệt Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ lần thứ X, Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ VIII, đồng thời triển khai chương trình hành động về thực hiện Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ của Hội LHPN huyện trong hệ thống Hội, Nghị quyết Đại hội phụ nữ huyện lần thứ IX.

- Phát động hội viên, quần chúng phụ nữ tham gia phong trào phòng chống các loại tội phạm trong năm 2006.

- Xây dựng và triển khai thực hiện phòng chống tham nhũng, luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tổ chức tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội cho cán bộ Hội cơ sở mới tham gia BCH.

2. Năm 2007:

- Triển khai thực hiện Nghị quyết đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ X, Nghị quyết Đại hội phụ nữ tỉnh Đồng Nai lần VII, Nghị quyết đại hội phụ nữ huyện lần thứ IX và tiếp

tục triển khai nghị quyết huyện Đảng bộ lần thứ X, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần VIII, Nghị quyết đại hội đảng toàn quốc lần X.

- Tiếp tục phát động phong trào thi đua *"Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc"*, và triển khai thực hiện 4 nhiệm vụ công tác hội do trung ương Hội LHPN Việt Nam đề ra.

- Phối hợp cùng các ban ngành, đoàn thể liên quan tham gia thực hiện các chương trình mục tiêu về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng của huyện.

- Khảo sát nắm lại số hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ (giai đoạn III) để có kế hoạch phối hợp giúp đỡ.

- Tiếp tục tuyên truyền, vận động hỗ trợ phụ nữ xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc.

- Vận động các cấp Hội thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tích cực tham gia quản lý Nhà nước theo tinh thần Nghị định 19/CP của chính phủ.

- Quản lý tốt thực lực hội viên thông qua việc củng cố, nâng chất trong công tác hội.

- Xây dựng lực lượng hội viên nòng cốt ở cơ sở đảm bảo các tiêu chí đã đề ra.

- Theo dõi, nắm bắt, phản ánh kịp thời tư tưởng hội viên, quần chúng phụ nữ.

- Tham mưu tích cực trong công tác cán bộ nữ và phát triển đảng viên nữ.

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động của tổ chức Hội.

3. Năm 2008:

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức hội và hội viên.

- Nâng tỷ lệ hội viên tham gia sinh hoạt định kỳ lên 70%

- Tăng cường tính liên hiệp, tập hợp rộng rãi các đối tượng phụ nữ thuộc các tầng lớp, các lứa tuổi. Thực hiện đa dạng hóa các loại hình tổ chức để thu hút nữ thanh niên, nữ CNVC, nữ tiểu thương vv...

- Phát triển hội viên đến mỗi gia đình có phụ nữ trong độ tuổi từ 18 tuổi trở lên, nâng cao chất lượng hội viên, xây dựng và phát huy được vai trò tích cực của lực lượng hội viên nông cốt, phấn đấu đến cuối năm 2008 xây dựng hội viên nông cốt đạt 38% so với tổng số hội viên toàn huyện.

4. Năm 2009:

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng hội viên và tổ chức cơ sở hội.

- Phối hợp với các ngành có liên quan tiếp tục thực hiện các Nghị quyết liên tịch nhằm chăm lo đến quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em.

- Nâng tỷ lệ hội viên tham gia sinh hoạt định kỳ lên 72%

- Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Hội.

- Chủ động thực hiện tốt vai trò đại diện của Hội trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ.

5. Năm 2010:

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Hội, nâng tỷ lệ hội viên sinh hoạt định kỳ lên 75%, xây dựng hội viên nòng cốt đạt 40% so với tổng số hội viên toàn huyện.

- Tổ chức hội nghị biểu dương những cá nhân, tập thể điển hình, đồng thời tổ chức nhân rộng những mô hình hoạt động có hiệu quả.

- Thực hiện công tác kiểm tra đánh giá chất lượng hoạt động của hội.

- Đánh giá tổng kết: công tác tuyên truyền vận động chấp hành pháp luật trong tổ chức Hội và cộng đồng dân cư giai đoạn 2005-2010; Công tác phòng chống buôn bán phụ nữ, trẻ em giai đoạn 2004-2010; kế hoạch thực hiện đề án 01- 138 về phát động phụ nữ hưởng ứng và phối hợp tham gia phòng ngừa phát hiện, tố giác, cảm hóa giáo dục người phạm tội tại gia đình và cộng đồng dân cư giai đoạn 2006-2010; đánh giá tổng kết chương trình hành động phòng chống bạo hành trong gia đình giai đoạn 2005-2010 do Hội phụ nữ, phòng Tư pháp và ủy ban Dân số- Gia đình - Trẻ em huyện ký kết liên tịch.

Trên đây là những nội dung chương trình hành động của hội LHPN huyện thực hiện Nghị quyết Đại hội huyện đảng bộ lần X. BTV Hội phụ nữ huyện đề nghị BTV Hội phụ nữ các

xã, TT căn cứ để xây dựng chương trình hành động của đơn vị mình phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và tổ chức triển khai xuống các chi, tổ Hội thực hiện đạt hiệu quả.

TM/BTV PHỤ NỮ HUYỆN

Chủ tịch

(Đã ký)

Đinh Thị Thanh Hương

*** * ***

Số 02 -CT/HND

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**thực hiện nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ
Huyện Định Quán lần thứ X (2005-2010)
của Hội nông dân Huyện Định Quán**

Sau khi các ủy viên Ban chấp hành góp ý xây dựng chương trình hành động, Ban thường vụ Hội nông dân Huyện Định Quán (khoá V) đã thảo luận và nhất trí, để góp phần phát huy sức mạnh toàn dân, xây dựng Huyện Định Quán giàu đẹp văn minh. Ban chấp hành Hội nông dân Huyện Định Quán (Khoá V) xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Huyện Định Quán lần thứ X theo những nội dung như sau:

1) TÌNH HÌNH CÔNG TÁC HỘI VÀ PHONG TRÀO NÔNG DÂN 5 NĂM QUA:

1) Những kết quả và ưu điểm:

Quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ IX Đảng bộ Huyện, tổ chức Hội các cấp đã tích cực tổ chức 7.225 cuộc tuyên truyền các Nghị quyết và điều lệ chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, Nghị quyết và điều lệ Hội đến 332.667 lượt cán bộ, hội viên, nông dân, vận động

kết nạp mới 8.929 hội viên, nâng tổng số đến cuối năm 2005 toàn huyện có 33.491 hội viên sinh hoạt trong 681 tổ và 175 chi Hội. Ban chấp hành 14 cơ sở Hội xã, TT có 200 ủy viên và Ban chấp hành Hội nông dân huyện khoá V hiện có 20 ủy viên (khuyết 5), 5 năm qua tổ chức Hội, đã cử 75 lượt cán bộ dự các lớp tập huấn nghiệp vụ do Trung ương và Tỉnh Hội mở, tổ chức bồi dưỡng chính trị và nghiệp vụ công tác Hội 11 lớp cho 967 lượt cán bộ cơ sở và dưới cơ sở, trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ các cấp Hội trong huyện không ngừng nghiên cứu để đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, từng bước phát huy vai trò của hội viên tham gia bàn bạc quyết định công việc của chi Hội, tổ Hội và tìm ra giải pháp cùng nhau thực hiện công việc đó; động viên được tinh thần trách nhiệm của từng ủy viên BCH và cán bộ chuyên trách tổ chức xây dựng và thực hiện đúng Quy chế hoạt động, hoàn thành tốt các chương trình, kế hoạch công tác theo từng thời gian, 427 cán bộ hội viên trưởng thành từ phong trào được tổ chức hội giới thiệu vào đội ngũ trung kiên và được tổ chức đảng xét, kết nạp 124 đồng chí vào Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Được nhà nước, các ngành, các doanh nghiệp tạo điều kiện, 3 phong trào lớn của tổ chức Hội đã có vai trò tích cực tham gia thực hiện chương trình phát triển kinh tế-xã hội của huyện. Phong trào thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xoá đói giảm nghèo và làm giàu chính đáng đã động viên đại bộ phận hộ nông nghiệp tham gia, kết quả có 12.699 lượt hộ đạt danh hiệu sản xuất kinh doanh giỏi có thu nhập từ 50 triệu đến 100 triệu đồng/năm, cá biệt nhiều hộ thu nhập từ vài trăm triệu đồng một năm, có 9.299 lượt hộ khó khăn được nội bộ đoàn kết hỗ trợ 7.500 triệu đồng, hàng chục

ngàn cây giống, con giống... để vươn lên thoát nghèo. Hưởng ứng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”, Hội vận động hội viên đăng ký thi đua xây dựng gia đình nông dân văn hoá và tham gia xây dựng thôn, ấp, khu phố văn hoá đạt nhiều kết quả. Ngoài ra, các cấp Hội đã tích cực phối hợp với ngành nông nghiệp và các ngành chức năng tổ chức 7.946 buổi tập huấn, 456 buổi hội thảo và điểm trình diễn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật nông nghiệp đến 300.419 lượt cán bộ, hội viên nông dân; thực hiện đầu tư hỗ trợ vốn, vật tư nông nghiệp; tham gia xây dựng và phát triển kinh tế tập thể, thực hiện các chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, bảo đảm quốc phòng- an ninh, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của nông dân, thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự, chính sách hậu phương quân đội, đền ơn đáp nghĩa, xoá đói giảm nghèo.....đạt nhiều kết quả, góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế-xã hội, nâng cao đời sống vật chất tinh thần vùng nông thôn.

2) Những tồn tại, yếu kém:

Song song với những nỗ lực phấn đấu và đạt được kết quả nêu trên, hoạt động của Hội nhìn chung có tiến bộ nhưng chưa đều, có nơi chưa thể hiện rõ vai trò trung tâm nòng cốt trong tổ chức các phong trào nông dân thực hiện phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất và văn hoá, các nội dung đoàn kết tương trợ xoá đói giảm nghèo và vận động các chương trình xã hội hoá còn nặng về hình thức, chưa trở thành phong trào thường xuyên, rộng khắp. Hội viên đông nhưng lực lượng nòng cốt chưa nhiều, một bộ phận trong đội ngũ cán bộ năng lực còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới;

việc đánh giá phân loại tổ chức Hội hàng năm chưa chặt chẽ, không theo đúng hướng dẫn của trên, có hiện tượng nể nang, chạy theo thành tích đơn vị mạnh nhưng chưa có phong trào nổi bật. Mỗi quan hệ phối hợp, cộng đồng trách nhiệm giữa Hội với các ngành và doanh nghiệp ở một số nơi chưa trở thành nhiệm vụ thường xuyên, nên chưa tác động có hiệu quả đến phong trào quần chúng.

3) Nguyên nhân yếu kém:

Bên cạnh những nguyên nhân khách quan như: sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn về thời tiết, thiên tai, dịch bệnh, giá cả không có lợi cho nhà nông và một số nơi nhất là cấp cơ sở sự quan tâm của cấp ủy Đảng, sự giúp đỡ tạo điều kiện của chính quyền chưa thường xuyên, thiếu kịp thời, đội ngũ cán bộ cấp cơ sở còn nhiều biến động và cán bộ dưới cơ sở chưa có trợ cấp để động viên tinh thần trách nhiệm làm cho hoạt động của Hội và phong trào nông dân có những khó khăn nhất định... Về nguyên nhân chủ quan: Công tác quy hoạch, đào tạo và sử dụng cán bộ chưa được quan tâm, một bộ phận cán bộ Hội chưa nhận thức đầy đủ vai trò trách nhiệm của tổ chức Hội nông dân Việt Nam trong thời kỳ đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, có hiện tượng trông chờ ỷ lại cấp trên chưa kịp thời xây dựng chương trình, kế hoạch để triển khai thực hiện chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và của Hội, thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội ở địa phương. Mặt khác, tuy được tập huấn và hướng dẫn nghiệp vụ nhưng khả năng tham mưu giúp cấp ủy chỉ đạo lãnh đạo công tác Hội, giúp Ban chấp hành Hội cấp mình đề ra nghị quyết thực hiện nhiệm vụ, và khả năng tác nghiệp của một số cán

bộ còn hạn chế, nhiều chương trình phối hợp chậm được tổng kết, chưa quan tâm việc phát hiện, phổ biến và nhân rộng điển hình tiên tiến, công tác kiểm tra đôn đốc bị xem nhẹ.... Làm phát sinh những hạn chế và yếu kém đã nêu.

II) MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2006-2010:

Ban chấp hành Hội nông dân từ Huyện đến cơ sở tích cực tham gia thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ X Đảng bộ Huyện Định Quán theo mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2006-2010 như sau:

1) Mục tiêu:

Phát huy truyền thống yêu nước, ý chí tự cường, đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng, không ngừng nâng cao kiến thức pháp luật khoa học kỹ thuật và nếp sống văn hoá để động viên thành phong trào rộng lớn của giai cấp nông dân thi đua sản xuất- kinh doanh giỏi, đoàn kết tương trợ giúp nhau phát triển sản xuất và kinh tế trang trại, xây dựng các hình thức kinh tế hợp tác và Hợp tác xã, tổ chức các loại hình dịch vụ và phát triển ngành nghề nông thôn, tạo việc làm, tăng thu nhập.... Nâng cao đời sống dân cư vùng nông thôn. Qua đó, tăng cường nghiên cứu đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, tập hợp đông đảo nông dân vào hội, xây dựng và phát triển lực lượng nòng cốt, nâng cao chất lượng hội viên và chất lượng hoạt động các cấp Hội, bảo đảm chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng hợp pháp của hội viên, nông dân, đủ sức tham mưu với Đảng về nông nghiệp, nông thôn và công tác Hội, góp phần phát huy dân chủ, tham gia xây dựng Đảng; Chính quyền và xã hội.

2) Một số chỉ tiêu chủ yếu:

- 100% cơ sở Hội vận động có từ 80% trở lên hộ nông dân tham gia thực hiện 3 phong trào lớn và có từ 60% số hộ trở lên đạt danh hiệu hộ sản xuất kinh doanh giỏi, 80% hộ gia đình nông dân văn hoá, xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn.

- 100% cơ sở, chi tổ Hội nắm chắc số hộ nghèo và có lý do nghèo để có từ 80% trở lên số chi hội đề ra kế hoạch giúp đỡ mỗi năm có từ 3 hộ trở lên thoát nghèo, góp phần đến năm 2010 toàn Huyện còn dưới 4% hộ nghèo (theo chuẩn mực mới), hạn chế thấp nhất hiện tượng tái nghèo.

- Mỗi năm có 80% số cơ sở Hội, mỗi cơ sở vận động xây dựng 1 căn nhà tình thương tặng hộ hội viên nghèo.

- 100% hộ nông nghiệp có hội viên, trên 80% nông dân trong độ tuổi vào Hội, 100% hội viên được cấp thẻ.

- 80% cơ sở Hội, 70% chi, tổ Hội đạt loại vững mạnh và khá, không có đơn vị yếu kém, 100% hội viên nộp hội phí.

- Công tác tuyên truyền đến ít nhất 2 lần/cán bộ, hội viên/năm, 1 lần/nông dân/năm. Mỗi đợt sinh hoạt, học tập chính trị rộng lớn ít nhất 80% hội viên nông dân dự.

- Chỉ đạo và tổ chức Đại hội đại biểu Hội nông dân 3 cấp trong Huyện. Tiếp tục xây dựng và phát triển lực lượng nông cốt đạt chỉ tiêu giao, hoàn thành các nhiệm vụ xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

- **Quỹ hội:** Xã, TT ít nhất 5 triệu đồng, chi hội từ 2 triệu đồng trở lên.

- **Quỹ hỗ trợ nông dân:** Phấn đấu vận động nguồn vốn ủng hộ tăng thêm mỗi năm Huyện 5 triệu, cơ sở 5 - 10 triệu đồng.

- Mỗi cấp Hội phải thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và theo yêu cầu, có đủ sổ sách công tác, thống kê, quản lý theo hướng dẫn.

- Phối hợp giúp vay vốn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, dạy nghề và tăng cường đầu tư hỗ trợ nông dân tham gia thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội hàng năm và cả nhiệm kỳ.

3) Nhiệm vụ trọng tâm:

Nhằm thực hiện hoàn thành xuất sắc chương trình hành động của Ban chấp hành Hội nông dân Huyện Định Quán, ngoài những nhiệm vụ thường xuyên mỗi năm các cấp Hội trong Huyện tập trung thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ như sau:

*** Năm 2006: Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao vai trò trách nhiệm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hóa.**

- Thực hiện bước khảo sát đánh giá thực trạng tình hình nông dân và các phong trào nông dân, tình hình hội viên và chất lượng hoạt động của chi hội, tổ hội.

- Xây dựng các tiêu chí sát đúng để phân tích và định hướng về chất lượng hội viên, hội viên nòng cốt, các phong trào nông dân, hiệu quả hoạt động và năng lực đội ngũ cán bộ các cấp của Hội.

- Bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu năm và phát triển mới 2000 - 2500 hội viên, trong đó phải đạt trên 1.000 hộ NN có hội viên mới.

- Xây dựng phương án, kế hoạch chỉ đạo Đại hội các chi hội, Đại hội Hội nông dân 2 cấp: Huyện và cơ sở vào năm 2007.

*** Năm 2007: Triển khai có hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế-xã hội nông thôn, các hoạt động dịch vụ hỗ trợ sản xuất và đời sống nông dân.**

- Phát động phong trào thi đua yêu nước chào mừng Đại hội đại biểu Hội nông dân cấp cơ sở và Huyện, tiến tới Đại hội lần thứ VII Hội nông dân Tỉnh và Đại hội toàn quốc lần thứ V của Hội. Bầu cử Quốc hội khoá XII nhiệm kỳ 2007 - 2012.

- Xây dựng hệ thống và lực lượng cán bộ đủ khả năng nắm tình hình tư tưởng, tâm trạng cán bộ, hội viên, những điểm mới, những khó khăn trong nông nghiệp, nông thôn, phục vụ đắc lực yêu cầu lãnh đạo, hướng dẫn và hoạt động phối hợp của Hội.

- Tổ chức thành công Đại hội chi hội; Hội nông dân xã, TT và cấp Huyện nhiệm kỳ 2007-2012.

- Thiết lập hệ thống biểu mẫu nắm chắc thực lực tổ chức Hội từ Huyện đến cơ sở và chất lượng hội viên; phấn đấu kết nạp mới từ 2.000 đến 2.500 hội viên mới, trong đó phải đạt trên 1000 hộ NN có hội viên mới. Hoàn thành các chỉ tiêu hàng năm về thu và trích nộp hội phí, xây dựng quỹ Hội, xây dựng nhà tình thương, xoá đói giảm nghèo, gia đình nông dân văn hoá, hộ sản xuất kinh doanh giỏi.

- Tổ chức mô hình tổ hội theo ngành nghề vật nuôi và cây trồng nhằm phát triển hình thành các Câu lạc bộ năng suất cao; các cánh đồng 50 triệu/ha. (Chọn Xã Thanh Sơn; Xã La Ngà làm điểm rút kinh nghiệm sau đó tổ chức nhân rộng)

- Phối hợp với trung tâm dạy nghề hỗ trợ và dạy nghề cho nông dân. Triển khai, thực hiện có hiệu quả các hoạt động phối hợp hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, nâng cao đời sống.

- Xây dựng quy chế và thực hiện các giải pháp bảo đảm thực hiện đúng quy chế về xây dựng, quản lý, hoạt động, thu và trích nộp phí của các chương trình, dự án, các nguồn tài chính do Hội quản lý, hạn chế thấp nhất nợ tồn đọng (kể cả gốc và phí)

*** Năm 2008: Đẩy mạnh các phong trào thi đua xây dựng tổ chức Hội nông dân các cấp vững mạnh.**

- Tiếp tục phát động phong trào thi đua yêu nước trong cán bộ, hội viên, nông dân chào mừng thắng lợi Đại hội hội nông dân cấp huyện và cơ sở, lập thành tích chào mừng Đại hội Hội nông dân Tỉnh lần thứ VII và Đại hội toàn quốc lần thứ V của Hội. Thực hiện tổng kết phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi cấp Huyện lần thứ II. Nhân rộng các mô hình làm ăn có hiệu quả.

- Tiếp tục xây dựng lực lượng nòng cốt, nâng cao chất lượng hội viên phấn đấu kết nạp mới từ 1.500 đến 2.000 hội viên mới, trong đó phải đạt trên 500 hộ NN có hội viên mới.

*** Năm 2009: Tập trung xây dựng và nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Hội, bảo đảm vận động và thực hiện có hiệu quả các phong trào quần chúng ở từng cơ sở.**

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng hội viên, chất lượng hoạt động của Hội nông dân các cấp. Thực hiện bước khảo sát đánh giá về sinh hoạt của chi Hội, tổ hội để xây dựng phương án, đề án nâng cao chất lượng sinh hoạt Hội và nâng cao tỷ lệ hội viên tham gia sinh hoạt Hội.

- Chủ động quan hệ, xây dựng và thực hiện các chương trình phối hợp với chính quyền, các ngành, các doanh nghiệp tạo điều kiện giúp hội viên, nông dân thực hiện các chương trình phát triển kinh tế- xã hội, các chương trình xã hội hoá ở nông thôn và các phong trào do Hội phát động.

- Phấn đấu kết nạp thêm từ 1.000 đến 1.500 hội viên mới, trong đó phải đạt trên 500 hộ NN có hội viên mới.

*** Năm 2010: Tổng kết thực tiễn, nhân rộng các mô hình, các điển hình tiên tiến về xây dựng tổ chức Hội và phát triển kinh tế-xã hội nông thôn.**

- Tiếp tục thực hiện các hoạt động thường xuyên về xây dựng, nâng cao chất lượng tổ chức Hội và tổ chức các phong trào nông dân, thực hiện kết nạp hội viên mới và hộ hội viên đạt chỉ tiêu giai đoạn 2005-2010 và các chỉ tiêu khác.

4. Giải pháp:

- Tổ chức tuyên truyền giáo dục làm cho cán bộ, hội viên, nông dân hiểu, đồng tình và tự giác thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, của Hội, chính sách pháp luật của Nhà nước, tiếp tục nâng cao truyền thống yêu nước, ý thức tự cường và kiến thức văn hoá, khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế cho hội viên nông dân để nông dân tự tin, phấn khởi tham

gia thực hiện các chỉ tiêu kinh tế-xã hội, các phong trào xã hội ở địa phương cơ sở nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho mình, đồng thời góp phần thực hiện sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn.

- Tăng cường công tác đào tạo và hướng dẫn nhằm củng cố kiện toàn Ban chấp hành Hội nông dân các cấp, xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách có đầy đủ kiến thức và kinh nghiệm đáp ứng nhiệm vụ xây dựng Nghị quyết, chương trình kế hoạch công tác, thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể từng thành viên trong Ban chấp hành, để mỗi ủy viên thực hiện tuyên truyền Điều lệ Hội, vận động tập hợp nông dân vào tổ chức đạt chỉ tiêu đề ra và nâng cao được chất lượng hội viên theo tiêu chí, thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công và nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ Hội, nâng cao năng lực quản lý và điều hành, tích cực xây dựng các nguồn quỹ, hoàn thành tốt nhiệm vụ kiểm tra đôn đốc việc thực hiện chỉ tiêu công tác Hội, kịp thời động viên khen thưởng và phổ biến nhân rộng điển hình tiên tiến, bảo đảm nâng cao chất lượng hoạt động các cấp Hội.

- Hình thành trung tâm hỗ trợ và dạy nghề nông dân để qua đó phối hợp các ngành, doanh nghiệp tạo môi trường thuận lợi trong hướng dẫn, đầu tư hỗ trợ và dạy nghề giúp hội viên, nông dân nâng cao kiến thức năng động trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng và phân công lao động, phát huy cao độ các tiềm năng và thế mạnh của từng vùng, đẩy mạnh đầu tư nâng cao năng suất lao động và giá trị sản phẩm nông nghiệp, xây dựng mới và nâng cấp cơ sở vật chất hạ tầng nông thôn, xây dựng đạo đức, tình cảm, lối sống mẫu mực,

nếp sống văn hoá và gia đình nông dân văn hoá, xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng chống lại âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, phòng chống các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm... đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế và nâng cao đời sống cư dân vùng nông thôn.

- Nâng cao năng lực thực hiện chương trình phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp về việc tạo điều kiện để các cấp Hội nông dân tham gia đóng góp xây dựng và triển khai các chương trình dự án phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân và hoạt động của Hội đạt hiệu quả; hoàn thành tốt nhiệm vụ tham mưu và chế độ thỉnh thị ý kiến, giúp cấp ủy chỉ đạo, lãnh đạo các hoạt động của tổ chức Hội, tích cực lựa chọn giới thiệu cán bộ, hội viên ưu tú để Đảng xem xét kết nạp, để tham gia ứng cử Hội đồng nhân dân các cấp, thường xuyên báo cáo với cấp ủy và trình bày với chính quyền tình hình công tác Hội và các phong trào nông dân, những tâm tư, nguyện vọng và các kiến nghị của nông dân, những bức xúc trong nông nghiệp, nông thôn và tìm giải pháp giải thích và giải quyết, kiên quyết đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, lãng phí và các hành vi vi phạm pháp luật, tích cực xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch vững mạnh.

III) TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1) Căn cứ thực tiễn, hàng năm Ban chấp hành Hội nông dân Huyện và các cấp Hội sẽ xây dựng cụ thể các chỉ tiêu, nhiệm vụ nhằm bảo đảm thực hiện thắng lợi chương trình này.

2) Ban chấp hành và tổ chức Hội các cấp triển khai sâu rộng Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ X Đảng bộ Huyện Định Quán; Chương trình của Ban chấp hành Hội nông dân Huyện thực hiện Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ Huyện nâng cao nhận thức và động viên toàn thể cán bộ, hội viên, nông dân toàn Huyện tích cực thực hiện.

3) Ban chấp hành và tổ chức Hội các cấp căn cứ các Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Huyện; Đảng bộ cùng cấp và chương trình hành động của Ban chấp hành Huyện hội xây dựng chương trình công tác và kế hoạch thực hiện ở cấp mình, chỉ đạo Hội cấp dưới xây dựng và thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ theo từng thời gian.

4) Các Đ/c UVBCH Huyện hội; cán bộ chuyên trách các cấp của Hội theo chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn, đôn đốc và tổng hợp kết quả thực hiện chương trình này của các cấp Hội, giúp Ban Thường vụ, Thường trực các cấp Hội kiểm tra việc tổ chức thực hiện, định kỳ sơ, tổng kết, kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc, trong tổ chức thực hiện chương trình hành động của Ban chấp hành Hội nông dân Huyện Định Quán thực hiện Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ Huyện.

TM/BTV. HỘI NÔNG DÂN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Lê Hoàng

Số: 05/CTr-LĐLĐ

Định Quán, ngày 26 tháng 6 năm 2006

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Huyện
lần thứ X (2005-2010) của Ban Chấp hành
Liên đoàn lao động huyện Định Quán**

Đại hội Đảng bộ huyện Định Quán lần thứ X nhiệm kỳ (2005-2010) đã diễn ra từ ngày 21 đến ngày 22 tháng 9 năm 2005. Đại hội đã quyết định phương hướng, mục tiêu tổng quát là: *“Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức Đảng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị các cấp, động viên mọi nguồn lực của toàn xã hội nhằm phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững; chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn theo hướng CNH, HĐH; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; giải quyết tốt các vấn đề xã hội và môi trường; giữ vững sự ổn định chính trị xã hội, tăng cường quốc phòng an ninh”*.

Để Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Huyện lần thứ X đi vào cuộc sống trong CNVC-LĐ. Ban Chấp hành LĐLĐ Huyện khoá V xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị

quyết Đại hội Đảng bộ Huyện lần thứ X với những nội dung sau:

I/ TÌNH HÌNH PHONG TRÀO CNVC-LĐ VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN THỜI GIAN QUA:

1. Tình hình kinh tế xã hội:

Tình hình kinh tế xã hội của huyện trong thời gian qua có bước ổn định và phát triển, kinh tế tăng trưởng bình quân 8%/năm, thu ngân sách tăng bình quân 13,7% hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu ngân sách, chỉ tiêu vận động trên giao, giữ vững ANCT, TTATXH, bảo vệ tổ quốc. Bên cạnh thuận lợi ổn định và phát triển, trên địa bàn cũng còn nhiều khó khăn khách quan như: biến động giá cả thị trường đã tác động đến đời sống CNVC-LĐ nói riêng và nhân dân trong toàn huyện nói chung.

2/ Tình hình CNVC-LĐ và hoạt động công đoàn:

Thời gian qua cùng với sự phát triển kinh tế xã hội cơ cấu đội ngũ CNVC-LĐ cũng có sự thay đổi theo:

- CNVC khối hành chính ổn định, nhưng khối sự nghiệp tăng,
- Số lao động chuyển từ nông nghiệp sang công nghiệp ở trong huyện và ngoài huyện khá cao,
- Về tổ chức công đoàn: Toàn huyện có 43 tổ chức CĐCS với 3959 ĐV/4548 LĐ.
- Về việc làm của CNVC-LĐ trên địa bàn huyện tương đối ổn định, Cty có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện các chế độ

tiền cho CNLĐ tốt, đầy đủ và kịp thời. Thu nhập của CNLĐ đối với 2 Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lương bình quân của công ty men thực phẩm Mauri La Ngà là: 2.405.000đ/người/tháng (thấp nhất là: 1.074.000đ/người/tháng); Cty TNHH hạt giống CP Thái Lan lương bình quân là: 2.000.000đ/người/tháng (thấp nhất là: 780.000đ/người/tháng; Cty cổ phần Mía đường La Ngà lương bình quân là: 1.528.517đ/người/tháng (thấp nhất là: 1.000.000đ/người/tháng). Đối với Cty, Doanh nghiệp khác bình quân là: 1.300.00đ/người/tháng. Thu nhập của CNVC-LĐ tương đối ổn định, nhưng nhìn chung so với giá cả thị trường thì đời sống của CNVC-LĐ vẫn còn khó khăn, chưa đáp ứng được nhu cầu của đời sống.

Việc quan hệ giữa người sử dụng lao động và người lao động ở các Cty, Doanh nghiệp tương đối tốt. Hầu hết các Cty có tổ chức công đoàn đảm bảo chính sách người lao động, do đó thời gian qua không xảy ra việc tranh chấp lao động hoặc đình công, lãn công.

Ngoài ra trên địa bàn Huyện có 48 Doanh nghiệp ngoài quốc doanh, Cty TNHH, HTX vẫn còn một số chưa thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động như BHXH, BHYT, BHLĐ, chưa nâng cao trình độ văn hóa, kỹ thuật, nghiệp vụ, quan hệ lao động còn nhiều mặt hạn chế. Đa số các Cty theo hình thức gia đình, thời vụ có khoảng 8 Cty đủ điều kiện thành lập công đoàn.

*** Kết quả cụ thể phong trào CNVC-LĐ trong thời gian qua:**

Bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, học vấn chuyên môn cho CNVC-LĐ:

Trong những năm qua CNVC-LĐ đã được đi học các lớp văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ. Tính đến nay toàn huyện có 90,6% có trình độ phổ thông trung học, 85% có trình độ Đại học và trung học chuyên nghiệp.

Việc tổ chức học tập các chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh cho CB CĐCS đạt 94,76%.

Tổ chức học tập các Nghị quyết của Đảng, các chuyên đề khác và kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm cho cán bộ và báo cáo viên của CĐCS đạt 95%.

Khối Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức tốt việc học tập Luật Lao động, ATVSLĐ đạt 98,78%; tổ chức CĐCS còn duy trì tốt việc sinh hoạt và kiểm tra việc chấp hành ATVSLĐ 5 phút trước khi vào sản xuất, do đó nhiều năm nay không có xảy ra tai nạn lao động trong sản xuất.

Khối Cty, Doanh nghiệp ngoài quốc doanh, có một số Doanh nghiệp CNLĐ chưa thực hiện tốt việc chấp hành ATVSLĐ, do mối quan hệ giữa chủ Doanh nghiệp và người lao động còn nhiều mặt hạn chế, ý thức chấp hành ATVSLĐ của người lao động còn kém. Chủ Doanh nghiệp chưa thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động như: BHXH, BHYT, BHLĐ.

Các cấp, các ngành phối hợp thực hiện tốt các cơ chế chính sách của Đảng, pháp luật nhà nước.

Để thực hiện tốt chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước đối với CNVC, LĐ. Hai năm qua tổ chức công đoàn từ huyện đến cơ sở đã thực hiện tốt, kết quả đạt được như sau:

- **Khối HCSN:** Công đoàn phối hợp với thủ trưởng cơ quan trong việc thực hiện các cơ chế chính sách của Đảng pháp luật của nhà nước cụ thể là: Tham gia sắp xếp lại đội ngũ cán bộ trong Huyện, việc thực hiện điều kiện lao động, thực hiện ATVSLĐ, PCCN, thực hiện tốt cải cách hành chính, xây dựng cơ quan đơn vị có đời sống văn hóa (có 85% cơ quan hàng năm đạt chuẩn được công nhận) việc thực hiện tốt các chế độ chính sách tiền lương (Điều chỉnh mức lương tối thiểu của CNVC LĐ theo quy định của chính phủ, đạt 100%) thực hiện tốt các chế độ BHXH, BHYT đạt 100%.

- **Khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:** Định Quán có 02 đơn vị có vốn đầu tư nước ngoài là: Cty men thực phẩm Mauri La Ngà có 177 ĐV/182 LĐ và Cty TNHH hạt giống CP có 22 ĐV/ 170 LĐ đã thành lập công đoàn. Công đoàn phối hợp với Ban giám đốc thực hiện tốt các chính sách như: Học Luật lao động, huấn luyện ATVSLĐ, PCCN trang bị và kiểm tra thực hiện BHLĐ; đạt 100%. Môi trường làm việc vệ sinh lao động cho công nhân được chú ý; việc thực hiện chế độ tiền lương theo Nghị định 03/CP của Chính phủ được công ty thực hiện đúng đầy đủ kịp thời cho CNLĐ, các chính sách BHXH, BHYT cũng được thực hiện đầy đủ, việc chăm sóc sức khỏe cho CNLĐ luôn thực hiện tốt.

Phát triển phong trào xây dựng nếp sống văn hóa trong CNVC - LĐ

Xây dựng nếp sống văn hóa trong CNVC - LĐ là một trong những phong trào thi đua của công đoàn trong việc xây dựng cơ quan đơn vị có đời sống văn hóa và xây dựng CĐCS vững mạnh.

Hàng năm tổ chức công đoàn phát động thi đua đến tận mỗi đoàn viên CNVC- LĐ trước hết. Công đoàn vận động mỗi đoàn viên CNLĐ luôn trau dồi đạo đức cách mạng, rèn luyện và xây dựng người cán bộ công chức ***“Trung thành, sáng tạo, tận tụy, gương mẫu”***, ý thức chấp hành tốt pháp luật, tích cực trong công việc thực hiện chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, sách nhiễu, chống các tệ nạn xã hội được cán bộ CNVC LĐ đồng tình ủng hộ, nên nhiều năm qua nhiều tổ chức công đoàn, và cá nhân thực hiện tốt được cấp trên công nhận và khen thưởng như: Cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa: 85% đơn vị đạt, CĐCS vững mạnh; 79% CĐCS vững mạnh. Ngoài cơ quan đơn vị ra, công đoàn còn vận động mỗi gia đình CNVC LĐ tham gia tích cực sinh hoạt nơi cư trú, thực hiện tốt việc xây dựng gia đình văn hóa gương mẫu chấp hành tốt các chính sách pháp luật ở địa phương, thực hiện tốt mối quan hệ với địa phương.

Công tác phát triển đoàn viên, xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh:

Xác định xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh là một nội dung trọng tâm của phong trào thi đua trong hệ thống của tổ chức công đoàn. Do đó, công đoàn từ huyện đến cơ sở ra sức phấn đấu, giữ vững tỷ lệ công đoàn vững mạnh năm sau cao hơn năm trước.

Bằng nhiều nội dung và phương thức hoạt động đổi mới, trước hết công đoàn tuyên truyền vận động tập hợp CNLĐ vào tổ chức công đoàn, thành lập CĐCS mới. Cụ thể:

Năm 2004 giải thể 02 CĐCS, giảm 16 đoàn viên; năm 2006 giải thể 4 Nghiệp đoàn giảm 247 đoàn viên, năm 2005 và 9 tháng đầu năm 2006 LĐLĐ Huyện đã tuyên truyền thành lập mới: 19 tổ chức CĐCS (trong đó có 03 Doanh nghiệp ngoài quốc doanh, tách và quyết định thành lập mới 2 CĐCS HCSN; 14 xã - thị trấn được thành lập theo quyết định số: 974/QĐ.TLĐ ngày 29/6/2004 của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam). Tổng số đoàn viên phát triển mới là 835 đoàn viên. Tính đến nay toàn huyện có 43 tổ chức CĐCS với 3959 ĐV/4548 LĐ chiếm 87,05%.

Hàng năm số CĐCS đạt vững mạnh trên 79%, không có CĐCS yếu kém,

Công tác tham gia xây dựng Đảng:

Các cấp công đoàn trong huyện giúp đỡ, tạo điều kiện để mỗi đoàn viên phấn đấu trở thành đoàn viên ưu tú, công đoàn đã giới thiệu cho Đảng 254 đoàn viên ưu tú được Đảng kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam 121 đ/c (trong đó có 67 nữ). Đáng lưu ý nhất là qua Đại hội Đảng các cấp, số cán bộ công đoàn tham gia vào cấp ủy Đảng là 39 đ/c, trong đó tham gia cấp ủy cấp trên cơ sở là 05 đ/c, cấp ủy cơ sở là 34 đ/c.

* **Hạn chế:** Công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật ở cơ sở chưa được đều khắp, nhất là khối Doanh nghiệp ngoài quốc doanh, một số Doanh nghiệp chưa thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động như: BHXH, BHYT,

BHLĐ, khám sức khỏe định kỳ, chi trả các chế độ độc hại... quan hệ lao động còn nhiều mặt hạn chế, việc ký TULĐTT đối với Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn chậm, tiến độ tổ chức Hội nghị CBCC hàng năm vẫn còn chậm so với thời gian quy định. Hoạt động công đoàn khối xã, thị trấn còn lúng túng, vì CĐCS xã, thị trấn mới thành lập trong năm 2005 chưa có kinh nghiệm trong việc tổ chức hoạt động.

II/ MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BAN CHẤP HÀNH LĐLĐ HUYỆN KHOÁ V, THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẢNG BỘ HUYỆN LẦN THỨ X:

1. Mục tiêu chung:

Xây dựng đội ngũ CNVC-LĐ vững mạnh xứng đáng là lực lượng nòng cốt, đi đầu trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước; làm nền tảng vững chắc cho khối đại đoàn kết dân tộc, trên cơ sở liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Tập trung xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh, thực sự là người chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNVC-LĐ; coi trọng phát triển về số lượng, chất lượng của đoàn viên và tổ chức công đoàn trong các thành phần kinh tế; thực hiện trí thức hóa công nhân; nâng cao năng lực và trình độ cán bộ công đoàn ngang tầm với yêu cầu của nhiệm vụ; tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế văn hóa xã hội, giữ vững quốc phòng an ninh vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

2. Dự báo tình hình phong trào CNVC-LĐ và hoạt động công đoàn trong thời gian tới:

Trong 5 năm tới, hoà bình, hợp tác và phát triển là xu thế lớn, kinh tế thế giới và khu vực có khả năng phát triển cao hơn. Việt Nam chủ động hội nhập kinh tế Quốc tế, gia nhập tổ chức thương mại Thế giới (WTO), sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế tiếp tục phát triển kéo theo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong đó có đội ngũ CNVC-LĐ không ngừng tăng lên. Định Quán đang từng bước hình thành các khu công nghiệp sẽ thu hút đông đảo CNLĐ, sẽ thúc đẩy sự phát triển của đội ngũ CNVC-LĐ của Huyện phát triển mạnh về số lượng và chất lượng, với những nội dung phải đạt được là:

- CNVC-LĐ là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp CNH, HĐH. Trình độ kỹ thuật, chuyên môn tay nghề không ngừng được nâng lên, đáp ứng với nhiệm vụ.

- Khu công nghiệp hoạt động thì cơ cấu lao động trong các ngành nghề cũng tăng lên, phù hợp với sự phát triển.

- Khu công nghiệp hình thành sẽ có nhiều ngành nghề khác nhau và hình thức hoạt động cũng khác nhau từ đó kéo theo đội ngũ CNLĐ sẽ có sự khác biệt về thu nhập, trình độ, mức sống, nhà ở, sinh hoạt văn hoá tinh thần, học tập nâng cao trình độ chính trị, văn hoá chuyên môn, phòng chống các tệ nạn xã hội trong CNVC-LĐ... là những thách thức khó khăn cho phong trào CNVC-LĐ và hoạt động công đoàn trong thời gian tới.

Căn cứ vào tình hình thực tế và dự báo trong thời gian tới BCH LĐLĐ Huyện đề ra một số chỉ tiêu nội dung và giải pháp chủ yếu từ nay đến 2010:

1/ Các chỉ tiêu chủ yếu từ nay đến năm 2010:

- 95% CNLĐ được học tập chính trị phổ thông.
- 90% cán bộ CĐCS được qua các lớp sơ cấp, trung cấp chính trị.
- 96% đến 100% các đơn vị tổ chức Hội nghị CBCC theo Nghị định 71/CP.
- 100% cơ quan đơn vị đăng ký xây dựng cơ quan đơn vị có đời sống văn hoá tốt, trong đó có 85% đơn vị được công nhận.
- 95% các Cty, Doanh nghiệp có đủ điều kiện đều được thành lập công đoàn.
- Hàng năm có trên 80% CĐCS đạt danh hiệu vững mạnh.
- Mỗi năm phát triển từ 250 đến 300 đoàn viên.
- Xây dựng lực lượng đoàn viên nòng cốt đạt trên 60%.
- Hàng năm giới thiệu cho Đảng từ 150 đến 200 đoàn viên ưu tú, phấn đấu có từ 60-70% số giới thiệu được kết nạp vào Đảng.

2/ Nội dung và giải pháp:

1. Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, học' vấn, chuyên môn cho CNVC-LĐ:

a. Nội dung:

- Tổ chức học tập, phổ biến, quán triệt những nội dung cơ bản của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Huyện lần thứ X đến đoàn viên CNVC-LĐ.

- Xây dựng đội ngũ CNVC-LĐ Huyện không ngừng nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, tiếp thu và ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác quản lý và sản xuất kinh doanh, xây dựng giai cấp công nhân “đoàn kết, sáng tạo, đi đầu trong sự nghiệp CNH, HĐH”.

b. Giải pháp:

- Thông qua các hình thức tuyên truyền, CĐCS tổ chức học tập tuyên truyền các Nghị quyết của Đảng đến với đoàn viên CNVC- LĐ, đạt trên 98%. Tuyên truyền học tập Nghị quyết của Đảng phải gắn chặt với việc đấu tranh, phê phán các quan điểm, tư tưởng sai trái phản động, chống âm mưu “Diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

- Phối hợp với Trung tâm bồi dưỡng chính trị Huyện tổ chức học tập nâng cao trình độ chính trị cho cán bộ công đoàn, đảm bảo 90% cán bộ công đoàn được qua lớp sơ cấp, trung cấp chính trị..

- Đến năm 2010 đảm bảo 100% cán bộ LĐLĐ Huyện có trình độ Đại học, 100% CNLĐ được học tập Bộ Luật Lao động, được đào tạo tay nghề.

2. LĐLĐ Huyện phối hợp với các ngành chức năng quản lý nhà nước và tổ chức CĐCS thực hiện tốt các chế độ chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

a. Nội dung:

- Phối hợp với chính quyền và chuyên môn giải quyết ổn định việc làm đảm bảo đời sống, thực hiện tốt quyền dân chủ.

- Tăng cường công tác thương lượng và ký kết TULĐTT trong các Doanh nghiệp.

- Nâng cao việc thực hiện các chế độ chính sách liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người lao động.

- Đẩy mạnh các hoạt động xã hội trong CNVC-LĐ.

b. Giải pháp:

- Phối hợp với phòng Nội vụ, các ngành chức năng hướng dẫn giúp đỡ CĐCS các đơn vị ngoài quốc doanh, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, phối hợp với người sử dụng lao động tiến hành xây dựng thang bảng lương, công đoàn giám sát việc thực hiện Bộ Luật Lao động, Luật Công đoàn, Luật BHXH... tiếp tục kiến nghị với nhà nước những điểm chưa phù hợp với thực tế để kịp thời bổ sung sửa đổi.

- Các đơn vị HCSN thực hiện tốt việc cải cách hành chính. Hàng năm các CĐCS chủ động phối hợp với thủ trưởng đơn vị tổ chức Hội nghị CBCC, xây dựng các quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở theo những nội dung cơ bản của Nghị định 71/CP của Chính phủ.

- BCH CĐCS các Doanh nghiệp tổ chức lấy ý kiến của CNLĐ đóng góp vào TULĐTT, tiến hành thương lượng với Giám đốc Doanh nghiệp và tổ chức ký kết TULĐTT, đảm bảo những quyền lợi được thực hiện đối với CNLĐ.

- BCH CĐCS tham gia với Giám đốc Doanh nghiệp, thủ trưởng cơ quan đơn vị thực hiện tốt các chế độ chính sách cho

CNVC-LĐ như: tiền lương, tiền thưởng, BHXH, BHYT, BHLĐ... và các quy định của pháp luật, đồng thời tăng cường việc tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn các chế độ chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước để CNVC-LĐ hiểu rõ và thực hiện.

- Hàng năm CĐCS đề xuất với thủ trưởng cơ quan đơn vị tổ chức thực hiện tốt các phong trào như: xây dựng nhà tình thương (Riêng LĐLĐ Huyện phấn đấu mỗi năm xây dựng từ 3 đến 5 căn nhà tình thương cho cán bộ CNVC-LĐ), tổ chức tốt các phong trào văn hoá văn nghệ, TDTT, phong trào xanh, sạch đẹp đảm bảo ATVSLĐ, phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”... các phong trào phát động gắn với các ngày lễ lớn trong năm.

3. Phát triển phong trào xây dựng nếp sống văn hoá trong CNVC-LĐ:

a. Nội dung:

Triển khai thực hiện chương trình xây dựng cơ quan đơn vị có đời sống văn hoá, tích cực tham gia thực hiện phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở xóm, ấp, khu dân cư”. Rèn luyện người cán bộ, CNVC-LĐ theo chuẩn mực “Trung thành - Sáng tạo - Tận tụy - Gương mẫu”.

b. Giải pháp:

- Hàng năm LĐLĐ triển khai thực hiện Chương trình III “Xây dựng cơ quan đơn vị có đời sống văn hoá tốt” đảm bảo có 100% các cơ quan đơn vị đăng ký, trong đó có ít nhất 85% đơn vị được công nhận.

- Mỗi đoàn viên CNVC-LĐ gương mẫu trong việc tham gia xây dựng cơ quan đơn vị có đời sống văn hoá, thực hiện tốt việc xây dựng gia đình văn hoá và thực hiện mối quan hệ tốt nơi cư trú.

- Cán bộ CNVC-LĐ gương mẫu chấp hành tốt Luật giao thông, thực hiện tốt Nghị quyết TW 3 về chống tham nhũng và lãng phí, thực hiện tốt chính sách dân số KHHGD.

- Vận động đoàn viên, CNVC-LĐ gương mẫu rèn luyện đạo đức cách mạng, rèn luyện cho mình có một tác phong làm việc đúng, đối xử có văn hoá, có tác phong công nghiệp. Xây dựng người cán bộ theo chuẩn mực “Trung thành - Sáng tạo - Tận tụy - Gương mẫu”.

4. Xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước.

a. Nội dung:

Khảo sát và thành lập CĐCS, tuyên truyền phát triển đoàn viên, xây dựng công đoàn vững mạnh, giới thiệu cho Đảng những đoàn viên ưu tú để kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam; xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất chính trị, năng lực công tác đáp ứng với tình hình mới.

b. Giải pháp:

- LĐLĐ Huyện khảo sát các đơn vị, Doanh nghiệp khi có đủ điều kiện thì tiến hành thành lập công đoàn theo luật định.

- Hàng năm tổ chức kết nạp đoàn viên ưu tú từ 250 đến 300 đoàn viên, đảm bảo khối HCSN 100% CNVC-LĐ được vào tổ

chức công đoàn, khối Doanh nghiệp 85% CNLĐ được vào tổ chức công đoàn.

- Thực hiện tốt việc đào tạo, bồi dưỡng quy hoạch cán bộ công đoàn từ huyện đến cơ sở, kiện toàn củng cố cán bộ CĐCS, bố trí những cán bộ nhiệt tình năng nổ có uy tín để tổ chức hoạt động CĐCS.

- Phấn đấu mỗi năm có trên 80% tổ chức CĐCS đạt danh hiệu vững mạnh, không có CĐCS yếu kém.

- Xây dựng lực lượng đoàn viên nòng cốt đạt 60% trở lên.

- Hàng năm giới thiệu cho Đảng từ 150 trở lên đoàn viên ưu tú, phấn đấu có từ 60-70% số giới thiệu được kết nạp vào Đảng.

- Thực hiện chủ trương của Đảng về việc luân chuyển cán bộ, các tổ chức công đoàn tích cực đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ công đoàn để giới thiệu cho Đảng và Nhà nước xem xét bổ nhiệm đề bạt.

IV/ TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Giao cho Ban Thường vụ LĐLĐ Huyện có trách nhiệm chỉ đạo triển khai chương trình hành động của Ban chấp hành LĐLĐ Huyện.

2. Có kế hoạch hướng dẫn triển khai thực hiện đối với các CĐCS tổ chức học tập, tuyên truyền Nghị quyết X của Đảng đến tận cán bộ, đoàn viên, CNVC-LĐ. Chỉ đạo các CĐCS tham mưu với cấp ủy Đảng, phối hợp với chính quyền xây dựng chương trình công tác cụ thể phù hợp với từng loại hình cơ quan đơn vị, Doanh nghiệp để thực hiện Nghị quyết.

3. Hàng năm cụ thể hoá các chỉ tiêu của Nghị quyết, đưa vào chương trình công tác của Ban chấp hành LĐLĐ Huyện để tổ chức thực hiện đạt kết quả chỉ tiêu đề ra.

4. Có phát động các phong trào thi đua yêu nước trong CNVC-LĐ, tổ chức tổng kết phong trào, khen thưởng động viên kịp thời những cá nhân, tập thể đạt thành tích.

5. Hàng năm căn cứ vào chương trình thực hiện Nghị quyết 62-NQ/TU, Nghị quyết 17-NQ/HU và chương trình hành động này tổ chức sơ kết cuối năm 2007; sơ kết 2 năm vào cuối năm 2008 và chuẩn bị cho Đại hội công đoàn Huyện; tổng kết Nghị quyết vào năm 2010.

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ HUYỆN LẦN THỨ X ĐƯỢC TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THEO THỜI GIAN CỤ THỂ SAU:

Năm 2006:

- Tổ chức Hội nghị sơ kết nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội IX Công đoàn Việt Nam, Nghị quyết Đại hội VII Công đoàn Tỉnh và Nghị quyết Đại hội V Công đoàn Huyện; kiện toàn bổ sung BCH LĐLĐ Huyện (Sau Đại hội Đảng).

- Tổ chức sơ kết đánh giá 2 năm thực hiện Nghị quyết 62/TU và Nghị quyết 17/HU.

- Phối hợp với LĐLĐ Tỉnh, Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị Huyện, Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý Huyện tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ công đoàn, học tập một số Bộ Luật liên quan đến tổ chức hoạt động công đoàn.

Năm 2007:

- Chỉ đạo các CĐCS tổ chức Đại hội hết nhiệm kỳ vào cuối năm 2007 chuẩn bị cho Đại hội công đoàn Huyện.

- Tiếp tục khảo sát các đơn vị, Doanh nghiệp để thành lập công đoàn, phát triển đoàn viên và xây dựng CĐCS vững mạnh theo chỉ tiêu đề ra.

- Nâng cao chất lượng xây dựng lực lượng đoàn viên nông cốt ở cơ sở.

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị Huyện tổ chức cho CNVC-LĐ học tập các Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Năm 2008:

- Tổ chức Đại hội LĐLĐ Huyện lần thứ VI

- Phối hợp với các ngành chức năng của Huyện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách, pháp luật đối với người lao động ở các Doanh nghiệp.

- Tổ chức Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 62/TU và Nghị quyết 17/HU.

Năm 2009:

- Tổ chức phát động các phong trào từ Huyện đến cơ sở, phấn đấu đạt các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đã đề ra, tập trung củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động ở CĐCS.

Năm 2010:

- Tổ chức Hội nghị tổng kết Nghị quyết, tham mưu cho Huyện ủy tổng kết Nghị quyết 62/TU và Nghị quyết 17/HU (trong hệ thống tổ chức công đoàn).

Trên đây là chương trình hành động của BCH LĐLĐ Huyện Khoá V, các CĐCS cần cụ thể hoá để xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đảng bộ Huyện lần thứ X nhằm đưa Nghị quyết vào cuộc sống CNVC-LĐ, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong phong trào CNVC-LĐ góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh của Nghị quyết Đảng bộ Huyện.

TM. BAN THƯỜNG VỤ

Chủ tịch

(Đã ký)

Lê Đức Thắng

SỐ: 02 / CT-CCB

Định Quán, ngày 30 tháng 5 năm 2006

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ
HUYỆN LẦN THỨ X (NHIỆM KỲ 2005-2010)
HỘI CCB HUYỆN**

**I/ NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG 5 NĂM
(2001-2005)**

**1/- Xây dựng hội trong sạch vững mạnh về chính trị tư
tưởng và tổ chức:**

a/ Về chính trị tư tưởng:

Trong 5 năm qua, Hội CCB Huyện đã làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy Đảng đồng thời dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, các cơ sở Hội đã tạo điều kiện cho anh, chị em Hội viên tham gia học tập các Nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Xác định vai trò, vị trí, tính chất nhiệm vụ của Hội, nhằm nâng cao ý chí chiến đấu của mỗi Hội viên khi về với đời thường, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

b/ Về tổ chức:

- Toàn huyện có 16 tổ chức cơ sở Hội. Trong đó có 13 Hội xã, 01 Hội Thị trấn, 01 hội Công ty cổ phần Mía đường La Ngà và 01 Hội Lâm trường Tân Phú.

- Hội viên CCB tham gia sinh hoạt trong 112 chi hội, 61 phân hội. Đến cuối năm 2005 toàn huyện có 1947 hội viên Cựu chiến binh đạt tỷ lệ 98% số cựu chiến binh đủ tiêu chuẩn vào hội sống trên địa bàn hiện nay.

2/ Góp phần xây dựng, bảo vệ Đảng, Chính quyền, công tác Quốc phòng, an ninh được giữ vững.

- Hội CCB đã đóng góp một phần quan trọng trong công tác tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Toàn huyện có 492 đ/c hội viên là đảng viên, chiếm 27% so với hội viên toàn huyện. Hội viên là đảng viên đã tham gia cuộc vận động xây dựng chính đồn Đảng theo tinh thần Nghị quyết TW6 (lần 2) khóa VI một cách nghiêm túc, triệt để, đúng theo yêu cầu của nghị quyết.

- Hội viên được kết nạp vào Đảng cộng sản Việt Nam trong 5 năm là: 39 đ/c và đã phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ của mình sau khi vào Đảng.

- Toàn huyện có 648 đ/c hội viên tham gia công tác xã hội (trong đó có 243 đ/c là cán bộ CNV, 405 đ/c là cán bộ ở cơ sở) chiếm tỷ lệ 28% so với tổng số hội viên trong toàn huyện.

- Thực hiện ký kết Liên tịch giữa CCB và Công an, 2 bên đã phối hợp chặt chẽ, chỉ đạo cho các cơ sở hoạt động có hiệu quả.

- Song song với ký kết liên tịch 01 với Công an. Hội Cựu chiến binh cũng đã ký kết liên tịch với cơ quan Quân sự. Phối hợp nhiều vụ quốc phòng ở địa phương có hiệu quả thiết thực. Trong 5 năm qua toàn huyện đã có 107 thanh niên, 1 con em Cựu chiến binh lên đường nhập ngũ, có nhiều cháu đã trở thành sỹ quan trong Quân đội nhân dân Việt Nam, đặc biệt có 14 thanh niên được kết nạp vào Đảng trước lúc lên đường nhập ngũ.

3/ Góp phần tích cực vận động giáo dục truyền thống cách mạng, xây dựng lòng yêu nước, mục tiêu lý tưởng cho thế hệ trẻ.

- Với khẩu hiệu “Hội lặn lội với Đoàn”, tất cả các cơ sở Hội trong toàn huyện đã phối hợp với BHC Đoàn cơ sở thống nhất chương trình tăng cường giáo dục cho thanh thiếu niên về truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, truyền thống cách mạng của Đảng, của dân tộc, củng cố niềm tin cho thế hệ trẻ. Đối với các thanh thiếu niên có dấu hiệu hư hỏng, tiêu cực Hội đã đứng ra phối hợp với gia đình và cộng đồng xã hội trong khu dân cư cảm hóa, giáo dục. Kết quả cơ bản đã cảm hóa được 75 em trở thành người tốt.

4/ Quan tâm chăm lo cải thiện đời sống tinh thần vật chất cho Hội viên, giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, xóa đói giảm nghèo:

- Trong 5 năm qua đã thăm hỏi ốm đau, phúng viếng với số tiền 1 69,6 triệu đồng.

Gây quỹ để giúp nhau phát triển kinh tế gia đình đó là Nghị quyết và là chỉ tiêu của Đại hội lần thứ III đến cuối năm 2005 tồn huyện có 496,7 triệu đồng quỹ bình quân đầu người 255.000đ, giúp cho hàng trăm lượt người vay làm kinh tế và đều có kết quả tốt. Ngoài ra hội viên còn giúp nhau cây, con giống, dụng cụ, tiền và ngày công Nhằm giúp hội viên vượt qua khó khăn vươn lên trong cuộc sống và ngày càng gắn bó với Tổ chức hội.

Phát huy tinh thần tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, trong nhiệm kỳ hội đã tự đóng góp làm được 19 căn nhà tình thương cho hội viên và sửa chữa được 38 căn nhà tình thương đồng đội. Ngoài ra còn phối hợp làm được 100 căn cho gia đình hội viên khó khăn.

5. Công tác kiểm tra:

5 năm qua hệ thống kiểm tra được duy trì thường xuyên từ huyện đến cơ sở, theo định kỳ và đột xuất

II/- NGUYÊN NHÂN ĐẠT ĐƯỢC:

5 năm qua Hội Cựu chiến binh huyện nhà luôn được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, Chính quyền, cùng các ban ngành, đoàn thể đã tạo mọi điều kiện giúp đỡ Hội hoạt động và Hội đã đạt được một số mặt nhất định, đã xây dựng hội ngày càng trưởng thành, đạt được Hội trong sạch vững mạnh. Được như vậy là nhờ bám sát Nghị quyết của cấp trên. Ban chấp hành đã nắm bắt triển khai một cách cụ thể, tuyên truyền vận động tổ chức thực hiện đến tận hội viên và chính

hội viên là cầu nối tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến nhân dân. Giữ được cho mình bản chất tốt đẹp “Bộ đội cụ Hồ” nên được Đảng, chính quyền và nhân dân tin cậy. Đội ngũ cán bộ luôn nhiệt tình, tâm huyết với công tác, đoàn kết nhất trí từ trên xuống dưới, đã chuyển tải mọi chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và Hội tới hội viên, giữ vững lòng tin tuyệt đối và sự lãnh đạo của Đảng. Kiên định lập trường chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chống các âm mưu của những kẻ xấu, phần tử cơ hội và âm mưu “Diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

Thường xuyên củng cố phát triển tổ chức Hội, quan tâm đến phong trào thi đua do Hội phát động, có các chương trình hành động cụ thể, có sơ kết rút kinh nghiệm kịp thời, biểu dương người tốt việc tốt. Hội và hội viên luôn gắn bó mật thiết với nhau, luôn chăm lo giáo dục chính trị tư tưởng, quan tâm đến đời sống vật chất cho hội viên, đáp ứng nguyện vọng thiết tha của Hội viên, giúp đỡ nhau phát triển kinh tế gia đình góp phần vào sự phát triển nền kinh tế ở địa phương.

III/- NHỮNG TỒN TẠI, YẾU KÉM :

- Lập trường tư tưởng hội viên nói chung là tốt, những nắm bắt hiểu biết về chủ trương chính sách của Đảng trong thời kỳ đổi mới vẫn còn có phần chưa theo kịp, cá biệt có hội viên còn kiêu căng, gây mất đoàn kết trong nội bộ. Thường trực của một vài cơ sở làm việc không đều tay, còn ỉ lại, né tránh công việc, thiếu sâu sát.

- Điều hành sinh hoạt của một số chi hội trưởng còn đơn điệu, chưa nhạy bén trong công tác dẫn đến sinh hoạt chưa có chiều sâu, nội dung nghèo nàn, chưa sát thực như mong muốn.

- Công tác phối hợp với Đoàn thanh niên còn hạn chế, nên việc góp phần xây dựng phong trào Đoàn hiệu quả chưa cao.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ, NHỮNG GIẢI PHÁP CHÍNH CỦA HỘI GIAI ĐOẠN 2005-2010

- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ huyện Định Quán lần thứ X, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ VIII và Nghị quyết X của Đại hội Đảng toàn quốc, các nghị quyết chuyên đề của Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam và Nghị quyết của Đại hội Cựu chiến binh Việt Nam tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ tình hình hoạt động của Hội trong 5 năm qua, phương hướng nhiệm vụ của Hội Cựu chiến binh huyện Định Quán giai đoạn 2005-2010 có các nội dung chủ yếu sau đây:

A/ Chỉ tiêu:

- Hàng năm, Hội viên là đảng viên phải tham gia học tập các chỉ thị, nghị quyết đạt 100%. Hội viên chưa là đảng viên phải tham gia học tập NQ đạt 95% trở lên. Hàng năm cán bộ từ chi, phân hội trở lên phải được tập huấn theo chương trình quy định 100%.

- Phát triển hội viên hàng năm đạt từ 96% trở lên theo điều tra khảo sát, đến cuối năm 2010 phấn đấu Phát triển đạt trên

98% số cựu chiến binh đủ tiêu chuẩn sống trên địa bàn (theo số liệu điều tra, khảo sát hàng năm).

- Hàng năm Hội cơ sở đạt trong sạch vững mạnh 100%, có 30% xuất sắc.

- Chi hội trong sạch vững mạnh đạt 90% trở lên.

- Hội viên CCB gương mẫu đạt từ 95-97% trở lên.

- Gia đình hội viên CCB (gia đình văn hóa) 94-97% trở lên.

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn xây dựng phát triển lực lượng nòng cốt hàng năm đạt từ 35 đến 45% cả về số lượng và chất lượng, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ trên các mặt công tác khi được phân công.

- Các cơ sở hàng năm đều có hội viên được kết nạp vào Đảng cộng sản Việt Nam.

- Phấn đấu đến năm 2010 giảm hộ nghèo trong Hội CCB còn dưới 1% theo chuẩn mực mới. (Năm 2006 có 126 hộ nghèo), đến năm 2008 không còn gia đình CCB ở nhà tạm.

- Các chi hội đều có quỹ, phấn đấu đến cuối năm 2010 bình quân hội viên trong tồn huyện đạt 425.000 đ/người trở lên.

- Có kế hoạch phối hợp cùng Đoàn Thanh Niên xây dựng, củng cố tổ chức Đoàn tại các ấp trắng (Ấp chưa có tổ chức Đoàn).

- Tiếp tục phối hợp thực hiện tốt các Nghị quyết Liên tịch giữa Hội CCB, Công an và Quân sự, tham gia các lực lượng giáo dục, ngăn ngừa các tệ nạn xã hội, vận động toàn dân tham gia phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc.

B/- Nhiệm vụ chung:

- Bám sát phương hướng lãnh đạo và các mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của Nghị quyết đại hội lần thứ X Đảng bộ huyện Định Quán và Hội cấp trên.

- Tham gia thực hiện chương trình kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh. Luôn nêu cao tinh thần cảnh giác chống âm mưu "Diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh chính trị an toàn xã hội.

- Đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng Hội cơ sở ngày càng trong sạch vững mạnh. Hội viên gương mẫu, gia đình hội viên văn hóa, phát huy vai trò tính chất nhiệm vụ của Hội. Ra sức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của Hội và nhiệm vụ chính trị của địa phương.

C/- Nhiệm vụ cụ thể:

- Quán triệt những định hướng cơ bản về công tác tự tưởng của NQ đại hội Đảng các cấp, bám sát nhiệm vụ chính trị đại hội lần thứ X của Đảng bộ huyện Định Quán. Chăm lo bồi dưỡng cho cán bộ, hội viên, tiếp tục phát huy bản chất truyền thống "Bộ đội cụ Hồ", nâng cao bản lĩnh chính trị, vững vàng trước mọi tình huống. Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên quyết đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch trong tình hình hiện nay.

- Tiếp tục xây dựng Hội trong sạch vững mạnh về mọi mặt: tăng cường đoàn kết, vận động các thế hệ Cựu chiến binh giữ

vững và phát huy bản chất, truyền thống "bộ đội cụ Hồ" trong giai đoạn cách mạng mới, luôn luôn xứng đáng là lực lượng trung thành với Đảng, là chỗ dựa tin cậy của Đảng và chính quyền nhân dân.

- Tập trung xây dựng cơ sở, các chi, phân hội, có đội ngũ hội viên đông về số lượng, mạnh về chất lượng. Tích cực điều tra khảo sát phát triển hội viên theo điều lệ Hội.

- Giúp nhau cải thiện đời sống, xóa đói giảm nghèo, chăm lo bảo vệ lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên và CCB, động viên các CCB tích cực phát triển kinh tế gia đình, đẩy mạnh hoạt động tương thân, tương ái, giúp nhau nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, góp phần phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ khoa học vào lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi.

- Góp phần giáo dục lòng yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ, nhằm bồi dưỡng kiến thức, lòng yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, yêu chế độ XHCN, phòng chống các âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Bồi dưỡng thế hệ trẻ thành những lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng ta, của dân tộc ta.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội, tham gia xây dựng và củng cố cơ sở chính trị, xây dựng Đảng, chính quyền ở cơ sở trong sạch, vững mạnh. Phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể trong hệ thống chính trị, phát huy tốt vai trò nòng cốt trong Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện Định Quán. Đối

mối nội dung, phương thức hoạt động trong công tác vận động quần chúng nhân dân theo Nghị quyết Đại hội lần thứ X Đảng bộ huyện Định Quán.

D/ Giải pháp thực hiện:

- Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, cấp ủy địa phương, Hội căn cứ hoàn cảnh từng cơ sở tổ chức cho hội viên học tập theo chương trình quy định.

- Phối hợp TT Bồi dưỡng chính trị huyện, Ban Tuyên giáo Huyện ủy và Ban Tuyên giáo cấp ủy địa phương hướng dẫn cho anh chị em cựu chiến binh học tập các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Từng cơ sở hội đặt báo cựu chiến binh Việt Nam, thông tin cựu chiến binh Việt Nam tập san cựu chiến binh tỉnh cho các chi, phân hội để nắm vững thông tin của Hội và định hướng cho hội viên trong công tác hoạt động.

- Tổ chức sinh hoạt Hội đúng theo Điều lệ hội, lấy chi, phân hội làm trọng tâm trong việc xây dựng cơ sở hội trong sạch vững mạnh. Chỉ đạo tốt phong trào thi đua, cơ sở tổng kết bình xét đánh giá, biểu dương kịp thời những gương người tốt, việc tốt. Cải tiến chế độ sinh hoạt, nâng cao hiệu quả trong sinh hoạt chi, phân hội theo điều lệ hội quy định. Ban chấp hành làm việc theo quy chế, đảm bảo có nội dung phong phú thiết thực, đa dạng phù hợp từng đối tượng và địa bàn khu dân cư.

- Thường xuyên kiện toàn tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ Hội có tính kế thừa trước mắt và lâu dài.

- Tăng cường công tác kiểm tra cơ sở, chi, phân hội và hội viên, kịp thời bổ sung chủ trương biện pháp chỉ đạo xây dựng đơn vị, phấn đấu không để hội viên vi phạm kỷ luật Đảng, kỷ luật Hội và pháp luật Nhà nước.

- Các tổ chức cơ sở Hội có quy chế hoạt động phù hợp với loại hình của tổ chức Hội, làm việc theo quy chế.

- Hội viên là Đảng viên phải thực sự gương mẫu trong tuyên truyền vận động thuyết phục quần chúng nhân dân tham gia chống tiêu cực, bảo vệ tài sản XHCN, bảo vệ Đảng, chính quyền nơi sinh hoạt.

- Cán bộ hội viên quán triệt đường lối chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, gương mẫu chấp hành và vận động nhân dân cùng thực hiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ mà cấp ủy và chính quyền phân công. Tích cực tham gia xây dựng địa phương về mọi mặt, trước hết hộ gia đình hội viên gương mẫu thực hiện và vận động nhân dân cùng thực hiện.

- Nắm chắc tình hình địa phương, đề xuất những biện pháp giải quyết đúng đắn đáp ứng được nguyện vọng của quần chúng nhân dân, làm cầu nối giữa Đảng, chính quyền và nhân dân. Góp phần tích cực tham gia xây dựng Đảng và chính quyền cơ sở vững mạnh. Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở theo kế hoạch của cấp ủy và chính quyền.

- Tham gia xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân góp phần hoàn thành thắng lợi công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.

- Động viên giúp đỡ các đồng chí hội viên CCB đang đảm trách các nhiệm vụ trong bộ máy Đảng, chính quyền, bằng nhiều biện pháp giúp đỡ anh chị em giữ vững phát huy bản chất truyền thống "Bộ đội cụ Hồ", tu dưỡng đạo đức, có lối sống lành mạnh, trong sáng, nêu gương cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư. Tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân, không quan liêu hách dịch, cửa quyền, tham nhũng, không để kẻ xấu lợi dụng. Chống các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội, lấn chiếm đất công.v.v...

- Thường xuyên chăm lo quan tâm về tình cảm, giúp nhau trong những lúc khó khăn, ốm đau hoạn nạn, tích cực hướng dẫn, hỗ trợ hội viên phát triển kinh tế gia đình, mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, đưa giống cây, con mới có năng suất cao vào sản xuất theo NQ của Đảng bộ Huyện đề ra.

- Phấn đấu trong giai đoạn 2005-2010 tất cả các cơ sở hội đều có tổ liên đới vay ngân hàng vốn sản xuất để giúp hội viên nghèo có vốn. Đồng thời các cơ sở cố gắng làm dự án vay tiền giúp hội viên phát triển kinh tế gia đình.

- Đến năm 2010 giảm hộ nghèo trong Hội CCB còn dưới 1% theo chuẩn mực mới. (Năm 2006 có 126 hộ nghèo)

Phân ra cụ thể như sau:

- Cuối Năm 2006 còn 80% (giảm 25 hộ)
- Cuối Năm 2007 còn 60% (giảm 25 hộ)
- Cuối Năm 2008 còn 39% (giảm 27 hộ)

- Cuối Năm 2009 còn 15% (giảm 29 hộ)

- Cuối Năm 2010 còn dưới 01% (giảm 18 hộ)

- Tự thân hội viên và gia đình vận động tiết kiệm tiêu dùng, đầu tư vốn sản xuất, kinh doanh, nâng cao mức sống gia đình. Động viên tinh thần tương thân tương ái giúp nhau tiền vốn, cây, con, đất đai để sản xuất nâng mức sống gia đình hội viên ngang hàng với địa phương.

- Tranh thủ các nguồn vốn, phối hợp nông dân, phụ nữ trao đổi kinh nghiệm làm ăn, mua thiết bị máy móc trả chậm để làm ăn nâng cao đời sống, hàng năm không có hộ tái nghèo và hộ nghèo giảm đạt chỉ tiêu.

- Hội CCB Huyện Tiếp tục vận động hội viên hàng năm đóng góp, vận động các nhà tài trợ làm từ 1 đến 2 căn nhà tình thương cho hội viên, mỗi Hội cơ sở phấn đấu xây dựng, sửa chữa từ 1 đến 2 căn nhà tình thương đồng đội, phấn đấu đến cuối năm 2008 không còn hộ gia đình hội viên ở nhà tạm.

- Từng hội viên phải giáo dục con cháu mình tham gia vào Đoàn, động viên các cựu quân nhân sau khi hoàn thành nghĩa vụ trở về tiếp tục tham gia xây dựng Đoàn ở địa phương.

- Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình liên kết giữa Hội và Đoàn. Giao lưu giữa cơ sở Hội với Đoàn cơ sở ở địa phương thực hiện tốt chương trình đã ký kết. Phấn đấu mỗi chi hội trên địa bàn dân cư góp phần củng cố xây dựng một chi đoàn ở thôn, ấp.

- Phối hợp nhà trường nói chuyện truyền thống cách mạng, truyền thống quê hương cho học sinh nhân ngày kỷ niệm của dân tộc bằng nhiều hình thức phong phú như thể thao, văn nghệ.v.v...

- Cùng với cơ quan Quân sự - Công an tiếp tục xây dựng chương trình phối hợp giữa 3 lực lượng, làm tham mưu cho cấp ủy về phát huy sức mạnh tổng hợp, xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, Công an nhân dân ngày càng vững mạnh.

- Động viên CCB trẻ tham gia các lực lượng, chấp hành đúng chương trình huấn luyện hàng năm của dự bị động viên.

- Hội và hội viên tích cực tham gia hòa giải, xây dựng tình làng nghĩa xóm trong cộng đồng dân cư, cùng MTTQ và các đoàn thể vận động xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Tích cực tham gia thực hiện tốt phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" do Đảng và Nhà nước phát động. Góp phần giữ vững ổn định chính trị ở cơ sở, chấm dứt tình trạng hội viên CCB đi khiếu kiện vượt cấp, gây khó khăn cho cấp trên.

- Thường xuyên duy trì công tác kiểm tra, hàng năm các cơ sở đều được kiểm tra từ 1 đến 2 lần các chi hội đều được kiểm tra (huyện kiểm tra 40%), hội viên được kiểm tra trên 50%.

- Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật đơn thư tố cáo, khiếu nại của hội viên và bảo vệ quyền lợi chính đáng của hội viên.

- Báo cáo kịp thời đầy đủ nội dung quy định.

- Bám sát Điều lệ Hội để duy trì công tác theo quy chế.

Trên đây là một số nội dung chương trình hành động của Hội CCB Huyện Định Quán nhằm thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X (nhiệm kỳ 2005-2010). Bước vào thực hiện nhiệm vụ đề ra của Hội tuy còn nhiều khó khăn

thử thách, song thuận lợi là cơ bản vì có Đảng quan tâm lãnh đạo, chính quyền giúp đỡ, các đoàn thể và quần chúng nhân dân tin yêu và ủng hộ. Hội Cựu chiến binh huyện Định Quán phát huy kết quả đã đạt được trong thời gian qua, khắc phục những yếu kém, tồn tại, cùng các ban ngành, đoàn thể và nhân dân quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Định Quán đã đề ra.

TM. THƯỜNG TRỰC HUYỆN HỘI

P. CHỦ TỊCH

(đã ký)

Hoàng Xuân Mẫn

MỤC LỤC

Trang

- Chương trình hành động số: 01-CTr/TGHU Ban tuyên giáo ngày 14/11/2006. Thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X. 3
- Chương trình hành động số: 02-CTr/TCHU Ban Tổ chức ngày 14/11/2006. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Định Quán lần thứ X (nhiệm kỳ 2005 - 2010) về công tác tổ chức xây dựng Đảng. 15
- Chương trình hành động số: 03-CTr/KTHU của Ủy ban Kiểm tra ngày 20/11/2006. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Định Quán lần thứ X (nhiệm kỳ 2005 - 2010) về công tác kiểm tra của Đảng. 37
- Chương trình hành động số: 03-CT/DVHU của Ban Dân vận ngày 20/11/2006. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Định Quán lần thứ X nhiệm kỳ (2005 - 2010) về công tác Dân vận. 56
- Chương trình hành động số: 01/CT-UBND huyện Định Quán ngày 15/10/2006. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X về đào tạo nghề, giải quyết việc làm và xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010. 71
- Chương trình hành động số: 02/CT-UBND huyện Định Quán ngày 15/10/2006. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X về đẩy mạnh công tác vận động quần chúng bảo vệ ANTK ở vùng giáo, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn (2006 - 2010). 85
- Chương trình hành động số: 03/CT-UBND huyện Định Quán ngày 15/10/2006. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X về xây dựng thiết chế văn hóa cơ sở giai đoạn 2006 - 2010. 96

- Chương trình hành động số: 04/CT-UBND huyện Định Quán ngày 15/10/2006. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Định Quán lần thứ X về phát triển các ngành dịch vụ giai đoạn 2006 - 2010. 105
- Chương trình hành động số: 05/CT-UBND huyện Định Quán ngày 15/10/2006. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X về quy hoạch dân cư nông thôn gắn với phát triển hệ thống giao thông huyện Định Quán giai đoạn (2006-2010). 137
- Chương trình hành động số: 06/CT-UBND huyện Định Quán ngày 15/10/2006. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X về xây dựng xã đạt chuẩn quốc gia về y tế 2006 - 2010. 152
- Chương trình hành động số: 07/CT-UBND huyện Định Quán ngày 15/10/2006. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X về việc xây dựng trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2006 - 2010. 162
- Chương trình hành động số: 08/CTHĐ-UBND-PKT huyện Định Quán ngày 07/03/2007. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X về mục tiêu phát triển nông nghiệp nông thôn 30 - 50 triệu đồng/ha/năm và phát triển chăn nuôi tập trung thời kỳ 2006 - 2010. 176
- Chương trình hành động số: 09/CT-UBND huyện Định Quán ngày 15/10/2006. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X về bảo vệ môi trường giai đoạn 2006-2010. 199
- Chương trình hành động số: 10/CT-UBND huyện Định Quán ngày 15/10/2006. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X về cải cách hành chính giai đoạn 2006-2010. 222
- Chương trình hành động số: 98/CTr-MTH huyện Định Quán ngày 09/5/2006. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X (2006 - 2010) của UBMTTQVN huyện Định Quán. 238

- Chương trình hành động số: 16-CTr/HĐ huyện Đoàn Định Quán ngày 05/06/2006. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X (nhiệm kỳ 2005 - 2010) của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh huyện Định Quán. 246
- Chương trình hành động số: 05/CTr-PN Hội LHPN huyện Định Quán ngày 12/5/2006. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X (2005 - 2010) của Hội LHPN huyện. 260
- Chương trình hành động số: 02-CT/HND BCH huyện Định Quán ngày 25/5/2006. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X (2005 - 2010) của Hội nông dân huyện Định Quán. 271
- Chương trình hành động số: 05/CTr-LĐLĐ LĐLĐ huyện Định Quán ngày 26/6/2006. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X (2005 - 2010) của Ban Chấp hành Liên đoàn lao động huyện Định Quán. 284
- Chương trình hành động số: 02/CT-CCB Hội CCB huyện Định Quán ngày 30/5/2006. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X (Nhiệm kỳ 2005 - 2010) của Hội CCB Huyện. 302

In 250 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm. Tại XÍ NGHIỆP IN ĐỒNG NAI
Số 48 Nguyễn Văn Trị, TP Biên Hòa - Đồng Nai
Điện thoại : 061.3846632



0000397809